VĂN HÓA

TẬP SAN

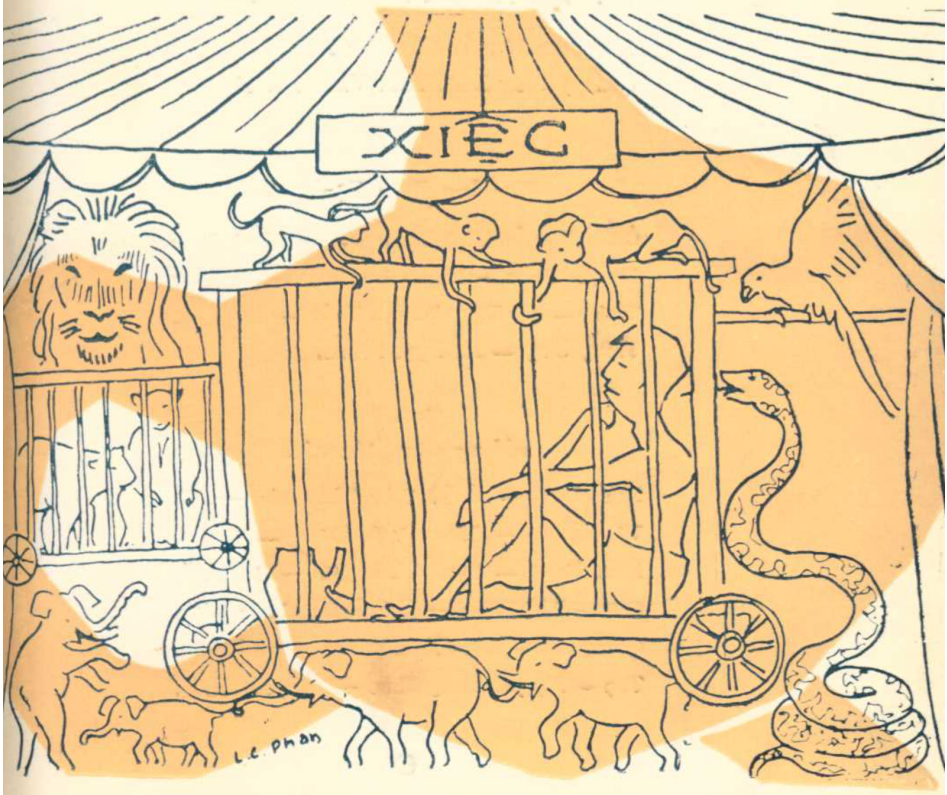

Số 3
1973

NHA VĂN-HÓA
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN
SAIGON – VIETNAM

http://tieulun.hopto.org

Tòa soạn : Nha Văn-Hóa

KHỐI VĂN-HÓA

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN

Số 8, Nguyễn-Trung-Trực — Saigon 2

Điện thoại : 92.038

Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút : Ô. TĂN VĂN HỈ

Tổng thư-ký : Ô. LÊ CAO PHAN

Quản-lý : Ô. NGUYỄN VĂN NINH

Ban Biên Tập

Ô.Ô. Nguyễn Đình Diệm — Lê Mạnh Liêu Nguyễn Ngạc — Hoàng Văn Suất — Bửu Đức Tịnh — Cô Đặng Vũ Thị Thảo — Ô.Ô. Vũ Trọng Ứng — Hà Ngọc Xuyên.

với sự cộng tác của

Bà Ái Lan — Ô.Ô. Trần Cửu Chấn — Võ Văn Dung — Hoàng Tiến Dũng — Huỳnh Khắc Dụng — Nguyễn Đức Dụ — Lê Xuân Giáo — Lê Hương — Nguyễn Văn Luận — Tạ Quang Phát—Hoàng Tâm Phương—Nguyễn Hữu Thọ — Nguyễn Đăng Thục — Nguyễn Văn Y.

●

Thư từ và ngân phiếu xin đề gửi : Ông Giám-đốc Nha Văn-Hóa, Số 8, Nguyễn Trung Trực, Saigon 2.

http://tieulun.hopto.org

VĂN HÓA

TẬP SAN

NHA VĂN-HÓA, BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN
XUẤT-BẢN

Năm thứ XXII, Số 3 (năm 1973)

NHA VĂN-HÓA
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN
SAIGON - VIETNAM

http://tieulun.hopto.org

VĂN HÓA
TẬP SAN

Culture

NHA VĂN-HÓA, BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN XUẤT-BẢN

Review Published by The Directorate of Cultural Affairs — Ministry of Culture, Education and Youth

Revue publiée par la Direction des Affaires Culturelles — Ministère de la Culture, de l'Education et de la Jeunesse

Năm thứ XXII, Số 3 (năm 1973)
Vol. XXII, N° 3 (1973)

mục-lục
Contents.— Table

Văn-học Nghệ-thuật (Art and Literature — Belles Lettres et Beaux Arts)

* Phản động về văn-chương chữ Nôm
TRẦN-CỬU-CHẤN 1 — 11
Reactionary policy against demotic characters
Politique de réaction contre la littérature en caractères démotiques.

http://tieulun.hopto.org

* Nhắc lại vài mẩu chuyện tâm tình của Tiên-Điền Nguyễn-Du tiên sinh — HỒNG-LIÊN — 12 — 29

Some anecdotes on poet Nguyễn-Du's feelings
Quelques annecdotes sur les sentiments du poète Nguyễn-Du

* Tìm hiểu biểu tượng qua truyện ngắn « Diễn viên tuyệt thực » của Franz Kafka — HOÀNG-UNG — 30 — 41

Symbolism through the story « A Hunger Artist » by Franz Kafka
Le symbolisme à travers la nouvelle « Exhibition de Jeûne corporel » de Franz Kafka

* Từ triết lý đến bản chất thi ca giữa lòng huyền thoại — TRẦN-NHỰT-TÂN — 42 — 48

Philosophy and essence of poetry in legend
De la philosophie à l'essence de la poésie dans la légende,

* Siêu hình Lão học : Đạo — LÊ-TẤN-LỘC — 49 — 66

The metaphysical aspect of Taoïsme : The Way
La métaphysique du Taoïsme : la Voie.

* Cái chết bi hùng của « Thánh Quát » — LÊ-XUÂN-GIÁO — 67 — 83

The tragic end of a great poet : Cao-bá-Quát
La mort dramatique du grand poète Cao-bá-Quát.

Lịch-sử — Phong tục (History and Customs — Histoire coutumes et moeurs).

* Lăng tẩm, nơi an giấc ngàn thu của các vị đế vương. — PHONG-SƠN — 84 — 91

Royal tombs, the last resting-places of emperors.
Les tombeaux royaux, lieux de repos ultime des empereurs.

http://tieulun.hopto.org

* Những cuộc đấu voi và hổ dưới triều Nguyễn
Những cuộc săn bắn đế vương của vua Tự-Đức

VÕ-LANG 92 — 95

Elephants and tigers in arena battle during the Nguyễn sovereignty. — Emperors Tự-Đức's hunting parties.
Eléphants et tigres aux arènes sous les Nguyễn
Les parties de chasse de l'Empereur Tự-Đức

* Chiến trận Tham-Lương năm Nhâm Dần 1782

TRƯƠNG-BÁ-PHÁT 96 — 108

The Tham-Lương battle in 1782
La bataille de Tham-Lương en 1782

* Sự tích cá voi (hay ông Nam Hải qua lời truyền tụng của ngư dân Bình-Thuận) LÊ-HỮU-LỄ 109 — 117

The legend of the whale by Bình-Thuận's fishermen.
La baleine selon la tradition orale des pêcheurs de Bình-Thuận

* Sự phát triển ngành Sử học NGUYỄN-VĂN-ĐỆ 118 — 126

The improvement of historiography
Les progrès de l'historiographie

Danh nhân — Danh tác (Famous authors and works — Auteurs et œuvres célèbres)

* Nữ thi sĩ Miền Nam : Sương-Nguyệt-Anh

THÁI-BẠCH 127 — 136

Sương-Nguyệt-Anh, a lady poet of South-Vietnam
Sương-Nguyệt-Anh, poétesse du Sud-Vietnam

http://tieulun.hopto.org

Góp ý về điển chế văn tự (Contribution to the linguistic studies — Contribution à la règlementation linguistique).

* **Góp từ ngữ cho bộ Từ điển Việt-Nam.**
NGUYỄN-VĂN-Y 137 — 153

To enrich the Vietnamese vocabulary.
Pour enrichir le dictionnaire vietnamien.

Giáo Dục, Thanh niên (Education and Youth. — Education et Jeunesse).

* **Những tính chất tiệm tiến và xã hội trong triết thuyết giáo dục của John Dewey** ĐỖ-TRỢ 154 — 166

The progressive and social features of John Dewey's educational philosophy
Les caractères progressifs et sociaux que porte la philosophie éducative de John Dewey.

Tin tức văn hóa giáo dục và thanh niên (News on culture, education and youth activities — Nouvelles culturelles éducatives et de jeunesse) 167 — 188

★

— *Phụ trương* (*Supplement — Supplément*)

* **Le « Đình » et le Génie tutélaire**
NGUYỄN-TIẾN-HỮU 189 — 216

Ngôi đình làng và vị thần hoàng
The « Đình » and the tutelar genius.

— *Hình bìa* : **Diễn viên tuyệt thực** LÊ-CAO-PHAN
Cover design : A Hunger Artist
Couverture : Exhibition de Jeûne Corporel.

http://tieulun.hopto.org

TRẦN-CỬU-CHẤN

phản động về văn chương chữ nôm

Trong lịch-sử văn-học Việt-Nam có một chuyện ly kỳ xưa nay chưa từng thấy. Văn-chương phát-sinh do phong-trào chữ nôm chẳng những bị vua chúa tìm cách cản-trở và nhóm sĩ-phu tẩy chay, mà vài nhà văn người ngoại-quốc còn chê bai tệ mạt nữa.

Vì cớ sao xảy ra hành-động trái ngược đối với một văn-nghệ được nhà trí-thức tranh nhau khai thác với bao nhiêu tài-hoa phong phú và huy hoàng ? Vô tình, thành kiến, ác ý, hiểu lầm hay tự tôn mặc cảm ? Ta cần xét lại kỹ càng những dư-luận không thuận với vô số tác-phẩm được chữ nôm sản-xuất ra trong bảy thế-kỷ đã qua của văn-học-sử nước Việt.

NGUYÊN-DO

Đầu thế-kỷ III trước kỷ-nguyên nước Việt bị Trung-Hoa đem quân đô-hộ cho tới giữa thế-kỷ X tức là hơn một nghìn năm đặt dưới quyền thống-trị của ngoại-bang, mặc dầu có nhiều cuộc khởi-nghĩa vô hiệu quả toan đuổi quân xâm-lăng.

Trong thời-kỳ mất chủ-quyền, dân-tộc Việt phải chịu nhà văn võ Tàu cai-trị và bắt buộc theo toàn văn-minh của họ như phong-hóa, nghi lễ, hành-chánh và tôn-giáo. Lần lần nhà cầm quyền cưỡng-bách dân bổn-xứ học và viết chữ Hán trở thành cơ-quan ngôn-luận chánh-thức trong các công-văn, việc khoa-cử, sự giao-thiệp giữa nhân-dân và chức-trách. Ngày lụn tháng qua tư-tưởng người Việt dưới sự đồng-hóa hoàn toàn phải chìm trong bóng tối.

Tình-trạng ấy rất giống bên Âu-Châu hồi thời-kỳ trung-cổ nước Gaule bị quân-đội La-Mã chiếm lấy, rồi trong lúc người dân tiếp-tục dùng thổ-âm lẫn-lộn với tiếng la-tinh thông-thoại trong các việc giao-dịch, có tiếng la-tinh thuần-chính chỉ dành riêng cho hạng trí-thức trong cách viết sách vở nói về văn-pháp, khảo-luận, hành-luật, thi thơ.

http://tieulun.hopto.org

Đương lúc không có một ai bên Âu-Châu tìm tòi chỉ-trích chế-độ văn-hóa ở ngoài đưa vào, thì bên Á-Đông có nhóm người lên tiếng công-kích cách nầy cách nọ văn-chương chữ nôm mà họ coi như một thứ sản-xuất chép lóm hay lấy trộm của văn-hóa Trung-Hoa, có lẽ vì họ không muốn tìm biết dân-tộc nước Việt ngày xưa có một ngôn-ngữ riêng biệt và các văn-phẩm Trung-Hoa cũng có bút ý hay cấu-tạo khác hẳn.

NHÂN-VẬT PHẢN ĐỐI.

A.— Vì sao đối với quốc-văn các triều-đại nhà vua có một thái độ ích-kỷ và thành-kiến mù-quáng như thế ? Nhà cầm quyền thuở ấy không muốn cho dân hiểu biết nhiều chính-sách riêng biệt của triều-đình, sợ nhân-dân được trí óc mở mang rộng sẽ chỉ-trích chuyện tung hoành hay lạm-dụng, thì làm sao bình dân trị nước được, chỉ có một số rất ít nho-sĩ dùng chữ nôm như một thứ nghệ-thuật tiêu giao để tả cảnh tả tình bằng lời bóng bảy không có giá-trị gì cả, cho nên nhằm năm mậu-tuất (1718) vua Lê-dụ-Tôn nghiêm cấm không cho ấn-loát sách vở nào viết theo chữ nôm mà chẳng dùng để giáo-huấn quần-chúng, có ngụ ý cấm bàn về thời-sự hoặc luận về chính-trị.

Lệnh ngăn cấm ấy không có tính-cách vĩnh viễn, cứ thế văn-học bình-dân không được mở rộng theo nhu-cầu quần-chúng. Sau nầy vua Quang-Trung nhà Tây-Sơn muốn người Việt phải dùng tiếng bổn-xứ để xây-dựng một tinh-thần thuần-túy và nền văn-hóa đặc-biệt, cho nên bắt các quan lo việc khoa-cử cho đề-thi chữ nôm và buộc sĩ-tử làm bài bằng chữ nôm. Vua Gia-Long nhà Nguyễn cũng thông hiểu giá-trị quốc-âm mà ra chỉ-thị phải dạy ở các trường, còn công-văn và đề-thi phải viết bằng chữ nôm để thoát khỏi nô-lệ văn-hóa Trung-Hoa.

Nhưng nếu văn-chương chữ nôm không thể tự vượt qua ảnh-hưởng tư-tưởng ngoại-bang cũng vì phải bị sự cưỡng-bách của thói quen không tránh được và khiến các vua nối ngôi nghe lời khuyến-dụ của nhóm sĩ-phu mà

http://tieulun.hopto.org

phá tan sáng-kiến thích đáng của vị tiền-nhân. Vua Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức mới lên ngai vàng bèn khôi-phục chữ Hán và viết nhiều bài ngự-chế và tuồng hát theo văn-thể Trung-Hoa nữa.

B.— Nếu có thể dung-thứ thủ-đoạn vua chúa trong việc cai-trị dân, ta rất ngạc nhiên thấy phần đông hạng trí-thức nhà Nho tỏ thái-độ ngạo nghễ đối với chữ nôm căn-cứ trên vài lý lẽ sau đây :

1°/ Chữ nôm rất biến đổi về âm thanh, viết không theo mực-mẹo qui định, tự ai muốn viết sao cũng được.

2°/ Theo dư-luận trong nước chữ nôm là tiếng của dân quê có thói thô-kịch, thiếu lời lẽ đúng đắn, rất cầu thả sánh với chữ Hán.

3°/ Người dinh (Huế) có học-thức quen dùng Hán-văn đúng cách, cho nên tỏ vẻ khinh-bỉ dân quê mùa chỉ biết dùng một thứ chữ lai-căn và không thuần-chính, vì thế mới có câu tục-ngữ : «Nôm na là cha mách quế», nghĩa là một thứ chữ viết theo tiếng nói bình thường, mặc ý người bày chuyện ra cho nhiều, không có qui-tắc nhất-định về văn-pháp, tóm tắt chữ nôm không có giá-trị gì cả về mặt văn-chương thi phú.

C.— Đây xét-đoán vài người Pháp lạc hậu kích-bác văn-chương chữ nôm mà hộ lên án rất gắt gao. Trong quyển sách « Essai de Prosodie annamite » (Tiểu-luận về vận-văn-pháp tiếng Việt) xuất-bản năm 1901, giáo-sĩ Vallot phê-bình như vầy : La littérature annamite n'a jamais eu de vogue en Occident et elle n'en mérite guère. Tout manque dans les oeuvres, très rares d'ailleurs, qu'elle offre à la sagacité des savants... » (Văn-chương chữ nôm không lúc nào được hoan nghinh bên Âu-châu và không đáng được đối xử như thế. Văn-phẩm sản-xuất rất ít và thiếu tất cả điều-kiện dưới con mắt sâu sắc của nhà thông-thái).

Rồi ông kiểm-điểm các thể-văn như vầy : « Pour les Annales, aucune certitude dans les légendes historiques qui ne sont qu'un galimatias rappelant

http://tieulun.hopto.org

la mythologie. Les historiens, n'ayant pas mis de date, n'ont pas compris leur rôle... La science historique, étant basée sur le raisonnement, dépasse le niveau des Annamites » (Về mặt biên-niên-sử không có điều gì đích xác trong lịch-sử hoang đường chỉ là chuyện hồ đồ không khác gì câu chuyện thần-thoại. Sử-gia không ghi niên hiệu vì không hiểu rõ vai-trò của mình... Khoa sử-học căn-cứ trên suy-luận, cho nên quá cao cho trình-độ người Việt).

Về loại thi-phẩm thuộc trí tưởng-tượng, ông tiếp-tục nói : « Peut-être quelques annamitophiles voudront-ils que pour l'imagination ils ne le cèdent à personne ? A moins que l'on n'apporte des preuves convaincantes, je pense, jusqu'alors, que les Annamites n'ont qu'une imagination de mauvais aloi, qui n'est bornée par aucun scrupule et ne s'arrête pas devant les inventions mensongères. Mais ce n'est pas celle là qui enfante quelque chose de durable. En effet, quelles oeuvres d'imagination trouvons-nous dans ce pays ? Deux ou trois, en comptant bien, qui toutes célèbrent en vers irréguliers des amours impures. Elles sont tellement fades et rances que personne n'a eu le courage de les éditer et, certes, le public n'y perd rien... » (Có lẽ người thân Việt tưởng rằng nhà văn Việt không kém ai về trí tưởng-tượng. Trừ phi có những chứng-cứ minh xác, tôi tin rằng người Việt chỉ có trí tưởng-tượng tầm thường và cẩu thả, hướng về chuyện bịa-đặt láo khoét. Đó không phải là tài-năng phát-sinh ra điều gì bền bỉ. Xứ này có sản-xuất văn-phẩm gì về trí tưởng-tượng chăng ? Nếu đếm kỹ chỉ có hai ba toàn ca-tụng ái-tình ô uế bằng thơ sai qui-tắc, có tánh-cách vô vị và hôi tanh đến đỗi không ai dám xuất-bản và độc-giả cũng không hao-tốn gì cả).

Hơn nữa trong tạp-chí « Excursions et Reconnaissances » (Du-lãm và thám-sát) xuất-bản năm 1882, Villard nhấn mạnh về văn-chương đồi phong mỹ tục như vầy : « Dans un pays qui connaît certes mieux que nous tous les raffinements du libertinage, le poème de Thúy-Kiều fut composé pour distraire un souverain licencieux... Si avec quelque audace on peut comparer le « Lục-Vân-Tiên » à l'Iliade, l'on trouvera plus justement une analogie frap-

http://tieulun.hopto.org

pante entre Thúy-Kiều et le roman pornographique de Justine du marquis de Sade... Ce roman renferme des détails d'une obscénité révoltante. » (Ở một xứ hiểu biết nhiều hơn chúng tôi thói dâm-đãng xảo-điệu, truyện Thúy-Kiều chép ra để giải-trí nhà vua hiếu sắc... Mặc dầu mệnh phép so sánh truyện Lục-Vân-Tiên với anh-hùng-ca Iliade, chúng ta gặp thấy một điều giống hệt giữa truyện Thúy-Kiều và tiểu-thuyết khiêu-dâm « Justine » của hầu-tước Sade chép ra... Truyện Thúy-Kiều có đầy chi-tiết nói về tà dâm rất gai mắt).

BÌNH-PHẨM

Đây tóm tắt những lời phê-phán vô căn-cứ như : người Việt không có năng lực văn-chương, chỉ mượn cảm-hứng của nhà văn Trung-Hoa, không có sản-xuất văn-phẩm đặc sắc thiếu căn-bản kém linh-cảm biệt-tài vân vân.

Sự thực văn-phẩm người Việt còn bị nhiễm ảnh-hưởng nghìn năm văn-minh Trung-Hoa ăn sâu vào tinh-thần dân-tộc. Hơn nữa một phần lớn trách-nhiệm đổ vào phương-pháp trí-dục lo trau dồi trí nhớ phải học thuộc lòng thiên kinh vạn sử theo chương-trình của khoa-cử, cho nên sau này bọn nho-sĩ sản-xuất bao nhiêu bài vận-văn đầy hồi-tưởng chỉ là lời thừa của văn-hào Trung-Hoa như Lý-Thái-Bạch, Đỗ-Phủ, Bạch-Cư-Dị, Hàn-Dũ đời nhà Đường.

Những văn-sĩ trứ-danh bên Pháp hồi thế-kỷ XVI (Ronsard), XVII (Corneille và Racine) và XVIII (André Chénier) cũng có cái tật đạo-văn đối với các nhà trước-tác cổ-điển Hy-Lạp và La-Mã nữa, chưa kể những ám-chỉ về chuyện thần-thoại bây giờ coi như lỗi thời và lố lăng. Nhưng cũng nhờ sự bồi bổ của ngoại-bang đưa vào về ngôn-từ về thể-thức, mà quốc-văn mới được thêm trang-sức chẳng những về phần cảm-hứng, mà về phần bút-pháp nữa. Ta đừng quên rằng ngôn-ngữ một dân-tộc không thể hoàn tất trong vòng một tháng hay một năm được, nó giống như đất phù-sa nhờ thời-gian mới mở rộng ra và thành phong nhiêu.

Đây thêm một dư-luận sai lầm : Người Việt lấy của nước Trung-Hoa trọn một văn-chương thi phú có sẵn. Mặc dầu có mượn đại-thể hay khuôn-

http://tieulun.hopto.org

mẫu đi nữa, họ có tài-nghệ thêu dệt và thêm vào màu sắc riêng biệt ; nếu dàn-cảnh hay địa-điểm mượn tên đặt ra ở bên Trung-Hoa, họ vẫn giữ ngữ-điệu độc-sáng, cách cấu-tạo có vẻ cá-tính nên chú ý.

Ví-dụ truyện « Trê Cóc » tả tánh-tình nhân-vật, tổ-chức tòa-án, cách trình-bày là toàn chi-tiết thuộc về phong-tục người Việt.

Truyện « Bích câu kỳ ngộ » xảy ra một nơi gần thành Hà-Nội là câu chuyện tình-tự có tánh-cách địa-phương. Bài « Gia huấn ca » nói về nề-nếp của phụ-nữ Việt khác hẳn với đàn bà Tàu.

Nếu bàn về tả-thực chủ-nghĩa, thì các văn-gia người Việt cố-gắng tránh rất khéo những giai-đoạn thô lậu bằng cách áp-dụng câu văn bóng bẩy che đậy rất kín đáo những cuộc tình ái sôi nổi mà độc-giả muốn hiểu sao tùy ý.

Vì cớ sao giáo-sĩ Vallot phê-bình không đúng chỗ văn-chương chữ nôm ? Có lẽ nhà tác-giả bị ảnh-hưởng thiên-vị của nhà linh-mục có ý đề cao đạo-đức và thoá mạ bất kỳ văn-chương nào có vẻ xâm-phạm phong-tục, nhưng nhiệt-tâm thái quá ấy chắc là bất đắc kỳ sở, rồi chê bai luôn toàn văn-chương Tàu lẫn Việt, mà ông không khám-phá ra được một chút gì thi-hoạ ở ý-tưởng cũng như ở câu văn.

Đề trả lời giáo-sĩ Vallot, có giáo-sĩ khác người Pháp tên Sauvignet viết trong quyển sách « Variétés tonkinoises » (Bắc-Việt tạp-lục) xuất bản năm 1928 những câu nhận xét đúng đắn như vầy : « L'Annamite, sans être penseur remarquable, n'en occupe pas moins son rang dans le monde des lettres. Sa composition est facile et ne manque pas de valeur. Le littérateur annamite est surtout un coloriste doublé d'un mélomane. Il excelle à peindre les choses qui tombent sous les sens, se complaît dans les analogies et les symboles tirés de la nature ; il adore les mots à facettes. Sa composition a cela de particulier qu'elle éblouit les yeux en même temps qu'elle charme l'oreille ». (Người Việt, dầu không phải là nhà tư-tưởng xuất sắc, cũng chiếm được

http://tieulun.hopto.org

một địa vị riêng biệt trong văn-giới, vì họ có cách bố-trí dễ dàng đáng quan-tâm. Nhà văn trước hết lo tô-điểm màu sắc ăn khớp với âm-điệu ; họ có tài tả-cảnh bằng cách khách-quan, thích so sánh người và vật, thường xử-dụng biểu-tượng lấy ở vũ-trụ ; họ ưa ngôn-từ có vẻ loè loẹt làm chóa mắt và vui tai).

Vắn tắt những ai không muốn thừa-nhận người Việt xưa nay có văn-chương là đều bị ảnh-hưởng hẹp hòi và độc-đoán của lòng thành-kiến hoặc không đủ tài-liệu để khảo-chứng. Họ sai lầm vì vội bình-phẩm dựa trên phong-trào chữ nôm là một thứ chữ chưa được hoàn thành, không chính xác, biến đổi quá nhiều, muốn hiểu biết rõ phải trải qua Hán-tự rất phức-tạp.

Hơn nữa vận-luật-học (prosodie) có nhiều qui-tắc nghiêm khắc và tuyệt đối bắt buộc nhà văn phải trổ kỳ-tài trí-xảo mà khéo dùng văn-tự xương-từ như đảo-trí, ẩn dụ, chuyên-nghĩa vân vân, mà chỉ độc-giả thông thạo chữ nghĩa mới hiểu nổi, chưa nói tới những điều rắc rối về danh-từ Hán Việt, câu viện-ngữ, lời tỷ-giảo mượn của văn-hào Trung-Hoa.

Trong số người công-kích văn-chương chữ nôm có một ai thử tìm hiểu tâm-hồn người Việt biểu-lộ trong các văn-phẩm, cái đặc-tính của một dân-tộc sống trên một lãnh-thổ phì nhiêu, có khí-hậu dịu dàng và cảnh-trí mơ mộng rất thuận cho thi-hứng được nảy nở ?

Bên Âu-Châu có một thứ văn-chương chép toàn bằng Pháp-ngữ ở nước Bỉ và nước Thụy-Sĩ mà các tác-giả vẫn giữ cá-tính và tư-tưởng của dân-tộc mỗi xứ, cũng như bên Nhật-Bản dùng Hán-tự đặt ra chữ Hoa-văn để sản-xuất nhiều kiệt-tác nói về xứ Phù-tang. Có ai dám chỉ-trích họ trộm ngôn-ngữ ngoại-bang như ở nước Việt này chăng ?

Ai dám quả-quyết rằng người Việt ngày xưa không có một ngôn-ngữ riêng biệt mà thái-thú Sĩ-Nhiếp ra lệnh cấm nhân-dân bị đô-hộ không được dùng đến và bắt buộc học chữ Hán ? Sau này khi được giải-phóng ách thống-trị ngoại-bang có một vài vua triều nhà Lê ra lệnh bài trừ Hán-tự trong

http://tieulun.hopto.org

công-văn và khoa-cử và bắt người dân chỉ dùng chữ nôm lần lượt được bành-trướng trong đám sĩ-phu nhờ gương tiến-sĩ Nguyễn-Thuyên đầu tiên dùng Đường-luật mà làm thơ bằng chữ riêng biệt của người Việt. Nhưng mỉa-mai thay với kiến-thức hẹp hòi của đa số nhà vua không màng đến tương-lai nước Việt, mấy nghìn năm văn-hiến bị chận đứng lại trong một thời-gian bảo-thủ dài dằng dẵng làm quốc-gia mất nhiều cơ-hội phát-triển về mặt văn-hóa và chánh-trị.

NHẬN XÉT

Một dân-tộc giàu tình-cảm và tư-tưởng như người Việt trời sinh ra với phong-vận về âm-điệu và thi-họa, sống giữa cảnh-vật đầy màu sắc thiên nhiên trải qua bốn mùa quanh năm, chắc chắn phải có tài-năng về thi-học về kỹ-thuật, tóm tắt có tâm-hồn hướng về văn-nghệ.

Nhưng tại sao trong kho-tàng văn-chương chữ nôm mà Trường Viễn-Đông Bác-Cổ Pháp (Ecole Française d'Extrême-Orient) thu góp lại, có ba điều chẳng khỏi làm chúng ta phải ngạc nhiên :

1/ Văn-phẩm chỉ ở vào một thời-đại tối-cận.

2/ Số rất ít tài-liệu thu-nhặt.

3/ Phần nhiều sách vở là của tác-giả vô-danh.

Tuy nhiên theo người Việt văn-chương chữ nôm có nguồn gốc từ đời Hùng-Vương thuộc về thời-đại thượng-cổ, nhưng không còn một di-tích nào về thuở xa vời ấy. Mặc dầu văn-nhân tỏ vẻ khinh-khi những sách đàng ngoài như thơ và truyện đối với sách đàng trong có giá trị hơn, toàn là văn-phẩm do đó sáng-tác với bao hồi-tưởng và viện-ngữ chứng tỏ rằng họ vượt lên một trình-độ học-thức rất cao và chiếm một địa-vị quí trọng trong xã-hội ngày xưa.

Ngoài số tác-phẩm đã xuất-bản có một phần lớn sách uyên-bác, nếu không được truyền-bá tự-do trong đám nhân-dân, cũng vì tác-giả rụt rè nhát

http://tieulun.hopto.org

gan hay quá dè dặt. Ngày xưa lời vu-oán thường gây ra bao nhiêu tai hại bất ngờ trong chế-độ quan-lại mà ngôn-luận bị đàn-áp đủ thứ cách. Thiên hạ đều ngán sợ kẻ mật-cáo vô liêm-sỉ ném đá giấu tay mà khuấy nhiễu người tài-đức, cho nên mỗi văn gia rất sợ hãi một chữ bị hiểu lầm hoặc lời phê-bình vô tư về quan-quyền phải gây ra mối căm-thù của nhà chức-trách thẳng tay trừng-trị.

Hơn nữa các văn-nhân có địa-vị cao cả đều đỗ đạt ở trường-thi vẫn lo duy-trì uy-danh trong nghề-nghiệp, không muốn động chạm dư-luận quần-chúng hay giảm bớt địa-vọng vinh quang của mình. Các lý-do ấy làm họ viết sách với quan-niệm hẹp hòi và lòng dạ ích-kỷ, chỉ dành riêng cho sở-thích chớ không cần phổ-biến ra trong đám nhân-dân.

Những sách chép tay nầy không đưa ra khỏi nhóm người bà con thân hữu; hễ ai thích bài nào thì chép lại để giữ riêng trong nhà, vì thế những văn-phẩm được đến tay độc-giả thì toàn là bản sao không có ghi tên tác-giả, cho nên phần giá-trị trở thành nghi ngờ, vì người chép tự sửa đổi nguyên-văn, như có câu : « Tam sao thất bản » (Ba lần sao lại thì làm mất hẳn gốc), nghĩa là bản văn chép đi chép lại thành sai hẳn nguyên-văn.

Dầu sao sách vở được phổ-biến trong quần-chúng đối với phần chưa xuất-bản chỉ là rất ít ; chưa kể văn-phẩm chưa từng có ai đọc được, vì thất lạc, bị mục nát xé rách hoặc lọt vào tay người vô học không chịu nhường lại cho ai cả. Chúng ta còn hy-vọng trăm nghìn sách vở còn cất giấu ở đâu đó, có ngày sẽ ra mắt độc-giả, vì không lẽ một dân-tộc hiếu học, có thi-tài, say đắm mỹ-văn-học, chỉ sáng-tác ra có một số rất kém bài vở.

Còn những tác-phẩm được ấn-loát thì phần đông cho biết tên nhà xuất-bản ; nếu có ghi tên tác-giả chỉ là biệt-hiệu mà thôi, chớ tên thực thì chẳng ai rõ được. Đó là trường-hợp riêng biệt của trường thiên tiểu-thuyết như « Bích châu kỳ ngộ », « Nhị độ mai », « Phan Trần », « Quan Âm thị Kính » và truyện ngụ-ngôn như « Trinh thử », « Hoa điểu tranh năng », « Lục súc

http://tieulun.hopto.org

tranh công »... toàn là do thi-sĩ vô-danh có tài-trí lỗi lạc gồm đủ điều-kiện để tượng-trưng vẻ vang cho văn-chương chữ nôm được nhà trí-thức Pháp học rộng hiểu sâu, nhất là nhà Đông-phương-học uyên-bác tỏ lòng cảm-phục và đích thân khảo-cứu như Gabriel Aubaret dịch ra Pháp-ngữ truyện « Lục-Vân-Tiên » năm 1864 ; G. Jeanneau phiên âm ra chữ quốc-ngữ truyện « Lục-Vân-Tiên » năm 1873 ; Abel des Michels phiên âm ra quốc-ngữ và dịch ra Pháp-ngữ truyện « Kim-Vân-Kiều » năm 1884, Eugène Bajot dịch ra thơ Pháp-ngữ truyện « Lục-Vân-Tiên » năm 1886 ; Edmond Nordemann phiên âm ra chữ quốc-ngữ truyện « Phan Trần » năm 1900 và truyện « Bích câu kỳ ngộ » năm 1905 ; Georges Cordier dịch ra Pháp-ngữ truyện « Bích câu kỳ ngộ » năm 1919 và « Cung oán ngâm khúc » năm 1929 ; René Crayssac dịch ra thơ Pháp-ngữ truyện « Kim-Vân-Kiều » năm 1926; Landes dịch ra Pháp-ngữ truyện « Nhị độ mai » năm 1928...

Đây lời nhận xét đáng chú ý của một nhân-vật điều-khiển máy hành-chánh và chánh-trị ở Đông-Dương ngày xưa, tức là vị toàn-quyền Pierre Pasquier trong quyển « L'Annam d'autrefois » (Nước Việt ngày trước) năm 1907 nói như vầy :

« Vous me permettez de ne parler ni de morale pure ni de philosophie. Il y a dans les oeuvres annamites autre chose : il y a de l'ironie, de la poésie, du symbolisme et du réalisme. Il y a, en un mot, tous les contrastes que devait faire naître dans l'âme de ce peuple une nature tour à tour bienveillante et terrible, prodigue de ses dons et jalouse de sa liberté ».

(Tôi xin miễn nói về luân-lý thuần-túy và triết-học. Trong văn phẩm tiếng Việt còn có điều khác nữa : nào trào-phúng, thi-học, nào chủ-nghĩa tượng-trưng và tả thực. Tóm lại, có những điều tương-phản phát xuất từ bản chất thiên nhiên của tâm-hồn dân-tộc này, một dân tộc vừa bao dung lại vừa ác-nghiệt, dồi-dào thiên phú và yêu chuộng tự-do).

http://tieulun.hopto.org

KẾT LUẬN

Quốc-học phát-sinh từ phong-trào chữ nôm vượt qua lần lần khỏi ảnh-hưởng văn-minh Trung-Hoa cho tới thời-kỳ mà tư-tưởng người Việt được tự-do bành-trướng bằng các hình-thức về văn xuôi và văn-vận trong bao nhiêu thế-kỷ lịch-sử vừa qua.

Từ nguồn gốc mù mịt cho tới hiện-giờ, văn-chương chữ nôm có thể sánh như sông cái chảy theo dòng nước khi đục khi trong, nhưng vẫn tiến mạnh lúc thẳng rẫn lúc quanh co, rồi nhập vào biển thánh vô bờ bến.

Chẳng phải một chút bùn lầy mà làm con mắt thiếu sắc tinh-anh, chẳng phải ngọn triều lên xuống mà làm biến-đổi toàn dòng nước. Vì thế dầu có lời phán-đoán hợp-thời hay trái mùa, văn-học quốc-gia cũng là một lực-lượng thiêng liêng của tâm-hồn một dân-tộc trải qua mấy thế-kỷ tranh-đấu theo tinh-thần bất hủ và vận-mệnh cao quí mà trời đất giao-phó cho con Hồng cháu Lạc.

http://tieulun.hopto.org

Hồng-Liên LÊ-XUÂN-GIÁO

nhắc lại vài mẩu chuyện tâm tình của tiên điền nguyễn du tiên sinh

(Do Cụ Tiến-sĩ Nguyễn-Mai, cháu 5 đời của Cụ Nguyễn-Du, kể những mẩu chuyện của Nguyễn-Du cho tôi nghe cách đây đã 30 năm. Nay tôi xin ghi lại những điều còn nhớ để góp thêm tài-liệu tham khảo về thân-thế và sự-nghiệp của vị đệ nhứt thi-hào nước ta).

Nguyễn-Du 阮攸 Tiên-sinh tự Tố-Như-Tử 素如子, bút-hiệu Thanh-Hiên 清軒, lại có biệt-hiệu « Hồng-Sơn Liệp-Hộ » 鴻山獵戶 (kẻ đi săn ở dãy núi Hồng), sinh năm Ất-dậu (1765), niên-hiệu Lê Cảnh-hưng năm thứ 26, quán làng Tiên-điền, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh, Bắc Trung-phần.

Tiên sinh là con thứ bảy (con bà Trắc-thất) của Cụ Hoàng-Giáp Nguyễn-Nghiễm 阮儼, tước Xuân Quận-công, làm chức Tể-tướng đầu triều vua Lê Hiển-tông.

Tiên-sinh là em ruột của cụ Tiến-sĩ Nguyễn-Khản 阮侃 (anh cả) làm Lại-bộ Thượng-thư sung chức Tham-tụng (tương-đương với Thủ-tướng), và của cụ Nguyễn-Điều 阮條 (anh thứ hai) tước Điều-nhạc-hầu, làm Trấn-thủ tỉnh Sơn-tây (Bắc-phần) đều về triều Lê Cảnh-hưng.

Tên các Cụ trong gia-đình họ Nguyễn Tiên-điền lúc bấy giờ đều lựa đặt theo bộ Nhân đứng (亻).

Gia-cư của Nguyễn-Du Tiên-sinh cũng như của các Cụ trong họ Nguyễn Tiên-điền và từ-đường họ Nguyễn đều ở gần núi Hồng-Lĩnh và sông Lam-giang, gần làng Uy-viễn của Cụ Hy-văn Nguyễn-công-Trứ.

Cụ Nguyễn-Du hơn Cụ Nguyễn-công-Trứ 13 tuổi, và hai danh-nhân ấy đã cư-tâm, lập-chí khác nhau hẳn : Cụ Nguyễn-Du là người mẫn-thế ưu-

http://tieulun.hopto.org

thời, buồn bực vì cảnh gia vong quốc phá, mà vẫn giữ gìn trung hiếu là căn-bản Nho-giáo. Còn Cụ Nguyễn-công-Trứ là người nhiệt-tâm dụng-thế, lập nên công-nghiệp vĩ-đại, ích quốc lợi dân muôn đời.

Nhờ được khí thiêng của Lam-giang, Hồng-lĩnh hun-đúc, lại nhờ được truyền-thống nho-phong, sĩ-khí lâu đời của nhà họ Nguyễn Tiên-điền kết-tinh, Cụ Nguyễn-Du bẩm tánh thông-minh lỗi-lạc hơn người, từ lúc còn thiếu thời, mặc dầu thể-chất Cụ có hơi gầy, bởi Cụ là người đa-lự, đa-tư, đa-sầu, đa-cảm.

Theo các vị lão-nho ở Nghệ-Tĩnh — nhứt là Cụ Tiến-sĩ Nguyễn-Mai — truyền-khẩu lại, thì Cụ Nguyễn-Du diện-mạo tinh-anh, my thanh mục tú, quả thật là một bậc hào-hoa phong-nhã khác thường. Tài cao, học rộng, văn hay chữ tốt đã đành, Cụ Nguyễn-Du còn giỏi về cầm, kỳ, thi, họa, gồm đủ mọi vẻ thanh-tao, đời bấy giờ ít ai có thể sánh kịp. Cụ lại còn tinh thông cả binh-thư, binh-pháp và tinh-tường cả võ-nghệ võ-lược nữa.

Cụ đã thông-minh xuất-chúng, lại còn ham đọc sách suốt ngày. Có nhiều khi Cụ ham mê đọc sách mà quên lãng việc ăn uống.

Cụ đọc đủ các loại sách về Nho, Phật, Lão, Trang v.v..., nên Cụ rất thấm-nhuần triết-lý của các học-thuyết-gia Đông-phương ; và cũng chính vì thế mà Cụ rất giàu lòng bác-ái, nhất-sinh khắc-kỷ vị-tha.

Cụ bình-sinh có tánh điềm-đạm hiếu-tĩnh, lo-nghĩ nhiều mà nói-năng rất ít. Lúc nào Cụ cũng có vẻ trầm-tư, mặc-tưởng, không hay chuyện-trò, cười-cợt cùng ai cả. Có khi trọn một ngày, Cụ chỉ thốt ra một đôi lời mà thôi. Và Cụ hay thở dài, như có chuyện gì phiền-muộn trong lòng mà không thể tỏ-bày cùng ai được. Chúng ta có thể nhận ra tâm-trạng ấy qua câu Kiều sau đây :

"Bây giờ đất thấp trời cao,
Ăn làm sao, nói làm sao bây giờ".

http://tieulun.hopto.org

Vốn thuộc giòng-dõi cao-khoa, hiển-hoạn, thế-phiệt trâm-anh vào bậc nhất trong nước ta lúc bấy giờ (quan-giai đến chức Tể-tướng, triều-phẩm đến tước Quận-công, khoa-bảng đến hàng Hoàng-giáp, Tiến-sĩ), và đương nhiên là đứa con cưng được ưu-đãi nhất của thời-đại, đáng lẽ Cụ phải tỏ ra là người đắc-chí với những tư-tưởng lạc-quan. Hiềm vì Cụ Tố-như sinh-trưởng vào thời-kỳ Lê-triều suy-đốn, Trịnh-Nguyễn phân-tranh gây nên cảnh binh-đao khủng-khiếp, cốt-nhục tương-tàn, máu đổ đầu rơi, xương tan thịt nát khắp nơi trong nước. Vì đã phải mục-kích những cảnh-tượng thảm-thê ấy, nên Cụ rất đỗi đau lòng xót dạ :

«Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng !»

Gia-dĩ trong nước ta hồi bấy-giờ, những thảm-kịch « thừa gió bẻ măng », « đục nước béo cò » như nạn đạo-tặc côn-đồ và nạn tham-quan ô-lại hoành-hành khắp chốn, làm cho nhân-dân trăm họ phải chịu-đựng muôn ngàn nỗi cực-khổ đắng-cay, không bút nào tả xiết. Đứng trước cái thảm-trạng của nước nhà, kẻ sĩ quân-tử giàu lòng tình cảm, đa ưu-tư như Cụ đã buồn-rầu lại phải buồn-rầu thêm, đã đau-đớn lại càng đau-đớn nữa, rồi từ chỗ bi-thời muộn-thế, Cụ đã đi dần dần đến chỗ chán đời, vì quá chán-chường đến nỗi không còn cái ý-chí dụng-thế cứu-thời mà chúng ta nhận thấy ở Cụ Nguyễn-công-Trứ.

Cụ Nguyễn-Du muốn sống một cuộc đời biệt tư tích xử, xa lánh người đời như Bá-Di, Thúc-Tề ngày xưa ẩn ở núi Thú-dương. Đối với vấn-đề danh-lợi ở đời, Cụ rất thờ-ơ, lại còn chán-ghét nữa là khác :

« Đã không biết sống là vui,
Thân này nào biết thiệt-thòi là thương ! »

Nguyên Cụ thi Hội vào tam trường (1) khoa Quí-mão (1783) dưới

(1) Theo lệ xưa, các viên Ấ[illegible]-sinh đều được vào thi Hội như các viên Cử-nhân. Cụ Nguyễn-Du, con Cụ Nguyễn-Nghiễm là Xuân Quận-công, lấy chân Ấm-sinh vào →

http://tieulun.hopto.org

triều vua Lê Hiển-tông, niên-hiệu Cảnh-hưng năm thứ 45, lúc Cụ mới được 19 tuổi. Rồi Cụ tập tước với hàm quan võ, và làm chức Chánh Thủ-hiệu hiệu quân hùng-hậu ở tỉnh Thái-nguyên (Bắc-phần).

Đến khi nhà Lê mất, ban đầu Cụ có chí hướng mưu-đồ khôi-phục nhà Lê, nhưng đến lúc thấy cơ-sự khó thành, Cụ đành treo ấn từ-quan, tìm về thờ hương, rồi lại tìm về quê-hương ẩn-náu.

Sau khi vua Quang-trung nhà Nguyễn Tây-sơn sai tướng Vũ-văn-Nhậm chém đầu, phân thây Ông Nguyễn-hữu-Chỉnh vào năm Đinh-mùi (1787), Cụ Nguyễn Du càng chán-nản trước thảm-họa của kẻ tài-danh :

« Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Tài-tình chi lắm cho trời đất ghen ! »

Ông Nguyễn-hữu-Chỉnh, tài kiêm văn võ, trí đủ lược thao, đỗ Cống-sinh (tức Cử-nhân) giữa niên-hiệu Lê Hiển-tông, vào lúc 16 tuổi, quán làng Đông-hải (về sau đổi tên là làng Cổ-đan), tổng Đặng-xá, huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an, cách làng Tiên-điền của Cụ Nguyễn-Du bởi con sông Lam. Ông Chỉnh là bạn văn-chương xướng-họa của các anh em trong gia-đình Cụ Nguyễn-Du, và có lẽ Ông Nguyễn-hữu-Chỉnh cũng có những điểm tâm đồng ý hiệp với Cụ Nguyễn-Du, bởi Ông Nguyễn-hữu Chỉnh vốn ôm-ấp hoài-bão «phù Lê diệt Trịnh».

Ngay sau khi Ông Cống-Chỉnh bị sát-hại, Cụ Nguyễn-Du — lúc bây giờ độ 22 tuổi — phải xa-lánh quê-hương, tìm vào nơi cùng-cốc thâm-sơn giữa dãy núi Hồng-lĩnh để sống một cách mai-danh ẩn tích, và Cụ đã ở luôn đấy suốt mười năm trời.

... thi Hội trúng Tam-trường có phân số, nghĩa là từ trường nhất đến trường tam, Cụ được một kỳ văn sách nồi, hoặc ưu, hoặc bình, tuy Cụ không đậu Tiến-sĩ hay Phó-bảng, nhưng Cụ được liệt vào hạng trúng Tam-trường.

Mấy lâu nay, có nhiều người nói Cụ Nguyễn-Du đậu Tú-tài, và Cụ Nguyễn-Du vào Tam-trường thi Hương đều là sai-lầm cả.

http://tieulun.hopto.org

Dãy núi ấy tục danh là Ngàn-Hồng tức Hồng-lĩnh hay Hồng sơn, nằm giữa địa-phận hai tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh, gồm chín mươi chín ngọn núi cao chót-vót, và vô-số những ngọn đồi cùng với những thung-lũng bao-la sầm-uất, bao-quát một vùng bát-ngát mênh-mông, trong đó không có chỗ nào mà bàn chân Cụ không đạp đến. Cụ dựng một túp lều tranh ở giữa rừng sâu núi thẳm, và Cụ mượn thú đi săn để tiêu sầu khiển muộn và tạm sống qua ngày.

Tuy sống đơn-độc giữa non xanh nước biếc cùng với hoa cỏ cầm ngư bốn mùa, nhưng cảnh thanh-u ấy rất thích-hợp với tâm-tình của Cụ, lại do cụ độc chiếm, tha hồ thưởng-ngoạn, ngao-du đặng lãng-quên thế-sự phiền-nhũng, phức-tạp.

Ngoài việc đi săn và du-ngoạn danh lam, thắng tích trong dãy núi Hồng-lĩnh, Cụ đọc sách và sáng-tác rất nhiều văn thơ.

Dưới đây là bài thi «山 居» «Sơn-cư» (ở núi) của Nguyễn-Du Tiên-sinh và hai câu đối để ở thảo-xá giữa rừng thẳm mà Cụ Nguyễn-Mai đã đọc cho nghe cách đây hơn ba mươi năm :

«南 去 長 安 千 里 餘
羣 峯 深 處 野 人 居
柴 門 晝 靜 山 雲 閉
藥 圃 春 來 隴 竹 疎
一 片 閒 心 蟾 影 下
經 年 別 淚 雁 聲 初
家 兒 弟 妹 音 耗 斷
不 見 平 安 一 紙 書»

SƠN CƯ :

« *Nam khứ Trường-an thiên lý dư,*
Quần phong thâm xứ dã nhân cư.

http://tieulun.hopto.org

Sài môn trú tỉnh sơn vân bế,
Dược phố xuân hàn lũng trúc sơ.
Nhứt phiến nhàn tâm thiềm ảnh hạ,
Kinh niên biệt lệ nhãn thanh sơ.
Gia nhi đệ muội âm - hao đoạn,
Bất kiến bình-an nhứt chỉ thư ».

Xin tạm dịch như sau :

«*Phương nam ngàn dặm cách Kinh-sư,*
Thăm thẳm ngàn non tớ hiện - cư.
Cửa cửi ngàn yên mây núi đóng,
Vườn rau xuân lạnh trúc gò thưa.
Trăng soi tấc dạ hằng đêm lặng,
Lệ chảy đầu thu mấy tết thừa.
Tin tức con em đều vắng - bặt,
Hỏi thăm nào thấy một phong thư».

Dưới đây là hai câu đối để ở thảo-xá :

1— 忘 貧 更 好 安 貧 好 ;
大 隱 良 難 小 隱 難 ». (1)

« Vong bần cánh hảo, yên bần hảo ;
Đại ẩn lương nan, tiểu ẩn nan ».

Nghĩa là :

« *Sống cảnh vong-bần đã hay, mà sống cảnh yên-bần càng hay.*
Làm người đại-ẩn rất khó, mà làm người tiểu-ẩn cũng khó ».

2— « 此 江 山 萬 代 長 存 日 臨 月 照
與 草 樹 羣 生 共 樂 冬 去 春 來 ».

(1) Xuất từ câu cổ-văn : « Đại ẩn ẩn triều-đình, tiểu-ẩn-ẩn sơn lâm » 大 隱 隱 朝 廷 小 隱 隱 山 林 « nghĩa là kẻ đại ẩn-dật thì ở triều-đình, kẻ tiểu ẩn-dật thì ẩn ở sơn lâm là nơi rừng núi.

http://tieulun.hopto.org

« Thử giang-sơn vạn đại trường tồn, nhựt lâm nguyệt chiếu.
Dữ thảo thụ quần sinh cọng lạc, đông khứ xuân lai ».

Nghĩa là :

« *Giữa non sông muôn thuở vững bền, nhựt nguyệt đôi vừng soi-dõi.*
Cùng cây cỏ muôn loài vui sống, đông xuân mấy độ đổi thay ».

Bao nhiêu lần được vua Quang-Trung nhà Tây-sơn triệu ra làm quan, Cụ đều mượn cớ bệnh-hoạn để thoái-thác. Ban đầu, Cụ bị coi là người có ý chống lại chính-quyền đương-thời. Nhưng về sau, vua Quang-trung xét kỹ, biết được Cụ là người siêu-việt, có tiên-phong đạo-cốt, chỉ thích sống một cuộc đời đạm-bạc thanh-cao, không thiết-tha đến công-danh phú-quí, chứ vốn không có dị-chí, tiềm-tâm khôi-phục giang-sơn xã-tắc cho nhà Lê như một số cựu-thần khác, nên chính-quyền Tây-sơn không ép-buộc Cụ ra làm quan, và cũng không hiềm-nghi Cụ nữa.

Thầm-thoát đông qua xuân lại, đến năm Nhâm-tuất (1802), vua Gia-long thống-nhất sơn-hà, lên ngôi Hoàng-đế. Thoạt tiên Ngài ban chiếu cầu hiền, rồi lại xuống Dụ kêu gọi các cựu-thần nhà Lê họ Trịnh và con em các cựu thần, hễ ai có tài có đức thì nên ra giúp nước an dân. Nhưng Cụ cứ một mực nín thinh và tiếp-tục ở luôn trong rừng sâu núi thẳm, không chịu xuất hiện để hưởng-ứng lời kêu gọi của nhà vua.

Đến khi có sắc-chỉ Thiên-tử lục-dụng đích-danh Cụ, thế từ-nan không đặng, Cụ mới phải ra tham-chính.

Đương-sơ Cụ nhậm chức Tri-huyện tại huyện Phù-dực thuộc tỉnh Thái-bình (Bắc-phần) rồi thăng chức Tri-phủ tại phủ Thường-tín tỉnh Hà-đông (cũng thuộc Bắc-phần). Nhưng tâm trạng của Cụ lúc bấy-giờ ra sao ? Chúng ta có thể lượng đoán theo ý-nghĩa của hai câu thơ nầy :

« *Dẫu sao bình đã vỡ rồi,*
Lấy thân mà trả nợ đời cho xong ».

http://tieulun.hopto.org

Làm quan phủ huyện chẳng được bao lâu, Cụ Nguyễn-Du lại xin cáo bịnh về quê nhà tĩnh-dưỡng.

Đến năm Gia-long ngũ-niên (1806), Cụ lại được trưng-dụng ra làm chức quan Đông-các Học-sĩ và thọ phong tước Du-đức-hầu. Trước khi ra đi nhậm chức, Cụ đã đọc một câu than phiền :

« 只 欲 安 貧 自 樂 而 終 不 能 安 »

« Chỉ dục an bần tự lạc, nhi chung bất năng an ».

Nghĩa là :

« *Chỉ muốn an vui với cảnh nghèo, mà cũng không được yên thân* ».

Và tâm-trạng Cụ lúc bấy-giờ dường như rất chán-nản ;

« *Cũng liều nhắm mắt đưa chân,*
Để xem con Tạo xoay-vần đến đâu ».

Qua năm Gia-long bát niên (1809), Cụ được thuyên-chuyển đi làm chức Cai-bạ (tức là Bố-chánh trước đây) tỉnh Quảng-bình. Bởi có nhiều chính-tích hay, nên Cụ được nhân-dân địa-phương ca-tụng. Trong thư-phòng riêng của Cụ, có đề một câu đối bất-hủ như sau :

« 一 職 不 堪 卑，只 爲 夫 五 斗 折 腰，唯 唯 連，諾 諾 退。

半 生 空 浩 嘆，安 得 廣 萬 間 庇 士，樂 樂 後，憂 憂 先 ».

«Nhứt chức bất hiềm ti, chỉ vị mễ ngũ đẩu chiết yêu, duỵ duỵ tiến, nặc nặc thối.

Bán sinh không hạo tưởng, yên đắc hạ vạn gian tị sĩ, lạc lạc hậu, ưu ưu tiên».

http://tieulun.hopto.org

Xin tạm lược dịch :

« Một chức quan chẳng nề chức nhỏ-nhen, chỉ vì năm đấu gạo phải uốn cong tấm lưng (3), dạ, dạ lên, vâng, vâng xuống ;

Nửa đời người không tưởng việc to-lớn, sao được vạn gian nhà để chở-che kẻ sĩ, lo, lo trước, vui, vui sau (4).»

Tới năm Nhâm-thân (1812) là năm thứ 11 niên-hiệu Gia-long, Nguyễn-Du Tiên-sinh lại xin cáo bịnh, từ quan qui điền. Tiên-sinh tưởng lần nầy được nghỉ việc quan luôn.

Nào hay đến năm sau là năm thứ 12 (1813) niên-hiệu Gia-long, Cụ Nguyễn-Du lại bị trưng-dụng nữa. Lần này Cụ thọ-phong hàm Cần-chánh-điện Đại-học-sĩ, và sung chức Chánh-sứ qua Thanh cầu phong.

Nhờ chuyến đi sứ ấy, Cụ được đọc bộ tiểu-thuyết « Thanh-tâm tài-nhân » « 清心才人 » của một tác-giả Trung-hoa, rồi thể theo cốt truyện Tàu, Cụ soạn thành tập « Đoạn-trường tân-thanh » tức truyện Kim-Vân-Kiều được đời đời truyền-tụng, và ai ai cũng phải công-nhận là một áng văn-chương kiệt-tác của tao-đàn nước Việt ta. Thật đúng như hai câu thơ của Cụ Vỹ-xuyên Tam-nguyên Trần-bích-San (5) đã cảm-tác :

---

(3) « Mễ ngũ đẩu chiết yêu » là vì 5 đấu gạo mà phải cong lưng, là dẫn tích xưa Ông Đào-Tiềm tức Đào-uyên-Minh đời nhà Tấn đương làm chức Tri-huyện, nhân có quan Thanh-tra đến huyện, các viên lại-thuộc nói với họ Đào đội khăn ra chào quan-lớn. Đào-Tiềm nói : « Ta chẳng vì 5 đấu gạo mà phải cong lưng... » rồi bỏ quan-chức đi luôn.

(4) Xuất từ sách Mạnh-tử nói : « Tiên thiên-hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên-hạ chi lạc nhi lạc », nghĩa là có việc lo, thời lo trước mọi người trong thiên-hạ, có việc vui, thời vui sau mọi người trong thiên-hạ.

(5) Trần-bích-San là người làng Vị-xuyên, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định, thi đỗ Tam-nguyên là Hương-nguyên (hay Giải-nguyên), Hội-nguyên và Đình-nguyên Hoàng-giáp khoa thi Hội năm Ất-sửu (1865).

Quyển thi kỳ phú-thi của Ông Trần-bích-San được vua Tự đức phê bút son như sau :

« Người tuổi trẻ mà liên-trúng Tam-nguyên, thật là hiếm có ! Đó là do Tổ-Tiên nhà ngươi tích đức, nên ngươi được hưởng phúc vậy. Sau này nếu ngươi đem tài kinh-→

http://tieulun.hopto.org

«文無山水非奇氣，
人不風霜未老才»

«Văn vô sơn thủy phi kỳ khí ;
Nhân bất phong sương vị lão tài».

Xin tạm lược dịch :

« Văn mà không có sơn thủy làm khung-cảnh và sắc-thái cho nội-dung, thì không phải là văn có khí-vị kỳ-thú.

Con người không từng trải phong-trần, dạn-dày sương-gió, thì tài hay chưa luyện nên già-dặn, vì còn chưa thạo việc đời.»

Tác-giả truyện Kim-Vân-Kiều, tức Tiên-điền Nguyễn-Du Tiên-sinh thực là con người đã từng dày-dạn phong-sương, mà văn-chương truyện Kim-Vân-Kiều quả là một áng văn-chương đậm màu sơn thủy vậy.

Truyện Kim-Vân-Kiều gồm có 3.254 câu thơ thượng-lục hạ-bát là một thiên tiểu-thuyết toàn-bích đặc-biệt về phương-diện văn-chương, cho nên hồi 1924 trong buổi lễ kỷ-niệm Tiên-điền Nguyễn-Du Tiên-sinh tổ-chức tại nhà Khai-trí Tiến-đức ở Hà-nội, Ông Thượng-chi Phạm-Quỳnh, Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút báo Nam-phong đã nói trước hàng ngàn thính-giả :

...tế ra giúp nước được thành hiệu, là may-mắn cho nước, và khỏi phụ lòng Trẫm đã cất-nhắc ngươi.

Nay Trẫm đổi tên cho ngươi là Trần-Hy-Tăng, cũng là tỏ ý hâm-mộ tài ngươi như Lạn-Tương-Như đó. Làm bầy-tôi mà được như vậy, cũng đã đủ khỏi hổ-thẹn. Ngươi nên cố-gắng lên, và ghi nhớ lấy... »

Lạn-Tương-Như, tuổi trẻ tài cao, là tướng nước Triệu đời Chiến-quốc.

Vua Tần tình-nguyện đổi thành lấy viên ngọc Bích của vua Triệu, nên vua Triệu sai Tương-Như đem ngọc sang Tần trao-đổi. Sau khi trao ngọc, thấy vua Tần có ý lật-lọng, Tương-Như bèn lập kế lấy lại được hòn ngọc trong tay vua Tần, và uy-hiếp Tần Thủy-hoàng, nên mới được thoát thân một cách vô-sự.

Ông Trần-bích-San vốn lừng tiếng hay chữ, lại có tánh thanh-liêm giới-tiết, nên được vua Tự-đức đặc-biệt biết tới.

Ông Trần-bích-San là con Cụ Phó-bảng Trần-doãn-Đạt, và là học-trò Cụ Hoàng-giáp Nghị. Cụ Tam-nguyên Trần-bích-San là bạn đồng-trường với Cụ Tam-nguyên Nguyễn-Khuyến, nhưng Cụ Trần-bích-San đỗ trước Cụ Nguyễn-Khuyến 3 khoa là 6 năm.

http://tieulun.hopto.org

« Cụ Nguyễn-Du là một người đã gầy-dựng cho quốc-âm ta thành văn-chương, để lại cho chúng ta một cái « hương-hoa » rất quí-báu, đời đời làm vẻ-vang cho cả nòi-giống. Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, nước ta còn. Truyện Kiều là quốc-hoa, quốc-túy và quốc-hồn của nước ta vậy ».

Câu bình-phẩm của Ông Thượng-Chi đã kể ở trên, thiết-tưởng cũng không phải là quá đáng.

Ngoài truyện Kim-Vân-Kiều, Cụ còn sáng-tác nhiều bài văn, nhiều bài thơ rất có giá-trị đặc-biệt, như bài « 招魂 » « Chiêu-hồn » tức là bài văn « Cúng thập loại chúng-sinh » chẳng hạn, và rất nhiều tác-phẩm bằng Hán-văn thành những thi-tập và văn-tập như : « Thanh-hiên tiền hậu thi-tập », « Nam-Trung tạp-ngâm», «Bắc-thành thi-tập», « Bắc-hành tạp-lục « Lê quí kỷ sự » mà Viện Khảo-cổ hiện giao cho chúng tôi phiên dịch.

Cũng theo lời Cụ Nguyễn-Mai (đã chết trong trại giam Hà-tĩnh năm 1954) cho biết, thì phần nửa những tác-phẩm kể trên đều được biên-soạn thời-gian Cụ Du còn ở ẩn trong chốn thâm-sơn, và một số các văn-phẩm kể trên đã bị thất-lạc trong những cơn biến-loạn của đất nước.

Sau khi đi sứ Thanh về, Cụ xin nghỉ được sáu tháng, rồi lại bị trọng-dụng làm chức Lại-bộ Hữu Tham-tri (có bản sách lại chép Lễ-bộ Hữu Tham-tri). Cụ đã liệu cách thoái-thác, nhưng không thể được, đành phải xuất-chính một lần nữa, thực là việc « đại bất như ý » đối với Cụ lúc bấy giờ :

« Tiếc thay trong giá trắng ngần
Đến phong-trần cũng phong-trần như ai »

Nhưng rồi chẳng bao lâu, Cụ lại khẩn-khoản xin từ quan và lời thỉnh-nguyện thiết-tha của Cụ đã được vua Gia-long chấp-thuận.

Trong thời-gian phục-vụ tại Kinh, Cụ không hay phát-biểu ý-kiến của mình giữa Triều-hội, cũng không bao giờ hiến tấu đề-nghị hay biện-bác một điều gì, nên thỉnh-thoảng Cụ lại bị Vua Gia-long khiển-trách ; đại khái nhà vua đã phán rằng :

http://tieulun.hopto.org

« Sao Khanh không chịu nói-năng, bàn-bạc việc gì cả ? Vị quan hay giỏi không phải là người quả-ngôn, cần-thủ như vậy. Hễ biết việc gì đáng nói thì phải nói ra, để làm sáng-tỏ cái chức-trách của mình, chứ có lẽ đâu lại cứ rụt-rè, sợ-hãi như thế ?...» (Theo Đại-Nam Chính-biên Liệt-truyện, ở đoạn chép về Nguyễn-Du).

Nhưng Cụ vẫn không đổi tính, cứ giữ đúng câu «Dĩ-bất ngôn vi thượng» nghĩa là không nói gì là hay hơn cả, và biết đâu lúc ấy Cụ lại chẳng nghĩ thầm rằng :

« Bó tay về với Triều-đình,
Hàng-thần lơ-láo phận mình ra chi !»

Có người đã phỏng-đoán tâm-lý của Cụ qua ý-nghĩa hai câu thơ trên mà ví Cụ như Từ-Nguyên-Trực (tức Từ-Thứ) đời Tam quốc vì sự bất-đắc-dĩ phải về với Tào, mà thề không bày mưu hiến kế cho Tào.

Đến năm 1820, vua Minh-Mạng lên ngôi, liền xuống Chiếu vời Cụ ra làm quan, và phái Cụ sung chức Chánh-sứ qua Thanh cầu phong nữa.

Cụ chưa kịp phúc-tâu, thì lâm trọng bịnh rồi từ-trần.

Trong lúc bịnh-tình trầm trọng, Cụ nhứt định không chịu dùng một thứ thuốc-thang nào cả, mặc dầu người nhà đã hết lời van-lơn. Đến khi thấy bịnh-tình Cụ nguy-kịch lắm rồi, người nhà vội sắc sâm, mài quế, cố nài Cụ uống thay trà cho đỡ khát, hầu cấp cứu nguy cơ, nhưng mặc dầu họ đã tận-lực, tận-tâm khuyên mời, năn-nỉ, Cụ cứ lắc đầu, mím miệng lại.

Cứ mỗi lần gia-nhân vào phòng bịnh thăm-nom, Cụ bảo hãy rờ mình mầy chân tay Cụ, rồi cho Cụ biết nóng lạnh ra sao để liệu chừng...

Khi người nhà rờ thăm chân tay Cụ và thưa :

«Đã lạnh ngắt cả hai bàn chân rồi».

Cụ bảo : 'Tốt'.

http://tieulun.hopto.org

Lát sau, người nhà lại vào phòng bịnh, cũng rờ-rẫm thân mình Cụ, rồi thưa :

«*Lạnh tới đầu gối rồi*».

Cụ lại bảo : «Tốt, Tốt».

Lần sau nữa, người nhà lại vào phòng bịnh thăm Cụ, rờ khắp mình Cụ, rồi thưa :

«*Đã lạnh ngang bụng rồi*».

Cụ gật đầu nhẹ-nhẹ, rồi từ-từ nhắm mắt luôn, không hề than-thở, trăn-trối một lời nào cả.

Cụ lâm-chung vào ngày mồng mười tháng tám năm Canh-thìn (1820), hưởng thọ được 56 tuổi.

Tiên-điền Nguyễn-Du Tiên-sinh đã phải sống trong nghịch-cảnh tâm-tình, suốt đời sầu khổ vì chưa đạt được chí-hướng «phù Lê» ; lại tuổi thọ chưa tới lục tuần «nhĩ thuận», nghĩa là chưa đến lúc nghe nói điều gì cũng xuôi tại vì đã thấu triệt vật lý, hiểu rõ nguyên-nhân phát-sinh và lý-do tồn-tại của mọi việc đời, mới không còn thắc-mắc đối với những điều nghe thấy, cho nên mãi đến lúc gần chết, Tiên-sinh vẫn bị ám-ảnh bởi món nợ ân tình đối với Cố-Lê :

«*Nợ tình chưa trả cho ai,*
Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan».

Tiên-sinh lại còn sợ người đời sau chê trách mình đã phụ tình cố-chủ, và không biết rằng chính mình đã bị đau khổ vì «tư Lê» mà thương thay cho mình, nên trước khi nhắm mắt từ-trần, Tiên-sinh đã khẩu chiếm hai câu thơ sau đây :

«不 知 三 百 餘 年 後，
天 下 何 人 泣 素 冠».

http://tieulun.hopto.org

«*Bất tri tam bách dư niên hậu,*
Thiên-hạ hà nhân khấp Tố-Như».

Nghĩa là :

«Không biết sau đây ba trăm năm, trong thiên hạ có ai thấu hiểu nỗi khổ tâm của Tố-Như mà khóc Tố-Như hay không ?»

Được ai-phó Cụ Nguyễn-Du từ trần, vua Minh-Mạng và Triều-đình cử Khâm-phái mang lễ-vật và câu-đối, văn-ai ra phúng-điếu vong-linh Cụ, tựu-trung có hai câu sau đây :

1) «一 代 才 名，爲 使 爲 卿 生 不 泰；
百 年 事 業，在 家 在 國 死 猶 榮».

«*Nhứt đại tài-danh, vi sứ vi khanh sinh bất thiểm ;*
Bách niên sự-nghiệp, tại gia, tại quốc tử do vinh».

Xin tạm dịch :

«Một kiếp tài-danh, làm sứ, làm khanh, sinh chẳng thẹn.
Trăm năm sự-nghiệp, ở nhà, ở nước, thác còn vinh».

2) «一 院 琴 樽 人 既 去，
大 家 文 字 世 相 傳».

«*Nhứt viện cầm tôn nhân ký khứ,*
Đại gia văn tự thế tương-truyền».

Xin tạm dịch :

«Chén rượu cung đàn, đồng viện người hiền đâu vắng ?
Câu thơ nét chữ, đại gia tiếng tốt còn truyền».

*

Gia-đình Cụ Nguyễn-Du, trải mấy đời cao khoa hiển hoạn, đã chịu ân trạch của nhà Lê rất nhiều. Vả lại nhà Lê trong bốn trăm năm dựng nước

http://tieulun.hopto.org

trị vì, đã lưu lại cho nước nhà biết bao nhiêu công-trình, sự-nghiệp vẻ-vang và hữu-ích. Đến khi nhà Lê suy-đốn, cơ-đồ tan-nát, xã-tắc ngửa-nghiêng, con người trung quân ái quốc như Cụ Nguyễn-Du được trông thấy cảnh tang-thương biến-cải kia mà không thương tiếc và buồn-rầu sao được ?

Bị bắt-buộc ra làm quan với nhà Nguyễn, Nguyễn-Du Tiên-sinh tự cảm thấy mình đã hành-động trái với lương-tâm, với danh-giáo, với cương-thường đạo-lý cổ-truyền khi không giữ trọn được tấm lòng trung nghĩa thủy-chung đối với Cố-Lê. Sự thực, Tiên-sinh đã cố-tình xa-lánh triều Nguyễn, hầu bảo-toàn tấc dạ trung-thành hay lòng trong-sạch theo quan-niệm của Tiên-sinh, nhưng tình-thế không cho phép, nên Tiên-sinh đã phải miễn-cưỡng ra làm quan :

«Tiếc thay nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần».

Mỗi lần thăng nhậm chức mới, hưởng bổng lộc mới, là một phen «bùn lại vẩn lên» trong tâm-hồn Tiên-sinh, gây cho Tiên-sinh những vết thương-tâm khó xoa-dịu, những mặc-cảm tội-lỗi vẩn-vơ. Những ảo-tưởng ấy cứ liên-tục thể hiện qua trí tưởng, nên Tiên-sinh phải chịu sầu muộn suốt đời.

Làm ra truyện Kiều để tiêu sầu giải muộn, biết đâu Tiên-sinh lại còn có dụng ý lồng vào đây một bản trần-tình bày-tỏ những nỗi lòng u-ẩn, và nêu rõ những hoàn-cảnh éo-le đã quyết-định bao nhiêu hành-vi và thái-độ khi-cư xuất-xử, mong đời sau thấu-hiểu mà không còn dị-nghị về những sở-hành « bất-đắc-dĩ » của mình.

Nếu giả-thiết ấy không lầm, thời nhân-vật chính trong truyện — tức Thúy-Kiều — làm biểu-tượng cho thân-thế của Cụ Nguyễn-Du.

Thúy-Kiều là một nữ-nhi khuê-các, con nhà thi-lễ, tài-sắc rất mực, khôn-ngoan đủ điều, lại có hiếu-hạnh tiết văn. Chỉ vì gia-biến bất-kỳ, và thế-đồ trắc-trở, mà đến nỗi bèo giạt hoa trôi, lênh-đênh ngàn dặm, rồi đành phải lỗi thề với tình-lang là Kim-Trọng. Tình-cảnh ấy cũng giống cảnh-ngộ của

http://tieulun.hopto.org

Nguyễn-Du Tiên-sinh là con giòng trâm-anh thế-phiệt, học rộng tài cao, lại đầy lòng trung-nghĩa tiết-tháo, quyết chí phù Lê. Chỉ vì gặp buổi bể dâu xáo-trộn, vận nước đổi-dời, và bị hoàn-cảnh éo-le thúc đẩy tới những bước đường ngang-trái, mà Tiên-sinh không thể giữ trọn tiết-trung với cố-chủ.

Để tìm hiểu thêm về tâm-sự thầm-kín của nhà đại-thi-hào và văn-bá của nước ta là Tiên-điền Nguyễn-Du Tiên-sinh, xin hãy đọc bài thi Đường-luật dưới đây của Tiên-sinh, làm trong thời-gian cáo quan qui điền, và lúc Tiên-sinh đã ngoài 50 thôi, đề thi là « 夜 行 » «Dạ hành», nghĩa là «đi đêm» :

夜 行

"老 衲 安 眠 鴻 嶺 雲
浮 鵬 靜 宿 煖 沙 濆
南 溟 殘 月 浮 千 里
古 陌 寒 風 共 一 人
黑 夜 何 其 迷 失 曉
白 頭 無 賴 拙 藏 身
不 趁 夕 露 霑 衣 袂
且 喜 韻 眉 不 染 塵".

DẠ HÀNH

«Lão nạp yên miên Hồng-lĩnh vân,
Phù âu tĩnh túc noãn sa tân.
Nam minh tàn nguyệt phù thiên lý,
Cổ mạch hàn phong cọng nhứt nhân.
Hắc dạ hà kỳ mê thất hiểu ?
Bạch đầu vô lại chuyết tàng thân.
Bất sầu tịch lộ triêm y duệ,
Thả hỷ tu mi bất nhiễm trần».

http://tieulun.hopto.org

Xin tạm dịch :

ĐI ĐÊM

« Sư già ngon giấc đỉnh non Hồng,
Vịt nước yên nằm ở bến sông,
Ngàn dặm trăng tàn ngoài biển cả,
Một mình gió lạnh giữa trời đông.
Đêm đen quên sáng, sao dài nhỉ ?
Đầu bạc trơ hình, có vụng không ?
Nào ngại sương rơi tay áo ướt,
Râu mày khỏi bụi cũng vui lòng ».

Bài thơ nầy được sáng-tác vào lúc Nguyễn-Du Tiên-sinh đã cáo quan về nhà và lúc ấy Tiên-sinh đã ngoài 50 tuổi.

Theo tinh-thần bài thi « Dạ hành » kể trên, và theo ý-nghĩa hai câu thích-thực hay là tả-chân (câu 3 và câu 4), và chúng ta nhận thấy thâm ý Tiên-sinh muốn nói : Vua Lê đương lênh đênh ở nơi khách-địa xa-vời, và Tiên-sinh đương chịu khổ-tâm một mình ở chốn quê-hương quạnh quẽ. « Nam-minh tàn nguyệt » (trăng tàn bề Nam) ám chỉ chiếc thuyền lưu-vong của vua Lê Chiêu-thống đương trôi giạt ở nơi biển cả xa-xăm nghìn dặm. Còn « Cổ-mạch hàn pl ong » (gió lạnh đường xa), ngụ-ý nói vận nước ta đương trải qua những cơn biến-cố. « Nhứt nhân » (một người) đây là ám-chỉ Tiên-sinh. Xa vua Lê, Tiên-sinh đương sống một cuộc đời lạnh lẽo quạnh hiu, buồn-rầu vô hạn.

Với hai câu luận hay là hai câu trạng (câu 5 và câu 6). Tiên-sinh trách đêm quá dài, quên mất sáng (hắc dạ hà kỳ mê thất hiểu), lại tự trách thân già đã không có nơi nương-tựa, lại còn không biết cách giấu mình (bạch đầu vô lại chuyết tàng thân). Như vậy, theo ý Tiên-sinh thì lúc bấy giờ còn là thời đen-tối (hắc dạ), là lúc loạn-ly, chưa phải là buổi thái-bình thịnh-trị, mặc dầu vua Gia-Long nhà Nguyễn đã lên ngôi trị vì được mười mấy năm

http://tieulun.hopto.org

trời rồi. Và Tiên-sinh tự trách mình không biết lối tàng-thân cho khỏi phải xuất-đầu lộ-diện (ra làm quan với triều Nguyễn) để phải thất-trung với Lê-Hoàng là điều mà Nho-giáo không thể nào dung-thứ được.

Đến hai câu tổng-kết (câu 7 và câu 8), Tiên-sinh tỏ ý rằng : bị sương đêm rơi xuống, làm ướt tay áo, cũng không đáng buồn cho lắm (bất sầu tịch lộ triêm y duệ), bởi râu mày không vướng phải bụi, là điều đáng mừng rồi (thả hỷ tu my bất nhiễm trần). Hai câu nầy có lẽ Tiên-sinh nói lên để tự an-ủi phần nào : dầu có bị ép-buộc ra làm quan với nhà Nguyễn trong năm ba năm, thanh-danh bề ngoài có thể bị hoen-ố phần nào, nhưng trong lòng vẫn giữ được một niềm chung thủy đối với nhà Lê, như thái-độ « vô ngôn », là không bao giờ bày mưu hiến kế cho vua Nguyễn chẳng hạn ; như vậy thì khí-tiết của Tiên-sinh cũng không đến nỗi nào !

Vậy để kết-thúc bài nầy, tôi xin thiển-nghĩ một đôi câu đối kỷ-niệm Tiên-điền Nguyễn-Du Tiên-sinh như sau :

« Tuyệt-thế thi-hào, giáng-sinh đà trăm rưỡi hai năm, người mất mà văn-chương không thể mất ;

Đoạn-trường kiệt-tác, truyền-tụng mãi trăm ngàn vạn thuở, nước còn thì sự-nghiệp vẫn đương còn ».

http://tieulun.hopto.org

HOÀNG-ƯNG

tìm hiểu biểu tượng qua truyện ngắn «diễn viên tuyệt thực»* của Franz Kafka

Frank Kafka xây dựng truyện ngắn *Diễn viên Tuyệt thực* trên một thể tài khá phổ quát chắc ai cũng đã có dịp nhận định đó là sự đắc thắng của vật chất, của bạo lực, của mầu mè hình thức, của mánh lới trên các giá trị tinh thần. Nhưng có điều khác biệt giữa ông và những người bình thường là lòng tin ấy nơi ông quá sâu đậm, không còn có cách nào lay động được nữa trong khi những người thường còn có lúc nghĩ lại.

Kafka đã mượn chuyện Người diễn viên tuyệt thực, một trò chơi man rợ nhưng rất thịnh hành ở Âu Châu ngày trước để truyền đi một thông điệp mà ông cho là một chân lý Vĩnh-Cửu, đối với ông nó có giá trị một bản tuyên ngôn. Nếu đọc Kafka chỉ để hiểu theo nghĩa đen thì người đọc sẽ thất vọng não nề, văn ông rất u tối, một câu dài năm bảy dòng, một đoạn dài năm bảy trang, miệt mài như giòng ý thức không nguôi. Nhưng tiến lên bình diện biểu tượng thì ông là một văn bá làm nức nở cả những tâm hồn dằn vặt, đau đớn suy tư nhất. Bi thảm đến độ rùng rợn khiến những người hùng của trường thuyết bi đát như Paul Sartre, Albert Camus hay Samuel Beckett cũng phải rợn người.

Người diễn viên tuyệt-thực ở đây có thể là (1) một nghệ sĩ đích thực văn, thi sĩ, họa sĩ, hay nhạc sĩ (2) một nhà tôn giáo thần bí, một vị linh mục, một thượng tọa, một thánh nhân chính thống (3) giá trị tinh thần — thành tố siêu việt nơi con người trong xã hội mệnh danh là tân tiến ngày nay.

Ngô nghê hơn nữa ta có thể bắt gặp hình ảnh người con gái đã một lần bị ruồng bỏ sau khi ong bướm hút nhụy, một người vợ hiền đã mất chồng về tay người khác, chết mòn mỏi trong dưỡng trí viện để cho kẻ khác

* « *A Hunger Artist* »

http://tieulun.hopto.org

thế vì. Và nếu thích chính trị thì đây là hình ảnh một trang quốc khách, quốc phụ ôm ấp lý tưởng quốc gia dân tộc bừng tỉnh dậy thấy mình vong mạng để hồ báo lên ngôi. Thấm thía nhất là phần cuối truyện khi người diễn viên trước sự giả nhân giả nghĩa và tráo trở của anh bầu gánh xiệc đã hờn lẫy nói là mình tuyệt thực vì không kiếm được thức ăn mình ưa thích. Lương thực trần thế (nourriture terrestre) không hợp với khẩu vị của anh.

Kafka đã cho một bố cục tương phản của hai đoạn đời: lúc được người đời hâm mộ và bị tên bầu gánh khai thác, lúc bị quên lãng đào thải tàn nhẫn. Nhưng sự oái oăm oan nghiệt (irony) thì len lỏi không ngừng trong mỗi chữ, mỗi câu và toàn bài. Sự lẻ loi, cô độc, sự ray rứt là số phận của cuộc đời, lúc thịnh cũng như lúc suy. Hãy chấp nhận thân phận. Hữu thân hữu khổ phàn nàn cùng ai ? Thái-độ khắc kỷ kiên nhẫn ở đây vẫn đáng kính trọng hơn cả. Kiếp này lỡ rồi biết đâu chẳng có một thế giới luân hồi rạng rỡ đang chờ đợi mời gọi.

*

Mấy mươi năm gần đây cái thú đi xem biểu diễn tuyệt thực của các nghệ sĩ tuyệt thực chuyên nghiệp đã giảm đi rõ rệt. Ngày trước khéo tổ chức thì những cuộc trình diễn rầm rộ mà khéo điều hành thì hốt bộn bạc, bây giờ thì hết ăn khách rồi. Xã hội chúng ta đang sống khác lắm rồi. Hồi xưa ở thị xã nào có cuộc biểu diễn ấy thì dân chúng nô nức vô tả, họ say sưa theo dõi diễn viên, sự nô nức tăng theo số ngày anh đã đạt được, ai cũng mong được tận mắt nhìn thấy anh ta mỗi ngày ít là một lần ; có những người mua vé thường trực nhất là vào những ngày cuối cùng và mất công ngồi từ sáng sớm đến đêm khuya trước cái chuồng có chấn song nơi anh ta đang ngồi ; ngay ban đêm cũng có những giờ mở cửa cho công chúng vào xem, những lúc đó không khí thật tưng bừng dưới ánh đuốc bập bùng ; vào những ngày đẹp trời chiếc chuồng được khiêng ra để giữa sân, lúc đó bọn con nít khoái lắm khi đứng xem người nghệ sĩ tuyệt thực, vì đối với người lớn anh ta chẳng qua chỉ là một thứ trò chơi đang thịnh hành, nhưng tụi con nít đứng

http://tieulun.hopto.org

há hốc mồm miệng, nắm lấy cánh tay nhau cho, đỡ sợ, ngây ngất nhìn anh ta mặt mũi xám ngoét ngồi đó bận chiếc quần ống túm vải đen, những chiếc xương sườn nhô ra dễ sợ, anh ta không ngồi trên ghế mà ngồi trên lớp rơm rải đáy cũi, đôi khi gật đầu lễ độ, trả lời những câu thăm hỏi bằng một nụ cười gượng, lại có khi đưa cánh tay qua song sắt cho người xem sờ nắn để biết anh ta gầy ốm đến độ nào, sau đó lại thu mình lại về với chính mình, không thèm để ý tới một người hay một vật gì, cũng chẳng thèm để ý tới chiếc đồng hồ kêu tích tắt rõ mồn một, đó là đồ vật độc nhất có trong chiếc chuồng anh ta ngồi, anh lim dim đôi mắt hướng ra khoảng hư vô, lâu lâu nhấp vào ly nước nhỏ cho đỡ khô môi.

Ngoài số khán giả thường còn có những toán giám sát viên thường trực do công chúng tuyển chọn, phần lớn là những anh đồ tề thế mới lạ chứ, bọn này có bổn phận ngày đêm canh chừng người biểu diễn tuyệt thực, từng bốp ba người một, xem anh ta có lén lút ăn gì không. Việc này chẳng qua là một nghi thức cho công chúng vững bụng thôi, vì chính những người đầu tiên lập ra nghi thức này đều biết rằng suốt thời gian nhịn đói diễn viên dù trong cảnh huống nào đi nữa, có bị cưỡng bách, cũng không bao giờ ăn một miếng rất nhỏ; danh dự nghề nghiệp cấm ngặt chuyện đó. Nhưng không phải giám sát viên nào cũng biết như vậy đâu, thường có những toán giám sát viên rất lơ là trong việc thực thi nhiệm vụ, họ cố ý túm tụm ở một góc thật xa để đánh bài thật say mê, họ cố tình cho diễn viên có dịp nhấm nháp chút xíu thứ đồ ăn mà họ cho là có kẻ đã lén lút tiếp tế. Không gì làm nản lòng diễn viên bằng loại giám sát viên này; họ làm anh đau khổ, làm cho cuộc tuyệt thực của anh hết chịu nổi; khi còn ráng kiềm chế được sự suy yếu thì anh hát nghêu ngao suốt phiên gác của họ, cố hát được để chứng tỏ anh bị nghi oan! Nhưng biện pháp này cũng không hữu hiệu, họ lại tỏ ý ngạc nhiên là tại sao lại khéo đến độ ăn no bụng mà hát được cơ chứ. Anh đắc ý hơn khi có những giám sát viên chịu ngồi sát bên song không thỏa mãn với thứ ánh sáng lờ mờ trong đêm tại dãy hành lang mà lại hướng thẳng ngọn đèn « pin » do ông bầu gánh cung cấp vào chỗ anh ta. Thứ ánh sáng gắt

http://tieulun.hopto.org

ấy không gây khó chịu cho anh chút nào cả, dù sao cũng chẳng lúc nào anh ngủ ngon giấc, chỉ chập-chờn ngủ chút xíu, bất chấp loại ánh sáng, bất chấp vào lúc nào ngay cả khi dãy hành lang tấp nập người đi xem đang gây huyên náo. Anh sung sướng lắm nếu được qua một đêm không ngủ với những khán giả loại ấy, anh sẵn sàng trao đổi những mẩu chuyện khôi hài với họ, kể cho họ nghe những câu chuyện về nếp sống du mục của anh, anh làm bất cứ điều gì có thể để giữ cho người xem khỏi buồn ngủ và chứng tỏ lại cho họ thấy anh không hề dự trữ 1 hạt gì ăn được, anh có thể tuyệt thực giỏi hơn bất kỳ người nào trong bọn họ. Nhưng lúc sung sướng nhất của anh là khi trời sáng một bữa điểm tâm thật thịnh soạn được sửa soạn cho họ ăn, do gánh đãi, họ nhảy xổ vào ăn ngon lành hết sức, thứ ngon lành của những kẻ khoẻ mạnh sau một đêm thức trắng mệt mỏi. Lẽ dĩ nhiên có những người cho là bữa đãi ăn này cốt để mua chuộc mấy giám sát viên, nhưng họ quá lo xa khi nói như vậy nếu có mời họ gác đêm mà không mời ăn chỉ nhận danh đại nghĩa thì bói không ra người, mặc dầu họ vẫn khăng khăng nghi kỵ.

Dù sao thì những điều nghi kỵ ấy là thứ phụ tùng cần thiết cho nghề tuyệt thực. Không ai có thể giám sát người tuyệt thực liên tục đêm ngày được, và cũng vì vậy không ai đủ bằng chứng để chứng minh rằng cuộc tuyệt thực thật sự nghiêm chỉnh và liên tục ; chỉ có diễn viên mới tự biết, do đó anh ta bị bó buộc đóng vai người khán giả thỏa mãn về cuộc tuyệt thực của mình. Nhưng vì những lý do khác anh ta chẳng bao giờ được hài lòng cả ; có lẽ không phải chỉ vì tuyệt thực mà anh gầy giơ xương ra thế đâu, gầy đến độ nhiều người tiếc nhưng không dám đến xem anh biểu diễn được, vì nhìn anh họ chịu không nổi, mà cũng vì bất mãn với chính mình nên anh mới héo hắt đến độ ấy. Vì chỉ có anh mới biết cái điều mà không ai biết là tuyệt thực thật dễ ợt. Không có việc gì dễ hơn. Anh không dấu diếm điều này nhưng người ta đâu có tin anh, tốt lắm thì họ cho là anh khiêm tốn, nhưng phần lớn thì họ cho là anh có ý khoe khoang hoặc cho rằng đây là trò bịp vì đương sự đã tìm ra bí quyết làm cho nó trở thành dễ rồi lại trâng tráo công nhận là dễ, không hơn không kém. Anh ấm ức vì

http://tieulun.hopto.org

sự kiện này, thét rồi cũng phải chịu, nhưng sự bực tức luôn luôn dấm dứt trong lòng, và chưa bao giờ, sau mỗi cuộc tuyệt thực — điều này phải nhận cho anh ta — anh ta lại tự ý ra khỏi chuồng. Thời kỳ tuyệt thực được giới bầu gánh định bốn mươi ngày là dài nhất, quá hạn ấy anh ta không được tiếp tục nữa ngay ở các thành phố lớn cũng vậy, và họ cũng có lý do chính đáng để bắt vậy. Kinh nghiệm cho thấy rằng trong khoảng bốn mươi ngày sự nô nức của dân chúng còn có thể giữ được nhờ gia tăng mức độ quảng cáo, nhưng sau đó công chúng hết ham, sự hỗ trợ đầy thiện cảm suy giảm : cũng có sự khác biệt từ địa phương này sang địa phương khác, từ thị xã này qua thị xã khác, từ quốc gia này qua quốc gia khác, nhưng qui tắc chung vẫn là giới hạn bốn mươi ngày. Như vậy là vào ngày thứ bốn mươi, khung chuồng được kết hoa mở cửa, những khán giả nô nức đứng chật nich hành lang, một ban quân nhạc thổi, hai ông bác sĩ vào chuồng để đo lường kết quả cuộc tuyệt thực, kết quả được công bố qua một ống loa, sau đó là hai cô trẻ đẹp xuất hiện, họ hãnh diện được tuyển lựa để làm công tác vinh dự dìu diễn viên đi vài bước đến chiếc bàn con đã dọn sẵn một bữa ăn kén chọn kỹ lưỡng cho người ốm yếu. Và đúng lúc ấy diễn viên trở nên bướng bỉnh. Phải, mặc dầu anh đưa đôi cánh tay cẳng gà cho hai người đẹp đang cúi xuống giúp anh, nhưng đứng dậy thì anh không chịu. Tại sao lại phải chấm dứt tuyệt thực và giây phút đặc biệt này sau bốn mươi ngày nhịn đói ? Anh ngồi ì một lúc lâu, một thời gian vô hạn định ; tại sao lại ngưng vào lúc này, trong lúc cơ thể anh đã biến thể tới hình thái siêu đẳng nhất sau khi tuyệt thực, hay là chưa tới độ viên mãn nhất của hình thái ấy ? Tại sao người ta lại gian lận cướp đoạt danh vọng không cho anh tuyệt thực nữa, vì dù đã đạt được thành tích tuyệt thực cao nhất của một diễn viên của muôn thủa, nhưng phải tự phá kỷ lục của chính mình bằng một cuộc biểu diễn quá mức không ai tưởng tượng nổi, vì anh ta cảm thấy mình còn khả năng tuyệt thực tới vô hạn. Công chúng làm ra bộ ngưỡng mộ anh lắm, nhưng tại sao lại tỏ ra quá sốt ruột với anh như vậy, nếu anh còn chịu đựng được sự tuyệt thực, tại sao họ lại không cho

http://tieulun.hopto.org

anh chịu đựng thêm nữa ? Ngoài ra, anh mệt rồi, anh cảm thấy dễ chịu khi ngồi trên lớp rơm này, bây giờ lại bắt tội anh đứng lên cao lêu đêu lại phải đi ăn, nguyên nghĩ tới thế anh đã buồn nôn rồi chỉ vì có mặt mấy cô anh không nỡ phụ lòng họ, cực lòng lắm anh mới phải chịu. Anh ngước nhìn vào những đôi mắt của mấy nàng ánh lên thân thiết nhưng trong thực tế lại quá tàn nhẫn, anh lắc đầu thấy nó nặng trĩu trên chiếc cần cổ kiệt lực. Rồi chuyện xảy ra như đã từng xảy ra. Ông bầu gánh tiến lại, không nói nửa lời — Vì ban nhạc thổi ầm ĩ nói cũng chẳng được — cầm hai cánh tay anh đưa lên cao quá đầu, như thể mời Trời Cao nhìn xuống một sinh vật của mình trong ổ rơm, vị thánh tử đạo đang đau khổ này, mà đúng là như vậy, nhưng theo nghĩa khác, ông bầu xốc chiếc eo lép của anh ta lên làm ra bộ cần thận vô cùng để mọi người dễ thưởng ngoạn cái tình trạng ốm tong của anh ta ; và trao anh ta cho mấy cô với vẻ sợ sệt đầy săn sóc, ông bầu không quên ngầm dúi anh ta một cái cho toàn thân và hai chân anh loạng choạng xiêu vẹo. Bây giờ thì diễn viên phục tòng hẳn rồi ; đầu rũ xuống ngực như thể ngẫu nhiên nó rũ xuống đó, tấm thân anh như rỗng tuếch ; đôi chân co quắp trong thế tự bảo tồn chụm vào nhau nơi đầu gối, vậy mà ngón chân còn bấm chặt xuống đất như thể sợ đất không đủ vững, như còn đang ráng tìm chỗ đất vững ; và cả trọng lượng thân thể anh ta nhẹ tựa chiếc lông ngã rúi vào một trong hai người đẹp, nàng đưa mắt đảo quanh cầu cứu và thở hổn hển — cái nông nỗi danh dự này đâu có ngờ lại xảy ra — đầu tiên cô nghiền cổ ra rõ xa để mặt cô tránh khỏi va chạm với diễn viên, rồi làm thế cũng chẳng được, và cô bạn tốt phước hơn kia cũng chẳng tiếp cứu cho nàng chỉ quờ quạng nắm bên ngoài chiếc tay run rẩy của nàng đang chứa đựng những xương đốt tay của diễn viên trước sự khoái trá của khán giả, nàng oà lên khóc và một người phụ tá chờ sẵn nhảy vào thế. Rồi đến mục ăn, ông bầu cố nhét một chút vào kẽ môi anh ta, trong khi anh ngồi như người nửa tỉnh nửa mê, kèm theo mục nói năng hươu vượn mua vui cốt để khán giả bớt chú ý tới tình trạng thực của diễn viên ; sau đó là mục diễn viên uống ly rượu mừng khán giả, làm như diễn

http://tieulun.hopto.org

viên thì thào vào tai ông bầu để nghị điều ấy ; ban nhạc trỗi lên để xác định điều này bằng một điệu nhạc rất rầm rộ ; khán giả giải tán, mọi người đều hài lòng về diễn biến, chỉ trừ có người diễn viên thì lúc nào cũng vậy.

Và cứ thế anh ta sống rất nhiều năm, xen kẽ với những khoảng thời gian phục sức, vẻ vang vinh quang, được mọi người tôn sùng, mặc dầu tâm trí bị bực bội, và càng bị bực bội hơn vì không ai coi trọng điều bực bội của anh. Anh có cần tiện nghi gì nữa không ? Anh còn muốn gì thêm nữa không ? Họ chỉ băn khoăn có thế thôi. Và nếu có người nào tốt bụng, cảm thấy thương anh thì họ ráng an ủi anh rằng sở dĩ anh có vẻ u uất đó là hậu quả của sự tuyệt thực, chuyện này thường xảy ra, nhất là sau khi anh đã tuyệt thực được ít ngày, anh thường phản ứng lại bằng sự nổi sùng khiến mọi người hoảng sợ vì anh bắt đầu rung những tấm song chuồng như một con dã thú. Nhưng ông bầu đã có cách trừng trị những vụ lộng hành ấy mà ông rất thích áp dụng. Ông sẽ đứng ra tạ lỗi với khán giả vì thái độ của diễn viên, điều đó ai cũng dễ bỏ qua, ông nghĩ vậy, rằng anh ta đã nổi sùng vì đói, tình trạng mà những người ăn uống bình thường không hiểu được, rồi chuyển để một cách tự nhiên ông đề cập đến sự huênh hoang của diễn-viên nói là có thể nhịn đói lâu hơn là anh ta đã từng làm, nói thế ai tin nổi ; ông ca ngợi tham vọng cao xa của diễn viên, ca ngợi thiện chí, nói như thế là mặc nhiên ca ngợi cả sự hy sinh quên mình, rồi ông ta lại tự phản lại lời vừa nói bằng cách đưa ra những tấm hình chụp diễn viên vào ngày tuyệt thực thứ bốn mươi nằm trên giường như thằng chết rồi, những tấm hình này bày bán nhan nhản cho công chúng mua chơi. Sự bóp méo sự thực này thì diễn viên quen quá rồi, nhưng mỗi lần bị nghe nhắc lại thì anh lại cảm thấy nhức nhối chịu không thấu. Thực ra tình trạng bị bắt buộc phải chấm dứt tuyệt thực quá sớm là nguyên nhân giận dữ của anh ta. Nhưng làm sao có thể chống lại sự thiếu hiểu biết này, chống lại cả một thế giới ngu tối chỉ thích hiểu lầm thôi. Cũng có nhiều khi tỏ thiện tâm anh ra đứng sát bên song nghe ông bầu nói, nhưng đến khi những tấm hình được đưa ra thì lập

http://tieulun.hopto.org

tức anh chịu thua và rên rỉ ngồi vật xuống ô rơm, và khán giả lại có thể vững bụng lại gần mà ngó.

Chỉ ít năm sau, khi những người đã từng đi xem những buổi trình diễn ấy nhớ lại, họ không hiểu tại sao mình lại đi xem như vậy. Vì một khi sự thay đổi cảm quan của quần chúng được đề cập ở bên trên đã xảy ra rồi, thì người ta lại cảm thấy như sự việc xảy ra trong một đêm ; có thể có những nguyên nhân sâu xa, nhưng ai mà thèm quan tâm đến vụ này ; thực tế là người diễn viên tuyệt thực được cưng chiều vào một ngày đẹp trời nào đó thấy mình bị những người đi tìm vui bỏ rơi, họ lũ lượt băng qua chuồng anh để đến những chỗ có trò chơi khác hấp dẫn hơn. Để thử thời vận lần chót ông bầu hấp tấp dẫn anh đi gần nửa Âu Châu để xem cái trò cũ kỹ này còn hấp dẫn nổi ai ở đâu chăng ; nhưng thật là vô ích ; đâu cũng chỉ thấy thái độ ruồng rẫy, như họ đã ngầm thỏa hiệp với nhau, đối với cái nghề tuyệt thực chuyên nghiệp, không còn nghi ngờ gì nữa. Lẽ dĩ nhiên là không phải ở đâu cũng bột khởi như vậy, và đã có những triệu chứng báo hiệu sự suy tàn ngay từ những thời vàng son của nghề nghiệp nhưng chủ nhân không thèm lưu ý hay phải cố tình lờ đi, bây giờ nhớ lại mới nghĩ ra, nhưng bây giờ tìm những biện pháp chống đỡ thì muộn quá rồi. Nghề tuyệt thực chắc rồi đây sẽ thịnh hành lại, đó là chuyện tương lai đâu có giúp ích gì cho những người sống nhờ nó trong hiện tại. Vậy thì người diễn viên tuyệt thực phải làm gì đây ? Anh đã từng được hàng ngàn người vỗ tay hoan hô chả lẽ bây giờ lại đem thân đi biểu diễn ở cái cũi tại các hội làng hay sao, mất thể diện quá. Còn kiếm nghề khác ư, không những anh già quá rồi mà lại còn quá say mê nghề tuyệt thực. Vì vậy anh đành giã từ ông bầu, một người đồng sự với anh trong một sự nghiệp huy hoàng, và đi làm công cho một gánh xiệc lớn ; để tâm can khỏi quá tủi nhục anh từ khước không muốn đọc những điều khoản trong giao kèo.

Một gánh xiệc lớn với một bộ phận thay thế, tuyển mộ diễn viên, thú vật và các dụng cụ thật vĩ đại thì thế nào chẳng có lúc phải sử dụng tới nhân

http://tieulun.hopto.org

viên, dù nhân viên ấy chỉ là một diễn viên tuyệt thực đi nữa, miễn là anh ta đừng đòi hỏi quá, và trong trường hợp này thì gánh không những được sử dụng diễn viên mà còn thừa hưởng tiếng tăm danh vọng anh đã lập được. Thực ra nếu trường hợp sự biểu diễn của anh chưa bị đà tiến bộ làm suy giảm thì họ vẫn có thể nại cớ là diễn viên đã qua thời sung sức rồi, tài nghệ của anh không còn ở mức độ cao nữa, nên đành đến xin ẩn dật ở một xó trong gánh xiệc ; trái lại diễn viên tuyệt thực thì vẫn cãi rằng anh vẫn có thể nhịn đói được như trước và anh nói rằng anh mà được phép theo ý mình, điều này thì được hứa hẹn ngay không mấy khó khăn, thì anh có thể lập một kỷ lục vô song làm kinh ngạc thế giới. Câu nói này làm các tay làm xiệc khác mỉm cười vì trong lúc say mê với nghề nghiệp quá anh quên khuấy đi là công chúng đã đổi cảm quan rồi.

Dầu sao thì anh cũng chưa mất hẳn ý thức thực tại và mặc nhiên chấp nhận là anh và cái chuồng anh ngồi không cần phải bày giữa khu đất dựng gánh như một trò thu hút khán giả nhất mà chỉ cần ở một chỗ nào dễ nhìn thấy, ở phía ngoài gần những chuồng thú chẳng hạn. Có những tấm bảng lớn chữ đậm mầu sắc vui tươi đóng quanh chuồng quảng cáo cho thú vật trình bày bên trong. Khi công chúng lũ lượt vào xem thú vật làm trò, họ không thể không đi qua chuồng của diễn viên tuyệt thực, và dừng lại giây lát, họ có thể dừng lại lâu hơn nếu họ không bị những người phía sau đứng trong một lối đi chật hẹp xô đi, những người này ngạc nhiên không hiểu tại sao những kẻ đi trước lại không nôn nóng vì những xen thú vật diễn trò, vì thế không ai đứng lại lâu mà bình tĩnh xem anh ta được. Và đó là lý do tại sao người diễn viên tuyệt thực đã từng nao nức chờ giờ mở cửa tưởng như là thời gian đắc thắng của mình nay lại chùn lại trước đám đông ấy. Lúc đầu anh cũng nôn nóng chờ đợi, thật là khích lệ khi chứng kiến những đám đông như một dòng suối chảy về phía anh, nhưng chẳng bao lâu — dù ngoan cố chủ quan cố tình bám xíu lấy ảo tượng cũng không phủ nhận được sự thật — rằng những người này, cứ bằng vào dáng điệu của họ, hết lần này tới lần khác, không sót một lần đang tiến về khu chuồng thú. Và nhìn họ từ đàng

http://tieulun.hopto.org

ta vẫn tốt hơn. Vì khi họ đến cũi anh ngồi anh bị điếc tai vì trận bão tố đầy tiếng la hét chửi của vang lên giữa hai đám chống đối nhau, mà bọn nào đi qua cũng vậy, một bên thì muốn dừng lại xem anh — anh đâm ra ghét bọn này hơn bọn kia nhiều—không phải vì thích thú muốn xem thực mà chỉ chỉ vì ngang bướng, và bên kia là những kẻ đòi đi ngay tới khu chuồng thú. Sau đám rầm rộ đã đi qua còn lại những người chậm chân đi sau, và những kẻ này không có gì cản trở không cho dừng lại để xem anh bao lâu mà họ muốn, họ lại bước những bước rất dài không cả ghé mắt ngó qua, họ hối hả đi cho kịp xem thú vật diễn trò. Và họa hoằn lắm mới gặp vận may, khi có một người cha của một gia đình dừng lại bên anh với một bầy con, đưa ngón tay chỉ biểu diễn-viên tuyệt thực và giải thích dài dòng cho chúng hiểu về hiện tượng này, kể rằng những năm về trước chính ông đã từng xem những buổi biểu diễn nhưng gay cấn hơn nhiều, và lũ trẻ vẫn ngẩn ngơ không hiểu vì bên trong cũng như bên ngoài học đường chúng chưa hề được chuẩn bị để hiểu về những lời giảng giải này — Chúng để ý làm gì chuyện tuyệt thực ? — nhưng mắt chúng vẫn sáng lên, điều đó báo hiệu những ngày tươi sáng sẽ có cơ trở lại. Có lẽ những lúc người diễn viên tuyệt thực tự nghĩ giá chuồng mình đừng quá gần chuồng thú thì đâu có đến nỗi. Nhờ thế người ta dễ lựa chọn hơn, ấy là không kể tới mùi khai thối anh phải chịu đựng vì gần chúng, đêm đến chúng lộn xộn không để cho nghỉ, người ta còn vác những tảng thịt sống cho lũ thú ăn, sự gầm thét khi chúng được cho ăn, những sự việc này làm anh khốn khổ không cùng. Nhưng anh không dám phàn nàn với ban quản lý ; dù sao anh cũng phải mang ơn lũ thú vì có nhờ chúng thì mới có những lũ người qua chuồng anh trong bọn người này thế nào cũng có người lưu ý đến anh, và ai có thể đoán là họ không đang tính nhét anh vào một xó nào đó vì họ đã nhận ra sự có mặt của anh, nghĩa là sự vướng mắt cản đường dẫn tới khu chuồng thú.

Một sự vướng mắt nho nhỏ, thực vậy, nó càng lúc càng ít chướng mắt. Người ta càng ngày càng nhận ra cái ý-nghĩ kỳ quái rằng ở cái thời buổi này mà còn có kẻ muốn họ chú ý tới một diễn viên tuyệt thực nữa à, và càng

http://tieulun.hopto.org

nhận ra cái dã ý ấy họ còn khinh ghét diễn viên : Bây giờ anh tha hồ mà tuyệt thực, và anh đã làm như vậy, nhưng không còn gì có thể cứu vớt nổi anh ta lúc này, người ta dửng dưng đi qua mặt anh. Bộ giảng giải cho họ nghe về nghệ-thuật tuyệt thực ư ? Người ta không ưa thích chuyện đó thì còn hiểu sao được. Những tấm bảng trình bày thật đẹp mỗi ngày một bẩn và mờ nét, chúng bị giật xuống ; tấm bảng thông cáo nhỏ ghi số ngày anh đã đạt được, lúc đầu còn được người ta điều chỉnh mỗi ngày, nhưng sau mấy tuần đầu người phụ trách cũng hết muốn làm nữa ; và như thế thì diễn viên chỉ cứ việc tuyệt thực, như anh đã từng mơ ước được làm như vậy, đối với anh thì chuyện đó cũng chẳng sao, đúng như anh đã từng nói trước, nhưng không có ai đếm ngày nữa, không ai, kể luôn cả diễn viên biết kỷ lục anh đã phá, và tâm can anh càng rầu rĩ hơn. Và rồi có một lần có một kẻ đi tản bộ qua dừng lại, giễu cợt đọc con số cũ trên bảng thông cáo nhỏ và kêu ầm lên là con số bịp, đó là một cách lừa bịp ngu xuẩn nhất do sự vô tình và xấu bụng bẩm sinh của con người, vì người diễn viên tuyệt thực đâu có bịp bợm ai ; anh hành động rất đàng hoàng nhưng người đời đã bịp mất phần thưởng của anh.

Còn nhiều ngày tiếp theo như vậy, nhưng rồi cũng phải chấm dứt. Một hôm có một người cai của gánh xiệc nhìn thấy chiếc chuồng đẹp như thế mà lại bỏ không với một lớp rơm dơ bẩn bên trong ; không ai hiểu tại sao, cho tới khi có một anh phu nhờ đọc tấm bảng mới nhớ ra là có người diễn viên tuyệt thực. Họ lấy gậy chọc và tìm thấy anh ta trong đó. « Bộ vẫn tuyệt thực đấy à ? » anh cai lên tiếng hỏi. « Bao giờ mới tính chấm dứt đây ? » « Xin mọi người thứ lỗi cho tôi », người diễn viên thì thào ; chỉ có bác cai ghé tai qua song sắt hiểu anh nói gì thôi. « lẽ dĩ nhiên rồi, » bác cai đáp, bác lấy ngón tay gõ vào trán mình ra hiệu cho những người phu biết là tình trạng anh ta nguy kịch lắm rồi. « Chúng tôi tha thứ cho anh ». « Tôi vẫn mong quí ông ngưỡng mộ tài tuyệt thực của tôi », người diễn viên nói: « Chúng tôi chẳng ngưỡng mộ là gì, » bác cai chống chế. « Nhưng quí ông đâu có ngưỡng mộ ». « Ừ, thì chúng tôi không ngưỡng mộ đã sao », bác cai tiếp « mà tại sao chúng tôi lại phải ngưỡng mộ cái trò ấy nhỉ ?» « Tại vì tôi phải tuyệt thực, có chống

http://tieulun.hopto.org

lại cũng chả được », người diễn viên thổ lộ. « Anh này kỳ nhỉ », bác cai nói ? « mà tại sao anh lại không chống lại được cơ chứ ?» « Bởi vì, » người diễn viên nói, vừa nói vừa ráng ngẩng đôi môi chầu ra như sắp hôn ai, đúng vào lỗ tai bác cai, để đừng lọt mất tiếng nào. «Bởi vì tôi không tìm được thức ăn mình thích. Nếu tôi đã tìm thấy thức ăn ấy, thì cứ tin tôi đi, đâu tôi có chê, tôi cũng ngốn ngấu như quí ông hay như bất kỳ người nào khác». Đó là những lời sau cùng của anh và đôi mắt mờ của anh vẫn giữ được lòng tin vững vàng dù không còn kiêu hãnh nữa rằng anh vẫn tiếp tục tuyệt thực.

*

« Rồi, quét dọn sạch đi ! » bác cai ra lệnh, và người ta chôn diễn viên tuyệt thực, chôn theo cả lớp rơm và tất cả. Họ nhốt vào chuồng đó một con báo non. Kể cả những người vô tâm nhất cũng thấy như tươi trẻ lại khi nhìn thấy con dã vật quanh quẩn trong chiếc lồng trước đây buồn thảm quá. Con báo vui vẻ lắm. Thứ đồ ăn nó thích được những người phu sẵn sàng đem đến ; nó cũng không có vẻ gì là mất tự do ; tấm thân óng chuốt của nó, bộ lông mướt mát sung mãn trang trí với đủ thứ đồ cần thiết như mang theo tất cả sự tự do ; sự tự do như chập chờn ở chỗ nào đó trên đôi môi ; và sự yêu đời đến độ tha-thiết từ cuống họng rống lên đến nỗi những người đứng xem khó chịu đựng nổi ba động. Nhưng người ta vẫn gồng người lên, xúm lại quanh chuồng, và không bao giờ muốn bỏ đi nữa.

http://tieulun.hopto.org

TRẦN-NHỰT-TÂN

từ triết lý đến bản chất thi ca giữa lòng huyền thoại (t. th.)

(Xin đọc V.H.T.S từ số 4 năm 1972)

3. Nhà xã-hội-học Durkheim bảo chính thần thoại và huyền thoại là nguồn gốc của khoa học và thi ca (1). Truyện cổ có thể xem như là một thế giới của hai yếu tố cơ cấu : *bất thực, hư ảo và mộng mị, mơ màng*. Hai yếu tố này mặc choàng cho các chủ đề và thường chúng siêu vượt chủ đề vì chủ đề còn mang nặng hệ số ý tưởng trong khi bất-thực-tính và mộng-mị-tính vừa bao hàm ý tưởng, vừa chối bỏ ý tưởng, và hơn nữa chúng cũng chính là lý tưởng ấy, đôi khi. « *Dans le rêve se manifeste et se libère le monde fabuleux de l'inconscient dont les ondes se mêlent alors de la conscience* ». (2). Chắc chắn muốn sáng tạo huyền thoại, các người nghệ-sĩ dân-gian đã phải chìm đắm trong những phút giây mơ màng : *thơ* từ đó đã làm nền cho các huyền thoại. Mơ là những thời gian cởi trói ý thức khỏi thực tại, thả tung vô thức vào những trước muốn ẩn tàng tận chiều sâu của sinh hoạt tâm linh ; đó là những thời gian làm đám cưới cho Dĩ vãng với Tương Lai mà hiện tại là một bột phát hiện sinh nên thơ : mộng mơ tạo nên vũ trụ huyền thoại cho vô thức, và đồng thời mạc khải cho chính ta giáp mặt với một *hiện-hữu-đêm* của chính ta những lúc vô thức tự do hiện hoạt. « Đêm khuya, anh nằm mơ thấy một con rồng hiện đến van xin anh... » (*Lọ thuốc trường sinh*). Quả thật, những thoáng tình nghệ sĩ chợt nở trong đêm, giữa lòng mơ ; lúc đó cảm tính nghệ thuật hóa nhập cùng các thực tại khiến cho sự ghi nhận sau đó là một thế giới vừa phản

(1) «C'est des mythes et des légendes que sont sorties la science et la poésie ; c'est l'ornementantique religieuse et des cérémonies du culte que sont devenus les arts plastiques». (E. DURKHEIM, do Meynard trích dẫn, in *l'Esthétique*. Eugène Belin, Paris, tr. 47).

(2) MEYNARD, op. cit.

http://tieulun.hopto.org

ảnh mộng mơ vừa phản ảnh hiện hữu của lòng người qua bao nhịp chập chùng của biện chứng tưởng tượng : người nghệ sĩ thường vận dụng tưởng tượng để tự do hiện hữu và thể hiện hữu được tự do : « *L'imagination est la conscience tout entière en tant qu'elle réalise sa liberté* » (Sartre). Bởi chỉ với tưởng tượng pha lẫn mộng mị với thực hữu mà con người mới cảm thấy mình vượt thoát khỏi chính thực tại để đạt đến thế giới mơ ước : thế giới của cái-Đẹp, của cái-Thật, vì cái gì Thật cũng là cái Đẹp : « *L'imagination est la reine du vrai* ». (Baudelaire). « Khi thị Tơ bừng mắt tỉnh dậy tưởng chừng mình như vừa qua một giấc chiêm bao. Cảnh vật chung quanh khác hẳn lúc nàng ngất đi. Nàng thấy mình nằm trong một cái động, rêu trải mềm như nhung, dưới chân một dòng suối trong chảy qua kẽ đá êm đềm như tiếng nhạc...» (*Con tằm*). Khi ý thức cởi trói khỏi thực hữu thì thời gian đã trở nên thơ mộng và không gian cũng dàn trải theo kích thước của mộng thơ, cả hai làm thành phạm trù cơ cấu cho hữu thể thơ bột phát : huyền thoại ra đời với tất cả yếu tính nên thơ từ đấy, vì mộng mơ là khả tính của hiện hữu giúp cho con người khám phá ra muôn *điều có thật* hay *cái đẹp thần tiên* chôn giấu trong chính hiện hữu. «*La seule vérité solide est digne de ce nom, c'est la beauté*». (Lachelier). Bởi *khát vọng vĩnh cửu* của con người chính là một hành trình tâm tư nối dài những *ước mơ*, biện chứng thành một khúc hát buồn dài trong lòng người mà bản chất là khả tính của những ảnh tượng-nên-thơ được dự phóng vào thực tại những lúc hồn người chấp cánh tung bay vào cõi lãng mạn trữ tình. Và, *Thơ* chính là khả tính của những ảnh tượng ấy cô đọng và bao trùm hết thảy mọi sáng tạo, từ một sáng tạo thô thiển cho đến một sáng tạo «ý-thức», trong đó có cả huyền thoại. «Nội dung nhân-loại tính của thần thoại bao gồm một giá trị mỹ cảm và một giá trị nhân đạo, là một hình thức căn bản của tri thức con người, nguồn gốc của mọi nền thi ca, văn học ». (1)

Theo Heidegger, huyền thoại là di tích ngôn ngữ nguyên thủy của một dân tộc đánh dấu bước chân hiện hữu của dân tộc ấy giữa lòng lịch sử. Bởi

(1) H.T. Miên, op.cit., tr. 46

(2) *Approche de Holderlin*, tr. Corbin, Gallimard, Paris, tr. 55.

http://tieulun.hopto.org

bản chất ngôn ngữ cũng chỉ có thể hiểu được từ bản chất của thi ca : « *La poésie est le langage primitif d'un peuple historical* » (2). Nhưng ngôn ngữ nguyên thủy lại là thi ca với tư cách đặt nền tảng cho hữu thể (« *Mais la langue primitive* [Ursprache] *est la poésie en tant que fondation de l'être.* ») (1). Và cũng theo Heidegger, huyền thoại của một dân tộc chính là ngôn từ nền thơ của dân tộc đó bởi nội dung của huyền thoại nào cũng chứa đầy thi vị : « *Et en même temps la parole poétique n'est que l'interprétation de la «voix du peuple»* (*Stimme des Volkes*). *C'est de ce nom que Holderlin appelle les légendes, les «dicts», dans lesquels un peuple fait mémoire de son appartenance à l'étant de son ensemble* » (1). Một khi bản chất của thi ca cũng chỉ được lĩnh hội từ bản chất của ngôn ngữ thì huyền thoại — ngôn ngữ thô thiển gần với ngôn ngữ trẻ con — đã xuất hiện như tác phẩm thi ca vì, trong thi ca, con người đã từng ngưng về cuộc sống tại thế như một chiều hướng làm bột phát hữu thể tự hiện-hữu-tại-thế. Những-nghệ-sĩ-vô-danh (Dân-Gian) đã sáng tạo ra huyền thoại bằng ngôn ngữ đó từ cuộc sống ồn ào trần gian mà họ đang sống. Và, thi ca là gì nếu không là một loài ngôn ngữ đánh thức dậy hiện hữu từ những bất-thực cùng những mộng mơ để hiện hữu đối lập với thực tại ồn ào mà chúng ta đang trú ngụ giữa lòng trần gian ? « *La poésie éveille l'apparition de l'irréel et du rêve face à la réalité bruyante et palpable dans laquelle nous nous croyons chez nous* » (2). Theo Schelling, huyền thoại quả thật là cõi cân bằng ước vọng con người và đồ đầy cho lòng người những ước vọng nên thơ (3). Hầu hết các

(1) Ibid., tr. 58.

(2) Ibid., tr. 57.

(3) On sait que le mot *mythologie* nous vient des Grecs, auxquels il servait à désigner l'ensemble, au sens le plus large du mot, de leurs légendes et des récits qui remontent en général au-delà des temps historiques. On distingue toutefois dans cet ensemble deux éléments constitutifs bien différents. Quelques unes des légendes, en effet, tout en se rapportant à des temps préhistoriques, ne les dépassent pas, en ce sens qu'il y est question d'exploits et d'événements humains, mais d'une humanité mieux douée et mieux conformée que l'actuelle. On considère, en outre, comme faisant partie de la mythologie, des inventions poétiques qu'on en a tirées ou qu'on en a greffées sur elle par la suite». (F. W. SCHELLING, *Introduction à la mythologie*, tr. Jankélévitch, Aubier, Paris, t. I, tr. 7).

http://tieulun.hopto.org

tác phẩm văn chương đều chỉ làm mỗi một việc là diễn tả cảm thức (le sentiment) yêu đương gián tiếp hay trực tiếp với những chan đượm nên thơ (1). Cho nên, nếu huyền thoại được xem thư một loại tác phẩm "ngây thơ" thì chính trong đó hồn thơ, dáng thơ, nét thơ, vẻ thi vị đã ẩn tàng lảng đảng để điểm tô cho những nội dung, nhất là những nội dung mà tình yêu là đề tài muôn thuở của lòng người. Tình yêu của Trương-Chi và Mị-Nương đã được lí tưởng hóa một cách nên thơ (2), hay chính bản chất của huyền thoại đã làm cơ cấu cho cuộc tình ấy khiến cho cuộc tình ấy nên thơ ? Nên thơ là một hiện tượng làm dao động cảm thức của ta về một điều gì và hình như trong phút dao động ấy tâm hồn ta đã hóa nhập cùng khả tính của mộng mơ vừa man mác bâng khuâng, vừa ngọt ngào man mác. Tình Trương-Chi hóa thành ngọc chính là một hiện tượng lí tưởng hóa tình yêu : trong sự lí tưởng hóa ấy chất thơ đã đượm đầy cho huyền thoại (2). Mị Nương không nhỏ lệ cho tình yêu đã thạch hóa của một Trương-Chi, mà chỉ nhỏ lệ cho chính tình yêu của nàng dự phóng thành ảnh tượng của gã lái đò trong lòng chén ngọc. Mị Nương đang xót thương cho chính nàng. Bởi, thật không có một Mị-Nương yêu Trương-Chi mà chỉ có một Mị-Nương yêu chính Mị-Nương dự phóng vào Trương-Chi (3) và còn được lí tưởng hóa thành *Nhạc*. (Và chắc hẳn Trương-Chi cũng chỉ yêu chính Trương-Chi qua Mị-Nương như một *hồn-âm-nhạc*). Biện-chứng dự phóng bản-ngã tình-yêu ấy là sức mạnh kết hợp có thể siêu vượt hết mọi trở ngại : họ đã yêu nhau với tất cả đam mê và lí tưởng từ đó mà mộng mị tỏa hương ngào ngạt khắp huyền thoại.

---

(1) Bien des oeuvres ne font qu'exprimer ce sentiment [l'amour] d'une façon plus ou moins directe en le parant de fleurs de poésie ». (MEYNARD, *L'esthétique*, Eugène Belin, Paris, tr. 46).

(2) « La poétique de la rêverie doit donner corps à toutes les rêveries d'idéalisation », (G. BACHELARD, *La poétique de la rêverie*, P.U.F., Paris 1965, tr. 63).

(3) Dans une psychologie de communion de deux êtres qui s'aiment, la dialectique de l'*animus* et de l'*anima* apparaît comme le phénomène de la « projection psychologique ». L'homme qui aime une femme « projette » sur cette femme toutes les valeurs qu'il vénère en sa propre *anima*. Et, de même, la femme « projette » sur l'homme qu'elle aime toutes les valeurs que son propre *animus* voudrait conquérir ». (G. BACHELARD op. cit., tr. 63).

http://tieulun.hopto.org

(*«L'idéal d'homme projeté par l'animus de la femme et l'idéal de la femme projeté par l'anima de l'homme sont des forces liantes qui peuvent surmonter les obstacles de la réalité. On s'aime en toute idéalité, chargeant le partenaire de réaliser l'idéalité telle qu'on la rêve. Dans le secret des rêveries solitaires, s'aiment ainsi non pas des ombres, mais des lueurs qui éclairent l'aube d'un amour*»). (1). Lí tưởng hóa tình yêu mến đã là hiện tượng đầy thơ mộng thì chính tình yêu lí tưởng còn thơ mộng hơn biết bao nhiêu : chén ngọc và lệ cùng hòa tan vào một *cosmos yêu đương*, vượt khỏi không gian và thời gian, ở đó những hữu-thể-tình đã thật sự cởi trói khỏi mọi ràng buộc tục tụy, và mới có thể thật sự yêu nhau như hai hồn thơ yêu nhau (2) : *thơ với huyền thoại chỉ là một.*

Trong khi chuyện *Trương-Chi* cho ta một khuôn mặt thơ của một mối tình lí-tưởng-hóa giữa lòng huyền thoại thì chuyện *Từ-Thức* lại gói ghém một bài thơ u buồn. Chìm hồn vào một tình tiên mộng mị, rồi bay lên đỉnh hạnh phúc — tình tiên nở bên lòng —, Từ-Thức lại chạy trốn hạnh phúc ấy, vùi mình vào những lớp phấn hồng trần gian. Nhưng sau đó, chàng lại cũng phải nhất quyết từ bỏ trần gian để cõi hạc bay về cõi tiên, một thứ *Thiên-đàng mơ ước*. «*Trở về*» là ý hướng căn bản của ước vọng ; và, thiên đàng mơ ước là miền cư ngụ của Lí-tưởng và Tuyệt-Đẹp ở đó mọi người đều là thi sĩ, mọi khoảnh khắc đều là thời-gian-mộng-mị, và mọi không gian đều là ảnh tượng tuyệt diệu não nùng : Thiên-đàng-mơ ước chính là Cõi-thơ mà mỗi một chúng ta đều khát vọng tìm về trong mỗi phút giây vô thức, trong mỗi khoảnh khắc mơ mòng. Cõi tiên là quê hương của thi sĩ, là miền cư ngụ của những bài thơ đã giục lòng thi sĩ hát khúc yêu đương tuyệt diệu (3) vì người ta chỉ luôn luôn mơ ước một thế giới mà ở đó mọi đối tượng

---

(1) G. BACHELARD, op. cit., tr. 64.

(2) Ibid., tr. 166.

(3) Ce sont les poèmes qui intéressent le poète. De même qu'un peintre, comme dit à peu près Malraux, est un homme à qui certains tableaux ont donné envie d'en faire d'autres, le poète est un homme en qui le besoin d'éveiller d'écrire des poèmes. Doit-il dire comme Keats ;

http://tieulun.hopto.org

ảnh tưởng đều kết đệt bằng tương lai **mơ màng** : «*Rien n'est plus poétique que le souvenir et prévision ou appréhension de l'avenir*». (1).

Tính chất của huyền thoại chính là tính chất của tiểu thuyết ; cho nên, huyền thoại đã xuất hiện trên địa bàn sáng tạo như một cõi tiểu thuyết (2) ở đó có một nàng Mị-Nương sống với khối tình thạch hóa, một Từ-Thức chối bỏ trần gian, chạy trốn thân phận tục lụy mà theo hạc về cõi tiên : ước mơ con người luôn luôn dự tưởng ra muôn điều *tuyệt đẹp* và *có thật* hơn thế giới hiện chủ thể ước mơ *đang phải sống*. Đồng thời, như đã thấy, tính chất tưởng tượng (cũng chính là tính chất của tiểu thuyết) lúc nào cũng diễn tả tình yêu diễn tả những say đắm của tình yêu làm nên *bài thơ* cho mọi tiểu thuyết. «*L'amour n'a jamais fini de s'exprimer et il s'exprime d'autant mieux qu'il est plus poétiquement rêvé ! Les rêveries des deux âmes solitaires préparent la douceur d'aimer*» (3).

Nếu Dã-Tràng không sống được về mộng mị với tình yêu thì chính vì gã thợ săn ấy đang chìm vào một đam mê mộng mị hơn. Ngậm viên ngọc trong miệng, chàng nghe được ngôn ngữ cùng tiếng hát của chim muông và thủy tộc : chàng lạc vào một thế giới phi-loài-người mà chẳng mấy ai được hạnh phúc như thế. Và, dĩ nhiên, trong thế giới phi-loài-người ấy hẳn phải

---

I was taught in Paridise
To ease my breast in melodies ?

C'est dans le paradis des poètes qu'il s'est instruit, séduit par de prestigieux exemples. Faut-il alors identifier inspiration et vocation, et dire que ce qui appelle le poète à la poésie, ce sont les poèmes préexistants ? (MIKEL DUFRENNE, *Le poétique*, P.U.F., Paris, 1963, tr. 112).

(1) NOVALIS (in *L'art poétique*, p. T. Charpier et P. Seghers, éd. Seghers, Paris, 1956, tr. 217).

(2) Bước đầu của sáng tạo tiểu thuyết chắc phải là truyện cổ :

Ca dao → thơ
Truyện cổ → tiểu thuyết
→ kịch (theo Aristote, hình ảnh người thợ săn trở về sau một ngày, bên bếp lửa, kể truyện trong ngày... là nguồn gốc của kịch).

(3) G. BACHELARD, Op. cit., tr. 7.

http://tieulun.hopto.org

là một thế giới mộng thơ vì bản chất của nó là *kì-tú*, ở đó chỉ có Dã-Tràng là người, tức là một tâm hồn cô độc chạy trốn khỏi thế giới loài người, lạc vào một thế giới làm bằng âm thanh cùng ngôn ngữ kì tú của chim muông và loài thủy tộc ở đó chàng chỉ có biết hạnh phúc là nghe tiếng hát của chim, nghe giọng ca mĩ miều của thủy tộc : một hạnh phúc thật lí tưởng và nên thơ. Cũng vì khuôn mặt lí tưởng và nên thơ ấy mà ông vua đã không ngần ngại «hạ mình» để mượn viên ngọc quí của Dã-Tràng. Sự kiện này bao hàm rằng ông vua kia cũng chỉ muốn trốn chạy một hiện hữu buồn chán, và cũng chỉ muốn tìm về cõi-thơ mà yếu-tố kiến tạo là tiếng hát chim muông và lời ca của thủy tộc, chỉ muốn hiện hữu cùng hiện hữu mộng thơ ấy bởi chỉ có cõi nào mộng-mơ mới cởi trói con người ra khỏi hiện hữu buồn chán cô đơn. Sáng tạo nghệ thuật chính là sự chạy trốn ấy, và là cuộc hành trình về cõi Thơ ấy mà huyền thoại, quả thật, chính là ngôn ngữ phản chiếu như miền cư ngụ vĩnh viễn của những mảnh hồn nghệ sĩ hơn một lần muốn biểu lộ ước vọng như một nỗ lực hiện hữu cho Hiện hữu. Còn gì mộng ảo và nên thơ hơn là ngậm viên ngọc của Dã-Tràng trong miệng mà nghe được tiếng hát kì tú của chim muông cùng lời ca tuyệt vời của loài thủy tộc ? Một ông vua huyền thoại sống với mộng thơ huyền thoại !

Đến đây có lẽ ta phải kết luận Hồn người chính là Thơ mà mọi công trình sáng tạo đều chỉ nhằm phô hiện vào ngôn ngữ mà huyền thoại là một cách thế hiện hữu của cõi-Thơ và cõi-Mộng. Vâng, Hồn-người là Thơ và huyền thoại là cõi Mộng cho Thơ ấy đầu thai làm nghệ thuật của loài người, của một dân tộc.

http://tieulun.hopto.org

LÊ-TẤN-LỘC

siêu hình lão học : ĐẠO

ĐẠO

道

Một triết-lý đích thực cần có một vũ-trụ-quan làm nền tảng cho tri-thức-luận được vững chải và nhân-sinh-luận có cứu-cánh rõ-ràng, cho nên triết-học Trung-hoa vẫn lấy vũ-trụ-luận làm khởi điểm và căn-bản suy-diễn cho toàn thể tư-tưởng trên mọi bình-diện. Với Lão học, tư-tưởng nền móng đó có thể thâu tóm trong quan-niệm «ĐẠO».

ĐẠO VÀ ĐỨC

Trước Đạo-Đức-Kinh, triết-học Trung-hoa cũng có một quan-niệm về «đạo». Ví dụ như với Khổng Tử, danh-từ «đạo» bao-hàm cả hai nghĩa luân-lý cũng như siêu-hình nhưng nặng về ý-nghĩa luân-lý hơn. Theo nghĩa nầy thì «đạo» là đường lối chung, «đức» là hành-vi cá-nhân, và đạo-đức hay luân-lý ngụ ý quan-hệ giữa cá-nhân với đoàn thể. Còn theo nghĩa siêu-hình thì «đạo» là định-tắc chung của vũ-trụ và con người, ví dụ như : «Nhứt âm nhứt dương vị chi đạo», «Hình nhi thượng giả vị chi đạo, hình nhi hạ giả vị chi khí»... Với Đạo-Đức-Kinh, danh-từ «ĐẠO» mang thuần tánh chất siêu-hình với một ý-nghĩa đặc-biệt sâu rộng và mới-mẻ.

ĐẠO 道

«ĐẠO» là Nguồn gốc và Bản-thể của vũ-trụ. Nó là Tự-thể tuyệt-đối, là Tự-nhiên vô thủy vô chung, là thực-tại mầu-nhiệm trùm lấp hết thảy muôn vật, không chỗ nào không ở, không thời nào không có. Nó là cái «Một» không thể chia phân, là Thực-thể vô hạn trường-tồn bất biến nên được gọi là «Thường Đạo».

http://tieulun.hopto.org

Đối với tri-thức, ĐẠO là nguyên-lý siêu-hình hoàn-toàn huyền-diệu và bất khả tư nghị. Mở đầu quyển kinh xác-định :

« Đạo có thể gọi được không phải Đạo Thường,
Tên có thể gọi được không phải Tên Thường ».

Đạo khả đạo phi Thường Đạo, 道可道非常道
Danh khả danh phi Thường Danh. 名可名非常名

cũng như Trang Tử Nam-Hoa-Kinh có nói : «Đạo chẳng thể nghe được, nghe được chẳng phải là nó nữa ; Đạo chẳng thể thấy được, thấy được chẳng phải là nó nữa ; Đạo chẳng thể nói được, nói được chẳng phải là nó nữa. Có thể nào biết được hình-dung của cái không hình-dung chăng ? Đạo không xứng với tên» (Đạo bất khả văn, văn nhi phi dã ; Đạo bất khả kiến, kiến nhi phi dã ; Đạo bất khả ngôn, ngôn nhi phi dã. Tri hình chi bất hình hồ ? Đạo bất đương danh — 道不可聞，聞而非也；道不可見，見而非也；道不可言，言而非也. 知形之不形乎？道不當名 — *Trí Bắc du*).

Thật vậy, ở thế-giới hiện-tượng cái gì cũng vô thường biến đổi và đối đãi với nhau : «Dưới trời đều biết đẹp là đẹp thì cái kia xấu vậy, đều biết lành là lành thì cái kia chẳng lành vậy» (Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ tư ác dĩ, giai tri thiện chi vi thiện tư bất thiện dĩ — 天下皆知美之為美斯惡已；皆知善之為善斯不善已 — chương 2), và do đó định danh hiệu cho một sự vật chỉ là gán cho nó một thuộc tính đối-đãi hạn hẹp mà con người có thể nhận-thức được. Cho nên «biết» chỉ là biết các thuộc-tính của sự vật đã được đóng khung trong vòng quan-niệm của lý-trí mà thôi. Trái lại, đối với Đạo là lẽ Tuyệt-đối thường hằng thì không thể chỉ-định bằng bất cứ thuộc tính nào vì nếu nói ra được thì nó không còn là tuyệt-đối thường hằng nữa. Danh-từ «ĐẠO» chẳng qua chỉ là cưỡng dụng. Vậy nên không thể tìm đến Đạo bằng con đường tri-thức nhị-nguyên của lý-trí mà phải thẳng tiến tới đó bằng một quá-trình thực-nghiệm tâm-linh sâu

http://tieulun.hopto.org

đây bởi vì nhận-thức về Đạo là một kinh-nghiệm siêu-thức, một trạng-thái tâm-linh và cùng huyền ảo vượt khỏi khả-năng mô-tả diễn đạt của ngôn-từ. Do đó trong khắp quyển kinh ta chỉ thấy toàn một giọng mơ-hồ không biết, không dám đoán định về bản-chất của Đạo, ví dụ như dùng những chữ «hoặc», «tự», «ngô bất tri»... chớ không có một phán quyết dứt khoát rõ-rệt nào về danh tánh của Đạo vì đã rõ càng nói nhiều càng làm cho ta xa lìa thêm với cái thực-thể «vô danh phác» kia. Nhưng những ngôn-từ tiêu-cực đó không có ý phủ-nhận sự hiện-hữu của Đạo hay cho rằng sự hiện-hữu đó chỉ là mơ-hồ huyễn-hoặc đáng nghi ngờ. Trái lại, Đạo học nói chung vẫn luôn luôn xác-thiết sự hiện-hữu của Tuyệt-đối chính là điều-kiện nền tảng tất yếu của mọi hiện-thể tương-đối. Liệt Tử nói : «Có sinh không sinh, có hóa không hóa. Vật không sinh có thể sinh sinh, vật không hóa có thể hóa hóa. Vật không sinh tồn-tại mãi một mình. Vật không hóa «đi về». «Đi về» biên giới của nó không dứt. Tồn-tại mãi một mình, *đạo* của nó không cùng... Cho nên nói cái sinh ra vật vật không sinh, cái biến đổi vật không biến đổi». (Hữu sinh bất sinh, hữu hóa bất hóa, Bất sinh giả năng sinh sinh; bất hóa giả năng hóa hóa. Bất sinh giả nghi độc. Bất hóa giả vãng phục. Vãng phục kỳ tế bất khả chung. Nghi độc kỳ đạo bất khả cùng... Cố sinh vật giả bất sinh, hóa vật giả bất hóa — 有生不生，有化不化. 不生者能生生，不化者能化化. 不生者宜獨. 不化者往復. 往復其際不可終宜獨其道不可窮. 故生物者不生，化物者不化). Cái không sinh không hóa kia chính là Đạo tuyệt-đối thường hằng vậy. Cũng như kinh Phật nói : «Có một trạng-thái không sinh, không trưởng, không bị hạn-định, không thành phần cấu tạo. Nếu không có một trạng-thái như thế thì làm sao có lối thoát cho những vật có sinh, có trưởng, có hạn-định và gồm thành phần cấu-tạo. Vì có một trạng-thái không sinh, không trưởng, không hạn-định, không thành-phần cấu-tạo nên mới có lối thoát cho những vật có sinh, có trưởng, có hạn-định, có thành-phần cấu-tạo». Chỉ có những ngôn-ngữ tiêu-cực như vậy mới có thể diễn-tả một cách tương-đối

http://tieulun.hopto.org

tích-cực những biểu-hiện của sự tuyệt-đối vượt ra ngoài khuôn-khổ diễn tả của ngôn-từ.

Với ý-nghĩa tổng-quát như trên, quan-niệm «ĐẠO» có thể so-sánh với các quan-niệm «MAAT» của Ai-cập, «LOGOS» của Hi-lạp, «NGÃ» của Ấn-độ, «THÁI-CỰC» của Chu Dịch, «CHÂN NHƯ, TỰ TẠI» của Phật; cho nên các học-giả Tây phương để chỉ định ý-niệm tuyệt-đối đó đã hiểu và dịch danh-từ «Đạo» như sau: Đường (Way; Voie; Weg hay Sinn), Nguyên-lý đầu tiên (Premier Principe), Thiên-nhiên (Nature), Ngôi lời (Logos; Parole; Word) Chân-lý (Vérité; Wahrheit)...

ĐỨC 德

Nếu Đạo là ý-niệm huyền-diệu không hư thì Đức là năng-lực tiềm-tại của Đạo hiện-hữu trong vạn vật. Theo nguyên-nghĩa, «đức» là gieo hạt xuống đất, như ý-nghĩa siêu-hình của chữ «virtus» trong chữ La-tinh. Ở Lão học, ĐỨC là nguồn sống ngấm-ngầm liên-tục hoạt-động bên trong mọi vật thể để nuôi dưỡng muôn loài. Chương 51 viết: «Đạo sanh ra, Đức nuôi nấng» (Đạo sanh chi, Đức súc chi — 道 不 之, 德 畜 之); ĐỨC là cái «động», hiện-thể của ĐẠO, luôn luôn theo với ĐẠO như bóng với hình. Chương 21 viết: «Dáng của Đức lớn chỉ theo với Đạo» (Không Đức chi dung duy Đạo thị tùng — 孔 德 之 容 惟 道 是 從); Tô Triệt giải-thích rằng: «Đạo vốn không có hình kịp khi tác-động, vận chuyển thành Đức, ắt có «dung» là dáng vẻ...» Hai chữ Đạo-Đức vẫn thường làm danh-tự kép để trỏ một ý-niệm chung; nhưng nếu tách rời ra thì Đạo-Đức là hai thứ khác nhau vì một đằng là bản-thể, nền-tảng sinh ra muôn vật, một đằng là hiện-thể năng-lực nuôi nấng muôn vật; nói cách khác, là một trong một ngoài, một tỉnh một động, một thể một dụng... như câu nói của Giang-Bao: «Đạo Đức thì thực giống nhau mà danh phận khác nhau. Không chỗ nào không có gọi là Đạo, tự được gọi là Đức. Đạo là cái mọi người do đó, Đức là cái mọi người riêng được». Cho nên nếu gọi Đạo là Nguyên-lý thì

http://tieulun.hopto.org

Đức là Hành-động vậy (trong Pháp ngữ, Đạo Đức có thể được dịch là «Le Principe et son Action»).

Chương 42 viết: « *Đạo sanh Một*
Một sanh Hai,
Hai sanh Ba,
Ba sanh Muôn vật »

Đạo sanh Nhứt,	道 生 一
Nhứt sanh Nhị,	一 生 二
Nhị sanh Tam,	二 生 三
Tam sanh Vạn vật	三 生 萬 物

nghĩa là Đạo (tức vô) làm nên sự hiện hữu (Hữu, Nhứt); sự hiện hữu nầy phân làm hai đặc-tính đối-đãi nhau (Nhị); giữa hai đặc-tính nầy còn có một đặc-tính thứ ba (Tam) có nhiệm-vụ trung-gian hòa-hợp hai đặc-tính trên để giữ vững thế hiển-hiện của sự vật. Ý-nghĩa Một, Hai, Ba là những trạng-thái chuyển-hóa của Đức vậy; nói cách khác, từ Đạo sanh ra vạn vật phải qua trung-gian là Đức, cái mầm sống ngầm-ngầm từ bên trong mỗi vật để thúc đẩy và hiển-hiện thành cái sống của mỗi sự vật.

Nhờ cái sinh-lực tiềm ẩn đó mà Tuyệt-đối không tách biệt với Tương-đối, Vô hạn tiếp nối với Hữu hạn và Bản-thể trường-tồn hiển-hiện bên trong Hiện-tượng biến đổi. Nói khác, có một sự tương-quan mật-thiết giữa cái Đồng nhứt (Một, Đạo), với cái Đặc-thù (Đa nguyên, Vạn vật) thể-hiện bằng một nội lực được gọi là Đức trong một vận-động dịch hóa. Tương-quan nầy có thể so-sách như quan-niệm Atman với Brahman (Tự Ngã và Đại Ngã) trong triết-học Ấn-độ. Từ ý-nghĩa trên đây ta thấy Lão học là một triết-lý «tam nguyên» (mà gọi là «nhất nguyên» hay «vô nguyên» cũng được!), khác hẳn với triết-học nhị nguyên (dualisme) của Tây phương. Những triết-học nhị nguyên nầy chỉ là một cách tinh-chỉ-hóa sự biến chuyển của vạn vật

http://tieulun.hopto.org

bằng ý-niệm mâu-thuẫn trong khi thuyết tam nguyên của Lão là một triết-học của sự linh động vì hai thế-lực hiển hiện tuy đối-đãi nhưng không phải để tiêu-diệt lẫn nhau mà ,các khí giao động để làm hòa, (xung khí dĩ vi hòa — 冲氣以爲和 — chg 42) và thể-hiện thành sự sống, cũng như Dịch Kinh nói : «Âm Dương tương thôi nhi sinh biến hóa», 陰陽相推而生變化 vậy.

Ngoài ý-nghĩa bản-thể đó, Đức cũng mang tánh-cách luân-lý 'nhân-sự', ví dụ như chương 63 nói : « Báo oán dĩ đức »... nhưng xét chung Đức trong toàn quyển kinh vẫn mang nặng ý-nghĩa siêu-hình hơn : cái « đức » bản-thể đó là hành-vi, công-năng của Đạo và luôn luôn song hành với Đạo. Những bản-chất của Đạo là kín sâu cao-cả nên hành-vi công năng đó cũng là những hiện-thể cao-cả kín sâu : «Sanh đó, nuôi đó ; Sống mà không có, làm mà không cậy, Đứng đầu mà không làm chủ ; Ấy gọi là Huyền đức » (Sanh chi, súc chi ; Sanh nhi bất hữu, Vi nhi bất thị, Trưởng nhi bất tể ; Thị vị Huyền đức — 生之畜之；生而不有，爲而不恃，長而不宰；是謂玄德). Giữa Đức và Huyền đức, ý-nghĩa tuy có khác nhau nhưng bản-chất vẫn là một ; cùng là biểu-hiện của Đạo nhưng một đằng là *năng tính*, một đằng là *thể tính* mà thôi. Cái đức kín sâu đó (Huyền đức — 玄德) cũng là cái đức của thánh nhơn bởi vì thánh nhơn cùng một thể với Đạo, cũng như cái đạo của Tự-nhiên là mẫu mực cho cái đạo của thánh nhơn (Cùng câu trên mà chương 51 nói về Huyền đức của Đạo và chương 10 nói về Huyền đức của bậc thánh nhơn). Vậy nên từ cái Đạo-Đức biểu-hiện của bản-thể đi đến cái đạo-đức áp-dụng vào nhân sự không có sự đối-lập nhau về thể-tính mà sự cách biệt ý-nghĩa chẳng qua chỉ do nơi sự chuyển-hóa ứng-dụng mà ra. Chính vì vậy mà ta thấy ở nhiều nơi trong quyển kinh như chương 18 viết : «Thất Đạo nhi hậu Đức, Thất Đức nhi hậu Nhân... », hay như chương 38 viết : « Thượng đức bất đức, Thị dĩ hữu Đức... », Những chữ « đức » đó tuy nói về luân-lý mà ý-nghĩa cũng đã được siêu-hình-hóa rất nhiều.

Bởi Đạo-Đức là nền tảng sanh ra, nuôi dưỡng và che chở cho muôn vật, cho nên muôn vật đều tôn Đạo quý Đức vì đó là một chiều hướng tự-nhiên

http://tieulun.hopto.org

như đứa con thương yêu quý mến cha mẹ vậy (Đạo chi tôn, Đức chi quý ; Phù mạc chi mạng nhi thường tự-nhiên — 道之尊，德之貴，夫莫之命而常自然 — chg 51). Cũng do lẽ đó, sự sống của con người có đạo là phải rập theo khuôn mẫu của cái sống bản-thể, nghĩa là phải cùng một với Đạo-Đức (Đồng ư Đạo, Đồng ư Đức — 同於道，同於德 — chg 23), mà không nên xa lìa sai chạy (Thường Đức bất ly, Thường Đức bất thắc — 常德不離，常德不忒 —)...

MÔ TẢ ĐẠO THỂ

HÌNH DÁNG CỦA ĐẠO

ĐẠO rất tế-vi, « xem Nó không-thấy, lắng Nó không nghe, nắm Nó không được » (chg 14). Nhưng Đạo cũng thật to lớn, tuyệt đối trùm lấp tất cả, không nơi nào không có, không thời nào không còn (Thiên Đạo vô vãng bất tại, vô thời bất tồn — 天道無往不在，無時不存 Trang-Tử), đến nó không thấy đầu, theo nó không thấy đuôi (Nghinh chi bất kiến kỳ thủ, Tùy chi bất kiến kỳ hậu — (迎之不見其首，隨之不見後 — chg 14).

Chương 67 viết :

« *Thiên hạ đều nói Đạo ta lớn,*
Dường như không giống chi.
Ôi chỉ vì nó lớn,
Nên dường chẳng giống chi.
Nếu giống,
Nó đã nhỏ lâu rồi ! »

Thiên hạ giai vị ngã Đạo đại, 天下皆謂我道大
Tự bất tiếu. 似不肖
Phù duy đại, 夫惟大

http://tieulun.hopto.org

Cố tự bất tiếu;	故 似 不 肖
Nhược tiếu,	若 肖
Cửu hỹ kỳ tế dã phù	久 矣 其 細 也 夫 ;

nghĩa là Đạo là cái cực cùng lớn không chi có thể so-sánh quan-niệm được !

Vậy nên cho thật đúng, Đạo thì bé cũng không trong mà lớn cũng không ngoài theo như ý-nghĩa câu nói của Huệ Thi được dẫn trong thiên Thiên hạ Nam Hoa Kinh : « Cái cực lớn không có chi ở ngoài gọi là Thái nhất ; cái cực nhỏ không có chi ở trong gọi là Tiểu nhất» (Chí đại vô ngoại vị chi Thái nhất ; chí tiểu vô nội vị chi Tiểu nhất — 至大無外謂之太一 ; 至小無內謂之小一). Cái Thái nhất đồng thời là Tiểu nhất đó là tánh-chất căn-bản của Đạo vậy. Phải bằng lòng với những nhận-thức phất-phơ không rõ-ràng đó (như chữ « hoảng hốt » 恍惚 dùng ở chương 21) vì Đạo không thể định tính được (nếu xác-định được thì đâu còn là cái Đạo thường hằng tuyệt-đối nữa !) ; cho nên nếu cần phải mô tả Đạo thể thì chỉ nói một cách tiêu-cực như :

« Trên Nó không sáng,
Dưới Nó không tối,
Dằng-dặc không thể gọi tên ».

Kỳ thượng bất kiểu,	其 上 不 皦
Kỳ hạ bất muội,	其 下 不 昧
Thằng thằng bất khả danh	繩 繩 不 可 名 (chg 14).

Và vì không thể xác-định được nên mới mô tả là mờ-mịt hỗn-độn không thể phân-biệt thấu đạt được. Ngoài hình thể cơ-cấu thì nói : « Có vật lẫn lộn mà nên » (Hữu vật hỗn thành — 有物混成 — chg 25) ; trong giác-quan, ý-thức phân-biệt thì xác-định :

« Xem Nó không thấy, tên gọi Di ;
Lắng Nó không nghe, tên gọi Hi ;

http://tieulun.hopto.org

Nắm Nó không được, tên gọi Vi.
Ba cái đó chẳng thể tra hỏi đến cùng
Nên lẫn lộn mà làm một».

Thị chi bất kiến, danh viết Di; 視之不見名曰夷
Thính chi bất văn, danh viết Hi; 聽之不聞名曰希
Đoàn chi bất đắc, danh viết Vi. 搏之不得名曰微
Thử tam giả bất khả trí cật 此三者不可致詰
Cố hỗn nhi vi nhứt 故混而爲一 (chg 14)

Nói tóm, ĐẠO không hình sắc (Di — 夷), không âm-thanh (Hi — 希), không vật chất (Vi — 微), không mùi vị (Đạo chi) xuất khẩu, Đạm hồ kỳ vô vị — 道之出口, 淡乎其無味 — chg 35), không danh tánh, không trau chuốt (Đạo Thường vô danh, phác — 道常無名樸 — chg 32); hay nói cách khác, cái hình dáng đích thực của Đạo chính là «cái trạng thái không trạng-thái, cái hình tượng không vật chất» (vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng — 無狀之狀, 無物之象 — chg 14), là cái «mập-mờ thấp-thoáng» (hoảng hề, hốt hề — 恍兮惚兮 — chg 21) mà ta chỉ có thể cảm nhận bằng tâm-linh thần-thức chớ không thể nắm bắt một cách hiện hình cụ-thể được.

VẬN-HÀNH CỦA ĐẠO

ĐẠO vốn yên tĩnh; nhưng «tịnh» chỉ là hình-thức của bản-thể, tác-dụng của Đạo lại có tánh-cách linh-hoạt vô cùng.

Chương 25 viết:

«Có vật lẫn lộn mà nên,
Sanh trước trời đất,
Yên lặng trống không,
Đứng riêng không đổi,

http://tieulun.hopto.org

Đi khắp mà không mỏi,
Có thể lấy làm mẹ dưới trời.

. . . . . .

Lớn là Đi luôn
Đi luôn là Xa,
Xa là Trở về »

Hữu vật hỗn thành,	有物混成
Tiên thiên địa sanh,	先天地生
Tịch hề liêu hề,	寂兮寥兮
Độc lập bất cải,	獨立不改
Châu hành nhi bất đãi,	周行而不殆
Khả dĩ vi thiên hạ mẫu.	可以爲天下母
. . . . .	. . . . .
Đại viết Thệ,	大曰逝
Thệ viết Viễn,	逝曰遠
Viễn viết Phản.	遠曰反

Vạn vật thì tương-đối đổi thay ; nhưng tất cả những cái tương-đối đổi thay đó đều có nền tảng là cái Tuyệt-đối thường hằng là ĐẠO. ĐẠO chính là cái « trung-tâm bất động của chuyển-động » (danh-từ của Tagore), là cái « tâm thanh-tịnh bản-nhiên » của vạn vật (danh từ Phật học). Nhưng tuy nói «đứng riêng» mà sự thật Đạo hiện hữu một cách linh-động trong cùng khắp sự vật, nên nói rằng « đi khắp mà không mỏi », cũng như chương 34 nói : « Đạo lớn tràn lan chừ, Nào nó thể trái phải » (Đại Đạo phiếm hề, kỳ khả tả hữu — 大道氾兮，其可左右). Chính sự vận-động của cái trung-tâm động đó đã làm chuyển-động toàn thể vũ-trụ và làm cho vạn vật sinh sinh hóa hóa thay đổi không cùng. Nói cách khác, Đạo tuy chẳng thấy làm gì mà thật ra chẳng gì là không làm, chẳng gì ra ngoài sự tác-dụng của nó ; nên

http://tieulun.hopto.org

chương 37 mới nói : « Đạo Thường vô vi nhi vô bất vi » 道常無爲而無不爲.

Vận-hành nầy có tánh-cách dịch hóa phản phục như chương 40 xác-định : « Trở lại là cái động của Đạo », và đối đãi tương sinh :

« Đạo sanh Một,
Một sanh Hai,
Hai sanh Ba,
Ba sanh muôn vật
Muôn vật cõng Âm và bồng Dương
Các khí giao động để làm hòa ».

Đạo sanh Nhứt,	道生一
Nhứt sanh Nhị,	一生二
Nhị sanh Tam,	二生三
Tam sanh Vạn vật.	三生萬物
Vạn vật phụ Âm nhi bảo Dương,	萬物負陰而抱陽
Xung khí dĩ vi hoà.	沖氣以爲和 (chg 42).

Cái động đó tuy chẳng thấy nhưng biến hoá khôn lường, dùng mãi chẳng hết vì trời đất không hư mà chứa đựng muôn loài, giúp muôn vật hóa sanh mãi mãi, ví như cái ống bễ, « tuy trống không mà vô tận, chuyển động mà càng ra » (Hư nhi bất khuất, Động nhi dũ xuất — 虛而不屈，動而愈出 — chg 5).

ĐẠO VỚI VẠN VẬT

ĐẠO là bản-thể tuyệt-đối nhưng không tách biệt với thế-giới hiện-tượng tương-đối mà tiềm-tại trong vũ-trụ hiện hữu ví như suối khe đối với sông biển (Thí Đạo chi tại thiên hạ do xuyên cốc chi ư giang hải — 譬道之在天下猶川谷之於江海 — chg 32). Nước ở suối khe tích tụ tạo thành

http://tieulun.hopto.org

sông biển, và ngược lại từ trong lòng sông biển ta cũng thấy ý-nghĩa hiện hữu của suối khe ; cũng vậy, Đạo ở trong vạn vật và làm nên cái sống cùng sự đổi thay của vạn vật, ngược lại, vạn vật đều ở trong Đạo, và chính sự sinh hoá của vạn vật cũng đủ minh-chứng cho sự hiện hữu chân tín vi diệu của Đạo thể nhiệm-mầu.

Gốc rễ của Đạo ta không thể biết được nên nói « dường như có trước thiên đế » (Ngô bất tri thùy chi tử, Tượng đế chi tiên — 吾不知誰之子, 象帝之先 — chg 4), hay xác-nhận là Nó sanh ra trước trời đất (tiên thiên địa sanh — 先天地生 — chg 25). Nói rõ hơn, Đạo chính là cái Tuyệt-đối vô thủy vô chung, « dằng dặc không thể gọi tên... đón nó không thấy đầu, theo nó không thấy đuôi » (Thằng thằng bất khả danh... Nghinh chi bất kiến kỳ thủ, Tùy chi bất kiến kỳ hậu — 繩繩不可名…迎之不見其生, 隨之不見其後 — chg 14). Nên Đạo chính là Không, cái Không gọi trước khi có trời đất (Vô danh thiên địa chi thủy — 無名天地之始 — chg 1).

Ngược lại, Đạo là nguồn gốc sâu thẳm của vạn vật (uyên hề tự vạn vật chi tông — 淵兮似萬物之宗 — chg 4), vạn vật nhờ Nó mà sinh ra (vạn vật thị nhi sinh — 萬物恃之而生 — chg 34), lại che chở nuôi-nấng muôn loài (ý dưỡng vạn vật — 衣養萬物 — chg 34). Đạo vừa là vi thể kín sâu bên trong vạn vật, vừa là đại thể bao-la dung chứa tất cả muôn loài, nên chương 62 nói :

« *Đạo là*
Sự sâu kín của muôn loài,
Vật quý báu đối với người lành,
Nơi che chở cho kẻ không lành ».

Đạo giả	道者
Vạn vật chi áo,	萬物之奧
Thiện nhơn chi bửu,	善人之寶
Bất thiện nhơn chi sở bảo	不善人之所保.

http://tieulun.hopto.org

Vậy nên Đạo tuy chẳng thấy mà vẫn Có, cái Có nguyên-thủy mà nhờ đó sự vật mới có thể có được (Hữu danh vạn vật chi mẫu — 有名萬物之母 — chg 1). Rõ-ràng đối với vạn vật, Đạo vừa là thực-thể vừa là không hư như lời chú của Vương Bật : Muốn nói Không chăng ? Nhưng vật do Nó mà thành. Muốn nói Có chăng ? Thì lại không thấy hình của nó !». Nó khác, Đạo có thể nhìn dưới hai phương-diện : Có và Không. «Không» là nói về cái Thể của Đạo, mà « Có » chỉ cái Dụng của nó. Cái bản-thể vô duyên đó vốn không đẹp không xấu, không lành không dữ... vì không chi đối-đãi có thể diễn-tả nó được nhưng đối với muôn vật, đối với tất cả hiện-tượng tương-đối mà nó là nguồn gốc sau cùng thì Đạo lại có thể được quan-niệm là Rất Thực, Rất Lành, Rất Đẹp... và được dùng làm mẫu-mực cho tất cả muôn loài.

Chương 51 viết :

« *Đạo sanh đó,*
Đức nuôi đó,
Vật nên hình đó,
Thế dựng thành đó,
. . . . . .
Đứng đầu, tạo sanh,
Đùm bộc, phá hại,
Nuôi dưỡng, chở che... »

Đạo sanh chi,	道生之
Đức súc chi,	德畜之
Vật hình chi,	物形之
Thế thành chi,	勢成之
. . . . .	. . . . .
Trưởng chi, dục chi,	長之育之
Đình chi, độc chi,	亭之毒之
Dưỡng chi, phúc chi...	養之覆之

http://tieulun.hopto.org

Đạo là nơi xuất phát của tất cả vạn vật mà cũng là chỗ hồi phục của hết thảy muôn loài ; có thể ví Đạo như cái cánh cửa mà muôn loài phải bước qua nó mới vào cõi sống tức thế-giới hữu hình này. Trang-Tử Nam-Hoa-Kinh : « Hình không có Đạo thì không sinh, không có Đức thì không rõ »; chương 50 cũng nói : «Ra sống vào chết» (Xuất sanh nhập tử — 出生入死), ra vào ở đây là ra vào cái cửa ngõ của mọi nhiệm-mầu (chúng diệu chi môn — 衆妙之門 chg 1), tức là Đạo vậy.

Đạo là nguồn gốc sanh ra vạn vật ; nhưng từ Đạo trở thành muôn vật phải trải qua một quá-trình sinh thành như thế nào ? Chương 21 viết :

« Đạo mà là vật,
Mập-mờ thấp-thoáng.
Thấp-thoáng mập-mờ,
Trong đó có hình.
Mập-mờ thấp-thoáng,
Trong đó có vật.
Sâu xa tăm-tối,
Trong đó có tinh ;
Tinh đó rất thật,
Trong đó có tin ».

Đạo chi vi vật,	道之爲物
Duy hoảng duy hốt.	惟恍惟惚
Hốt hề hoảng hề,	惚兮恍兮
Kỳ trung hữu tượng,	其中有象
Hoảng hề hốt hề,	恍兮惚兮
Kỳ trung hữu vật.	其中有物
Yểu hề minh hề,	窈兮冥兮

http://tieulun.hopto.org

Kỳ trung hữu tinh ;	其中有精
Kỳ tinh thậm chân,	其精甚眞
Kỳ trung hữu tín	其中有信

Nghĩa là từ Đạo mà trở thành sự vật, chúng ta chỉ có thể nhận biết một cách « phất-phơ » rằng : Đạo biến thành Tượng, rồi từ Tượng hiện-thể thành vật chất, và từ đó mới được xác nhận. Thành ra từ « Vô » (Đạo) đến « Hữu » (xác nhận sự vật) — chương 40 nói : « Hữu sinh ư Vô » — sự sinh thành trải qua những tiến-trình huyền-ảo mà lý-trí không thể nắm bắt được. Chương này nói « Hoảng hề hốt hề, kỳ trung hữu tượng » rồi lại nói « Hốt hề hoảng hề kỳ trung hữu vật » cũng như chương 14 nói « Vô vật chi tượng » chứng tỏ rằng siêu-hình-học của Lão chấp-nhận quan-niệm « Tượng sinh nhi hậu hữu vật » 象生而後有物 của Dịch kinh. Kinh Dịch, Thoán từ truyện nói : « Trên trời thành Tượng, dưới đất thành Hình, biến hóa mới hiện rõ vậy » (Tại thiên thành Tượng, tại địa thành Hình, biến hóa hiện hỹ — 在天成象, 在地成形, 變化見矣). Thành ra quan-niệm về « Tượng » của Khổng-Lão cũng có phần giống như quan-niệm về « Thế-giới Linh-tượng » (Monde des Idées) của Platon trong triết-học Tây phương vậy (1).

Đã rõ Đạo chẳng phải là hư vô do sự tưởng-tượng bịa-đặt mà có, trái lại sự hiện hữu chân tín của nó (cũng chương 21 viết : « Kỳ tinh thậm chân, Kỳ trung hữu tín ») luôn gắn liền với sự hiện hữu của vạn vật. Đứng về phương-diện nguồn gốc thì Đạo sinh ra muôn vật nên gọi là « Mẹ muôn loài » (vạn vật chi mẫu — 萬物之母), «Mẹ dưới trời» (thiên hạ mẫu — 天下母), « Mẹ nhiệm-mầu » (Huyền tẫn — 玄牝). Đứng về phương-diện bản-thể thì Đạo trùm lấp tất cả và cũng ở trong tất cả ; do đó Đạo đồng nhứt với tất cả. Vì Đạo đồng với vạn vật cho nên biết được Đạo cũng là biết được vạn vật. Chương 21 nói tiếp :

« Từ xưa đến nay
Tên đó không mất,

http://tieulun.hopto.org

Để xem đầu gốc muôn vật.

Ta lấy chi để biết trạng-thái đầu gốc muôn vật ?

Lấy đó ».

Tự cổ cập kim	自古及今
Kỳ danh bất khứ,	其名不去
Dĩ duyệt chúng phủ.	以閱衆甫

Ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tai ? 吾何以知衆甫之狀哉

Dĩ thử 以此,

hay như chương 54 nói :

« *Lấy thân xét thân,*

Lấy nhà xét nhà,

Lấy làng xóm xét làng xóm,

Lấy nước xét nước,

Lấy thiên hạ xét thiên hạ.

Ta lấy chi mà biết thiên hạ như vậy ?

Lấy đó.

Dĩ thân quan thân,	以身觀身
Dĩ gia quan gia,	以家觀家
Dĩ hương quan hương,	以鄉觀鄉
Dĩ quốc quan quốc,	以國觀國
Dĩ thiên hạ quan thiên hạ.	以天下觀天下

Ngô hà dĩ tri thiên hạ nhiên tai ? 吾何以知天下然哉

Dĩ thử 以此。

http://tieulun.hopto.org

« lấy đó » tức là noi theo Đạo vậy. Bởi Đạo là cái « trung-tâm bất động của chuyển-động » cho nên từ tâm điểm đó ta có thể xoay hướng theo mọi chiều mọi phía để thấy biết được tất cả sự vật muôn loài. Tóm tắt kết-luận rằng :

« *Muôn vật có đầu gốc,*
Lấy làm Mẹ dưới trời.
Đã có được Mẹ (= *Đạo*),
Ắt biết được Con (= *Vạn vật*) »

Thiên hạ hữu thủy,	天下有始
Dĩ vi thiên hạ mẫu.	以爲天下母
Ký đắc kỳ mẫu,	既得其母
Dĩ tri kỳ tử	以知其子 (chg 52).

Cũng như khi tìm biết chất đất sét người ta có thể hiểu được tất cả các đồ vật nắn bằng đất sét ; cái biết về bản-thể đó (Đạo) cũng như cái biết về « Tự thể » (Atman) trong triết-học Ấn-độ. Đó mới là cái Biết chân thật và toàn diện. Lão học — nói theo đối-tượng là Đạo học — là hướng về thể-nghiệm cái Biết cao-cả đó.

Lẽ tất-nhiên sự đồng nhứt giữa Bản-thể (Đạo) với Hiện-tượng (vạn vật) không thể được hiểu như sự đồng nhứt của những sự vật hữu tình vì Đạo thể là cái gì không thể xác-định là hữu hình hay vô hình. Cho nên cũng chương 1 nói rằng :

« *Cùng như nhau nên gọi là kín sâu ;*
Kín sâu rồi lại kín sâu,
Cửa ngõ của mọi nhiệm-mầu »

Đồng vị chi huyền ;	同謂之玄
Huyền chi hựu huyền.	玄之又玄

http://tieulun.hopto.org

Chúng diệu chi môn 眾妙之門

Và vì kín sâu nên bất khả tư nghị !...

Nói tóm, Đạo là Mẹ kín sâu mầu-nhiệm của hết thảy muôn vật (Huyền tẫn — 玄牝), và đồng nhứt kín sâu với tất cả muôn vật (Huyền đồng — 玄同); ta trở lại định nghĩa cơ-bản : Đạo là Nguồn gốc và Bản-thể của vạn vật !

(1) Theo Trần Trụ (Lão Tử tuyền chú) thì « Tượng » 象 là hình tượng tức vuông, tròn ; « Vật » 物 là vật-chất tức kim, thạch ; và « Tinh » 精 là vật có tinh-tuý tức thảo, mộc, trùng, nhân. Như vậy, sự chuyển hóa đi từ hình chất thô sơ đến vật-chất tế-vi tinh-tuý.

http://tieulun.hopto.org

Hồng-Liên LÊ-XUÂN-GIÁO

Giai-thoại về Văn-học và lịch-sử của Cao-Bá-Quát Tiên-sinh

cái chết bi hùng của «Thánh Quát»

Cao-bá-Quát, bút hiệu Chu-Thần, sinh và chánh quán làng Phú-thị, huyện Gia-lâm, tỉnh Bắc-ninh (Bắc-phần).

Họ Cao của Chu-Thần Tiên-sinh vốn là một cự-tộc nối đời cao khoa hiển hoạn, tiếng-tăm lừng-lẫy khắp vùng Kinh-bắc (tức Bắc-ninh) về thời-kỳ Lê Cảnh-Hưng.

Cao-bá-Quát là con trai thứ hai của ông Cao-hữu-Chiến tức ông Đồ-Cao, một tay học giỏi có tiếng vào hạng hay chữ, nhưng thi Hương một khoa bị hỏng, rồi ngồi nhà mở trường dạy học, sĩ-tử theo học với ông thành đạt rất nhiều.

Ông nội của Cao-bá-Quát là ông Cao-cữu-Chiếu, một cự-phách trong văn-giới và giáo-giới, làm chức Huấn-đạo (Học quan) tại huyện Gia-định (nay đổi làm huyện Gia-bình), môn-đệ của ông có nhiều người đậu-đạt vẻ-vang.

Tằng-tổ của Cao-bá-Quát là ông Cao-bái-Hiên (1), một vị trọng-thần có đức-vọng, làm quan đến Binh-bộ Thượng-thư kiêm chức Tham-tụng (tương-đương với Thủ-tướng) trong phủ chúa Trịnh, mà vẫn giữ được lòng liêm-khiết thanh-cao, khắp trong triều ngoài quận đều ca-tụng và ái-mộ.

« *Ngòi Đức-thủy khơi dòng kinh-sử,*
Phả Cao-dương treo chữ tấn-thân.
Nối đời khoa bảng xuất thân,
Trăm năm lấy chữ thanh-cần làm bia... »

Cao-bá-Nhạ (Tự-tình khúc).

(1) Có sách chép là Cao-bá-Hiên.

http://tieulun.hopto.org

Cao-bá-Quát là em Cao-bá-Đạt — cặp anh em sinh đôi — nhưng lắm khi Quát không chịu nhường, cứ viện lẽ rằng lúc ở trong bụng mẹ, mình được ngồi trên, nên phải sinh ra sau.

Cặp anh em song sinh ấy đều có tư-chất thông-minh dĩnh-ngộ khác thường. Lúc lên 5 tuổi, cả hai trẻ ấy đều được phụ-thân dạy cho học mở lòng quyển sách Tam-tự-kinh (sách gồm những câu ba chữ), học đến đâu đều nhớ thuộc lòng đến đấy.

Đến khi được 14 tuổi, cả hai thiếu-sinh ấy đều được tập làm đủ các thể văn-chương như : văn-sách, thơ, phú, kinh-nghĩa, v.v... Nhứt là Quát, trong văn-chương trác-lạc của ông thường có những câu thần-cú kinh-nhân, và chữ viết rất tốt, viết đủ các lối chữ như : viết tinh, viết thảo, chữ triện, chữ lệ, v.v... và viết được cả hai tay.

Ông Đồ-Cao hằng mừng thầm nhà mình có đại phúc mới sinh được hai con xuất-sắc như thế, và thường ngày bình-phẩm văn-chương của hai con như sau :

«Văn của Bá-Đạt hơn về qui-mô, nhưng kém về tài-tứ ; còn văn của Bá-Quát thì trội về tài-tứ, nhưng thua về khuôn-phép. Nếu đem cái tài-tứ của Bá-Quát hợp với cái qui-củ của Bá-Đạt sẽ có thể trở nên một văn-tài hoàn-toàn ».

Chẳng mấy lâu, Đạt và Quát đều nổi tiếng hay chữ. Quát lại nhiều lần áp-đảo được các sĩ-tử trong xứ, nên tiếng «Thần-đồng Quát» khắp tỉnh Bắc-ninh ai ai cũng nghe.

Một hôm, Quát tới trường Đốc-học Hà-nội nghe bình văn, hễ nghe câu nào không vừa ý, Quát bèn bịt mũi và khạc nhổ. Tên lính canh cửa thấy cử-chỉ thiếu lễ-độ của Quát, bèn bắt Quát trình quan Đốc-học.

Quan hỏi :

— Ngươi là ai và làm gì ?

http://tieulun.hopto.org

Quát thưa :

— Tôi là học-trò.

— Học với ai ?

— Học với thầy Chu thầy Trình.

Quan lại nói tiếp :

— Phải ngươi là học-trò, thời ta ra cho một câu đối, nếu đối không được, sẽ bị đánh ba chục roi.

Rồi quan ra :

« 爾小兒何處由來，敢說周程門戶？»

« *Nhĩ tiểu-nhi hà xứ do lai, cảm thuyết Chu Trình môn hộ ?* »

Nghĩa là :

« Mầy là con trẻ từ đâu mà tới, lại dám nói môn đệ Chu Trình ? »

Quát cất tiếng đối liền :

« 我君子待時而出，將期堯舜君民».

« *Ngã quân-tử đãi thời nhi xuất, tương kỳ Nghiêu-Thuấn quân dân* ».

Nghĩa là :

« Ta là quân-tử, đợi thời mới ra, ước mong làm quân dân Nghiêu Thuấn ».

Quan Đốc-học khen-ngợi tài mẫn-tiệp của kẻ tiểu-sinh và truyền tha Quát ngay, nhưng quan vẫn cho đứa bé ấy là liều-láo, cần phải được giáo-dục để thành người tài đức tương-lai.

Lại một hôm, nhân vua Minh-Mạng đi Bắc-tuần, người ta đi xem lễ cung-nghinh Hoàng-thượng rất đông, Quát cũng đi xem, và không biết vô tình hay hữu ý ăn nói và đi đứng thất lễ làm sao mà bị tên lính bắt trói giữa trời nắng.

http://tieulun.hopto.org

Quát kêu xin tha.

Vị quan đứng gần Quát nói :

— Ta ra cho một câu, nếu đối được thì ta tha cho.

Quan nhìn xuống hồ nước, và đọc một câu đề thách Quát đối như sau :

« *Nước trong leo-lẻo cá ăn cá* ».

Quát ứng-khẩu đối liền :

« *Trời nắng chang-chang người trói người* ».

Vị quan ấy, phần thì phục tài linh-lợi của Quát, phần thì vì tình nhân-loại thương Quát bị trói giữa nắng, bèn truyền mở trói cho Quát.

Chẳng bao lâu, đến kỳ khảo-hạch các thí sinh trong tỉnh Bắc-ninh, bài của Quát quán trường, nên Quát được đứng đầu bảng, được gọi là « Đầu-xứ Quát », và cái tiếng « Thánh-Quát » cũng từ đây được truyền đi khắp các tỉnh lân-cận.

Tới khoa thi Hương trường Hà-nội năm Tân-mão (1831) niên-hiệu Minh-Mạng năm thứ 12, Cao-bá-Quát đỗ Á-nguyên (Cử-nhân thứ hai). Còn Cao-bá-Đạt thì bị trượt, đến khoa sau (khoa Giáp-ngọ — 1834) mới đậu Cử-nhân.

Một vị khảo-quan muốn biết rõ chân tài và thực học của Quát bèn ra cho Quát một câu :

« 一胞雙生，難爲兄，難爲弟 ».

« *Nhứt bào song sinh, nan vi huynh, nan vi đệ* ».

Nghĩa là :

« Một bọc sinh đôi, khó biết ai là anh, ai là em ».

Quát không cần nghĩ, ứng-khẩu đối lại :

http://tieulun.hopto.org

«千載一遇，有是君，有是臣».

« *Thiên tải nhứt ngộ, hữu thị quân, hữu thị thần* ».

Nghĩa là :

«Ngàn năm một thuở, ắt có vua giỏi, có tôi hiền».

Vị khảo-quan vô cùng khen-ngợi tài linh-hoạt của kẻ tân khoa.

Từ đây, tiếng-tăm hay chữ của vị Á-nguyên họ Cao đã được loan truyền khắp đất Bắc-hà, và còn vang-dội vào tận chốn Thần-kinh nữa.

Những bậc văn-nhân mặc-khách trong nước, không mấy ai không nghe tiếng «Thánh-Quát», và không mấy ai mà không đối-thoại với «Thánh-Quát».

Quát giao-thiệp rất thân-thiết với Ông Đinh-nhật-Thận (đỗ đầu Tiến-sĩ, nổi tiếng hay chữ và hay thuốc ở đất Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an). Đến khi bàn-bạc về học-thức và văn-chương, Quát vẫn nói với bạn thân rằng : «Anh cũng dốt như tất cả bọn văn-sĩ đời nay. Nhưng anh còn hơn chúng một điều là anh biết phận dốt». Ông Thận vốn đã biết rõ tánh tình bạn, nên không nói-năng gì để mất lòng bạn.

Về văn tài, Quát ngang hàng với Nguyễn-văn-Siêu (biệt hiệu Phương-Đình, đỗ Phó-bảng, quê thôn Dũng-thọ, huyện Thọ-xương, Hà-nội), nên Dực-tông Anh Hoàng-đế mới có hai câu thơ bình-phẩm về văn-chương như sau :

«文如超适無前漢
詩到徳鍾失盛唐»

« *Văn như Siêu, Quát vô Tiền-Hán.*
Thi đáo Tùng (1), Tuy (2) thất Thịnh-Đường ».

---

(1) Tùng-Thiện-Vương.

(2) Tuy-Lý-Vương đều là con vua Minh-Mạng và đều là thi-bá đời Thiệu-Trị và Tự-Đức.

http://tieulun.hopto.org

Nghĩa là :

« Văn như Nguyễn-văn-Siêu và Cao-bá-Quát thời Tiền-Hán cũng phải thua.

Thơ như Tùng-thiện-vương và Tuy-lý-vương thời Thịnh-Đường cũng còn kém ».

Còn về các thể-thức văn-chương khác, như thơ, ca-trù, phú, kinh nghĩa, v.v... thời Quát lại trỗi hơn Siêu hẳn, và nhiều khi Quát lại đè được cả Tùng và Tuy về thơ nữa.

Thế mà, đi thi Hội, Quát vẫn bị hỏng bay hai khoa liên-tiếp, vì văn-chương tuy hay, nhưng không hợp với trường quy, và văn bài thường bị tì ố (3).

Mặc dầu thi Hội không đậu, Quát vẫn tự-phụ mình học giỏi hơn mọi người, và thường nói :

« Trong thiên-hạ có bốn bồ chữ, thời mình đã chiếm mất hai bồ, còn anh (chỉ ông Đạt) một bồ, và mọi người khác một bồ ».

Quát lại còn nói : « Trong thiên-hạ chỉ mình là có mắt, còn thì mù cả ».

Đã có tánh tự-phụ, tự-cao, lại thêm lòng phẫn-uất vì đường khoa-bảng không hanh-thông, Quát sinh bất-mãn, rồi hàng ngày uống rượu say-sưa, đi đâu cũng mượn chén để chưởi đời, ngạo đời. Quát chê tất cả mọi người, và không có người quen nào mà Quát không mạt-sát trước mặt họ. Vì thế mà nhiều người oán ghét Quát, chỉ trừ những kẻ có độ-lượng và biết rõ tính-tình của Quát mới không để lòng cố-chấp mà thôi. Bấy giờ Quát ngang tàng, phóng-túng quá đỗi : anh em cũng không kể, bạn khuyên cũng không nghe, thậm chí mẹ bảo cũng không để ý tới.

Cổ thi có câu : «Trí tuệ thông minh khước thụ bần», thật đúng với cuộc đời bần-bạc của «Thánh-Quát».

---

(3) Văn bài bị bị mực dậm, có dấu vết, tuy văn hay cũng bị loại.

http://tieulun.hopto.org

«Thánh-Quát» nghèo túng luôn-luôn, có chữ tiền nào thời đi uống rượu cho hết. Vả lại Quát gặp nghịch-cảnh gia-đình, mới 24 tuổi đầu đã góa vợ, cho nên Quát trở thành một cuồng-sĩ.

Lúc Cao phu-nhân từ trần, Quát làm bài văn « 悼 內 文 » «Điệu nội» để khóc vợ. Bài văn chỉ có mấy câu như sau mà đầy-đủ ý nghĩa và hợp tình, hợp cảnh, cho nên đương thời ai ai cũng khen bài văn ấy.

« 嗚 呼 :

女 不 幸 而 爲 才 子 婦 ,

男 不 幸 而 爲 紅 顏 夫 .

爾 今 二 十 有 一 , 一 朝 千 古 ,

我 今 二 十 有 四 , 四 海 九 州 .

嘻 :

紅 顏 薄 命 , 才 子 無 緣 , 惟 我

與 爾 有 是 夫

« *Ô hô :*

Nữ bất hạnh nhi vi tài-tử phụ,

Nam bất hạnh nhi vi hồng-nhan phu.

Nhĩ kim nhị thập hữu nhứt, nhứt triêu thiên cổ.

Ngã kim nhị thập hữu tứ, tứ hải cửu chu.

Y :

Hồng nhan bạc mệnh, tài-tử vô duyên, duy ngã dữ nhĩ hữu thị phu ».

Xin tạm dịch :

« Than ôi !

Gái không may mới làm vợ người tài-tử.

http://tieulun.hopto.org

Trai không may mới làm chồng kẻ hồng-nhan.

Mình nay hai mươi mốt tuổi đầu, thắm-thoát một mai thành người muôn thuở.

Ta nay hai mươi bốn tuổi chẵn, lênh-đênh bốn bể làm khách không nhà.

Hỡi ôi ! Kẻ hồng-nhan bạc mệnh, người tài-tử vô duyên, chỉ có mình và ta vậy ! »

Lại còn một câu đối phúng điếu vợ nữa như sau :

« 少婦何緣歸淨地？

英雄無淚泣塵埃 ».

« *Thiếu phụ hà duyên qui tịnh địa ?*

Anh hùng vô lệ khấp trần ai ».

Nghĩa là :

« Thiếu phụ vì sao về cõi tịnh ?

Anh hùng không lệ khóc người trần ».

Từ đây, kẻ tài-tử họ Cao đã say-sưa lại say-sưa thêm, đã buông-tuồng lại buông-tuồng mãi, để ngày tháng trôi qua với một cuộc đời nhàn-tản phiêu-lưu đến mười năm trời.

Tới năm Thiệu-trị nguyên niên (1841), vị Á-nguyên họ Cao mới được triệu-tập vào Kinh-đô làm chức Thừa-chỉ bộ Lễ.

Một bữa, vị Thừa-chỉ ấy được chứng-kiến một vụ « dốc khẩu » giữa hai ông quan lớn trong tòa Nội-các (tòa văn-thư riêng của nhà vua). Hai ông nầy kiện nhau lên vua. Vua truyền đòi nhân-chứng và bắt nhân-chứng khai. Viên Thừa-chỉ họ Cao khai ngay :

« 不知意何？

其始也兩相鬨口：彼曰狗，此亦曰狗.

http://tieulun.hopto.org

鬪而兩相角口：彼曰汝狗，此亦曰汝狗。

其終也兩相鬪毆。

臣見不好。

臣棄而走。

今謹復奏。

奸開甘發，

« *Bất tri ý hà ?*

Kỳ thủy dã lưỡng tương khai khẩu : Bỉ viết cẩu thử diệc viết cẩu.

Kế nhi lưỡng tương đốc khẩu : Bỉ viết như cẩu, thử diệc viết như cẩu.

Kỳ chung dã lưỡng tương đấu ẩu.

Thần kiến bất hảo,

Thần khí như tẩu,

Kim cẩn phúc tấu,

Gian khai cam cựu ».

Nghĩa là :

« Chẳng hiểu vì sao ?

Trước hết hai người mở miệng : Kẻ nầy nói chó, kia cũng nói chó.

Tiếp đến hai bên mắng nhau : Kẻ nầy nói mầy chó, kẻ kia cũng nói mầy chó.

Đến sau hai người đánh nhau.

Tôi thấy không tốt.

Tôi liền bỏ chạy.

Nay xin tâu lên vua.

Khai gian cam chịu tội[2].

http://tieulun.hopto.org

Nhà vua cầm tờ khai của viên Thừa-chỉ, mực cười và phán rằng : «Khanh khai như vậy, thời Trẫm biết ai phải, ai trái mà xử ?» Thế là nhờ tờ khai của Ông Quát mà hai quan nọ được giải-hòa với nhau.

Đến năm Tự-Đức thứ 7 (1854), do Kinh-lược Bắc-kỳ là Nguyễn-văn-Giai tiến-cử, Cao-bá-Quát Tiên-sinh được bổ làm chức Giáo-thụ (học quan) phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Lúc bấy giờ Tiên-sinh đã gần bốn mươi tuổi.

Tới nhậm-sở mới, quan Giáo-thụ viết hai câu đối nôm dán giữa giáo-đường như sau :

1) Nhà giáo ba gian, một thầy, một cô, một chó mực ;

Học sinh mười đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa mèo hoang.

2) Mô-phạm năm ba thằng mặt trắng (4).

Đỉnh chung một chiếc rưỡi lưng vàng (5).

Lại nhân gặp mùa Xuân, Cao Tiên-sinh làm một bài thơ khai bút, trong đó có hai câu tả chân (hay thích thực) như sau :

«忽忽拿拈成萬字，
滔滔拿下掃千軍».

«*Hốt-hốt bút niêm thành vạn tự.*
Thao-thao bút hạ tảo thiên quân» (6).

Nghĩa là :

«Lập-tức bút cầm tay, thành ra vạn chữ.
Thao-thao tay hạ bút, quét sạch ngàn quân».

Câu thơ trên đây có khẩu-khí một kẻ tướng giặc, nên các quan địa-phương để ý theo-dõi và dò-xét tác-giả bài thơ ấy mãi.

---

(4) Mặt trắng là do chữ «bạch diện thư sinh» nghĩa là người học-trò mặt trắng.
(5) Lưng vàng, có chỗ lại nói lương vàng.
(6) Buổi xưa, có một loại bút chữ nho tên là bút «Tảo thiên quân» rẻ tiền hơn bút «Ngọc thư hương».

http://tieulun.hopto.org

Cao Tiên-sinh thường xướng họa với Cụ Hy-văn Nguyễn-công-Trứ. Bình-nhựt, Tiên-sinh vốn khâm phục tài đức và con người hiên-ngang lỗi-lạc của Cụ Hy-văn. Nhưng Tiên-sinh vẫn chỉ-trích Cụ Hy-văn một điểm là làm quan mãi không biết chán. Xin đọc hai bài xướng họa dưới đây thì đủ rõ :

阮公著自壽詩

«日對兒曹自解頤，
今吾不似故吾時.
隨機傀儡供人笑，
逐騏牙華屈古稀.
老寔弗堪粧面目，
英花安用染鬚髭.
自慚毫末渾無狀
笑殺鴻山有是非»

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ TỰ THỌ THI :

« *Nhựt đối nhi tào tự giải di,*
Kim ngô bất tự cố ngô thì.
Tùy cơ khối-lỗi cung nhân tiếu.
Trục ký niên-hoa giới cổ hy.
Lão thực phất kham trang diện mục,
Anh hoa an dụng nhiễm tu tỳ
Tự tàm hào-mạt hồn vô trạng,
Tiếu sái Hồng-sơn hữu thị phi ».

Xin tạm dịch :

THƠ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ TỰ MỪNG THỌ :

« Nhìn trẻ mà mình tự mỉm môi,
Nay ta khác hẳn lúc xuân-thời.

http://tieulun.hopto.org

Tuồng đời hễ múa qua bao độ,
Ngày tháng thoi đưa sắp bảy mươi.
Đã biết mặt mày già-dặn thật,
Cần chi son phấn điểm-trang hoài.
Thẹn mình công-trạng không may-mảy,
Phải trái Hồng-sơn cũng nực cười ».

高伯適奉和：

屏山南望獨支頤
適想先生未老衰。
自古英雄過多異，
即今醫德見真稀。
嘗多世味終須酒，
禁斷霜花不上髭。
閒道鴻峯秋回首，
豈應六十九年非».

CAO-BÁ-QUÁT PHỤNG HỌA :

« *Quần sơn nam vọng độc chi di,*
Dao tưởng Tiên-sinh vị lão thì.
Tự cổ anh hùng ngộ đa dị,
Tức kim xỉ đức kiến chân hy.
Thường đa thế vị chung tu tửu,
Cấm đoạn sương hoa bất thướng tỳ.
Văn đạo Hồng-phong dục hồi thủ,
Khởi ưng lục thập cửu niên phi» (7).

(7) Nguyên có câu cổ văn : « 七十而知六十九之非 » « Thất thập nhi tri lục thập cửu chi phi » = Bảy mươi tuổi mới biết những sự sai-lầm từ sáu mươi chín tuổi về trước.

http://tieulun.hopto.org

Xin tạm dịch :

« Non Nam nhìn tới, mỉm đôi môi,
Những tưởng Tiên-sinh lúc thiếu-thời.
Từ trước anh hùng riêng mỗi một,
Đến nay xỉ đức vẹn mười mươi.
Rượu nhờ tẩy sạch bao mùi tục,
Râu cắm không màng những phấn bôi.
Nghe nói Hồng-phong quay trở gót,
Lẽ nào sáu chín tuổi mua cười ».

Xem bài thơ họa trên đây, đủ biết Cao Tiên-sinh rất có biệt-nhãn đối với Cụ Hy-văn Nguyễn-công-Trứ. Với sáu câu trên, nhà thi-hào họ Cao vẫn khen-ngợi Cụ Hy-văn là bậc anh-hùng, là người tuổi-tác và có nhiều đức-vọng. Duy hai câu kết có ngụ thâm ý chê trách Cụ Hy-văn đến bảy mươi tuổi mới về hưu, không khỏi có những sự không hay từ sáu mươi chín tuổi trở về trước. Câu ấy dùng chữ rất linh-động, tài-tình, khiến người ta còn có thể cắt nghĩa trái ngược lại là : Lẽ nào lại có những sự lỗi-lầm từ sáu mươi chín tuổi trở về trước. Ít có ai được Cao Tiên-sinh họa thơ mà tán-tụng như thế.

Cao Tiên-sinh vốn được nhà đại-nho Nguyễn-văn-Giai qui-trọng, chiều-chuộng. Lúc ông nầy mới cưới vợ mọn là người phường hát ở Bắc-ninh, bèn nhờ nhà thơ họ Cao làm một bài ca. Nhà thơ liền cầm bút viết ngay :

« *Bắc phương hữu giai nhân,*
Tuyệt thế nhi độc lập.
Giá đã nên nhứt tiếu khuynh thành.
Trọng cho tài mà lại tiếc cho mình.
Chen-chúc mấy đời chi mãi tá !
Ngã diệc tư phi ninh tác ngả,

http://tieulun.hopto.org

Nhân phi bất thị trữ khan nhân.
Vòng thị phi trót đã quá chân,
Thôi đã biết chuyện đời là thế thế.
Thoi thẩm-thoát bóng dâu vừa xế,
Mới ngày nào mái tóc chấm ngang vai.
Của đời ai kém chi ai ».

Bài nầy, Cao Tiên-sinh mượn lời để tỏ nỗi lòng của mình, được ông Giai khen-ngợi. Nhưng ông Giai lại còn thách làm một bài nữa cho sát với cảnh của ông, và dùng lời càng tục-tĩu càng hay. Tiên-sinh đòi được rượu rồi hạ bút viết ngay :

« Trước đã mắc lừa vì cái vịt,
Sau còn thêm thẹn với con công.
Sự đâu có sự lạ-lùng :
Ô tướng-quân cùng Mao động-chủ.
Sách có chữ « Âm dương đào-chú »,
Thay hóa-công mà đúc lấy nhân-tài.
Càng già càng dẻo càng dai ».

Ông Giai đắc ý lắm, nhứt là câu cuối cùng « Càng già càng dẻo càng dai ». Ông cầm bút khuyên dày, và thưởng tài mười quan tiền. Tác-giả bài ca nhận tiền rồi đi uống rượu cho hết số tiền thưởng ấy mới nghe.

Chu-thần Tiên-sinh cũng thích thú hát cô-đầu và làm bài ca cho cô đầu hát.

Và sau đây, tôi xin dẫn vài bài ca-trù của Tiên-sinh :

1) GIAI-NHÂN NAN TÁI ĐẮC

« *Giai-nhân nan tái đắc,*
Trót yêu hoa nên dan-díu với tình.
Mái Tây-hiên nguyệt gác chênh-chênh,

http://tieulun.hopto.org

Rầu-rĩ bấy xuân về oanh nhớ.
Phong-lưu tài tử đa xuân-tứ,
Trường đoạn Tiêu-nương nhứt chỉ thư.
Nước sông Tương một giải nông chờ,
Cho kẻ đấy người đây mong-mỏi.
Bứt-rứt nhẽ trăm đường ngàn nỗi,
Chữ chung-tình biết nói cùng ai ?
Trót vì gắn-bó một hai ».

2) THẾ-SỰ THĂNG TRẦM

« *Thế-sự thăng trầm quân mạc vấn,*
Yên-ba thâm xứ hữu ngư châu.
Vắt tay năm nghĩ chuyện đâu đâu,
Đem mộng sự đọ với chân-thân thì cũng mệt.
Duy giang thượng chi thanh phong,
Dữ sơn gian chi minh nguyệt,
Kho trời chung mà vô tận của mình riêng,
Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn thiêng,
Ai thành thị, kẻ vui miền lâm-tẩu,
Gõ nhịp lấy, đọc câu « tương tiến tửu »,
« *Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai* ».
« *Làm chi cho mệt một đời !* »

Làm chức Giáo-thụ ở phủ Quốc-oai được một thời-gian không lâu rồi Chu-thần Tiên-sinh xin treo ấn từ quan, và sau đó ít lâu, Tiên-sinh bị tố-cáo là đã xúi-giục nhân-dân huyện Mỹ-lương (tỉnh Sơn-tây) nổi lên làm loạn. Tiên-sinh bị bắt đem về Hà-nội nghiêm giam và kết án tử hình. (Trong Chính-biên Liệt-truyện lại nói Tiên-sinh bị giết chết ở giữa trận địa).

Cao-bá-Đạt đương làm Tri-huyện Nông-cống (Thanh-hóa) cũng bị liên-can và bị bắt giải, rồi tự tử ở dọc đường. Hai con của Cao-bá-Quát Tiên-

http://tieulun.hopto.org

sinh là Cao-bá-Phùng và Cao-bá-Thông đều bị cực-hình mà chết. Cháu gọi Tiên-sinh bằng chú là Cao-bá-Nhạ, tác-giả « Tự-tình-khúc » lẫn trốn trong dân gian được 8 năm rồi cũng bị trích-giác ở tù mà chết. Thế là Cao-bá-Quát Tiên-sinh bị tru diệt toàn gia, thật là đau đớn !

Trong lúc bị giam kín, Chu-thần Tiên-sinh có làm một đôi câu đối vịnh cảnh ở tù :

« *Một tấm ván lim ngồi thế đế,*
Ba vòng dây sắt bước thì vương ».
(vương đối với đế).

Rồi đến khi bị đưa ra pháp-trường hành hình, Tiên-sinh còn đọc hai câu vĩnh-quyết để chưởi đời nữa :

« *Ba hồi trống giục thằng cha kiếp,*
Một lát gươm đưa đéo mẹ đời »

Được ai-tín về anh em Cao-bá-Đạt, Cao-bá-Quát đều chết một cách quá bi-thảm, ông Nguyễn-văn-Siêu có làm một đôi câu đối phúng điếu như sau :

« 可憐我亘古才英，難弟更難兄，不世偶生還偶死；
最感者到頭事勢，此人而此遇，混塵留魄亦留芳. »

« *Khả lân tai cẳng cỏ tài danh, nan đệ cánh nan huynh, bất thế ngẫu sinh hoàn ngẫu tử !*

Tối cảm giả đáo đầu sự thế, thử nhân nhi thử ngộ, hỗn trần lưu xú diệc lưu phương. »

Xin tạm dịch :

« Thảm-thương thay ! cẳng cỏ tài danh, hồ dễ biết ai là anh, và ai là em, khác đời sinh đôi, rồi khác đời chết cả cặp !

http://tieulun.hopto.org

Đau-đớn nhỉ ! đáo đầu sự thế, sao lại khiến người như vậy mà gặp cảnh như vậy, cõi trần lưu xấu mà cũng lưu thơm !»

Đôi câu đối trên được người đời truyền-tụng mãi.

*

Hỡi ôi ! con người tài-hoa lỗi-lạc hiếm có như Chu-thần Cao-bá Quát Tiên-sinh, thế mà đường đời trắc-trở, cuộc đời éo-le, xô-đẩy Tiên-sinh đến chỗ bất-mãn. Rồi từ chỗ bất-mãn, Cao Tiên-sinh đi đến chỗ bị thảm-sát, chết một cách thê-thảm, chết «bất đắc kỳ tử», lại còn di họa cho cả gia-đình nữa, khiến cho kẻ hậu-sinh này không khỏi bùi-ngùi, thương-xót khi cầm bút chép lại mấy câu chuyện về thân-thế của Tiên-sinh ! Con Tạo sao quá khắt-khe đối với kẻ thiên-tài hãn-hữu ấy ? Hay là bởi định-lý : « tài mệnh tương đố » xui nên vậy ?

Nếu sinh được gặp thời, thì Chu-thần Cao-bá-Quát Tiên-sinh cũng có thể trở thành một nhà cách-mạng tạo nên sự-nghiệp phi thường không biết chừng !

Tuy nhiên, Tiên-sinh dầu phải gian-truân hoạn-nạn suốt đời, và rốt cuộc phải chết một cách quá bi-đát như vậy, nhưng sự-nghiệp về văn-chương của Tiên-sinh không phải vì thế mà mai-một theo thời-gian và không gian. Trái lại, Tiên-sinh càng gặp nghịch-cảnh bao nhiêu, thì văn tài càng phát-triển bấy nhiêu, và văn-chương bất-tử của Tiên-sinh càng được lưu-truyền mãi mãi, âu cũng là lẽ « thừa trừ tự nhiên » vậy.

http://tieulun.hopto.org

PHONG-SƠN

Ai yêu xứ Huế thì ra...

Lăng tẩm, nơi an giấc ngàn thu của các vị đế vương

Con người sống ở thời thanh bình vừa được cái diễm phúc tận hưởng lạc thú lúc sinh thời, lại còn có thừa thì giờ để lo cho lúc về già và lúc rời bỏ cõi trần để yên ngủ giấc ngàn thu. Đối với các bậc vua chúa triều Nguyễn trong hơn một thế kỷ trị vì và xây đắp hoàng cung ở kinh thành Huế, chỗ yên ngủ ngàn thu của họ lại là những thế giới đặc biệt, phản ảnh đúng tâm hồn của từng vị đế vương. Mộ phần và lăng tẩm của họ đã được họ chọn lựa địa điểm lúc sinh thời. Cái chí háo thắng, cao ngạo, thống nhất sơn hà về một mối của vua Gia-Long cũng được thể hiện nơi một vùng đất đồi núi chập chùng, thâm u hùng vĩ. Cái nho phong yểu điệu, cốt cách thi nhân của vua Tự-Đức cũng được hiện rõ nơi một đồi thông u trầm, những hồ sen tĩnh mịch, những lối mòn lá đồ, những ghềnh đá suối reo... Đến như cái tâm hồn nóng nảy, phức tạp của vua Minh-Mạng thì lại nổi bật trong một khu đất rộng lớn mà công trình kiến trúc lăng tẩm đồ sộ nhất cũng đủ nói lên cái ý muốn cao sang của nhà vua lúc còn nắm bá tánh trong tay...

Nói đến thành phố Huế mà không nói đến lăng tẩm là một thiếu sót lớn lao bởi vì có đi thăm các lăng mới thấy hết cái cuộc sống vương giả của các vị vua chúa, mới cảm được hết cái thăng trầm của các triều đại, nỗi bâng khuâng khi tưởng tượng lại những hình ảnh cổ thời như còn vướng vất đâu đây :

... « Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương !...

(Bà Huyện Thanh Quan)

http://tieulun.hopto.org

Bây giờ xin mời bạn hãy cùng tôi nhảy lên một chiếc xe đạp, vâng, chỉ một chiếc xe đạp thôi, bởi vì nếu bạn đi thăm lăng bằng xe hơi hoặc một loại xe gì có động cơ bạn sẽ gặp rất nhiều trở ngại, ngoài ra bạn sẽ không có thì giờ và điều kiện để phóng tầm con mắt tận hưởng cảnh trí thiên nhiên... Đi thăm lăng có cái thích ở con đường đi tới các lăng, những con đường sỏi đỏ gồ-ghề, khi thì len lỏi trong những vườn cây râm mát tốt tươi, nào tre, lồ-ồ, mít, dừa, phi-lao... mà lá, mà hoa, mà ánh nắng, mà tiếng chim kêu tạo nên muôn vàn màu sắc âm thanh làm say mê lòng du tử. Có khi con đường đất đỏ đột khởi lên một sườn đồi chênh vênh mà hai bên lề là những rẫy chè rẫy sắn thoai thải, ẩn hiện bóng những nàng thôn nữ xinh tươi, đề rổi đồ xuống một thung lũng u trầm với lau sậy um tùm, bãi vắng bờ hoang heo hút. Nếu bạn đồng hành là một giai nhân thì trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ đồi núi chập chùng, trời mây lồng lộng, tha hồ mà hẹn núi thề non, thủ thỉ với nhau rằng «đường xa chi mấy»...

Cố gò lưng trên xe đạp để vượt qua dốc Nam-Giao, bạn sẽ giã từ thành phố Huế để đi lần vào khung cảnh của núi đồi, khe suối. Trước hết bạn hãy cùng tôi thăm lăng vua Tự-Đức, một ông vua thi sĩ rất đa tình, đã si mê người yêu là Bằng-Phi mà khi người yêu đã quá cố, vẫn còn nhớ thương nồng nhiệt, thiết tha, nỗi nhớ thương mà những người si tình thời đại mới này cũng chỉ xót xa như thế là cùng :

«...Mưa hè năng chái oanh ăn nói
Sớm ngõ trưa sân liễu đứng ngồi
Đập cỏ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn-y lại để dành hơi...»

Lăng vua Tự-Đức chỉ cách thành phố Huế 7 cây số về phía hữu ngạn sông Hương, bắt đầu từ đàn Nam-Giao rẽ theo con đường đất đỏ phía tay mặt. Có đoạn đường vươn lên đồi vừa gập ghềnh lồi lõm bạn phải nhảy xuống dắt xe đi bộ, tuy nhọc nhưng vui, khi lên đến đỉnh đồi bạn sẽ sung sướng cỡi lên ngựa sắt «lỏng buông tay khấu» và thả lơ bàn đạp cho nó lao

http://tieulun.hopto.org

mình xuống dốc như bay. Bạn chỉ cần lên xuống vài ba lần như vậy, đến một lần xuống dốc hơi dài bạn sẽ đến chân một ngọn đồi thông thơ mộng mà từ xa bạn đã văng vẳng nghe tiếng thì thầm trong gió. Cánh cửa mở ra cả một dãy thành cao bao bọc khu lăng tẩm này, dẫn bạn đi sâu vào trong để tha hồ chiêm ngưỡng công trình thần mỹ nhân tạo hòa hợp với thiên nhiên.

Con đường lát toàn đá tảng, hai bên hai hàng cây lớn, toàn là loại cây bàng, cành lá vươn ra như những cái lọng che, bạn sẽ có cảm tưởng mình là vua chúa hoặc triều thần đi giữa hai hàng lính hầu kính cẩn. Con đường men theo một hồ sen khá rộng, mùa hạ sen nở, màu trắng chen lẫn màu hồng soi bóng lồ đồ trên dòng nước xanh đen sâu thẳm. Nếu có thêm tiếng chuông chùa ngân nga, quyện với mùi hương sen thanh khiết, bạn sẽ thấy lòng trần rũ sạch, hồn bay lên tận cõi « chân như ». Ngôi nhà thủy tạ vắt ra lòng hồ sen, sàn gỗ sạch bóng như chùi luôn luôn có gió mơn man, đứng trên lan can nhà thủy tạ nhìn ra hồ sen tĩnh mịch, tươi mát, bạn cũng có thể tự vỉ mình là hiện thân của một vị đế vương đang cùng một vương phi sủng ái, đầu tựa vai kề, ngâm thơ hứng mát bên hồ.

Rời hồ sen và ngôi nhà thủy tạ, bạn bước lên 3 bậc nền xây chồng chất lên nhau, mỗi nền có 9 bậc (dường như là ý nghĩa cửu trùng) nơi đây có trồng rải rác những cây hoa sứ, mùi thơm dìu dịu, phảng phất. Bạn sẽ gặp ngôi nhà bia, mỗi thân bia lớn chạm trổ và khắc đầy chữ Hán. Nơi đây ghi rõ công trạng của nhà vua, kể cả những thành về văn hóa. Từ nhà bia, bạn sẽ còn thấy một đền thờ rồi mới đến mộ vua. Nhưng nếu hỏi mộ vua ở đâu thì không ai biết cả, kể cả những người trong tôn nhân phủ có nhiệm vụ trông coi lăng tẩm. Người ta truyền tụng rằng mộ vua thực sự đặt nơi nào, không ai biết, phải giữ kín, tránh những sự phá phách xâm phạm vì khi tẩm liệm nhà vua, Hoàng-gia đã tẩm liệm hầu hết những bảo vật mà nhà vua hằng ưa thích. Có người còn cho rằng những người lo việc di chuyển linh cữu vua vào mộ phần chính thức cũng bị giết chết và chôn sống luôn để khỏi tiết lộ mộ phần và những bảo vật đã chôn giấu nơi đó.

http://tieulun.hopto.org

Khiêm-Lăng của vua Tự-Đức có cái khung cảnh u trầm thơ mộng của nó thì trái lại lăng vua Gia-Long, tuy không có công trình kiến trúc đồ sộ, phức tạp nhưng lại thiết lập trên một cảnh trí hùng vĩ của vùng đồi núi Đình-Môn. Lăng này xa nhất: cách thành phố Huế 16 cây số, đường đi cũng hiểm trở, quanh co, phải băng qua nhiều núi đồi khe suối. Lăng cách thượng lưu sông Hương chừng trên 1 cây số, có đường rộng dẫn tới lăng. Bạn sẽ bắt gặp trước nhất một cái hồ bán nguyệt, cảnh hồ không lấy gì làm thơ mộng vì nơi đây ít cây cối. Tuy nhiên nước hồ rất trong và mát nếu bạn cùng đi với «giai nhân» thì cũng nên dẫn người đẹp xuống hồ «chao chân» một cái vừa để chùi rửa đôi gót sen vàng sau hành trình xa xôi bụi bặm, vừa để nàng nghỉ ngơi hứng mát. Bạn cũng có thể lợi dụng cảnh hồ và nước hồ bán nguyệt để mà ngâm lên rằng «Trên trời có đám mây xanh, ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng, ước gì anh lấy được nàng, thì anh mua gạch bát tràng về xây. Xây dọc rồi lại xây ngang, xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân». Bạn có thể chỉ gạch bát tràng cho nàng coi... và kể thêm một câu chuyện do những người giữ lăng kể lại là thỉnh thoảng người ta tìm thấy dấu chân của Gia-Long hoàng hậu trên những hàng gạch đó. Thế rồi bạn dìu người đẹp đi trên những hàng gạch đát tràng, âu yếm mà rằng: «Ái phi ơi! ái phi hãy cười lên đi!» chắc chắn bạn sẽ được đền bù bằng một nụ cười tình tứ...

Bước lên nhiều bậc cấp, chúng ta sẽ tới nền lăng, phía ngoài có cửa đồng, phía trong xây hai mộ vua và hoàng hậu. Bên trái mộ vua là tấm bia lớn khắc ghi đầy đủ công nghiệp của Thế Tổ Cao Hoàng Đế (tức vua Gia-Long). Lăng của vua Gia-Long chỉ đơn sơ như vậy nhưng nếu bạn đứng lên một chỗ cao nhất, phóng tầm mắt ra chung quanh, bạn sẽ thấy đồi núi trùng trùng điệp điệp, những dãy núi tím thẫm, đắm mình trong nắng, chạy dài từ xa và như quy tụ tất cả về nơi đó: người ta có cảm tưởng như dưới chân mình đang có muôn ngàn con long, con hổ về chầu, phủ phục dưới chân chờ lệnh. Thật cũng thích hợp với tâm hồn của Nguyễn-Ánh, một người có chí cả

http://tieulun.hopto.org

mộng lớn, tài thống lãnh ba quân để thống nhất sơn hà sau khi nhà Tây-Sơn đã phân hóa suy sụp.

Bạn đến thăm lăng vua Gia-Long tất phải ra đi từ sớm, chuẩn bị cơm vắt muối vừng để có thể ăn một bữa cơm trưa tại lăng xong nằm ngửa ra nền lăng mát rượi, đưa mắt nhìn trời mây lồng lộng, non nước bao la, nghe gió từ muôn phương réo gọi chí làm trai, sau đó, nhắm mắt nhập thần để ví mình là một vị đế vương chán cảnh cung vàng điện ngọc, tìm nơi an nghỉ...

Lăng vua Thiệu-Trị không có gì đặc biệt, xây gần lăng vua Tự-Đức, cách thành phố Huế 8 cây số. Cũng ở vùng đó, phía tây nam của lăng Tự-Đức là lăng Đồng-Khánh. Lăng xây trên một ngọn núi gần bờ sông. Những tầng cấp đi lên rất cao. Khu đất tuy hẹp nhưng công trình kiến trúc lăng Đồng-Khánh là một sự hòa hợp công phu và khéo léo giữa hai lối kiến trúc cổ thời và tân tiến. Người ta không lấy làm lạ vì vừa có « cành vàng lá ngọc » mà cũng có « cửa kính gạch hoa ».

Bây giờ, xin mời các bạn trở về phía tả ngạn sông Hương, bởi vì đa số các lăng tẩm kia đều thiết lập ở hữu hạn Hương-giang để viếng thăm một khu lăng tẩm đẹp nhất, công phu nhất và nhiều kiến trúc tinh vi, hàm chứa nhiều ý nghĩa lịch sử. Đó là lăng vua Minh-Mạng cách thành phố 12 cây số. Lăng tẩm này đã xây cất trong hơn hai năm trời từ 1841 đến 1843 mới xong, tốn hao biết bao nhân lực và tài sản.

Từ xa, người đã thấy một vùng xanh đen nổi bật trên bờ thượng lưu Hương-giang, chênh vênh bên sườn núi. Đó là những thụ cổ trên bờ sông và một rừng thông cao vút bao bọc phía sau lăng. Đến gần, một vòng thành rêu phong hiện ra cao và dày, phía đông mở ra 3 cửa đồ sộ : giữa là Đại-Hồng-Môn, hai bên là Tả Hữu Hồng-Môn.

Vào trong, trước hết chúng ta qua một sân rộng lót đá tảng có đặt hai con nghé (trâu con) bằng đồng mạ vàng, hai con ngựa và hai con voi bằng đá cùng với các tượng triều thần các cấp. Uy nghi nhất là ngôi nhà vuông bên trong dựng bia xây trên một nền cao đi lên bằng bậc cấp bằng đá. Bia lớn bằng

http://tieulun.hopto.org

cẩm thạch, nét khắc chữ Hán rất tinh vi, thuật rõ đức tính và công trạng của vua Minh-Mạng. Theo bản dịch ra Việt ngữ của Viện khảo cổ Việt-Nam thì người ta được biết tấm bia đó, vua Thiệu-Trị (con vua Minh-Mạng) phụng lập, ngự chế bài bia và bài minh để khắc lên đó. Tuy vua Thiệu-Trị đã đặc biệt ca tụng công đức của vua cha nhưng người ta cũng nhận xét được những điểm độc đáo của vua Minh-Mạng, một ông vua có thể được gọi là « anh quân ». Vua Minh-Mạng sinh năm 1791 tại làng Tân Lộc, tỉnh Gia-Định (tức là khoảng đường Lê-quý-Đôn — Phan-đình-Phùng của thành phố Saigon bây giờ) trong lúc vua Gia-Long đang thống lãnh ba quân dẹp giặc. Năm 30 tuổi, Minh-Mạng lên ngôi Hoàng-đế và có điềm tốt là sau 6 năm trị vì, nước sông Gia-định trở nên trong, tỉnh Nghệ-An được mùa lúa, một hạt lúa là hai hạt gạo, và sau 9 năm tại vị, tỉnh Quảng-Trị có tìm được cái ấn ngọc khắc chữ « vạn thọ vô cương ». Tuy nhiên điềm tốt của vua Minh Mạng ở chỗ nhà vua không lấy những điều tốt đó để tự hào tự mãn, ông thường khuyên dụ thần dân rằng : « Trẫm từ lúc chưa sáng đã mặc áo, đến thật tối mới ăn cơm, chỉ cầu sửa trị nước nhà, dùng người hiền lương làm mọi việc để nhân dân được vui vẻ, yên ổn ! » Vua Minh-Mạng còn làm một bài « quan châm » để khuyên răn người có địa vị, ngăn cấm việc lập bè đảng ở khắp mọi Ty để chỉnh đốn bách quan, khen những người hiếu thuận, đề cao người tiết nghĩa, dùng Lễ đối với bậc cao niên, trọng thưởng những lực điền. Nhà vua chủ trương « không có những người thân trong họ nội ngoại chuyên quyền và không có những người hầu cận được sủng ái ». Vua Minh-Mạng còn là một văn nhân, thi sĩ, tác giả 6 tập Ngự chế thi và tập Ngự chế văn, ông còn cổ võ văn chương trọng dụng sĩ phu trong nước. Trước đây một thế kỷ, vào thời quân chủ chuyên chế mà có ông vua như vậy tưởng cũng là đại phúc cho dân Việt-Nam.

Một điều vui vui về vua Minh-Mạng là ông ta có ban ra 10 điều huấn dụ phổ biến khắp bá tánh để răn dạy luân thường đạo lý, trong đó có điều thứ 8 là «giới dâm thắc» răn giữ những điều dâm dục... Theo tài liệu trong bài văn bia của vua thì «phúc lộc» của ông rất lớn : ông có 142 người con

http://tieulun.hopto.org

trai và gái. Có lẽ vua cũng áp dụng và thực hành đúng «giới dâm thắc» trong 10 điều huấn dụ nhưng vì nhà vua có quá nhiều cung phi sủng ái cho nên mới ban rải ra một con số không lồ như vậy !

Rời khỏi khu nhà bia, các bạn còn được ngắm xem cửa tam quan «Hiền đức môn» chạm trổ kỳ khu, dẫn vào những dãy nhà cho các Hoàng thân và cung thần tạm nghỉ khi đến lễ, đền thờ các quan văn võ hữu công dưới triều Minh-Mạng. Bài vị của vua và hoàng hậu đặt nơi «Sùng ân điện» cửa khóa kiên cố, trong đó có rất nhiều bảo vật vua Minh-Mạng ưa thích lúc sinh thời.

Ngoài ra, còn có Trừng-minh-Hồ ở giữa cầu Trung-Đạo lát bằng cẩm thạch để vua đi hai bên Tả-Phù và Hữu-Bật. Đàn Tam-Tài (trời, đất, nước) xây trên một nền đất cao, nhìn xuống một vườn trồng đủ loại cây xếp theo hình chữ Thọ. Đặc biệt là cái hồ hình trăng lưỡi liềm gọi là Tân-Nguyệt-Trì, có cầu đá và bao lơn sắt bắc ngang, hai đầu cầu có tam quan bằng đồng chạm rồng uốn khúc ở 4 cột.

Mộ vua ở xa hơn, phải lên một nền cao 36 cấp, ở giữa rặng thông, chung quanh xây tường vòng tròn tượng trưng cho thái dương.

*

Nói về thơ của vua Minh-Mạng tưởng cũng nên nhắc đến 11 bài thơ đặc biệt do nhà vua sáng tác, 1 bài «Đế hệ» và 10 bài «Phiên hệ». Con cháu vua Minh-Mạng thuộc « Đế hệ » và con cháu của anh em ruột vua Minh-Mạng thuộc «Phiên hệ» (Vua Gia-Long có 13 người con trai, 2 người thứ nhì và ba chết sớm, còn lại 11 người, vua Minh-Mạng là con thứ tư), 11 bài thơ nói trên được khắc vào Kim-sách (sách bằng vàng lá), các con cháu đời sau lấy mỗi chữ trên bài thơ để đặt trước chữ tên. Như con cháu vua Minh-Mạng thuộc «Đế hệ» sẽ dùng những chữ trong bài thơ sau đây để đặt trước tên :

http://tieulun.hopto.org

«Miên hồng ưng bửu vĩnh
Bảo quý định long trường
Hiền năng kham kế thuật
Thế thụy quốc gia xương».

Còn 10 bài thơ «Phiên hệ» thì con cháu của anh em vua Minh-Mạng sẽ dùng các chữ để đặt trước tên. Bài 1 là hệ 1 dùng cho con trưởng vua Gia-Long, bài hệ 2 con thứ 5, bài hệ 3 con thứ 6 và tiếp tục như vậy cho đến bài hệ 10 con thứ 13. Như bài hệ 1 có câu thơ đầu là «*Mỹ lệ anh cường tráng*» thì ta có thể đoán rằng Kỳ ngoại hầu Cường-Để tức là con cháu của người con trưởng vua Gia-Long.

Nếu bạn gặp một giai nhân yểu điệu thục nữ tự giới thiệu là «Tôn Nữ Quỳnh Giao» chẳng hạn, bạn có thể đoán biết rằng nàng thuộc hệ 10, con cháu của ông Hoàng thứ 13 của vua Gia-Long, bởi vì bài thơ hệ 10 có câu đầu là «*Từ thái dương quỳnh cầm*» đó bạn ạ!

http://tieulun.hopto.org

VÕ-LANG *sưu-khảo*

những cuộc đấu voi và hổ dưới triều nguyễn những cuộc săn bắn đế vương của vua tự-đức

Xưa kia, voi rất đắc dụng trong cuộc chiến tranh và các tỉnh có nhiều thớt voi. Ví dụ như các thị xã Đồng-Hới (tỉnh Quảng-Bình) 9 cây số có thiết lập Tầu-tượng là nhà nuôi voi và Tượng-tập là nơi huấn-luyện voi làm việc.

Đoàn Quân-Tượng (Lính voi) đặt dưới quyền chỉ huy của một Chưởng Tượng Quan, một thượng-quan của Triều-đình và có những thớt voi được bổ sung vào các đội Pháo binh và Công binh. Cũng có những binh sĩ đặc biệt phụ trách về các đoàn quân tượng. Triều đại Tự Đức, kinh đô Huế có 700 quân tượng để bảo vệ Hoàng Cung.

Những cuộc đấu hào hứng giữa hổ và voi là một trò giải trí rất thịnh hành dưới triều Nguyễn và chính vua Tự-Đức cũng thường biểu lộ sự ưa thích, say mê...

Những cuộc đấu voi với hổ có trước tiên trên một hòn đảo hoang vu giữa sông Hương. Sau vua Minh-Mạng ra lệnh thiết lập các đấu trường (Hổ quyền) để dùng về việc tiêu khiển này.

Có một đội binh đặc biệt (Vọng thành) chuyên môn đi bẫy cọp ở khắp các nơi để cung cấp cho Hổ quyền. Phần nhiều các chúa sơn lâm ở miền bắc tỉnh Quảng-Trị rất được ưa chuộng để thường xuyên cung cấp cho Hổ quyền kinh đô Huế.

Trước khi có cuộc hổ đấu với voi, người ta đã cẩn thận cắt hết những móng vuốt và răng nanh của hổ để bảo đảm an toàn cho voi là những quý vật được ưu đãi hơn hổ nhiều.

http://tieulun.hopto.org

Ngoài ra, một chân sau hổ lại bị buộc rất kỹ bằng dây chão to và chắc. Voi, do Quản tượng cưỡi, được hoàn toàn tự do đi lại hiên ngang trong đấu trường. Có khi hổ gầm thét và nhảy chồm lên đầu voi, làm cho Quản tượng kinh hồn bạt vía, té lăn cù và voi rống lên từng hồi ghê rợn.

Nhưng phần nhiều voi là giống vật tinh khôn hơn, né tránh được những cuộc tấn công vũ bão của hổ... rồi vừa đi dần dần từng bước, vừa lấy chân đạp chặt và dẫm lên sợi dây chão buộc chân hổ... Dây chão ngắn dần... Môi trường hoạt động của hổ thu hẹp mãi... Voi đủng đỉnh tiến lại gần... Sau cùng, người ta có thể nói hổ là những con mèo khổng lồ gầm thét rùng rợn vì tức giận... mãi cho tới khi voi nặng nề giơ chân trước lên... đè bẹp dí hổ xuống đất và xác hổ dẹp lép trong vũng máu chan hòa!...

*

Các quan dưới triều Nguyễn thường phải đi hộ giá vua Tự-Đức trong những cuộc săn bắn đế vương. Mỗi tháng độ vài ba lần, vua đi săn và thường ngủ ở ngoài cung điện nhưng vì sức khỏe của Ngài không được dồi dào nên mỗi lần viên Ngự Y cũng phải theo hầu, phòng khi ngọc thể khiếm an thì sẽ chẩn mạch và hốt thuốc ngay. Tùy theo địa điểm xa hay gần nhưng lần nào cũng phải tổ chức một đoàn thuyền để dùng về việc săn bắn cho thập phần hoàn hảo để làm vui lòng Thánh Thượng!

Trước hết là chiếc Long Thuyền, trong có vua ngự cùng 2 viên Nội Giám (Quan Thị), 4 lính Võ bị kiêm thợ săn và 8 người chèo. Long Thuyền này khác biệt tùy theo đường xa gần và sở thích của nhà vua.

Ví dụ như thuyền Tế Thống dài gần 50 thước ta (mỗi thước ta độ 60 phân tây), rộng 7 thước, có 2 tầng : 4 khoang ở tầng trên là nơi vua ngự và 5 khoang ở tầng dưới là buồng các Thứ phi và cung tần, mỹ nữ. Tế Thống được kéo đi do 4 hay 8 chiến thuyền (từ 24 đến 32 người chèo).

Thuyền Tương-Đắc thời nhỏ hơn nhiều và các người chèo toàn là phụ nữ gọi là Ban Nhơn.

http://tieulun.hopto.org

Thuyền Tường-Long (hay Long-Thuyền đã nói ở trên) kích thước cũng gần giống như thuyền Tương-Đắc, chỉ khác những người chèo thuyền toàn là đàn ông.

Ngoại trừ khi vua dùng thuyền Tế-Thống, các vợ vua (thường là 4 hay 5 người) đi theo trong một thuyền thứ hai, buông rèm che kín để tránh những cặp mắt tò mò của người ngoài.

Thuyền thứ ba là thuyền gia nhơn gồm các lính Thị vệ (phụ trách công việc linh tinh), Thượng trà (pha nước) là Thượng thiện (dâng cơm).

Thuyền thứ tư là vị Văn Khố Trưởng cùng với 4 nhân viên văn-phòng (Lại Phòng) để ghi chép hết mọi điều chi có thể đem lại vinh quang cho thời đại Nguyễn triều.

Thuyền thứ năm là hai vị Ngự Sử và Ngự Y, mỗi người đều có một viên Lại Phòng để lo liệu giấy tờ.

Rồi đến 6 thuyền sau cùng là thuyền của Lục Bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). Mỗi Bộ một thuyền và mỗi Thượng thư hay vị Đại diện có 4 hay 6 viên Lại Phòng để tiếp tục điều nghiên và giải quyết các việc thường xuyên.

Nếu có văn kiện nào cần đệ lên vua phê duyệt thời trước hết văn kiện này phải chuyền qua thuyền các vị Ngự Sử và Văn Khố Trưởng để cứu xét rồi mới chuyền qua thuyền Thị Vệ. Chỉ có Thị Vệ là người duy nhất được phép bước vào Long Thuyền.

Thỉnh thoảng vua dùng súng kiểu Pháp để săn bắn nhưng thường là súng hỏa mai. Cánh đồng lầy lội không hề cản trở cuộc đuổi theo con mồi và Ngài thường vui vẻ băng qua, không chút ngần ngại. Có khi Ngài đi giày ống của Pháp bằng cao su đen, như thế tỏ ra Ngài không bài bác những đồ ngoại hóa có công dụng thực tiễn !...

http://tieulun.hopto.org

Cuộc săn bắn đế vương này kéo dài nhất là ba ngày. Đôi khi vua xuống thuyền, cùng đi với 4 thợ săn và 2 Thị vệ dùng để nhặt các con mồi bắn được. Những lúc khác, Ngài đi một mình, phăng phăng tiến lên trước... Các thứ săn được do những người đầu bếp lành nghề trong ban Thượng Thiện biến chế thành những món đặc biệt để dâng vua và Ngài thường tỏ lòng ưu ái ban phần cho đoàn tháp tùng chút đỉnh để ăn lấy thảo.

Buổi sáng, sau cuộc săn đêm, vua trở về Long Thuyền và thường là các Thứ phi đến hầu trà hay cơm nước và đôi khi Ngài trò truyện với họ rất lâu, vui vẻ và cởi mở...

Khi cuộc săn bắn kết thúc, đoàn thuyền lại theo thứ tự như trên phò giá Long Thuyền trở về Hoàng Cung.

http://tieulun.hopto.org

PHÙ-LANG TRƯƠNG-BÁ-PHÁT

chiến trận tham lương năm nhâm dần (1782)

Từ Saigon lên Tây-Ninh hoặc từ Saigon lên Bà-Quẹo, Bà-Điểm, Hóc-Môn hay là lên Quán-Tre, để thăm viếng con em đang thi-hành nghĩa-vụ quân-dịch, các bạn đều phải đi ngang qua *Cầu Tham-Lương* (1) cũng có tên là Cầu Tham-Cấn (2), ở cách xa Saigon hơn mười một cây số ngàn, một cây cầu không còn lan-can như hồi năm 1945 đổ về trước.

Hồi đó *kinh Tham-Lương* còn rộng và có ghe qua lại từng đoàn ; ngày nay mặt nước thu hẹp lại, lau lách mọc um-tùm hai bên bờ, bèo nở xanh tươi, không có ghe thuyền như xưa nữa. Từ Saigon đi lên, phần kinh ở mé tay trái cầu, nước chảy đen ngòm như mực. Qua khỏi cầu, mé tay mặt, một cái tháp canh nhỏ xây bằng gạch không tô, đứng sừng-sững trên đồi con, nhơn tạo, một tháp thấp hơn đứng bên cạnh lại phong tô. Bên trái, trên lề đường, nhiều bao cát chồng chất lên nhau thành hình lập-phương, cao quá vòi, để bảo-vệ cho người chiến-sĩ đứng bên trong.

Vị-trí phòng-thủ cầu làm cho người ta nhớ lại ngày trước nơi đó là điểm chiến-lược trọng-yếu của con sông đào.

Kinh nầy nối liền *rạch Chợ-Mới* cũng có tên là *rạch Chợ-Cầu* (3) tới

---

(1) Có lẽ là Tham-trưởng Lương.

Trong một xã, Tham-trưởng là viên kiểm-soát sự tuần-canh và đường-sá. Tham trưởng đứng vào hàng thứ năm sau Hương-cả, Hương-chủ, và Hương-sư và Hương-trùng. Tham-trưởng có dưới tay những cai-tuần. Chức Tham-trưởng tương-đương với Hương-quản hồi thời Pháp và Ủy-viên Cảnh-sát thời bây giờ. — (Alfred Schreiner, Les institutions annamites..., quyển II, tr. 23).

(2) Xem Đại-Nam Nhất-Thống chí, Lục-Tỉnh Nam-Việt, tập thượng tr. 72. giòng 25.

(3) Hồi xưa rạch nầy gọi là Hương-giang. — (Sách Đại-Nam Nhất-Thống chí, Lục-Tỉnh, tập thượng, tr. 65, hàng 5).

http://tieulun.hopto.org

gần *Bà-Hom* đi ngang qua Tham-Lương. Kinh nầy đào năm Tân-vị 1871, dưới thời Pháp, bề dài đo được tám cây số ngàn, bề rộng mười thước, bề sâu ba thước.

Hồi thời xưa, vùng phụ-cận Tham-Lương là bưng. Về phía Tây-Nam Tham-Lương có chằm (1) Lão-Nhông (Ông Nhông), về phía Đông-Bắc Tham-Lương có chằm Nhu-Nê, trên nguồn rạch Chợ-Cầu. Bưng Tham-Lương mình-mông lai-láng về mùa mưa, chỗ cạn chỗ sình lầy về mùa nắng. Đến năm Tân-vị 1871, nhơn-dân chỗ ấy hợp lại vét cho sâu lòng để ghe thuyền đi được dễ-dàng, nhưng năm 1901, ghe thuyền hết lưu-thông ở làng Bình-Hưng-Đông, nay là làng Bình-Hưng-Hòa, vì sình bùn đầy một khúc kinh ở làng nầy.

Từ sông Saigon muốn qua sông Vàm-Cỏ-Đông (2) phải vô rạch Chợ-Mới (3), *kinh Tham-Lương*, rạch Bến-Tượng (4) rạch chi lưu của rạch Bà-Hom, sông Nước-Lớn, rạch Chợ-Đệm, sông Bến-Lức và ra sông Vàm-Cỏ-Đông (5).

Nếu không đào kinh Tham-Lương, ghe thuyền phải đi xa lắm.

Bây giờ, các bạn nhận thấy sự hữu-ích của con kinh ấy. Chúng tôi xin mời các bạn trở lên nguồn suối lịch-sử cách đây hai mươi sáu năm, các bạn sẽ nhớ lại nhiều trận kháng-chiến chống quân Pháp, theo chơn quân Anh, qua bên đây tước khí-giới Nhựt-Bổn.

Hồi năm 1945, tuy rất có ít súng ống, dân-quân ta ở miệt Bà-Điểm Hóc-Môn cũng đã làm cho quân Pháp phải nhiều phen ăn ngủ không yên,

---

(1) Chằm là một chỗ rộng, sâu, có nước, bỏ hoang. — (Việt-Nam Tự-Điển). Trên đây nói sâu, song sự thật từ mặt nước tới đáy lối một hay là hai thước trong mùa mưa, còn mùa nắng thì có chỗ ráo, chỗ còn nước.

(2) Xưa gọi là sông Cửu-An.

(3) Rạch Chợ-Cầu.

(4) Gọi tên nầy theo quyển của Balenoie, Monographie de la province de Gia-Định còn theo địa-đồ Saigon — Gia-Định và kế cận thì không thấy rạch Bến-Tượng ở đâu cả

(5) Coi địa-đồ Saigon — Gia-Định và kế-cận.

http://tieulun.hopto.org

vì lẽ tối đến, dân-quân cách-mạng của ta xuất-hiện ở bên lối ngả ba, đường đi lên Bà-Điểm và đường đi lên Hóc-Môn, bắn tên ná, và bắn với súng thiệt có, súng giả có, nổ như pháo Tết. Súng giả nầy làm bằng ống tre lớn, còn một mắt dưới, mắt trên thì thụt cho trống, bỏ chút ít khí đá vào đầy và đổ thêm nước ; khí đá sôi ngụt lên, bốc hơi, một dân-quân lấy lửa ngọn kê vào miệng ống tre, một phát nổ, nổ ra nghe như súng. Bên kia sông — hồi đó binh Anh và Pháp đóng bên sông đào, mé tay mặt bắt từ Saigon đi lên — quân Anh-Pháp rối-loạn, súng của Anh-Pháp nhả đạn liên-miên. Có khi dân-quân cách-mạng đến cận quá phải đạn chết, có lúc họ lội sang sông khiêu-khích, nhưng chẳng may làm mồi cho đạn địch-quân. Họ chẳng sợ chết và cương-quyết tranh-đấu cho hoàn-toàn độc-lập mới thôi. Chúng tôi còn nhớ đệ-tứ Sư-đoàn hay đánh ở vùng nầy và vùng Chợ-Cầu, vì Sư-đoàn đặt bộ Tham-mưu trên làng Tân-Phú-Trung, ấp Cây-Da. Lúc bấy giờ, các dân-quân có đặt một bài Vọng-cổ để nhắc nhở một thời-kỳ oanh-liệt :

Mặt trận Tham-Lương gió bấc mưa dầm...

tiếc rằng chúng tôi không nhớ hết và ca cũng không được để trung-thành thuật lại trọn bài cho quí-vị thưởng-thức.

Rồi ngày qua, tháng qua, năm đến, biết bao nước chảy triền-miên dưới cầu Tham-Lương, và biết bao là thi-thể của nạn-nhơn chiến-cuộc cũng trôi lềnh-bềnh như đám bèo xanh vô-định !

Rồi năm 1945, các bạn sẽ đi ngược lên nữa đến một trăm sáu mươi ba năm. Các độc-giả lật trong sử Việt ra, quí-vị chứng-kiến một trận chiến rất kịch-liệt của binh-sĩ Nguyễn-Phước-Ánh phục-kích quân Tây-Sơn tại ngả ba Bà-Điểm (Thập Bát Phù Viên) tới chầm Tham-Lương.

Ta chưa biết chắc là quan hộ-giá *Phạm-Ngạn* của Tây-Sơn tho khổn vì sa lầy như vua Đường Lý-Thế-Dân chăng ?

http://tieulun.hopto.org

Nhờ sức ngựa, nhà vua nầy nhảy qua Hồng-Nê-Giang, đủ thời giờ cho Tân-Thúc-Bảo đến cứu giá (1), còn trái lại, Phạm-Ngạn đến chầm Thạm-Lương thì tử trận.

Cuộc phục-kích ấy có thể diễn lại như thế nầy.

Tháng tư (2) năm 1782, sau khi lấy tỉnh Biên-Hòa (3), Nguyễn-Nhạc noi theo đường trên (đường Tây-Ninh) (4) xuống chiếm thành Phan-Yên.

Ngoài các tướng-lãnh của Nguyễn-Phước-Ánh như tướng *Nguyễn-Dìu* (5), tướng *Thu* (6), tướng *Tran-Công-Chương* (7), lại có Trung-quân Tiết-chế Điều-bát các bạo bộ-binh ở Bình-Thuận vào tiếp-viện là *Tôn-Thất-Dụ*, (8) Tả-

---

(1) Xem Văn-Hóa Nguyệt-san số 38, tháng 12 năm 1959, bài « Lược khảo về truyện Tàu », tác-giả : Vương-Hồng-Sển.

(2) Năm Nhâm-dần 1782. Tháng ba năm này vương Nguyễn-Phước-Ánh đã đánh một trận chống Tây-Sơn ở Thất-Kỳ-giang, tức Ngã Bảy (gần quận lỵ Nhà-Bè), Nguyễn-Phước-Ánh thất trận ; trong trận này một người Pháp tên là Mạn-Hoè (a) (Manuel) chết theo tàu mình, rồi lại thua một trận khác ở sông Ngã Tư, trên sông Chợ-Đệm phải chạy ra Phú-Quốc (b).

(a) Xem Tập-san Sử-Địa số 21, từ tháng 1 đến tháng 3 năm 1971, tr. 69 và 70 do Nguyễn-Nhã làm chủ-nhiệm.

(b) Quyển Danh-Nhân Nước Nhà của Đào-văn-Hội, tr, 12, bài này trích Đại-Việt tập chí 14 ngày 1-5-1943.

(3) Trước khi vào lấy đất Gia-Định năm Nhâm-dần (1782) quân Tây-Sơn vào đánh cai-cơ *Tá*, Quản-hạt các việc trong trấn Thuận-Thành (hay phủ Bình-Thuận). Tá phải đưa tất cả những vật truyền quốc của Chiêm-Thành ra đầu-hàng quân Tây-Sơn. Nguyễn-Nhạc qui-phục đặng Chiêm-Thành mà đầu não là cai-cơ Tá rồi mới vào Nam. — (Bửu-Cầm. Một đoạn lịch-sử Chiêm-Thành, Văn-Hóa Nguyệt-san số 36, trang 1247).

(4) Căn-cứ theo trên đây, Nguyễn-Nhạc theo đường Biên-Hòa qua Thủ-Dầu-Một, đến Thủ-Dầu-Một sang đò ngang qua sông Thủ-Dầu-Một (sông Saigon hiện nay), theo tỉnh-lộ số 8, đến ngã tư đường-sứ, ngày nay là hương-lộ số 2, ở ngã tư nầy thấy địa-đồ để ngã tư ấp Trùm-Tri xã Phước-Vinh-Ninh, từ đó đồ xuống Hóc-Môn, Bà-Điểm.

(5) (6) (7) Những danh-tánh ba người này không bỏ dấu vì tiếng Pháp không dấu. — (Gabriel Aubaret, Histoire et description de la Basse-Cochinchine, tr. 195. Dịch bổn Gia-Định Thông-chí của Trịnh-Hoài-Đức).

(8) Tôn-Thất-Dụ, con thứ hai Tôn-Thất-Thẳng, anh của Tôn-Thất-Hội. Thâu phục được Saigon, được thăng Khâm-sai Ngoại-tả Chưởng Dinh lãnh Đại-Tư-Không. Năm →

http://tieulun.hopto.org

chỉ *Trần-Xuân-Trạch* (1), Khâm-Sai Tham-Án *Hồ-Công-Siêu* (2) và quân-binh đầy đủ.

Các tướng nầy đồng mai-phục ở đất *Phù-Viên* (3).

... Quí-Mão (1783) mất. — (Sách Đại-Nam Nhất-Thống chí, Thừa-Thiên phủ, tập Trung, tr. 23).

Có lẽ sau khi thành Bến-Nghé thất-thủ hồi tháng ba, Tôn-Thất-Dụ từ Bình-Thuận tức tốc vào cứu-viện. Dụ cũng đi đường bộ của Nguyễn-Nhạc đã trải qua, nhưng đến Biên-Hòa, noi theo đường từ Biên-Hòa xuống Bình-Đồng, qua đò và theo đoạn đường thiên-lý của Nguyễn-Doãn đã đắp (a) năm Mậu-Thìn mà xuống Bến-Nghé. Như thế mới lên mai-phục ngả Vườn Trầu được.

(a) Năm Mậu-Thìn thứ 11 đời vua Thế-Tôn [húy là Phước-Hoạc, lại húy là Hiếu. — Tác-giả chú] (1748 nhân có biến Cao-Man, Điều-Khiển là Nguyễn-Doãn mới giăng dây đắp thẳng, gặp chỗ mương rãnh thì bắc cầu, gặp chỗ bùn lầy thì bỏ cây đắp đất đi qua lại, từ cửa Cần-Chỉ [lối đường Hồng-Thập-Tự ngày nay thành cũ đến Bến Đò Bình-Đồng, dài 17 dặm... [ngày nay Bình-Đồng ở lối Bình-Quới-Tây tỉnh Gia-Định]. — Xem thêm ở Đ.N.N.T.C., Lục-Tỉnh Nam-Việt, tập thượng, tr. 72.

Đoạn đường thiên-lý hồi 1748 ngày nay là đường từ cầu Thị-Nghè tới bến đò Bình-Quới-Tây, gọi là đường làng hai mươi bốn [địa-đồ Saigon — Gia-Định và kế-cận].

(1) Trần-Xuân-Thạch. Năm Nhâm-Dần (1782) Tây-Sơn kéo binh vào Gia-Định, Tôn-Thất-Dụ đem bọn Tả-chi Trần-Xuân-Trạch vào cứu-viện Gia-Định, thâu-phục Saigon.

Đại-Nam Nhất-Thống chí, Thừa-Thiên phủ, tập trung, tr, 23, hàng 15, 16, 17.

(2) Hồ-Công-Siêu. Người Thuận-Xương (một huyện ở tỉnh Quảng-Trị) theo Tôn-Thất-Dụ từ Bình-Thuận vào cứu-viện Gia-Định, đánh giặc ở cầu Tham-Lương bị trận vong, được tặng chức Tham-Khán, liệt-tự vào đền Hiển-Trung.— (Đại-Nam Nhất-Thống Chí, tỉnh Quảng-Trị, tr. 71).

(3) Phù-Viên tức là Vườn Trầu ở về phía Tây-Bắc cửa thành (a), cách năm mươi hai lý rưỡi (b).

Ấy là một nơi vừa nguy-hiểm để định-cư ; đường về Cam-Bốt đi ngang qua Vườn Trầu.

Trước kia người ta làm đồn Không-Đạo, hiện giờ sửa lại đồn Kiểm-Soát tên là Quảng-Oai. Mười tám thôn trồng trầu ở chung quanh đồn để ủng-hộ đồn. Dân-cư ở đó thật đông-đúc...— (Gabriel Aubaret, Histoire et description de la Basse-Cochinchine, tr. 194).

(a) Năm 1820 — năm Trịnh-Hoài-Đức dâng lên vua ba quyển Gia-Định Thông-chí — thành nầy có tên là Gia-Định thành và ở trong hình tứ-giác sau đây :

Đường Cường-Để, đường Phan-Đình-Phùng, đường Công-Lý và đường Lê-thánh-Tôn.

→

http://tieulun.hopto.org

Tướng Tây-Sơn dẫn đường là Hộ-giá *Phạm-Ngạn* (1).

Từ trên ngả tư ấp Trùm-Trì ngày nay làng Phước-Vinh-Ninh xuôi xuống Phù-Viên. Nơi đây quân-binh của Nguyễn-Diu đột-ngột xông ra đánh phá và làm chủ tình-hình.

Bị cắt đứt liên-lạc trong khoảnh khắc với đại-binh còn đi sau, Phạm-Ngạn bị đánh dồn đến cầu Tham-Lương (2) và bị chém chết nơi đây. Bên binh Nguyễn-Phước-Ánh có Hồ-Công-Siêu bị tử trận.

... (b) Từ ngả ba tỉnh Thuận-Kiều [ngả ba này do đường làng số 9 và đường tỉnh số 14, gọi theo địa đồ Saigon — Gia-định và kế cận] xuống tới đường Công-Lý, trước dinh Độc-Lập, lối 16 cây số ngàn. Nếu làm một bài toán chia, ta có kết-quả là 304 thước tây mỗi lí.

Tại sao gọi là ngả ba tỉnh Thuận-Kiều ?

Có lẽ là tại năm Kỷ-Mùi 1859, Pháp xâm chiếm Gia-Định thành, quan trào Nguyễn rút lên làm việc ở Thuận-Kiều vì ở Bà-Quẹo có đồn Kỳ-Hòa làm tâm bình-phong che chở cho họ. Đồn này do Nguyễn-Tri-Phương đắp lên để chống Pháp. Ở tại ngã ba tỉnh Thuận-Kiều còn dấu vết nhiều đồn [có lẽ là đồn Không-Đạo, sau sửa lại là đồn Kiểm-soát Quang-cai]. Đi đường số 9 ra quốc-lộ số 1, người ta gặp làng *Tân-Hội* [hiện nay tên làng này đã xóa trên bản-đồ] mà hồi năm Tân-Sửu 1841 cùng làm huyện-lỵ huyện *Long-Bình*, đến năm Nhâm-Tí 1852 thì có lịnh bãi bỏ huyện-lỵ và quan huyện, song giữ vẹn địa-phận huyện và gia-nhập vào huyện Bình-Dương. Ngả tư đường số 9 và quốc-lộ số 1 gọi là ngả tư Hương-Sương [hồi thời Cựu-Trào chưa có ngả tư này]. Hiện nay quân Đại-Hàn làm lại thành xa-lộ từ ngả tư Hương-Sương đến An-Lạc, và dân-chúng gọi là xa-lộ Đại-Hàn. Chính là Thập-Bát Phù-Viên ở chỗ ấy, ngày nay người ta hay gọi chung là xứ Bà-Điểm và Hóc-Môn. Hai chỗ này và các làng kế cận đều trồng trầu.

Thập-Bát Phù-Viên nổi tiếng là "xứ của những người ái-quốc" là do trận đêm chúa-nhật 8-12-1885, nhằm 24 tháng chạp năm Giáp-Thân, hai vợ chồng Đốc-phủ Ca, cộng-sự-viên đắc-lực của Pháp, bị dân-chúng ở các làng chung quanh đó nổi dậy giết chết.

(1) Hộ-giá Phạm-Ngạn là người đã cử thủy-binh đến tiếp-ứng cho Tổng-Đốc Châu thuộc phe Tây-Sơn, hồi năm Mậu-Tuất 1778.

(2) Tham Lương Kiều.

Ở huyện Bình-Dương, cầu dài chín trượng (a), trùng-tu năm Minh-Mạng thứ 17. Năm Nhâm-Dần, khi đầu Trung-Hưng, Tiết-Chế Tôn-Thất-Dụ từ Bình-Thuận đem viện-binh vào chận đánh, ông Dụ chém Hộ-giá của giặc là Phạm-Ngạn ở cầu Tham-Lương này (b).

(a) Một trượng bằng 10 thước mộc hay là 3 th 460 [theo Pétrus Ký, Excursions et Reconnaissance], chín trượng bằng 31 th 14 bây giờ.

(b) Đ.N.N.T.C, Lục-Tỉnh Nam-Việt, tập thượng, tr. 77.

http://tieulun.hopto.org

Bấy giờ, binh Tây-Sơn ồ-ạt tiến ; bị áp-lực của binh Tây-Sơn quân Nguyễn-phước-Ánh phải thối lùi, nhưng khi nghe tin tướng Ngạn đã tử trận, tướng Tây-Sơn là *Nguyễn-Văn-Nhạc* như người bị chặt cả hai tay.

Giận dữ vì quân-sĩ Trung-Huê trong đạo-binh Hòa-Ngãi (1) làm làm cho Ngạn phải mạng vong, Nhạc đuổi theo chúng, vây đánh khiến chúng rơi đầu hết.

Không phân-biệt binh-sĩ Trung-Huê và bọn thương-mại, Nhạc hạ-sát trong dịp ấy hơn mười ngàn người (2). Từ Bến-Nghé (3) đến Saigon (4) đất đầy nghẹt xác chết, người ta quăng thây xuống sông (5) thành thử sông phải ngưng chảy ; không người nào ăn cá trong một thời-gian ít nhứt là ba tháng. Những hóa-phẩm đủ loại của người Trung-Huê như trà, gấm lụa, đông-

(1) Binh của Lý-Tài còn nhiều tại ngũ.

Cuộc chém giết này là kết quả của sự giận dữ, mà xưa nay càng giận dữ càng làm nhiều điều bậy.

Xem tập-san Sử-Địa số 21, trang 62 tới 64 để hiểu biết thêm về binh Hòa-Ngãi.

(2) Tập-san Sử-địa số 21, dưới bài 'Cuộc khởi dậy và chiến-tranh của Tây-sơn' nơi trang 66, có nói rằng :

«Theo lời người ta thuật lại cho chúng tôi nghe thì gần viện cứu-tế (a) của chúng tôi, bọn Tây-Sơn *giết gần bốn ngàn người Huế-Kiều*, vì một vị quan Huê-Kiều (b) của Nhà Vua đã sát tử một đại-tướng tài nhứt trong quân-đội của Tây-Sơn (c)».

(3) Saigon hiện nay. Tên Saigon là đặc-biệt cho châu-thành Huê-Kiều. Những người nầy gọi là Tài-Ngồn hay Ti-Ngon (Đề-Ngạn). Châu-thành mà chúng ta (người Pháp) kêu là Saigon, người Việt-Nam gọi là Bến-Nghé. Vì duy-nhứt dân chúng nghe chúng ta nói Saigon nên họ gọi địa-điểm ấy là Saigon để chúng ta dễ hiểu. — Aubaret, Histoire et description.., tr. 194.

(4) Chợ-Lớn hiện nay.

(5) Sông Bình-Dương cũng có tên là Rạch Bến-Nghé hoặc sông Cầu Ông Lãnh hay là Pháp gọi là Arroyo Chinois.

(a) Chợ-Quán.

(b) Cha Castuera nghe lầm, nên viết ra lầm. Kỳ thật là Phạm-Ngạn.

(c) Bức thơ nầy viết ra ngày bảy tháng bảy năm 1782 nhằm ngày hai mươi bảy tháng năm năm Nhâm-Dần. Có thể là ngày gởi thơ này sau ngày xảy ra trận Tham-Lương lối trên một tháng.

Số sai-biệt lên tới sáu ngàn người, một con số đáng cho quí độc-giả suy gẫm.

http://tieulun.hopto.org

được, hương-liệu, giấy má, nằm la-liệt ngoài đường lộ, mà chẳng có một người dám rờ tới.

Năm sau [Quí-Mão 1783] giá trà lên đến tám quan (1) tiền một lạng (2) một cây kim bán một tiền (3), tất cả hàng-hóa đều lên vùn vụt (4).

Trở lại trận đánh Tham-Lương, binh của Tôn-Thất-Dụ tản mát và rút lui đi nơi khác.

Nguyễn-Nhạc nhập thành Bến Nghé (5). Sắp đặt an bài xong, Nhạc rút quân về Qui-Nhơn. Đỗ-Nhàn-Trập, một tướng bên phe Nguyễn-Phước-Ánh mới đầu hàng, vưng lịnh ở lại thủ thành.

Khi Bến-Nghé nghiêng ngửa [tháng ba năm Nhâm-Dần] Nguyễn-Phước-Ánh chạy nạn mất dạng (6). Bề tôi là « Trần-văn-Học cùng Bách-

---

(1) Một quan tiền hay là sáu trăm điếu, phân chia ra làm mười tiền, mỗi tiền sáu mươi điếu ; giá-trị một tiền bằng mười centimes của đồng phật-lăng [Aubaret]. Đây, là giá tiền hồi năm 1863 trở lên, vì năm 1803 là năm ấn-hành cuốn Histoire et description de la Basse-Cochinchine.

(2) Một lạng hay là lượng bằng 39grs [Aubaret, trương 96].
Ở nơi khác lại nói là một lượng bằng 39grs05. [Génibrel, Petit dictionnaire Annamite-Français].

(3) Một tiền là sáu mươi điếu. Coi số (1) ở trên đây.

(4) Từ "tháng tư 1782, sau khi... tới... đều lên vùn vụt" là viết phỏng theo sách Aubaret trương 195 và 196.

(5) Năm Nhâm-Dần 1782 thành Gia Định chưa có. Năm Canh-Tuất 1790, Đại-tá Victor Olivier mới khởi công xây cất thành. Theo bài đăng trong «Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs», tạp-chí "Excursions et Reconnaissance" trương 20, Pétrus Trương-Vĩnh-Ký có nói như sau :
«Văn-phòng Giám-Đốc của Thương-cảng hiện nay (a) là điểm của yếu-tái và dinh của Khâm-Sai ngoài Huế vào, nơi đây ngự-trú Duệ-Tôn, Mục-dương và Gia-Long».

(6) Nguyễn-Ánh thua trên sông Chợ-Đệm và tẩu nạn nên không có mặt ở trận Tham-Lương.

(a) Năm 1971 hãy còn ở đầu đường Hàm-Nghi và bến Bạch-Đằng đâu mặt với vườn chơi con nít ở Bến Bạch-Đằng, có để trước cửa 1862.

http://tieulun.hopto.org

« Đa-Lộc (1) hộ - tùng xa - giá bà mẹ vua Thế - Tổ (2) và cung quyến đến trú tại Long-áo (3) (thuộc Cao-man), rồi bàn cùng nhau rằng : « Hiện nay

(1) Tức là Evêque d'Adran.

Trên đây là bài trích dịch trong Đại-Nam Chính-biên liệt-truyện sơ tập, quyển 15 tờ 10 b — 19 b của Ông Nghiêm-Thầm. Trong bài này đề-cập đến Giám-mục Bá-Đa-Lộc có theo hộ-tống đoàn vương-quyến, nhưng kiểm trong tập-san Sử-Địa 21, trang 70 và 71, và trong sách Adrien Launay, Histoire de la Mission de Cochinchine, cuốn III, chẳng có đề-cập đến Đức Giám-mục Bá-Đa-Lộc hộ tùng vương-quyến.

« Tôi phải ở lại một trong nhiều xóm đó để học Việt-ngữ. Khi chúng tôi (a) « nghe đặng việc biến-cố không may đã xảy ra cho Nhà Vua, chúng tôi phải trốn « lên quốc-gia Cam-bốt. Vài ngày sau khi chúng tôi đến, Hoàng-Thái-Hậu, « Hoàng-đệ, Hoàng-Hậu, Hoàng-Tử hai hay ba tuổi và một số nào đó người « trong Hoàng-tộc cũng tới Cam-bốt. Tất cả các người ấy nghèo đến đỗi ăn « cơm với muối suốt lúc hành-trình. Nhà Vua (b) mất gần hết sản-nghiệp, võ- « khí, dinh-thự, quốc-gia và kho-tàng bảo-vật... Một ít lâu sau, Tây-Sơn tới « quốc-gia Cam-bốt, làm chủ-nhơn-ông quốc-gia nầy và đem về dân Quảng- « Nam-quốc đang trốn lánh. Tây-Sơn hiệp với người Cam-bốt cùng quyết-định « chung là câu-lưu kỳ cho được Nhà Vua ; trước đó vài ngày, bọn Cam-bốt « thệ nguyện chiến-đấu đến hơi thở cuối cùng với Tây-Sơn. Chúng tôi nghe « đặng tin rằng Nhà Vua đã thắng trận và hoàn-toàn đánh bọn Tây-Sơn manh « giáp chẳng còn. Đặng tin-tức như vậy, chúng tôi lại về xứ «Lục-Tỉnh, nhưng « mới về đến xóm đạo thứ nhứt, chúng tôi lại hối hả quay trở lại Cam-bốt. « Quả vậy, lúc bấy giờ, Nhà Vua lại bị thảm bại hoàn-toàn và *lánh mặt ra biển*. « Như vậy, trong thời-gian năm mươi ngày, chúng tôi phải chạy trốn hai lần, « trong tình-trạng hết sức nguy-hiểm, vì đường xa quá, mà cướp bóc suốt « đường». Sử-địa số 21.

Còn trong sách Adrien Launay thì Giám-mục Bá-Đa-Lộc có viết như vầy nơi trang 76 :

« Đức Giám-mục Pigneaux kính gởi Ô. Descourvières.

« Cam-bốt, ngày hai mươi bốn tháng bảy năm một ngàn bảy trăm tám mươi hai.

« Năm ngoái (c), kể từ ngày tôi kính gởi cho đồng đạo nhiều bức thơ, sử bi- « kịch tiếp-diễn trong quốc-gia nầy (d).»

Vậy thì Giám-mục Bá-Đa-Lộc *không* có tháp tùng theo vương-quyến.

(2) Tức là Nguyễn-Phước-Ánh.

(3) Hồi bấy giờ, xứ Lục-Tỉnh còn nhiều dân-chúng Kampuchea ở. Long-Áo đây ở Lục-Tỉnh song chưa biết chắc vị-trí nằm ở đâu, nhưng phải chưa tới Cần-Thơ.

(a) Hai giáo-sĩ Bồ-Đào-Nha là Cha Ginestar và Cha Castuera.

(b) Nguyễn-phước-Ánh.

(c) Năm một ngàn bảy trăm tám mươi mốt. (d) Quốc-gia Lục-tỉnh.

http://tieulun.hopto.org

nước nhà gặp nhiều hoạn nạn, chúng ta nên tùy nghi mà xử sự »: thế rồi «Học không đợi mệnh Vua, tự tiện ra lệnh cho người Cao-Man (1) hộ-vệ «xa-giá bà mẹ Vua Thế-Tổ và cung-quyến do đường Hậu-giang tiến đến Cần-«thơ để tìm Vua, lại sai Giám-quân Nguyễn-Hữu-Thụy sang Tiêm-la (2) «cầu viện».

Chúng ta thấy khi vương-quyến đến Kampuchea, Nhà Vua Nguyễn-Phước-Ánh không có mặt trong vương-quyến.

Vậy thì Nhà Vua lánh mặt nơi đâu ?

Theo lời thuật lại (3) [không ngày, tháng, năm], Nguyễn-Phước-Ánh chạy ra bưng, nhưng chưa rõ là tẩu nạn từ địa-điểm nào đến chỗ nào ?

Từ Tầm-Lạc qua Tân-Phú-Trung xuống Láng-Chà, hoặc từ Giồng Ông Hòa qua Mũi Lớn đến Xóm Mới làng Trung-Lập là một đồng bưng rộng lớn, tầm con mắt không thể quan-sát đến ngoài chơn trời được. Nói

(1) Bây giờ theo ngữ-vựng ngoại-giao không ai gọi như vậy nữa mà phải kêu là Kampuchea.

(2) Tôi còn nhớ từ 1939 đến bây giờ người ta gọi là Thái-Lan chớ không ai kêu là Xiêm-La.

(3) Lối đầu tháng mười năm 1777 [Đinh-Dậu], Tận-Chính-Vương Nguyễn-Phước-Dương bị Tây-Sơn Nguễn-Huệ hạ sát, Thái-Thượng-Vương Nguyễn-Phước-Thuần cũng bị Nguyễn-Huệ hành-quyết, cả hai đều tử ở chùa Kim-Chương (a) [ở ngoài thành của Ủy-hội Quốc-tế Kiểm-soát Đình-chiến, đường Cống-Quỳnh bây giờ, theo thời Pháp là thành Ô-Ma, trong địa-đồ Gia-Định-thành của đại-tướng Trần-văn-Học có biên vị-trí của chùa ấy]. Hiện nay chỗ này là một phòng thí-nghiệm dược-học tư.
Lúc Nguyễn-Phước-Thuần bị bắt thì Ánh kịp thời chạy trốn. Năm Mậu-Tuất 1778, Nguyễn-Phước-Ánh thắng thế từ Long-Xuyên cử binh về Bến-Nghé, năm Kỷ-Hợi 1779 tấn-công được Tây-Sơn giết Tư-Khấu Oai của Tây-Sơn, năm Canh-Tị 1780, Ánh xưng vương, năm Tân-sửu 1781 không có biến-cố, năm Nhâm-Dần 1782 Nguyễn-Phước-Ánh thua trận, năm Qui-Mão 1783 lại thua nữa. Chỉ có Nhâm-Dần và Qui-Mão là Nhà Vua Nguyễn-Phước-Ánh có thể →

(a) Ngày mười tám tháng chín mỗi năm, trên bàn thờ thứ tư, bên tay mặt của Thái-Miếu có lễ kỷ-niệm ngày chết của Hiến-Định Hoàng-Đế (31-10-1753 — 18-10-1777). — B.A.V. Huế, 1916, trang 435, hàng 14, 15, 16.

http://tieulun.hopto.org

đến bưng ai ai cũng hình-dung là chốn lầy lội, muỗi mòng kêu như ong lúc trời tối, lại thêm rắn độc, đỉa vắt đầy dẫy, có chỗ sình vắt vỏng vừa đề chơn tới là lún tới rốn. Nhà Vua bị lạc nơi ấy, may nhờ có một người danh là *Vách Bốn* (1) hướng dẫn Nhà Vua đi ẩn náu.

Trong thời-gian lối tám ngày sống giữa bưng biền, Nguyễn-Phước-Ánh đã ở *Bến-Vua* (2). Có lẽ Nhà Vua có đề chân đến Bến Cỏ (3).

... lên *Bến Vua*. Theo sử-liệu trong bài «Nguyễn-Văn-Học hay Trần-Văn-Học và «Cuộc khởi dấy và chiến tranh của Tây-Sơn» cung-quyến lánh nạn mà không có Nguyễn-Phước-Ánh, vậy có lẽ Nhâm-Dần 1782, Nguyễn-Phước-Ánh lạc lên Bến Vua. Sở dĩ phải dẫn dài giòng, vì từ 1778, mặc dầu Nguyễn-Phước-Ánh chưa chánh-thức xưng vương, người ta cũng có thể kêu là Vua và do đó Bến Vua mới khai-sinh ra. Xét lại từ năm 1778 đến năm 1782 không có năm nào thua trận như năm 1782. Vậy phỏng chừng năm ấy.

Tôi viết đây là theo qui-nạp-pháp, mà phép này thường hay lầm, không bằng chứng-liệu thật-tích. Quí độc-giả nào có sử-liệu về vụ lạc lên bưng, yêu-cầu chỉ giáo cho tôi, xin đa-tạ trước.

(1) Không biết tên thật của ông phải như thế này không, nhưng theo Nguyễn-An-Cư, thầy đông-y ở Hóc-Môn, thuật lại thì ông ở hết lòng với Nguyễn-Phước Ánh, lúc nhà Vua lội sình không nổi, Vách Bốn kè vai cõng Nhà Vua. Đến ngày tương-lai, Nhà Vua lên ngai vàng trở thành Gia-Long, có thưởng ông một ngôi nhà ngói, qui-mô rộng lớn, tán bằng ván luôn, có chạy chỉ niềng và ván luôn ấy cao lên tới gối, nhà này đã bán cho một ông lão ở Tân-Thới-Nhì và lưu lại tới cháu nội ông, là bạn với soạn-giả. Hiện nay, nhà này đã hư mục, cháu của ông lão rút nó lại nhỏ.

Có hai ngôi mộ ở làng Tân-Thới-Tây, người ta gọi là mả ông Vách. Mả xây song-hồn, kiến-trúc theo lối xưa bằng ô-dước, xây núm mả theo kiểu nắp tráp. Vòng rào mả bằng gạch khá rộng, nhưng đã hư. Mùa mưa đến, cây cỏ, dây leo, đua nhau mọc lên xanh xì, rậm rạp trong khuôn viên mả. Hình như hai ngôi mả không người trông nom.

(2) Từ chỗ sình lầy ở làng Trung-Lập chảy xuống, rạch Láng The do suối Bà Câu và rạch Bến Tượng (Bến Voi) hiệp lưu. Hai rạch này lưu-thông do cuộc đất triền gần tỉnh Tây-Ninh và theo ngả đường Sứ (a) tới Xóm Mới. Mùa khô nơi đây nước cạn.

Thượng-lưu của rạch Láng The có hai tên là Bến Vua (b) và Bến Mương, người ta cũng gọi Bến Mương là Bến Tượng hay là Rạch Tượng. Rạch Láng The dùng làm ranh-giới cho tổng Long-Tuy-Trung (c) bên tay trái, và những tổng Long-Tuy-Hạ (d), Long-Tuy-Thượng (e) và Bình-Thạnh-Trung (g) bên tay mặt (h). →

http://tieulun.hopto.org

SÁCH VÀ TẠP-CHÍ THAM-KHẢO

Phần Pháp-ngữ :

— Alfred Schreiner, Les institutions annamites en Basse-Cochinchine avant l'arrivée des Français, tome II, 1901, Saigon.

— J. Balencie, Monographie de la province de Gia-định, sách viết tay, 1899.

— Gabriel Aubaret, Histoire et Description de la Basse-Cochinchine, bản dịch Pháp-ngữ của Gia-Định Thông-chí của Trịnh-Hoài-Đức.

— J.F.M. Génibrel Petit dictionnaire Annamite-Français, Imprimerie de la Mission, Saigon, Tân-Định, 3e édition.

— Pétrus Trương-Vĩnh-Ký, Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs, tạp-chí Excursions et Reconnaissance, Imprimerie Coloniale, 1885.

— Bulletin des Amis du Vieux Huế, 1916.

... (3) Bến Cỏ là tên thông tục. Làng sở tại là Phú-Hòa-Đông, hiện nay là quận-lị Phú-hòa, tỉnh Bình-Dương [Thủ-Dầu-Một cũ], Đông-Bắc giáp với sông Băng Bột, tức là sông Thủ-Dầu-Một, hay là sông Saigon. Trong Đình-thần làng này có sắc-thần của Vua Gia-Long đã ban cho.

(a) Đường làng số 2 từ ngả ba Tân-Phú-Trung lên làng Trung-Lập, lên Trung-Hưng, tới Trảng-Bàng. Hồi thời Pháp, người Pháp gọi là route des Ambassadeurs, vì do đường này các sứ-giả Kampuchea đi từ Nam-Vang xuống Saigon.

(b) Tên Bến Vua có từ đời Gia-Long [hồi Nhâm-Dần 1782 chưa phải là Vua Gia-Long]. Vua Gia-Long ăn náu vùng này lối tám ngày, vì Tây-Sơn đánh bại quân-binh của Ngài [không biết từ trước khi lấy tên Bến Vua, bến ấy có tên gì ?].

(c) Ngày nay tổng này thuộc tỉnh Bình-Dương.

(d) Ngày nay tổng này thuộc về tỉnh Hậu-Nghĩa.

(e) Hơn phân nửa tổng này thuộc về quận Hóc-Môn, tỉnh Gia-Định.

(g) Ngày nay tổng này thuộc về tỉnh Bình-Dương.

(h) Theo sách J. Balencie, Monographie de la province de Gia-Định, sách viết tay, trong Thơ-viện Hội Cổ-học Ấn-Hoa [S.E.I.] số sách này là Cc9, trang 43.

http://tieulun.hopto.org

— Adrien Launay, Histoire de la Mission de Cochinchine, Documents historiques, cuốn thứ III, Paris. 1925.

Phần Việt-ngữ :

— Dịch-giả : Tu-Trai Nguyễn-Tạo, Đại-Nam Nhất Thống chí, Lục-Tỉnh Nam-Việt, tập thượng, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản, 1959.

— Đào-Văn-Hội, Danh-Nhân Nước Nhà, nhà in Maurice, 24 đường Amiral Courbet, nay là đường Nguyễn-An-Ninh, in lần thứ hai, 1948, Saigon.

— Dịch-giả : Tu-Trai Nguyễn-Tạo, Đại-Nam Nhất Thống chí, Thừa-Thiên phủ, tập trung, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản, Saigon 1961.

— Dịch-giả : Tu-Trai Nguyễn-Tạo, Đại-Nam Nhất Thống chí, Tỉnh Quảng-Trị, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản, năm 1961.

Tạp-chí Việt-văn :

— Văn-Hóa Nguyệt-San số 38, tháng 12 năm 1959, bài lược khảo về truyện Tàu của Vương-Hồng-Sển.

— Tập-san Sử-Địa số 21, từ tháng 01 đến tháng 3 năm 1971. bài Cuộc khởi dấy và chiến-tranh của Tây-Sơn, Nguyễn-Nhã chủ-nhiệm.

— Văn-Hóa Nguyệt-san số 36, bài Một đoạn lịch-sử Chiêm-Thành, do Bửu-Cầm.

Địa đồ :

— Saigon — Gia-định và kế-cận, tỉ-lệ 1/50.000, Nha Tổng Giám-Đốc Địa-Chánh Việt-Nam, họa-viên Lê-Huy-Tỏ, Saigon ngày 1-3-1958.

http://tieulun.hopto.org

LÊ-HỮU-LỄ *sưu tầm*

sự tích cá voi
(hay «ông nam-hải» qua lời truyền tụng của ngư-dân bình-thuận)

Dân-tộc Việt-Nam từ cổ chí kim quan niệm rằng đã là «ngư-phủ» thị đố mấy ai dám mạo hiểm coi thường «Cá Voi» mà phải tôn sùng như một vị thần linh của biển cả. Người ta còn quả quyết cá voi là ân nhân của giới ngư-phủ các vùng duyên hải đánh cá và cùng được gắn liền với nhau trong mọi sinh hoạt hằng ngày tợ hình với bóng.

Qua lời truyền tụng của giới ngư-phủ thì ở khắp bốn biển trên địa cầu chỉ có Đại-dương Nam-Hải là nơi linh thiêng duy nhất dành cho cá voi ngự trị để cứu nguy người sắp bị nạn, nâng đỡ thuyền bè khi gặp bão tố phong ba và tập trung cá bầy cho dân chài hành nghề trúng cá ; do đó ngư-dân địa-phương thường gọi Cá Voi là Ông Nam-Hải và cho đó là một hành động tránh sự xúc phạm đến uy danh ngài.

Đặc biệt hơn cả là ngư-dân Bình-thuận đã hãnh diện được thờ cúng cá voi theo tục lệ cổ truyền và cử hành lễ cấp táng vô cùng trọng thể mỗi khi cá voi tử lụy (tức chết), để tỏ lòng sùng kính biết ơn. Cho đến ngày nay, người ta ghi nhận hiện còn rất nhiều sắc phong của các vị vua chúa thuở xưa, nhất là của vua Gia-Long đã ban cho cá voi chức Cự-Tộc Ngọc-Long Tôn-Thần và Nam-Hải Đại-Tướng-Quân và những sắc phong này vẫn còn được cất giữ tôn thờ cẩn thận trong các Dinh Vạn lớn nhất tại châu-thành Phan-thiết tỉnh Bình-thuận.

SỰ TÍCH « ÔNG NAM-HẢI »

Theo truyền thuyết, cá voi là tiền thân của Đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, nghĩa là Đức Quán-Thế-Âm hóa thân Ông Nam-Hải để cứu khổ chúng sinh nhân một cuộc tuần du địa hải sau khi vừa mới đắc đạo ở cõi Niết-Bàn.

http://tieulun.hopto.org

...Một hôm của thời kỳ xa xưa ấy, trên búp sen hồng lướt qua mặt nước để quán sát toàn cõi đại-dương Nam-Hải, Đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát đã phải động lòng thương xót đến muôn vạn sinh linh đắm chìm trong bể khổ qua những trận cuồng phong sóng lớn hãi hùng mà nạn nhân chỉ gồm toàn ngư-dân quanh năm chuyên lấy nghề chài làm sinh kế.

Lòng TỪ là hiện thân của hằng hà sa số Phật, nên Đức Bồ-Tát bèn cởi chiếc y-pháp xé tan từng mảnh vụn thả trôi theo dòng nước biếc của đại-dương. Theo sau bao nhiêu mảnh vụn đó là những câu kinh trì nguyện hóa thành bấy nhiêu cá voi để đảm trách nhiệm vụ cứu nguy chúng sinh đang lặn hụp trong cảnh chết chóc đau thương, dành sự sống. Và cũng kể từ đó mới bắt đầu hiển linh trên khắp vùng biển Nam-Hải vậy.

Nhưng, thoạt đầu chỉ vì hình vóc tương đối nhỏ không đủ sức chống trả với những ngọn sóng ba đào vẫn tuần tự gieo rắc cho ngư-dân qua nhiều cách chết chìm trong đói lạnh hay mất tích. Đức Quán-Thế-Âm liền cấp tốc mượn bộ xương « Cao » tức thót voi cho được to lớn, đầy đủ sức mạnh, khắc phục những trở lực bất thường, để rồi cá có tên « Voi » với hai hình xương giống tạc với nhau như đúc.

Với vóc hình to lớn, cá voi có bổn phận kềm giữ thăng bằng cho ghe thuyền khỏi bị tan vỡ và đưa nạn nhân của biển cả vào tận đất liền. Nhưng cái thân « xương lớn tướng to » cũng đã làm cho cá chậm lại lúc lội đi và thường bị Ngọc-Hoàng Thượng-Đế quở phạt cứ mỗi lần cứu nguy nhân loại không kịp thời.

Thấy vậy, Đức Quán-Thế-Âm mới ban cho cá voi món phép thần thông gọi là « thiên biến vạn hóa » để cho người bị nạn ở bất cứ nơi nào trên biển cả kêu cứu cũng nghe được, hoặc ở cách xa nghìn hải lý cũng hóa thành gần. Do đó, cứ mỗi lần lâm nguy, ngư dân có tâm thành tưởng niệm theo 12 lời nguyện gọi là « Thập nhị đại nguyện » của Đức Quán-Thế-Âm, kết quả sẽ được thể hiện rõ ràng. Sự hiển linh đó được cụ thể hóa qua các

http://tieulun.hopto.org

nạn nhân đã từng được cá voi cứu thoát, ngày nay đã là những nhân vật vẫn còn làm ăn sinh sống tại châu-thành Phan-thiết (Bình-thuận).

ĐẶC TÍNH CÁ VOI

Với hình thù to lớn trung bình dài từ 5 đến 50 thước, cao cỡ 8 th. có khi bằng cả chiếc ghe bầu, cá voi có cặp mắt ngang liền với lông nheo trông như mắt người phàm tục ; đầu bằng mà nhọn, đuôi tôm, mình đen mun, bụng trắng loát như miếng cơm dừa, miệng rộng gần bộ răng tuyệt đẹp đều nhau như hàng hột bắp. Sức lại lội đi nhanh như chớp và uyển chuyển lẹ làng không tiếng động.

Ông Nam-Hải (Cá Voi) có những tục danh cổ truyền để gọi : « Ông Lớn » chỉ cá voi to lớn, loại nhỏ thì kêu « Ông Câu ». Ông Lớn thường ở xa thì còn có tên « Ông Khơi », « Ông Cậu » ở gần bờ gọi « Ông Lộng ». Ngoài ra còn có thêm danh từ Ông Chuông, Ông Thông, Ông Máng. Tất cả đều có nhiệm vụ chung sức giúp người, mỗi khi nạn nhân « kêu » đâu thì có đó.

Song hành với nhiệm vụ căn bản cứu nguy ngư-phủ, hằng ngày trọng tâm Ông Nam-Hải còn tập trung cá bầy cho ngư-dân đánh được, để nhân loại cùng hưởng thụ một số lượng hải sản khổng lồ. Sự tập trung cá đó là khi thấy Ông « xơi » (tiếng địa-phương chỉ cá voi ăn cá) hả miệng xóc tới mỗi mẻ cá cũng có hàng vạn con, người ta liền cho ghe đến bủa lưới, tức thì cá voi tránh xa để cho ngư-dân đánh được. Do đó mới có câu « Nghề chài là nghề cướp giựt của Cá Voi (Ông Nam-Hải) ». Thói thường, theo ngư-dân cho biết nếu chẳng phải là vị thần linh biển cả thì chỉ với sức mạnh đi qua, thuyền bè cũng đủ bị đắm chìm làm gì « trúng cá » được. Bởi vậy trong nghề chài, người ta thường bảo không chết vì mưa lạnh mà có thể chết vì không có cá ăn, nếu chẳng được cá voi tập trung cho cá.

CÁ VOI « LỤY »

Dạn dày với thời gian năm tháng hoặc vì tai nạn bất ngờ phải lụy (chết), nếu ở bề khơi thì được các cá voi to lớn (Ông Lớn) khác kề lưng

http://tieulun.hopto.org

dìu vào, khi đến mực nước tương đối gần bờ thì được ngư dân lập tức cho thuyền đón rước để cung nghinh thể xác về Dinh-Vạn.

Trong những lần tiếp rước cung nghinh đó, ngư-dân Bình-thuận thường ghi nhận sự việc cá voi 'lên vọi' quây quần ở hải phận, tỏa ra làn khói trắng ngay lỗ thông đạo giữa đỉnh đầu, theo sau tiếng kêu boong như chuông đồng đồ tiếng, đó là dấu hiệu tỏ sự mừng rỡ biết ơn.

Mỗi lần tử (lụy) là mỗi lần chịu phải lênh đênh trên biển cả dù có bao ngày hay suốt tháng hoặc tan rả thịt xương, cá voi vẫn có lệ nằm ngửa, một cử chỉ bảo vệ bộ đồ lòng (bao tử, ruột gan) mà theo ngư-dân cho đó là sự trung cang nghĩa khí không để các loài cá mập cá xà vì phạm đến xơi được. Ngoài ra, trong lúc tử lụy, Ông Nam-Hải còn được các chư vị thủy thần làm nhiệm vụ hầu cận, chờ cho đến khi ngư-dân đầu tiên trông thấy rước về mới thôi. Các chư vị đó gồm 3 loài cá đao và tôm, mực có sẵn vũ khí sắc bén bên mình đủ sức chống lại những loại cá to thèm thịt mà ngư-phủ thường bảo như lũ yêu tinh thích thịt Ngài Tam-Tạng.

Nhờ cá đao có chiếc dao trước mũi dài trên cả thước cứng như xương, hình răng cưa bén nhọn như gươm máy, dùng để chém đuôi cá mập cá xà. Loài mực thì có túi xịt khối nước đen khổng lồ chất chứa từ lâu, sẽ làm toàn vùng bị đen tối trong khi để cho loài tôm có càng to lớn bén nhọn khác thường với hình thù dài trên 2 thước sẵn sàng làm nhiệm vụ 'búng' các loại cá đến bu quanh xác chết cá voi.

SỰ TÔN THỜ

Tục truyền rằng hồi khoảng cuối thế kỷ thứ 18 khi Đức Vua Gia-long thất quốc bôn đào, có lần đã phải chịu ơn Ông Nam-Hải (Cá Voi) cứu nguy khỏi tay quân Tây-sơn chận đánh. Đến khi trở về phục quốc an toàn, Đức Vua bèn phong sắc cho cá voi với niên hiệu Nam-Hải Cự-Tộc Ngọc-Long Tôn Thần hay Nam-Hải Đại-Tướng-Quân và được liệt vào hàng đầu trong các bản văn tế thủy thần thường nêu trong các cuộc tế lễ hằng năm theo cổ truyền của dân tộc Việt.

http://tieulun.hopto.org

Kể từ bấy đến nay, trải qua nhiều cảnh thăng trầm của lịch sử, các vì vua kế nghiệp vẫn tôn trọng và duy trì những sắc phong đó để lưu truyền hậu thế. Để tỏ lòng cung kính vị thần linh biển cả cứu khổ cứu nạn cho ngư-dân, toàn thể ngư-phủ Việt-Nam từ Ải Nam-Quan chí Mũi Cà-Mau, ở dọc suốt miền duyên hải đại dương ngày nay vẫn còn thiết lập nhiều lăng thờ cúng cá voi, hằng năm đều có cử hành lễ cầu ngư rất linh đình trọng thể.

Riêng tỉnh Bình-thuận vốn là địa danh có tiếng nắm giữ vai trò độc tôn về ngành ngư-nghiệp, đã thiết lập 4 Lăng Dinh Vạn : Thủy-Tú, Nam-Nghĩa Khánh-Long và Hiệp-Hưng tọa lạc trong phạm vi Xã Châu-thành Phan-Thiết cùng một vài nơi khác thuộc trung-tâm ngư-nghiệp địa-phương. Vạn Thủy-Tú là một trong những Lăng Dinh lớn nhất tại châu-thành được thiết lập từ đời Cảnh-Hưng, do sự đóng góp của toàn dân ngư phủ cùng giới chủ thuyền trong tỉnh thực hiện. Vạn này hiện tọa lạc tại khu 2 Ấp Đức-Thắng ngay trung-tâm ngư nghiệp quan trọng bậc nhất của châu-thành.

Theo Ông Huỳnh-Ngàn, cựu Vạn-Trưởng có nhiều công sáng lập cho biết thì Vạn Thủy-Tú đã hãnh diện để trường tồn trước lòng tín ngưỡng của ngư-dân và nổi danh trong việc thờ cúng Ông Nam-Hải cùng chư vị thủy thần, lưu truyền đến nay có trên thế kỷ. Tại đây hiện có trên 25 đệ sắc (chiếm kỷ lục gìn giữ sắc phong Ông Nam-Hải — Cá Voi) của các triều đại vua chúa ban cho và chất chứa vô số Ngọc Cốt (xương cá voi) cao niên, quí giá nhất để tôn thờ.

Ngoài nhiệm vụ cất giữ tôn thờ Ngọc Cốt, hằng năm tại các Lăng Dinh Vạn đều có chương trình cúng tế lệ Xuân-Thu, Cầu Ngư, Ngày giỗ kỵ, tổ chức theo phong tục cổ truyền. Lệ Xuân-Thu Cầu Ngư (xin cho có cá) được cử hành nhằm ngày 20 các tháng giêng, tháng hai, tháng tư, tháng sáu và tháng bảy âm lịch cùng những ngày đầu và giữa mùa lúc mà ngư-dân hành nghề không có cá. Đến lễ «giỗ Ông» là ngày cúng kỵ đúng theo ngày tháng tử (lụy) năm trước của cá voi. Tất cả những lệ cúng này đều nằm trong

http://tieulun.hopto.org

khuôn khổ cầu cho ngày mùa được thịnh vượng, dân chài được bình an, ghe thuyền được thuận buồm xuôi gió.

NGỌC CỐT (XƯƠNG CÁ VOI)

Nói đến sự tử (lụy) của cá coi, người ta phải kể từ việc gìn giữ bộ đồ lòng lúc lênh đênh trên mặt biển bên cạnh có các chư hầu hộ vệ như binh đao cho đến khi được ngư-dân vớt lên đặt trên đất cát liền, cá voi còn được thêm một đặc điểm khác nữa là không bị ruồi nhặng bám vào hoặc sanh dòi ở xương thịt.

Xác cá voi được cung nghinh về chôn cất tại Lăng Dinh Vạn. Với « Ông Lớn » người ta xây hộc bằng ván bao quanh, trên đổ cát trắng tinh sạch, với « Ông Cậu » thì đào lỗ an táng ở mộ phần trong Vạn dành riêng cho việc chôn cất cá voi tử (lụy). Tại đây, toàn dân ngư-phủ còn có bổn phận tập-trung đông đủ để cử hành lễ mai táng linh đình trọng thể suốt những ba ngày đêm liên tục. Đúng 3 năm thì thịt cá voi đã rả, người ta lại phải làm lễ quật mồ hốt cốt đem vào Lăng để thờ gọi là thờ Ngọc Cốt (xương cá voi). Trước khi cho vào thùng niêm phong cẩn thận, Ngọc-Cốt được rửa bằng rượu trắng và phơi khô do một ngư-phủ cao niên có uy tín nhất làng đảm nhiệm.

Ngày nay, riêng tại Vạn Thủy-Tú còn cất giữ nguyên vẹn vô số ngọc cốt lâu đời trong số bộ xương lâu nhất có đến 150 năm. Dù cho trải qua có 3 vạn 6 ngàn ngày, Ngọc Cốt vẫn cứng như đá và giữ được luôn màu vàng đục ửng hồng, không bị hư mục, hư thối.

Theo ngư-dân Bình-thuận thì Ngọc-cốt còn tiềm tàng bao nhiêu ẩn khúc linh thiêng khác nữa, khi mà những ngày mùa không có cá, người ta lại đến Dinh Vạn tạ lễ và dùng phương pháp « Rưới xương Ông ». Với rượu trắng đổ vào ngọc-cốt bên cạnh có chiếc thùng để hứng nước rượu chảy xuống rồi đem rưới lên dàn lưới (đánh cá), kết quả hôm sau thu hoạch rất dồi dào. Ngọc-cốt còn chuyên trị tận gốc các chứng ban trái nóng mê, bệnh trừ « con sát » (ngày kỵ của trẻ sơ sinh), mỗi khi dùng ít xương, mài lấy nước

http://tieulun.hopto.org

cho uống, bệnh trạng sẽ được thuyên giảm phần nào. Những con buôn chú lái xuôi ngược ở các vùng đồng bằng, thượng-du sơn cước nếu được một ít ngọc cốt đeo vào người sẽ là « bùa hộ mạng » tránh khỏi tay độc ác của các thổ dân chuyên ếm hại oán thù trong việc giao thương buôn bán.

Theo lời tường thuật của Ô. Huỳnh-Ngàn Cựu Vạn-Trưởng Thủy-Tú Phan-thiết thì một điềm lạ hơn nữa đã xuất hiện vào trận lụt năm Thìn (1952) khi mà chung quanh Dinh Vạn và bên trong chánh điện thờ đều ngập cả nước, thế mà những hộp đựng Ngọc-cốt không hề bị thấm nước, mặc dầu chẳng phải cất giữ trên cao ! Mặt khác, một sự việc xảy ra đã có tự lâu lắm đó là chiếc ống đót bằng ngà voi hoặc một sợi lông voi cũng đủ là những vật dụng đỡ kỵ nhất đối với ngư-dân nếu vô tình cất giữ dưới thuyền mang theo ra biển. Một vài hành động bướng bỉnh chẳng tin, tức thì sẽ gặp điềm xấu báo nguy như cá voi chận đầu ghe đề trở lộn về, cả bướng hơn nữa thì hành nghề không có cá.

NGƯỜI THỌ TANG « ÔNG NAM-HẢI »

Cho đến ngày nay, trải qua bao nhiêu lần tử lụy, một số đông ngư-dân Bình-thuận đều được tuần tự thay nhau chịu tang (gọi con « Ông Nam-Hải) nhờ trông thấy và bắt gặp cá voi «lụy» ngay ở phút đầu. Người ngư-phủ đầu tiên ấy còn được phép cung nghinh cá voi về địa-phương mình cấp táng ở các Lăng Dinh thiết lập và thường xuyên canh gác bên cạnh xác cá voi cho đến khi hoàn tất cuộc ma chay.

Lợi dụng ở lòng tin tuyệt đối đó mà trước đây một số ngư-phủ tại Bình-thuận vì quyền lợi cho mình không phải ngư-dân, đã tổ chức việc câu bắt cá voi bằng một loại lưỡi câu vô cùng nguy hiểm được gọi là câu kiều. Thấy công việc làm ăn ngày càng thất bại vì bị toàn thể ngư-dân địa-phương phản đối khiếu nại nhờ chánh quyền can thiệp, nên nghề câu kiều đã tuần tự chấm dứt, không còn tái diễn nữa.

Ngoài ra còn có những kẻ bất lương khác khi bắt gặp Ông Cậu (cá voi con) tử lụy vội vàng tìm cách tung tin cho ngư-phủ biết để sau một cuộc mặc

http://tieulun.hopto.org

cả có khi còn xảy ra ẩu đả bằng dao búa, giới ngư-phủ đã phải mua với giá rất đắt ở phút cuối cùng gọi là chuộc Cậu lại để đưa về Lăng Dinh cấp táng. Mặt khác, cũng theo ngư-dân Bình-thuận thì trong những lúc tranh dành ảnh hưởng chôn cất cá voi mục đích giúp dân làng thường được dưới hòa trên thuận, quanh năm hành nghề trúng cá mà giới ngư-dân nào chẳng phải là người bắt gặp cá voi, dù có huy động đến số đông nào cũng không làm được việc (khiêng không nổi). Ngược lại chỉ với số ít ngư-dân cùng địa-phương ngư-phủ thọ tang cũng đủ xê dịch một sức nặng hàng trăm ngàn tấn một cách dễ dàng.

Người thọ tang là người bắt gặp cá voi đầu tiên hết, phải bịt khăn điều (đỏ) và sẽ được mản tang sau thời gian 3 năm liên tiếp. Người thọ tang còn phải tuân theo tục lệ cổ truyền, cũng 3 ngày làm lễ tạ mộ (mở cửa mả cá voi), 21 ngày làm lễ cầu siêu, làm tuần 3 tháng 10 ngày, ngày giỗ kỵ giáp năm — cho đến 3 năm sau đó thì làm lễ thượng ngọc cốt (hốt cốt) thỉnh vào Dinh Vạn tôn thờ. Thời gian này, người thọ tang thường được sức khỏe dồi dào, nhưng kém về tài lợi chỉ được mức trung bình và đặc biệt sau 3 năm thọ tang thì làm ăn sẽ thịnh vượng, phước lộc tràn đầy, vinh hoa phú quý.

Đời sống sinh hoạt của ngư-dân thọ tang còn ảnh hưởng trong suốt thời gian 3 năm liên tục, nếu bê tha rượu chè đến nỗi xúc phạm uy danh cá voi thì sẽ bị Ông 'hành' dữ dội. Cụ thể như la hét om sòm, nhảy múa tung tăng, ngày này qua tháng nọ, đến khi tàn hơi hết sức thì trở về ngã mình cạnh mộ cá voi, tỉnh dậy lại tiếp tục hành động như cũ, chờ cho đến khi người gia tộc hoặc đại diện xin làm lễ tạ thì mới dứt được các chứng điên cuồng.

NHẬP CỐT LÊN ĐỒNG, XIN XĂM BÓI QUẺ CẦU NGƯ

Cứ theo truyền thuyết, sự tử lụy của cá voi tại các tỉnh duyên hải thuộc phía bắc Trung-Phần Việt-Nam, từng được linh-thiêng-hóa qua việc cho nhập cốt lên đồng. Người ta chọn lựa một thiếu niên trinh khiết trong làng

http://tieulun.hopto.org

mời ngồi cốt lên đồng để kể lại tai nạn mà cá voi gặp phải cũng mách bảo cho biết trước ngày mùa hiện tại cũng như tương lai, đói no no đói.

Với địa-phương Bình-thuận có thể nói một số ngư-dân ở đây nặng về tục lệ xin xâm bói quẻ hơn là ngồi cốt lên đồng. Ngày đầu năm Tết Nguyên-Đán là những dịp may và quan trọng nhất của ngư-dân Bình-thuận đến Lăng Dinh Vạn xin lạy ra mắt Ông Nam-Hải (gọi là mừng tuổi Ông năm mới) rồi thì bói quẻ qua lá xăm. Nhờ lá xăm, ngư-phủ có thể biết những chuyện rủi may, tài lợi trong vụ mùa đánh cá.

Ngược dòng thời gian, người Anh-Dô-Nê-Giêng và người Chàm đã truyền lại cho dân ta sự tín ngưỡng và nghi lễ chôn cất cá voi trải qua có hàng trăm năm về trước. Trên bình diện đó, toàn dân ngư-phủ Việt-Nam nói chung và một phần lớn ngư-dân Bình-thuận nói riêng, ngày ngày đã lấy đại-dương Nam-Hải làm ổ cá muôn đời, chắc chắn đều ghi nhớ đến Cá Voi (ông Nam-Hải) trong sự sùng kính tôn thờ bất di dịch.

http://tieulun.hopto.org

NGUYỄN-VĂN-ĐỆ

sự phát triển ngành sử học trung quốc

1. GIỚI NGHIÊN CỨU SỬ HỌC

Trong các môn học ở Trung quốc, có thể bảo bộ môn sử phát triển đặc biệt nhất. Từ Tả Khâu Minh, Tư Mã Thiên làm sử đến nay, thư tịch ngành sử đã tăng trưởng thấy rõ, tối thiểu cũng đã trên 10.000 quyển. Chúng ta hãy căn cứ vào thư mục của Hán-thư nghệ-văn-chí và thư mục của Thanh tứ-khố toàn-thư để so sánh hầu thấy rõ sự tăng trưởng đột nhiên ấy.

Trung quốc vốn là nước có sử sớm nhất thế giới. Thêm vào đó nhờ những nhà chép sử lỗi lạc kinh qua các thời đại lịch sử như Tả Khâu Minh, Tư Mã Thiên, Ban Cố, Tuân Duyệt, Đỗ Hựu, Tư Mã Quang, Viên Khu đã một phen nỗ lực làm cho ngành sử Trung quốc bước vào một tân kỷ nguyên. Rồi thêm những Lưu Tri Cơ, Trịnh Tiều, Chương Học Thành đã sáng lập môn sử thuần chánh giúp cho nội dung sử học Trung quốc thêm nhiều màu sắc tương đồng tương dị.

2. KHỞI NGUYÊN NGÀNH SỬ HỌC

Sử Trung quốc đã có từ xa xưa. Tương truyền thời Hoàng-đế có sử quan Thương Hiệt, Thư Tụng. Sách Chu Lễ cũng nói rằng đời Chu cũng có các chức vị chuyên trách về sử như Thái sử, Nội sử, Ngoại sử, Tiểu sử. Sách Lễ ký ngọc tháo (?) nói rằng công việc thì do Tả sử ghi, lời nói thì do Hữu sử chép. Tả sử vào thời Chu sánh như Thái sử, còn Hữu sử thì sánh như Nội sử. Nhưng điều vừa chứng minh cho chúng ta biết hai ngàn năm về trước không những đã thiết trí sử quan mà đã có sách sử rồi.

3. SỬ VÀ SỬ THI

Sử thi là sử được ghi chép lại bằng thể thơ. Cứu cánh của sử học thời thượng cổ là dùng nhiều thể tài để truyền thuật. Các nhà chép sử thời sau

http://tieulun.hopto.org

nói rằng phép dùng thi ca chép sử là quan trọng nhứt. Lấy thi sử của Hi lạp, La mã làm chứng lệ, chúng ta thấy rằng sự phát triển ngành sử học Trung quốc cũng không vượt ra ngoài công lệ đó. Nói như thế không phải là không có lý do. Từ xưa, nhân loại vốn có lịch sử. Thời thượng cổ đã chú trọng việc tưởng niệm công đức thâm sâu của tổ tiên, những bậc đã gầy dựng nên cơ nghiệp. Tổ tiên họ lúc bấy giờ sống đời sống bộ lạc, đã tranh đấu với các loài thú dữ, với các loại trùng độc nên đã gặp nhiều tình tiết kỳ quái; vì thế sau khi chết con cháu họ muốn tri niệm tiền nhân nên đã đặt ra nhiều ca khúc để truy thuật những kỳ tích ấy.

Như trong Kinh Thi Trung Quốc có rất nhiều thiên thuần túy là thể sử thi. Chúng ta đơn cử một ví dụ như thiên Huyền điểu : « Vâng mệnh trời chim hoàng điểu xuống dựng nghiệp nhà Thương, đất Ân rộng thênh thang, Vua xưa theo Võ Thang, trấn khu vực tây phương » (1). Bài ca trên đây thuật lại sự tích khai quốc nhà Thương. Mới đọc qua chúng ta thấy có nhiều thần thoại, tuy nhiên nhờ đó chúng ta có thể biết được nội dung của sử thi vậy.

4. PHÂN LOẠI CÁC MÔN SỬ TRỌNG YẾU

Thư tịch sử Trung quốc mênh mông như biển. Chúng ta dành hàng năm cũng chưa nghiên cứu hết, nhưng chung qui, trong phạm vi giản lược chúng ta dung hợp các phương pháp cả đông lẫn tây để sắp xếp ra thành một số loại chánh yếu.

Căn cứ vào phương pháp phân loại của « Tứ khố đề yếu » chúng ta thấy có tất cả 15 loại :

1. Chánh sử
2. Biên niên
3. Kỷ sự bản mạt
4. Biệt sử
5. Tạp sử
6. Chiếu lệnh tấu nghị
7. Truyện ký
8. Sử sao

(1) « Thiên mệnh huyền điểu giáng nhi sanh Thương Trạch Ân thổ mang mang Cổ đế mệnh Võ Thang chính bỉ vực tây phương ».

http://tieulun.hopto.org

9. Tái kỷ
10. Thời lệnh
11. Địa lý
12. Chức quan
13. Chánh thư
14. Mục lục
15. Sử bình.

Với 15 loại được phân chia như vậy kể cũng khá tường tế rồi. Đối với phương pháp của chúng ta ngày nay bất quá chia làm 4 loại trọng yếu là cùng.

1. Kỷ truyện
2. Biên niên
3. Kỷ sự bản mạt
4. Chánh thư

Thể kỷ truyện lấy nhân vật làm căn bản. Thể biên niên lấy năm làm căn bản. Thể kỷ sự lấy việc làm căn bản và cốt ở nguyên nhân kết quả của sự việc. Chánh thư tức theo lối thượng thư, vụ ở sự ghi chép về văn vật chế độ. Sánh với tân sử của chúng ta ngày nay có những điểm phân biệt như sau :

A. Kỷ truyện:

Tư Mã Thiên viết bộ sử ký cốt ở mô tả trọng tâm của toàn bộ xã hội vì thế còn gọi là thông sử. Nhưng từ Ban Cố trong quyển Hán Thư về sau thì chia thời gian làm sử, tả hoàn toàn sinh hoạt hoàng tộc làm trọng tâm, rành rành trần thuật, thiếu hẳn tinh thần sáng tác. Sở dĩ người ta còn nói về 24 bộ sử lúc trước bất quá là như 24 tập gia phả của 24 đời vua. Đó là một câu nói cảm khái. Chương Học Thành cũng bảo : « Thể kỷ truyện đã lưu hành trên ngàn năm nay rồi, các học giả theo đó như mùa hè được mát, mùa đông được áo cừu, khát uống đói ăn, không gì khác hơn nữa, không gì đặc biệt khả dĩ truyền lại đời sau...» (thiên Thư giáo. Sách Văn sử thông nghĩa).

Nội dung thể kỷ truyện gồm các tiểu mục sau : Bản kỷ, Thế gia, Liệt truyện. Nguyên việc tiểu phân này là do Tư Mã Thiên sáng chế ra, rồi sau các sử gia cứ lấy đó đồng nhất áp dụng, đôi khi có biến đổi chi tiết đôi chút cũng không quan tâm cho lắm, như Hậu Hán Thư tăng bổ cái mục : Đảng

http://tieulun.hopto.org

cố, Độc hành, Dật dân truyện. Tân Ngũ Đại sử thêm : Nghĩa nhi, lệnh quan, Gia nhơn, Tử tiết, Nhứt hành truyện Minh sử thêm : Yểm đảng, Lưu tặc. Tóm lại thể trong truyện chẳng qua là phân liệt truyện chia làm nhiều chi tiết, thêm thắt nhiều danh từ vậy thôi.

B. Thể biên niên :

Thể biên niên đã có từ xa xưa, như Xuân thu cùng Trúc thư kỷ niên đã cho chúng ta thấy từ đó đã biết dùng thể biên niên rồi, nhưng nội dung thể này không phải đều mười phần phong phú mà cũng còn có nhiều điều sơ sót đối với hậu thế. Về sau như Lục Giả với Sở Hán xuân thu Tuân Duyệt với Hán Kỷ thì đã có quy củ. Kỳ thực thể biên niên đã có từ Tư Mã Thiên rồi. Họ viết Tư Trị Thông Giám để làm lại Tả Truyện, trước ghi từ Chiến Quốc, sau đến hết Ngũ Đại, 1.362 năm bao nhiêu việc lớn xảy ra nối nhau tiếp diễn mà chiều ngang chiều dọc xác nhận rằng từ trung cổ về sau nó là một tác phẩm lớn. Các nhà chép sử theo đó làm khuôn mẫu, đến nay lại không còn vì đã hòa lẫn trong chánh sử để lưu hành.

C. Kỷ sự bản mạt :

Do Viên Khu đời Tống sáng tác. Khu chép văn của bộ Thông Giám, lấy sự việc làm căn bản từ đầu tới cuối 1.600 năm hơn, chừng 239 việc gọi là Thông giám kỷ sự bản mạt. Chương Học Cai rất tán thành phương pháp ấy. Khi nghiên cứu lịch sử điều quan trọng nhứt là coi ở luật nhân quả, xem điều đã qua mà biết điều sắp đến, thể tài ấy đủ cho chúng ta thỏa mãn. Người đời Minh và Thanh phóng tác rất nhiều như Tả Truyện kỷ sự bản mạt, Tống sử kỷ sử bản mạt... Đã có đến chín loại cả thảy nhưng với thể tài ấy có vài điểm không đồng.

— Có sách giảng nhiều kỷ sự bản mạt như Mã Siêu dịch sử cùng Cửu chủng kỷ sự bản mạt.

— Có sách giảng một kỷ sự bản mạt như Bình định tan nghịch phương lược.

http://tieulun.hopto.org

— Cỏ loại vô danh nhưng có thực như Ngô Mai thôn tuy khẩu kỳ lược, hầu hết đều rất cần nghiêm tinh túy, cuối sách đều có đề cập tới phương pháp của Viên Khu.

D. Chánh thư :

Sử Trung quốc xưa không tránh khỏi khuyết điểm. Theo người đời sau phê bình thì có hai khuyết điểm chánh : thứ nhứt là không chú trọng tới lời tự thuật quân bình : thứ hai là không chú trọng tới việc mô tả hành động. Do đó khi chúng ta muôn nghiên cứu sử Trung quốc gặp phải nhiều khó khăn. Chẳng hạn như khi chúng ta muốn nghiên cứu tư tưởng sử Trung quốc, văn hóa sử Trung quốc, làm thế nào khai thông những trở ngại ấy. Việc sáng tác ra Tam Thông là để đáp ứng lại nhu cầu đó. Từ đời Đường Đỗ Hựu làm ra Thông Điển, đời Tống Trịnh Tiều làm ra Thông Chí. Đời Nguyên Mã Đoàn Lâm làm ra Thông Khảo. Vì ý chí yêu chuộng sử học mà sáng tác ra nhưng điều kể trên thật là một tiến hóa lớn vậy. Chúng ta tóm lược để trình bày thì quả trong tam thông có nhiều giá trị. Trở lại vấn đề Thông điển nội dung chia ra : Thực hóa, Tuyển cử, Chức quan, Lễ, Nhạc, Hình pháp, Châu quận, Biên phòng. Đời Đường, Lý Hãn đề tựa sách viết : Mổ xẻ toàn bộ sử ngũ kinh, trước từ Hoàng đế, sau chót là Thiên bửu đời Đường, mỗi việc đều lấy một loại đi theo từ đầu đến cuối. Lịch đại sửa đi sửa lại và đương thời các sĩ phu cùng nhau luận nghị hơn thua tăng bổ và lập trường phái làm lẽ ra nắt, có thể bảo là suy tôn tới mức chót rồi vậy.

Về Thông chí chia ra làm 20 mục rất tinh vi : Dân tộc, Lục thư, Thất âm, Thiên văn, Địa lý, Đồ ấp, Ích, Khí phục, Nhạc, Nghệ văn, Hiếu thư, Đồ phổ, Kim thạch, Tai tường, Côn trùng, Thảo-mộc, Lễ Chức quan, Tuyển cử, Hình phạt và Thực hóa. Trịnh Tiều tự lấy đó tôn trọng bảo rằng 15 mục rút ra từ xương sống với các chi nho Hán Đường nghị luận, còn 5 mục tuy là điển của người xưa cũng chẳng ngoài văn vẻ của họ.

http://tieulun.hopto.org

Thông khảo thiên mục nhiều, trương dẫn rộng, đầy đủ hoàn bị. Đến như Tục Thông điển, Tục Thông chí, Tục Thông khảo, Thanh Thông chí, Thanh Thông điển, Thanh Thông khảo các loại thật rườm rà phiền toái.

5. TƯ SỬ VÀ SỬ CỦA SỬ QUAN CHÉP

Trong 24 bộ sử, trừ Tư Mã Thiên, Ban Cố, Trần Thọ, Phạm Việp là bốn sử gia tự soạn riêng, kỳ dư đều là sử của nhà nước. Hơn nữa tổng số này là do nhiều người hợp soạn. Phong khí loại này mở màn từ thời Đường Thái Tôn như Phòng Kiều soạn Tấn Thư, Ngụy Trưng soạn Tùy Thư, Thác Khắc Thác soạn Tống sử, Tống Liêm soạn Nguyên sử, Trương Đình Ngọc soạn Minh sử đều không phải do một người mà soạn nên được. Trong thời gian tu chính các bộ sử ấy, họ đã thiết lập các phòng sở, bổ nhậm các sử quan, với nhiều viên chức thật lắm công phu. Sử gia đời sau bảo rằng sự nghiệp trước tác đều đáng ghi công, người biên thuật thật đáng ghi danh hậu thế.

Sử soạn riêng thường hay vận dụng tài lực tâm tư tự kỷ, biểu hiện cá tính sung mãn hầu có thể thành lời nói của nhà chép sử, hay của một chức quan tu chính sử. Điều quan trọng là trước tác mà thiếu tinh thần trách nhiệm, cá tính cũng sẽ tùy sự việc mới cũ còn mất mà loại sách này cũng dễ thiếu hẳn tinh thần.

6. CỰU SỬ VÀ TÂN SỬ

Trong phạm vi 24 bộ sử, bộ Đường thư có bộ cũ bộ mới. Ngũ Đạo sử cũng thế. Cựu Đường thư do Lưu Hú đời Tấn soạn. Tân Đường thư do Âu Dương Tu cùng Tống-Kỳ đời Tống hợp soạn. Cựu Ngũ Đại sử do Tiết Cư Chánh đời Tống soạn. Tân Ngũ Đại sử do Âu Dương Tu soạn. Sở dĩ các vị ấy soạn các bộ sử mới vì bất mãn với ý tưởng trong các bộ sử cũ. Nhưng so sánh giữa hai bộ sử mới và cũ chúng ta thấy mỗi bên đều có sở trường và sở đoản cũng như có ưu khuyết điểm.

http://tieulun.hopto.org

Cựu Ngũ Đại sử thì trường tế về sự việc.

Tân Ngũ Đại sử thì công kỹ ở lời.

Cựu Ngũ Đường thư thì phong phú rườm rà.

Tân Ngũ Đường thư thì giải lược.

Nhờ vậy mà cả hai bộ túc cho nhau lưu hành mãi đến nay không bao giờ bỏ phế.

7. TRỰC BÚT VÀ KHÚC BÚT

Quan chép sử thời xưa bên Trung quốc có rất nhiều trách nhiệm nặng nề. Đối với thiện ý chính trị tất phải giữ ngòi bút không xúc phạm đến người khác. Tỉ như Đổng Cô là một người trứ danh nhưng vì sử gia có nhiều quán lệ, vì thân mà kiêng cử, vì tôn kính mà kiêng cử, thêm nữa vì tư kỷ mà thiên lệch trong việc phán xét vậy. Sở dĩ chúng ta thấy lịch sử Trung quốc có thời kỳ khó khăn phân biện vì không khúc trực phân minh nên sau có kẻ bảo rằng : « Thiệt đề vô anh hùng, bút đề vô kỳ sĩ » Đó là một câu nói cảm khái xưa nay vậy. Lại xem như Trần Thọ lấy tư oán mà vu cáo phá Gia Cát Lượng, nói mưu lược của tướng ấy không được sở trường. Đinh Nghi, Đinh Quảng (?) cùng là người có tiếng nhưng chẳng cùng họ lập truyện đều không được đề cao. Như thế xem xét lịch sử của một thời đại có rất nhiều điều chúng ta phải phân biệt rành mạch và khách quan.

8. PHỤ CHÚ VÀ KHẢO CHỨNG

Các sách về sử Trung quốc thật khó đọc cho cặn kẽ hết. Sử Ký của Tư Mã Thiên truyền lại Dương Huy, Hán Thư của Ban Cố truyền lại Ban Siêu đều cùng thành một nhà học vấn cho nên những bộ sử cũ ấy nếu chẳng để cho người đời sau khảo sát, chú thích, bổ chánh thì kết quả chỉ là chứa đựng những tên núi tên người. Như đem Tam Quốc Chí ra giảng giải mổ xẻ thêm bớt thận trọng nghiêm minh nhưng thế cũng còn giản lược lắm. Sở dĩ Bùi Tùng Chi viết thêm Tam Quốc Chí phụ chú là cốt bồi đắp cho con

http://tieulun.hopto.org

chầu đời sau một ít tăng bổ hữu ích Sách Tấn Thư đời Đường cũng có công sức của vua quan trong việc tu chỉnh. Đường Thái Tôn tự tay soạn thảo Lục Cơ truyện luận, truyền Hồ Đức Phân mở rộng văn học, tự sự giản dị, hiệu đính châm chước nhưng lại không thiện ý văn nghệ cũng còn khuyết điểm vậy. Đến hết triều Thanh Đình Quốc Quân soạn Tấn Thư Nghệ Văn Chí mới cho ta biết đại khái tình hình văn học nghệ thuật đời Tấn. Người nghiên cứu văn học Trung Quốc phải làm việc ấy thật nhiều. Đời Thanh có Triệu Dực với Nhị thập nhị sử đáp ký. Vương Minh Thạnh với Thập thất sử thương xác. Huệ Lương với Hậu Hán Thư phụ chú. Lương Ngọc với Sử Ký chí nghi. Tiêu Đại Hận với Hậu Hán biện nghi. Như thế việc phụ chú khảo chứng không phải không quan trọng.

PHỤ BẢN LƯỢC KÊ 24 BỘ SỬ *

1) Sử Ký	Tư Mã Thiên	Hán	130	quyển.
2) Tiền Hán Thư	Ban Cố	Hậu Hán	100	—
3) Hậu Hán Thư	Phạm Việp	Tống	120	—
4) Tam Quốc Chí	Trần Thọ	Tấn	65	—
5) Tấn Thư	Phòng Kiều	Đường	130	—
6) Tống Thư	Thẩm Ước	Lương	100	—
7) Nam Tề Thư	Tiêu Tử Hiển	Lương	59	—
8) Lương Thư	Diêu Tư Liêm	Đường	56	—
9) Trần Thư	—	Đường	36	—
10) Bắc Tề Thư	Lý Bá Cúc	Đường	50	—
11) Bắc Chu Thư	Lệnh Hồ Đức Phân (?)	Đường	50	—
12) Ngụy Thư	Ngụy Thư	Bắc Tề	140	—
13) Tùy Thư	Ngụy Trưng	Đường	114	—

* Theo tài liệu Quốc Học Thường Thức Tân Biên của Vương Thiều Sanh, do Thượng-hải ấn thư quán ấn hành tại Hương cảng năm 1960.

http://tieulun.hopto.org

14) Nam Sử	Lý Diên Thọ	Đường	80	—
15) Bắc Sử	—	Đường	100	—
16) Cựu Đường Thư	Lưu Hú	Tấn	200	—
17) Tân Đường Thư	Âu Dương Tu và Tống Kỳ	Tống	225	—
18) Cựu Ngũ Đại Sử	Tiết Cư Chánh	Tống	150	—
19) Tân Ngũ Đại Sử	Âu Dương Tư	Tống	75	—
20) Tống Sử	Thác Khắc Thác	Nguyên	496	—
21) Liêu Sử	—	Nguyên	116	—
22) Kim Sử	—	Nguyên	135	—
23) Nguyên Sử	Tống Liêm	Minh	210	—
24) Minh Sử	Trương Đình Ngọc	Thanh	336	—

http://tieulun.hopto.org

THÁI-BẠCH

nữ thi sĩ miền nam: sương-nguyệt-anh

— Bà có phải là người viết bài « Chinh phu thi » ?

Là con gái thứ năm của nhà thơ Nguyễn-Đình-Chiểu, bà Sương-Nguyệt-Anh sinh ngày 24 tháng chạp năm Quý-Hợi, dương-lịch 1863, giữa lúc quân xâm lăng Pháp đang tràn lên xứ này, và tạ thế ngày 12 tháng chạp năm Canh-Thân tức ngày 4 tháng giêng năm 1921, giữa lúc phong-trào giải-phóng dân-tộc đang ngấm ngầm hoạt-động khắp nơi, kẻ thì bí mật gây cơ-sở trong nước, người thì bôn ba hải ngoại để cổ võ hô hào.

Bà chính tên là Nguyễn-Thị-Khuê (có sách nói là Nguyễn-Thị-Ngọc-Khuê). Tướng người mảnh mai thanh nhã, bản tính thông minh lại nhờ sự giáo dục của thân-phụ, nên bà được nổi danh rất sớm cả về tài lẫn sắc.

Nếu cuộc đời của cụ Chiểu bị lao đao vất vả vì hoàn-cảnh gia-đình và đất nước bao nhiêu, thì cuộc đời của bà cũng phải tang thương đau khổ vì thời đại nhiễu nhương bấy nhiêu.

Bởi xuất thân trong một gia-đình nặng chữ hiếu trung, nên là một trang tài sắc và tiết hạnh gồm đủ, bà chủ-trương thà ở vậy, chớ không chịu sống gởi thịt chết gởi xương vào bọn buôn dân bán nước, nên đến năm 1888, năm thân-phụ qua đời, bà 25 tuổi mà vẫn chưa gá nghĩa nơi nào.

Thân phụ mất, bà ở với anh ruột là ông Nguyễn-Đình-Chúc tục gọi thầy Ba Sang.

Gia-đình bà lúc đó ở cả Ba-Tri. Nhưng sau một tên Phủ, thứ Phủ làm tay sai cho chánh quyền thuộc địa, vì mê tài sắc, cho người làm mai đến hỏi cưới bà. Nhưng con gái của cụ Nguyễn-Đình-Chiểu đâu màng những tấm chồng như thế.

Bà từ khước, tên Phủ nọ đem lòng oán ghét, cứ cách ít hôm, lại cho trát đòi anh bà lên, kiếm chuyện làm khó dễ nọ kia...

http://tieulun.hopto.org

Gặp hoàn-cảnh đó, gia đình bà phải dời sang Cái-Nứa (ở Mỹ-Tho). Tên Phủ theo đuổi nữa, anh em bà lại phải dời đến nhà ông Trương-Văn-Mân ở Rạch-Miễu (Mỹ-Tho).

Ở đấy ít lâu, bà sánh duyên cùng một ông phó tổng góa vợ, ăn ở hiền lành được dân chúng mến thương tức ông Nguyễn-Văn-Tính, con một ông Huyện, nhà ở Rạch-Ông (Mỹ-Tho) tục gọi Thầy Cai Tính.

Có chồng rồi, sau một thời gian khá lâu, bà mới sinh được một gái tức là cô Vinh, cô này sau lấy chồng là ông Mai-Lương-Ngọc, sinh ra chị Mai-huyền-Hoa nhũ danh Kim-Ba, tức bà quả phụ Phan-Văn-Hùm hiện nay.

Cô Vinh được 2 tuổi, đang lúc gia-đình đầm-ấm thì ông Tính từ trần. Bà trở thành quả phụ, quyết chí ở vậy giữ tiết và lấy hiệu là Sương-Nguyệt-Anh.

Một thời-gian sau gặp cảnh gia-đình eo hẹp, bà đi dạy học chữ Nho, rồi lên Saigon tìm kế sinh nhai bằng ngòi bút.

Bà làm thơ, viết bài đăng báo « Nữ Giới Chung » do ông Trần-Văn-Chim làm chủ-nhiệm. Sau bà làm chủ bút tờ này. Ít lâu, bà bị bệnh một mắt, phải rời Saigon về làng Mỹ-Chánh-Hòa, ở với em ruột là ông Nguyễn-Đình-Chiêm. Kế đó cả hai con mắt đều bị bệnh, rồi bà tạ thế ở đây, hưởng thọ được 58 tuổi.

Bà Âu-Dương-Lâm, cháu gọi bà bằng cô ruột trong bài thơ điếu có hai câu :

Trong trắng lầu lầu gương nữ sĩ
Trăm năm danh rợi chói vừng ô.

Thật vậy, sinh thời bà Sương-Nguyệt-Anh đã xứng đáng là người cái danh thơm ấy.

Bà là người đàn bà đầu tiên làm chủ-bút một tờ báo ở nước ta, đồng thời cũng là một nữ sĩ có Nho học uyên thâm, văn-chương xuất chúng cuối

http://tieulun.hopto.org

cùng của đất nước trong thời đại bút lông phải thay vào bằng bút sắt bút chì, nói riêng ở xứ sở miền Nam.

Về thơ chữ Hán, bà cũng còn có những bài sau đây thật điêu luyện chải chuốt :

ĐIẾU KHUẤT NGUYÊN

Tiết đáo đoan dương hoành vũ lộ
Giang tân hành lữ vô triêu mộ,
Vãng lai thùy dữ điếu trung hồn ?
Cạnh cạnh yên ba hoành vũ lộ.

Bài dịch của Thái-Bạch :

« Mưa phùn phơi phới tiết Đoan dương,
« Qua lại bên sông khách rợp đường.
« Trạnh nhớ hồn trung ai viếng hỏi ?
« Đò đưa khói sóng lớp sầu vương ».

BI THẾ SỰ

Thái tức trần gian sứ cánh vi,
Bi thương hà nhẫn dụng tâm bi.
Nan tri đề cuộc hoàn nan giải,
Tự tín đê hồi, phản tự nghi !

Bài dịch của Thái-Bạch :

« Ngẫm sự trần gian luống ngậm ngùi,
« Xanh kia sao nỡ trớ trêu hoài.
« Sự đời khó vậy là sao vậy ?
« Nghĩ lại tin ngờ khó nỗi nguôi ».

Và sau đây nữa là những bài thơ bằng quốc âm của bà :

http://tieulun.hopto.org

TỨC CẢNH HOA MAI TRẮNG Ở CHÙA BÀ ĐEN

Non linh đất phước trồ hoa thần,
Riêng chiếm vườn hồng một cảnh xuân.
Tuyết đượm nhành tiên in sắc trắng,
Sương pha bóng nguyệt ánh màu ngần.
Mây lành gió tịnh nương hơi chánh
Vóc ngọc mình băng bặt khói trần.
Sắc nước hương trời nên cảm mến,
Non linh đất phước trồ hoa thần.

TẶNG MỘT NI-CÔ

Vắng vẻ xa gần tiếng pháp chung,
Tình đời ấm lạnh đã nguôi lòng.
Âm thanh thăm thẳm trần ai lặng,
Gác tịnh lầu lầu ngọc giá trong.
Cánh cửa từ-bi nương phận bạc,
Mảnh gương tế độ nhuốm màu hồng.
Trời Tây biển khổ thêm ngao ngán,
Tỉnh giấc hoàng lương nguyệt nửa vòng.

TIỄN ÔNG KINH LỊCH TRẦN-KHẢI-SƠ TỪ BẾN-TRE ĐỔI VỀ SA-ĐÉC

Nghìn xưa dễ mấy hội tao phùng,
Sa-Đéc nay thầy tách cõi Đông.
Phong-cảnh mặc dầu chia đất khác,
Nắng mưa đâu cũng đội trời chung.
Quê người tạm gởi nhành dương liễu,
Đường hoạn xin tròn phận kiếm cung.
Cái phận râu mày thì phải vậy,
Nặng bằng non Thái, nhẹ bằng lông.

http://tieulun.hopto.org

GỞI CHO CON RỂ ĐÃ GÓA VỢ 8 NĂM

Có lúc tùng quyền có lúc kinh,
Làm trai nào đặt khỏi tiền trình.
Bơ thờ nắng rọi hoa nương nhụy,
Lấy lất mưa qua bướm dấu hình
Nghĩa nặng đành cam con bất hiếu,
Nghiêng tai chịu tiếng quỷ vô tình.
Dưới đời ai dứt đường sinh hóa,
Trướng chắn riêng ngươi quạnh một mình.

BÀI LÀM CHO VỢ MỘT ÔNG THẦY THUỐC BẮC Ở RẠCH-MIỄU

Gởi cho chồng đi làm ăn ở phương xa nhân ngày tết sắp đến :

« Viễn chi lưu hành tháng mạch đông »
Trách lòng « quân-tử » quá « thung dung »
Tơ duyên « tục đoạn » đà xao lãng,
Tình nghĩa « a đao » khó mặn nồng.
« Quán chúng » ngậm ngùi « thương nhĩ tử »,
« Nhân trần » cám cảnh « bạch đầu ông »
Miễn dầu « sanh địa » tìm « khương hoạt »
Cũng đoái « phòng phong » phận « quýt hồng »

TỨC SỰ VUA THÀNH-THÁI VÀO SAIGON NGỰ YẾN NĂM 1899 :

Ngày thu may gặp hội minh lương
Thiên hạ ngày nay chí mở mang,
Tấc cỏ ngọn rau tràn dưới đất,
Đai cơm bầu nước chật ven đường.
Vui lòng thánh đế nơi xe ngựa,
Xót dạ thần dân chốn lửa than.

http://tieulun.hopto.org

Nước mắt cô cùng trời đất biết.
Biển dâu một cuộc nghĩ mà thương.

Tài đức của bà, ngoài sự nghiệp văn-chương trên còn chứng minh trong trường hợp dưới đây, đáng kể là những giai-thoại trong văn sử nước nhà :

— Khi chồng bà mất, bà quyết trọn đời giữ tiết, nhưng nhiều người vẫn toan phá ý định bằng thơ đi, thơ lại để thả lời ong bướm. Ông Bảy Nguyện ở Mỏ-Cày, bữa nọ viết một bài thơ tứ tuyệt gởi đến bà :

Ai về nhắn với Nguyệt-Anh-Cô,
Chẳng biết lòng cô định thế mô ?
Không phải vãi chùa toan đóng cửa,
Đây hằng gấm ghé bắc cầu ô.

Bà viết họa luôn lại hai bài :

Chẳng phải tiên cô cũng đạo cô,
Cuộc đời đâu biển biết là mô?
Lọng sơn dẫu rách còn kêu lọng,
Ó bịt vàng ròng cũng tiếng ô.

*

Phải thời cô quả, chịu thời cô,
Chẳng biết tuồng đời tính thế mô ?
Dòm thấy bụi trần toan đóng cửa,
Ngọc lành chi để thẹn danh ô.

Ông Cử-nhân Phạm-Đình-Chi đến đem tài văn-chương yêu-cầu bà ra cho câu đối để kết duyên văn tự. Bà từ khước không được, phải ra cho ông cử :

Đình làng tôi không dám PHẠM, thưa ông tôi PHẠM-Đình-CHI.

Nói theo xuôi là « Tôi không dám xâm phạm đến đình của làng, vậy thưa ông tôi phạm vào đình chi bây giờ ? » Cũng thường thôi. Nhưng cả tên

http://tieulun.hopto.org

họ ông cử đều gói trọn trong đó. Khó thay biết lấy cảnh gì mà ứng khẩu đối lại cho chỉnh cho hay hơn được bà. Thế là ông phải rút lui cả người và lẫn cả tà tâm.

Sau ông cử Phạm-Đình-Chi, một nhà nho khác ở Chợ Giữa (thuộc làng Vĩnh-Kim, tỉnh Mỹ-Tho) là Hồ-Bá-Xuyến gởi đến bà một bài thơ, ngỏ ý muốn chắp nối tơ duyên:

Trời đất ghen chi chữ sắc tài :
Vườn xuân vội úa bảy phấn mai.
Gương toan sáng sủa càng ngớ ngáo,
Phấn vẽ dồi mài lúc kém phai.
Lặng lẽ duyên hồng tơ tóc vấn.
Vẩn vương phận liễu tháng ngày dài.
Bóng đào bao thuở thay đôi lứa,
Nỡ để trăng thu xế bóng Đoài.

Bà được thơ, viết phản đối ngay lại :

Tài không sắc, sắc không tài,
Lá úa, nhành khô cũng tiếng mai,
Ngọc ánh chi nài son phấn điểm,
Vàng ròng há sợ sắc màu phai.
Ba giềng trước đã xe tơ vấn,
Bốn đức nay tua nỗi tiếng dài,
Dẫu khiến duyên này ra đến thế,
Trăng thu dầu xế rạng non Đoài.

Nhà nho Hồ-Bá-Xuyên thất bại, một người nữa là ông Phủ Học đưa đến những lời lẽ xuyên-tạc, sỗ sàng :

Phải gần với Nguyệt lúc lưng vơi,
Đặng hỏi Hằng-Nga nỗi sự đời.
Ở Hạ mây mưa còn kém sắc,

http://tieulun.hopto.org

Vì Thu non nước tỏ càng nơi.
Hay trông Dìu Lượng xây lầu rước,
Hoặc đợi Thanh-Liên cất chén mời.
Vóc ngọc há sờn cơn gió bụi,
Tài tình rõ mặt khá đua bơi

Tức thì bà dồn cho một chập :

Đường xa vời vợi, dặm vơi vơi,
Nghĩ nỗi ngày xanh ngán sự đời.
Biển ái nguồn ân còn lắm lúc,
Mây ngàn hạc nội biết đâu nơi.
Một dây oan trái rồi vay trả,
Mấy cuộc tang thương há đổi dời.
Chước quỷ mưu thần âu những kẻ,
Gặp cơn nguy hiểm khó đua bơi.

*

Hết lúc trăng đầy đến lúc vơi,
Đinh hư trong cuộc phải coi đời
Vén mây bẩn thỏ xa ngàn dặm,
Đáy nước cung thiềm, tựa khắp nơi.
Nột trí đứa gian hiềm vẻ rạng,
Vui lòng người tiết thú đưa bơi.
Khơi dòng hỗi thực ưng ra mặt,
Đứng giữa trời xanh tiết chẳng rời.

Với những bài thơ họa trên đây, bà Sương-Nguyệt-Anh chẳng những đã đánh mạnh vào lòng bất chính của những hạng Nho, hạng Phủ bất đức bất tài, mà đồng thời còn cảnh-cáo một cách thẳng thắn những thói đời xấu xa.

Nếu Nguyễn-Đình-Chiểu thân-phụ bà đã để cho đời gương sáng suốt của người mù lòa, gương chiến-đấu của người tàn tật, gương cao quý của

http://tieulun.hopto.org

người bần bạc, gương sự-nghiệp tinh thần trường-cửu, thì ở đây với Sương-Nguyệt-Anh, chúng ta phải nói nữ-sĩ đã thừa hưởng được phần nào cái gia-sản tinh-thần quý báu ấy ở trong cảnh nước nhà ly loạn.

*

Xét ra trên văn đàn, thi đàn, bà Sương-Nguyệt-Anh cũng là một nữ-sĩ đáng kể. Có người bảo giá-trị của bà, không phải ở những bài thơ và những giai thoại trên mà chính ở chỗ bà đã để lại cho đời một bài thơ bất hủ bằng chữ Hán nhan đề « Chinh Phu Thi » :

Đình thảo thành sào liễu hựu tỳ,
Chinh phu hà nhật thị quy kỳ ?
Bán liêm tàn nguyệt thương tâm dạ,
Nhất chẩm đề quyên lạc lệ thì,
Tái bắc vân trường cô nhạn ảnh,
Giang nam xuân tận lão nga mi,
Tạc lai kỷ độ tương-tư mộng,
Tằng đáo quân biên tri bất tri ?

Và sau đây là bản dịch của ông Nguyễn-Đình-Chiêm, em ruột bà :

Cỏ rạp sân thềm liễu rủ hoa,
Chàng đi bao thuở lại quê nhà.
Nửa rèm trăng xế lòng ngao ngán,
Chiếc gối quyên gào lệ nhỏ sa.
Ai bắc mây giăng che bóng nhạn,
Vườn xuân nắng tắt ủ mày nga.
Nhớ nhau mấy lúc chiêm bao thấy
Ngàn dặm lang quân biết chăng là ?

Một bài thơ chỉ 8 câu bộc lộ ra một cách kín đáo nỗi buồn man mác của một người đàn-bà có chồng ra trận, nhưng không biết ra vì lẽ gì, chiến-đấu vì ai, vì ai phải « xa xôi cách trở nước non, để người thôi sớm thôi hôm những sầu », quả là một bài thơ phản chiến.

http://tieulun.hopto.org

Theo báo Tri-Tân, bà Sương-Nguyệt-Anh viết bài này khi đứng trên lầu, nhìn đoàn thanh-niên Việt-Nam đang xuống tàu sang Pháp để hy-sinh cho mẫu quốc trong trận giặc 1914 — 1918 và đăng báo Nữ-Giới Chung khoảng năm 1926.

Nhưng hoàn toàn không đúng vì bài thơ chữ Hán ấy là của ông Thái-thuận, tự Nghĩa-hòa, hiệu Lã-Đường ở thời Lê-thánh-Tôn, có chép trong Hoàng-Việt Thi Tuyển, sách in năm Minh-Mạng thứ 6, dương-lịch 1825, hiện còn một bản để tại Viện Khảo-Cổ Saigon.

Tài-liệu rõ ràng, chúng ta không thể bảo rằng bài đó là của bà Sương-Nguyệt-Anh vậy.

http://tieulun.hopto.org

NGUYỄN-VĂN-Y

Góp từ ngữ cho bộ Từ điển Việt-Nam:

từ ngữ về các loại cây cỏ hoa trái trong bộ đại nam quấc âm tự vị

(tiếp theo VHTS số 2, 1973)

L

Lá làng mang: thứ lá lớn có chia, người ta hay dùng mà gói thuốc ăn.

Cây lành ngạnh : thứ cây tạp có gai nhỏ đâm ra tứ phía/ Thứ cây da trơn mà có gai, cũng là cây tạp.

Lão bạn hoặc lão bạn sinh châu (1) Loại cỏ lá lớn một bề xanh, một bề nâu, xây rễ quạt chung quanh củ nó, đến khi già thì sinh bông như hột châu, ngoài có bao giẹp giẹp như hình con trai, cũng là vị thuốc ho. Nghĩa mượn thì là vợ chồng già còn sinh con ; chính nghĩa là con trai già sinh hột châu.

Cây lảo bạng : Thứ cỏ lớn lá mà dài, dưới tím trên xanh, bông nó ngoài có bao giống hình vỏ trai, ở trong có hột, thiệt gia mới trổ. Vị thuốc ho.

Lau đế : Cây lau cây đế, loại cây cỏ cộng dài hay mọc đất ướt.

Làu táu : Thứ cây nhỏ mà cứng hay chịu mưa nắng, người ta hay dụng mà làm rào. Thứ cây nhỏ, chừng bằng hai tay, hay chịu mưa nắng, Thịt tràỳ tràỳ, rất bền chắc.

Dây lăng : Thứ dây đen có nhiều u nần, mà bền, hay mọc dựa mé sông, người ta hay dụng mà làm dây chạc.

(1) Đáng lẽ chữ *bạng* phải có g, chúng tôi giữ y chính tả của Huỳnh Tịnh Của.

http://tieulun.hopto.org

Cây lẻ bạn : Loại cỏ lớn lá, sắc nâu nâu mà dày, người ta hay trồng trong chậu để mà chơi, cũng là vị thuốc ho.

Trái lòn bon : tên trái cây, cũng kêu là dâu nếp.

Cây lòng mức : thứ cây đất giồng mịn thịt, người ta hay dùng mà cắt con dấu.

Cây lồng mang : thứ cây lá lớn, bên trắng bên xanh, người ta hay dùng mà gói thuốc bánh, cũng là cây tạp.

Trái lốp bốp : (Mã dâu linh) loài dây có trái tròn như lục lạc. Cũng là vị thuốc.

Cây lưỡi đòng : thứ cây nhọn lá giống cái lưỡi đòng, có kẻ nói là cây nha đam, (lư hội).

M

Ma hoàng : thứ cỏ có tài phát tán hay làm cho ra mồ hôi, vị thuốc. Loại cỏ hay làm cho ra mồ hôi, trị chứng nục huyết.

Rau má : thứ rau tròn lá, hay mọc quanh nhà, vị thuốc lá. Người ta hay đâm lá nó vắt lấy nước mà uống.

Rau má chón : cũng về một loại mà nhỏ lá. Tên rau có tài giải nhiệt.

Cây mã đề : loại rau lớn lá giống cái móng ngựa, vị thuốc mát hay trị chứng ho, chứng đau lậu, hột nó gọi là xa tiền tử. Loại rau lớn lá, giống cái móng ngựa, vị thuốc mát.

Mã xỉ hiện : loại cỏ nhỏ lá, giống cái răng con ngựa. Rau sam.

Mã tiền : trái cồ chi, vị thuốc độc.

Rau mác : thứ rau lớn lá mà nhọn, hay mọc dưới đất sình.

Mạch môn đông : thứ cỏ có củ trắng dẻo, vị thuốc ho ; củ tóc tiên.

http://tieulun.hopto.org

Mạch nha : loài cỏ giống lúa mà lớn cây, dài bông dài hột, vị thuốc tiêu bồ.

Mạch môn : loài cỏ, có củ nhỏ nhỏ mà trắng và có nhựa, vị thuốc ho cũng là tóc tiên.

Cây mái giầm : loài cỏ ở nước, lá lớn giống cái mái giầm.

Rau mại : thứ rau nhỏ lá.

Cỏ màn màn : thứ cỏ nhỏ có trái nhỏ mà dài, hay mọc theo bờ ruộng. cũng là vị thuốc xông.

Màn ri : (như trên)

Cây màn ri : loại cỏ, trị chứng nhức.

Cỏ màng chầu : thứ cỏ mọc có vừng lớn cũng gọi là vừng chầu. Thứ cỏ mạnh lắm, có một gộc mà cộng lá tỏa ra tứ phía.

Đậu màng tắc : một loại với đậu xanh, mà hột vàng, trái nó có lông.

Mảng cầu : thứ trái cây có nhiều hột đen, còn ngoài vỏ trái thì răn rịa, giống cái da con tây, cũng gọi là quả na.

Cỏ may : thứ cỏ có bông nhọn hay ghim vào áo quần.

Cây mắm : thứ cây nhỏ lá, người ta hay dùng mà làm trụ rào.

Măng là a : măng le, măng trẻ nhỏ. Thổ sản Bà rịa.

Măng le : thứ măng nhỏ, thổ sản Biên-hòa.

Hoa mắt cỡ : thứ hoa hay xếp kiến, có động tới thì xếp kiến.

Cây mật cật : loại chà là, ưa đất giồng.

Dây mấu : vỏ cây mấu, màu đỏ hoe, người ta hay dùng mà làm võng làm quai chèo, thổ sản Bà-rịa.

Mây : loại giống như chà là, lá có nhiều gai, mà mình dây.

http://tieulun.hopto.org

Mây cát : thứ mây trắng thịt, to sớ.

Mây nước : thứ mây mềm thịt.

Mây rả : thứ mây lớn sợi hay chịu mưa nắng.

Mây rắt : thứ mây xốp mình.

Mây tàu : thứ mây vàng vàng mà nhỏ cát, mây bền hơn hết.

Mây vóc : thứ dây mây, hay mọc hai bên mé sông.

Mía : loài lau sậy, mà có nước ngọt, chính là vật người ta lấy ra mà làm đường mật.

Mía cò ke : thứ mía đỏ cây mà cứng.

Mía gián : thứ mía gián sắc, vỏ nó có đỏ trắng xen lộn.

Mía gò cát : cũng là mía to cây.

Mía lau : Thứ mía nhỏ cây mà cứng, chính là mía làm đường.

Mía lau đỏ : cũng là mía lau mà đỏ cây.

Mía mây : thứ mía trắng mốc cũng nhiều nước, giống cây mây.

Mía mưng : thứ mía lớn cây nhiều nước.

Mía sơn dịu : thứ mía đỏ hồng hồng, mềm và ngọt thanh.

Mía tây . thứ mía đỏ bầm, nhỏ cây.

Mía voi : thứ mía lớn cây mà mềm cùng nhặt mắt.

Mít : thứ cây lớn, trái lớn mà ngoài vỏ có gai, chừng chín múi nó ngọt mà có mùi mật, chính là cây người ta trồng theo vườn tược.

Mít dừa : thứ mít trắng múi

Mít ma vọc : mít trái có nhiều dấu đen đen, ăn không đặng.

Mít nài : thứ mít nhỏ trái, thường dùng sống mà nấu canh.

Mít nghệ : thứ mít lớn trái, vàng múi mà bở.

http://tieulun.hopto.org

Mít quáng nhãn : thứ mít đầy những hột, mà mỏng múi.

Mít ráo : thứ mít chín rồi mà ráo rẽ.

Mít ướt : thứ mít chín rồi mà nhão.

Gai móc ó : thứ cây có gai giống cái móng con ó.

Cây móng tay : có hai thứ, một thứ lớn cây mà cứng có bông vàng, vàng mà thơm, một thứ mình nước nhỏ cây có nhiều sắc bông, mà không thơm.

Cây mộc bút : tên cây có bông giống như ngòi viết.

Mộc hương : rễ cây thơm mà đắng, vị thuốc trị chứng đau bụng cùng giảng khí.

Lá mối : loài dây có nhiều nhớt, có mùi tanh như mùi mối, vò lá ra mà lấy nước thì cũng đặc, như lá nhơn sâm, vị thuốc mát.

Môn nhảy : thứ môn dễ trồng, hay đâm tượt mọc lan nhiều.

Mồng quân : thứ cây có nhiều gai, có trái tròn mà nhỏ, người ta hay ăn; trái nó chín đỏ đen như màu huân, cho nên cũng kêu là *hồng huân* ; rễ nó đờn bà nằm bếp hay dùng.

Rau mốp : thứ đọt cây nhỏ nhỏ xốp mình và có chỉ, hay mọc bên mé sông, người ta ăn như rau.

Mốp : thứ cây xốp, người ta hay dùng mà làm nút ve.

Cỏ mỡm : thứ cỏ dài cộng.

Mù u : thứ cây lớn có nhiều u nhiều mắt, trái tròn, hột có nhiều dầu, đất nầy có nhiều. Chữ gọi là *nam mai*.

Cây mua : thứ cây nhỏ nhỏ có trái chín đỏ bầm hay mọc theo bờ ruộng.

Muồng hoè : thứ muồng nhỏ cây dùng làm thuốc máu.

http://tieulun.hopto.org

Muồng trâu : thứ muồng lá lớn, vị thuốc xức lác, mùi nó hôi, rễ nó làm thuốc hạ.

Cây muồng tru : cây mùa cua, thứ cây lớn, lá nó nhiều chia, vỏ nó người ta dùng làm thuốc sản hậu.

Muồng hoè : thứ muồng nhỏ lá có trái nhỏ, vị thuốc sản hậu.

Cây mụt lẹo : thứ cây có bông giống cái mụt lẹo.

Cỏ mực : thứ cỏ đen lá, vò ra nước đen đen, vị thuốc đẹn.

Cây mười tưới : thứ cây nhỏ, lá nhọn mà thơm, vị thuốc mát kêu là trạch lang.

Mướp hồ : thứ mướp nhiều sọc, giống vằn cọp.

N

Cỏ nàng hai : thứ cỏ lớn lá, giống lá gai mà có lông, động tới thì ngứa,

Nần : loài khoai rừng, lớn củ, phải khử độc, nghĩa là phải xắt nó ra, dầm với nước muối, phơi sương nắng, rồi mới ăn được, ấy là một vật ăn đỡ đói.

Củ nén : Loại rau giống như cây hành mà nhỏ lá, nhỏ củ, chính là thuốc kị rắn.

Cây nổ : Thứ cây nhỏ, lá nhỏ mà suôn hay mọc theo bờ bụi.

Cây nụ áo : loài cỏ có bông giống cái nút áo.

Cỏ nụ áo : cỏ chỉ thiên. Vị thuốc trị chứng nhức đầu.

Nưa : loại giống như môn, tay xanh nhám cùng có nhiều đốm trắng.

Cây ngái : loại cây sung mà lá nó có lông, trái nó nhỏ không ai ăn.

Ngò : loại rau thơm, vị thuốc mát,

http://tieulun.hopto.org

Ngô đồng : cây cao lớn giống cây gòn, đất nầy không có, chính là cây phụng hoàng hay đậu. *Phi ngô đồng bất thê, phi trúc thật bất thực*, nghĩa là chẳng phải cây ngô đồng thì không đậu, không phải trái tre thì không ăn. (Nói về phụng hoàng là linh vật).

Rau ngổ : thứ rau đất bùn.

Ngũ trảo : thứ cây có lá năm chia mà thơm, thuốc trị phong thấp.

Cây ngũ trảu : chính là cây ngũ trảo, kêu theo thổ đàm.

Cây nguyệt bạch : loại cây cỏ, lá trắng xanh, mà có mùi the. Vị thuốc ho. Tên cây nhỏ, lá trắng xanh mà thơm, thuốc ho.

Nguyệt quí : thứ cây nhỏ có bông thơm ngát, mỗi cuối tháng đều có bông ; (ấy là nghĩa chữ nguyệt quí).

Nha đam : loài cỏ dài lá mà lớn, trong ấy có nhiều nhớt, người ta lấy làm lư hội.

Nhãn chày : thứ nhãn rừng dài trái hai đầu lớn giữa co. Trái gì, vật gì giống hình tích ấy, đều gọi là *nhãn chày*. *Cau nhãn chày*. Thứ nhãn dài trái, bằng đầu bằng đất. *Cau nhãn chày* thì là cau dài trái, giữa trái lại eo, cũng gọi là nhẵng chày.

Cây nhàu : thứ cây nhỏ có trái đầy những mắt, ăn được, mà có mùi hăn.

Nhàu rừng : thứ nhàu lớn cây, người ta hay lấy rễ nó mà làm thuốc đau lưng.

Nhục đậu khấu : trái cây vỏ dày, có mùi cay, trị chứng kiết.

Nhum : loài giống cây cau mà lớn cùng có gai nhiều.

http://tieulun.hopto.org

Ô

Ô dước : loài cây thơm, vỏ nó có nhớt nhiều, thợ hồ hay dùng mà làm vôi tam hạp, rễ nó là vị thuốc phong.

Ô môi : thứ trái cây có mùi chua, giống như me, vị thuốc hay làm cho ra nước miếng.

Cỏ ống : thứ cỏ rất mạnh, bỏ đâu mọc đó. rễ nó trắng, mà có dây có ống.

Ớt cứt chuột : ớt nhỏ trái giống hình cứt chuột, thứ ớt rất cay.

P

Trái pha nâu : thứ trái lớn mà thơm, cây nó lớn mà có gai, cũng gọi là bò nâu.

Cây phất dủ : thứ cây nhỏ, lá dài ôm lấy mình mẹ nó. Có đỏ xanh hai thứ, vị thuốc ho.

Cây phù dung : loại giống như cây bông mà lớn cây lớn lá, rễ nó là một vị thuốc trị phong thũng. Tên cây giống như cây bông mà lớn lá, bông nó dùng làm thuốc ho, rễ nó mài với nước cơm để mà thoa chỗ sưng nhức.

Q

Quao : thứ cây lớn, nhẹ mình mà mịn thịt, người ta hay dụng lá nó mà nhuộm màu đen.

Cây quéo : loại xoài xấu trái, ít ngọt.

http://tieulun.hopto.org

R

Chòi rành rành : thứ cây nhỏ, nhánh nhỏ, có mùi thơm tho. (Vị thuốc kêu là địa phu tử).

Cây rau mui : thứ rau hay mọc tùm lum theo đất ướt, cây nhỏ lá lớn, có bông đỏ.

Cây ráy : cây môn lớn mà ngứa hay sinh chỗ đất cao.

Cây răng cưa : vị thuốc nam, lá nó giống răng cưa.

Cây ré : loại giống như cây riềng, trái có gai, đóng cả xâu.

Cây rẽ quạt : loài cây có lá dài đâm lên như rẽ quạt.

Cỏ roi ngựa : thứ cỏ giống cái roi ngựa.

Rởi : thứ cây dẻo dai và chắc.

Róng : cây rừng sát, nhỏ nhỏ mà suôn.

S

Sa kê : thứ cây lớn, có trái giống trái mít nhỏ mà tròn, tính dẻo dai, người hay ăn.

Sa nhơn : thứ trái có gai mà đen, trong ruột có những hột nhỏ mà cay. Vị thuốc tiêu thực, tục danh là trái ré.

Sài hồ : thứ rễ cây, có tài trị bịnh rét, vị thuốc năng dùng, thứ ở bên Bắc mạnh hơn, ông Hải thượng nhận là rễ lứt.

Rau sam : thứ rau lá dài, giống cái răng ngựa, vị thuốc mát, chữ gọi là *mãi xỉ hiện*.

Rau sam lôi : loại rau sam nhỏ lá, vị thuốc kiết.

http://tieulun.hopto.org

Cây sang sông : thứ cây nhỏ, lá lớn đơm từ gốc chí ngọn, người ta hay ăn với thịt vịt, cũng là vị thuốc trị chứng nóng mình sảng sốt ; phải đâm lá nó cùng vắt lấy nước mà uống.

Cây sanh : thứ cây lớn, nhánh có tua, về loại cây da, mà nhỏ lá.

Sâm : thứ cây tạp.

Cây sắn bò hoặc *sừng bò* : Tên mọc là cây có trái giống sừng bò.

Cây săng mã : thứ cây hay mọc hai bên mé sông, xốp mình, cũng là củi thồi, (đồng loại săng máu).

Cây săng tây : thứ cây tạp vỏ nó răn rịa, thường dùng làm củi thồi.

Sông (sưng) : tên cây nhỏ, vàng trắng hai thứ, rễ nó người ta hay dùng mà trị nhiều chứng, chữ gọi là *hình lực, bạch lực*

Cây sắn đâu : thứ cây đất giồng, vỏ rễ đều đắng, người ta dùng mà trị sán lải ; than nó dùng làm thuốc súng. Thứ cây mịn thịt mà mềm, người ta hay dùng mà khắc con dấu ; rễ nó đắng lắm, là một vị thuốc sát trùng ; than nó nhẹ mình, dùng làm thuốc súng.

Cây so đũa : vỏ nó là một vị thuốc thoa cho sạch lưỡi.

Cây sò đo : tên cây hay mọc theo đất rầy.

Cây sọ khỉ : thứ cây có trái tròn giống cái đầu khỉ.

Cây sống ngược : thứ cây người ta hay dùng mà làm vôi đỏ.

Cây sống rắn : thứ cây nhỏ có nhiều tượt, mình uốn khúc, giống cái xương sống con rắn.

Sộp : thứ cây đất giồng, lá nó có mùi chua chát, người ta hay dùng làm rau sống.

Rau sơn : lá non cây sơn, là thứ cây hay mọc hai bên mé sông, lá nó giống lá xoài, cây nó có mủ độc,

http://tieulun.hopto.org

Cây sơn chà : tên cây có trái giống trái xoài mà nhỏ.

Rễ sơn đăng : thứ rễ cây người ta hay ăn với trầu.

Dây sơn đăng : thứ dây lớn người ta hay dùng mà làm nạnh mui ghe tắc.

Sơn tra : tên cây, trái nó là vị thuốc tiêu thực.

Cây sơn tuế : loại dừa núi, tàu nhỏ lá rất nhỏ.

Su : cây rừng sác, giống cây ổi, xuống đất lâu mục, người ta hay dùng mà làm nọc, cừ.

Sung : thứ cây lớn người ta hay trồng theo đình theo chợ, trái nó có chùm ở trong gốc trong nhánh lớn, nứt da mà sinh ra.

Suôi : Loại giống như may, nhiều mắt, lớn cây mà đen, người ta hay dùng mà làm mông mùng, nghĩa là cây giăng mùng.

T

Tạc diệp : lá cây trị thương tích, có tài cầm máu. Tưởng là cây thuốc dấu, lá dày mà xanh đen.

Cây tai mang : thứ cây lá lớn, giống cái tai con mang.

Cây tai nghé : thứ cây lớn, lá nó giống cái tai trâu ; vỏ nó là một vị thuốc xông cho rọt thủng. Thứ cây lớn lá giống cái tai con nghé, (cũng về cây tạp).

Cây tán dù : cây lớn ngọn, nhành lá trên ngọn nó bủa ra, giống cây dù.

Tắt : thứ quít nhỏ trái, chua nhiều.

Rau tần ; rau thơm, lá dày mà lớn, vị thuốc ho, thuốc mát.

http://tieulun.hopto.org

Lá tì bà : lá da lông. Vị thuốc ho, thuốc thũng.

Hoa tí ngọ : loài bông hoa, nở rụng nội trong hai giờ tí ngọ,

Tiền hồ : rễ cây, vị thuốc trị thương hàn ; cỏ chỉ thiên.

Tiểu hồi : loại cây cỏ thơm, nhỏ bông nhỏ trái hơn đại hồi, đồ gia vị cũng là vị thuốc.

Dây tóc tiên : thứ dây nhỏ lá mà dài, bông nhỏ mà đỏ, củ nó thì là mạch môn.

Tỏi lỏi : loại giống như tỏi, lớn lá, lớn củ hơn mà không cay, vị thuốc trị chứng đau mình, phải đâm nó ra mà thang với giấm.

Tốc hương : loại cây thơm, chùa miễu hay dùng mà xông.

Dây tơ hồng : loại dây cỏ, có nhớt nhiều, thợ hồ cũng dùng mà trộn vôi như ô dước.

Cây từ bi : loại cây nhỏ, lá lớn mà thơm, người ta hay dùng làm lá tắm.

Đại bi : cũng về một loại mà lớn cây hơn.

Bông tứ quí : thứ hoa hay trồ đủ bốn mùa.

Tử tô đất : loài rau, nhánh lá, giống cây tử tô mà trắng, vị thuốc trị ung độc.

Thạch xuyên bồ : cũng là một giống mà nhỏ lá cũng thơm hơn. Vị thuốc trị phong đàm.

Thanh yên : loại giống bưởi, nhỏ cây mà trái không có múi.

Rễ thần sạ : thứ rễ cây, vị thuốc sản hậu.

Thiên môn đông : cũng về một loại với mạch môn mà lớn cây, lớn củ hơn, cũng là vị thuốc bổ.

http://tieulun.hopto.org

Thiền liền : loại củ ngải có mùi thơm, chữ gọi là tam nại, vị thuốc mát hay trị chứng nhức đầu.

Cây thốt nốt : loài dừa rừng, có trái nhỏ nhỏ, người Cao-miên hay lấy nước trong bắp nó mới trồ mà làm đường, một cách như đường dừa ta.

Trái thù lù : thứ trái tròn tròn mà múp đầu như đầu nút áo.

Dây thái địt : loài cỏ mình dây, bông thúi, vị thuốc tiêu bồ, đâm lá nó cho ngựa uống, thì ngựa mập, cũng dùng mà bóp sữa. Loài dây dài lá có mùi hôi, bông coi cé nhụy mà vô duyên ; vị thuốc hay làm cho ngựa mập, phải đâm cả dây lá lấy nước mà cho nó uống.

Thuốc ăn : thứ cây nhỏ, lá lớn có mùi cay nồng, người ta hay hút khói nó, ấy là đồ ăn chơi, cho nên gọi là *Thuốc ăn*.

Thuốc cứu : thứ cây nhỏ lá có chia mà thơm, thầy thuốc hay dùng lá nó mà làm phép đốt, cũng là vị thuốc chỉ huyết.

Lá thuốc giòi : loại dây, lá nó có mủ trắng trắng.

Cây thuốc giòi : thứ cây kị giòi, dùng lá nó mà thuốc thì hết giòi.

Cây thuốc nọc : thứ cây nhỏ, lá nó có tài trị nọc độc.

Thủy tiên : loài cây cỏ ở nước, có bông thơm tho.

Cây thường sơn : thứ cây tạp, lá nó tanh, vị thuốc mửa cũng là thuốc rét.

Cây trai : thứ cây gỗ lớn, xẳng thịt, nhỏ sớ, rất bền chắc, người ta thường dùng mà đóng hòm.

Rau trai : thứ rau hay mọc chỗ đất thấp bông lá nó giống cái vỏ con trai.

Tràm : thứ cây có nhiều lớp vỏ mỏng như giấy, lá nó có mùi cay thơm ; thứ dây hay mọc theo mé sông, trái lớn mà dẹp, học trò hay dùng mà nghè giấy cho láng.

http://tieulun.hopto.org

Trang trắng : thứ trang nhỏ búp mà trắng, vị thuốc trị huyết nhiệt, trị phong.

Trạng nguyên hồng : thứ cây kiểng, mùa mưa lá xanh, mùa nắng lá đỏ.

Cây trắc : thứ cây mịn thịt mà đỏ thâm, mắt tiền ; cây cằm lai cũng về một loại mà có vân nhiều.

Trắc bá diệp : thứ cây nhỏ, lá nhỏ, có mùi thơm, vị thuốc trị ho lao.

Trầm hương : loại cây thơm, thường bởi cây gió mà sinh ra.

Trầu bai : thứ trầu ít cay, vàng lá. Thổ sản Tân triều.

Trầu chà lẹc : thứ trầu xanh lá mà cay, dễ trồng hơn trầu bai.

Tre : loại cây trống ruột mà có nhiều mắt nhiều lóng.

Tre bạc mày : thứ tre lớn cây, mỏng cơm, mắt trắng.

Tre bông : thứ tre có nhiều bông như vẽ.

Tre bộp : tre to cây mà xốp thịt, bở thịt.

Tre dây : thứ tre gai, mọc lan như dây, ít có cây đứng, chính là tre rào.

Tre đài : thứ tre lớn cây cũng về hạng tre gai.

Tre đỏ : thứ tre đỏ da, dày cơm mà dẽo dai.

Tre gai : thứ tre nhiều gai, nhiều váng nhện, về hàng bền chắc dẽo dai, chính là tre đương.

Tre giang : thứ tre rất dài lóng, người ta hay làm thong ống điếu.

Tre là ngà : như tre dây.

Tre lồ ô : thứ tre mỏng cơm, giao lóng, lớn lá, tro nó mặn, Mọi không muối lấy nó mà thế./ Thứ tre lớn cây mỏng cơm, bộng ruột cùng giao lóng, Mọi không muối phải lấy tro nó mà ăn.

http://tieulun.hopto.org

Tre lồng : thứ tre lớn hơn hai tay, Mọi hay dùng mà làm ống đựng đầu rai.

Tre mò o : thứ tre lớn cây.

Tre mỡ : thứ tre xanh không có gai, dày cơm mà nhẹ mình.

Tre nứa : thứ tre rất mỏng cơm.

Tre tàu : thứ tre nhỏ cây, giao lóng, mỏng cơm.

Tre tầm vông : thứ tre dày cơm đặc ruột, người ta hay dùng mà làm cán giáo.

Tré : loại cây ré. (*Mè tré*, cũng một nghĩa).

Trái trun : thứ trái nhỏ có bốn năm khía mà cứng, vị thuốc tiêu thực, kêu là sử quân tử.

Trước đào : thứ cây suôn nhỏ, lá giống lá tre, người ta hay trồng kiểng, bông đỏ hồng, có bốn cánh hoặc năm cánh.

Trái trường : trái cây trường, về loại trái vải rừng mà nhỏ.

V

Cây vàng bạc : thứ cây thấp thấp, lá nó xen nửa trắng nửa vàng.

Váy : tên cây nhỏ, lá tròn, vỏ nó có chỉ thứa dẽo dai như bố.

Rễ váy : rễ cây váy, vị thuốc làm cho ráo mồ hôi.

Cây vàng (vừng) : thứ cây tạp, vỏ nó có mủ giống như mủ xoài, lá non nó người ta dùng như rau sống, gọi là rau vừng.

Hoa vậy : Hoa cây vậy, thứ cây nhỏ, lá lớn, hay mọc theo ranh cỏ, có đỏ trắng hai (sắc). Sách thuốc gọi là *xích đồng nam, bạch đồng nữ*, trị chứng *xích bạch đái hạ*.

http://tieulun.hopto.org

Cây vẹt : Cây rừng sác, củi thồi mà hay nổ.

Cây vỏ giẻ : thứ cây tạp, thường dùng làm củi thồi.

Cây vòi voi : thứ cây cỏ nhỏ, có bông dài cùng cuốn lại như cái vòi voi. Vị thuốc phong.

Dây vôi : thứ dây có nhiều phấn trắng, bứt một sợi mà rán thử thì nó kêu rắc rắc, vị thuốc trị chứng đau xương.

Vông : thứ cây lớn, xốp thịt, ngoài da đầy những gai, lá nó bầu bầu người ta hay dùng mà gói nem.

Vông đồng : thứ vông nhiều gai hay mọc ngoài đồng.

Cây vú bò : thứ cây nhỏ có trái giống trái vú bò.

Cây vú sữa : loài cỏ nhỏ, có ngắt cây lá nó thì nó chảy mủ, giống như sữa.

Lá vuội : thứ lá cây người ta hay dùng nấu trà huế.

X

Xa tiền : cây mã đề, lá giống móng ngựa, hột nó kêu là *xa tiền tử*, vị thuốc thông đàng tiểu.

Xạ can : loài cỏ, lá nó giống rẽ quạt mà xanh, củ nó là một vị thuốc trị yết hầu, ung độc.

Dây xanh : thứ dây rất bền có nhiều mắt, người ta hay dùng mà thắt rế.

Cây xay : thứ cây lớn, có trái nhỏ, đến khi chín thì khô vỏ, cơm nó có mùi chua chua ngọt ngọt, trái có lông mà trông gọi là *xay-lông*, không lông gọi *xay-sẻ*.

http://tieulun.hopto.org

Xích đồng nam : cây vậy đỏ, vị thuốc làm cho thông đàng tiểu, đối với *bạch đồng nữ*, là cây vậy trắng, cũng trị một chứng.

Xoài : thứ cây lớn, trái chua, đến khi chín lại ngọt ; đất nầy đâu đâu cũng có.

Xoài cà lăm : thứ xoài nhỏ trái mà có xơ.

Xoài cà lăm, hôi, mút, quéo : các thứ xoài người ta ít dùng,

Xoài thanh ca : thứ xoài lớn trái mà dài.

Xoài voi, tượng, anh ca, móc muồng, lương, cơm, ngựa, xiêm, min, sẻ : các thứ xoài người ta hay ăn ; tùy theo hình tích nó mà đặt tên.

Cỏ xước : thứ cỏ lông dài mà cứng hay xước hay xóc vào áo quần ; rễ nó giống cái đuôi chuột, vị thuốc trị phong thấp, gọi là ngưu tất.

U

Cỏ u du : thứ cỏ lớn cộng, làm lác chiếu được.

http://tieulun.hopto.org

ĐỖ-TRỌ *biên khảo*

những tính chất tiệm tiến và xã hội trong triết thuyết giáo dục của John Dewey

I— DẪN NHẬP

John Dewey (1859 — 1952) là một triết-gia Hoa-Kỳ và còn là một nhà cách mạng giáo-dục. Tin tưởng vào triết-lý thực-dụng của William James Ông muốn dùng những nguyên-tắc của triết-lý nầy để xây-dựng một chủ-thuyết giáo-dục mà người ta thường mệnh-danh là triết-thuyết giáo-dục tiệm-tiến. Ông chủ-trương học bằng cách thực-hành và bác bỏ những phương-pháp cổ-truyền giáo-dục bằng tập-quán.

Dewey muốn thực-hiện ý-niệm con người Đại-Đồng (1), Ông tin rằng ý-niệm nầy có thể thành-tựu được nhờ một nền giáo-dục công-bằng dân-chủ và cao-thượng. Ông cho rằng những hệ-thống giáo-dục cổ-điển Âu-Châu đưa đến những kết-quả tai-hại bởi vì xây-dựng trên những triết-thuyết chỉ phục-vụ cho những giai-cấp thượng-lưu. Ông quan-niệm rằng triết-lý thực-dụng, một triết-lý của thực-nghiệm khoa học và dân-chủ có thể làm nền-tảng cho một nền giáo-dục tân-tiến.

Năm 1894, John Dewey được mời để hướng-dẫn khoa triết-lý và tâm-lý tại Đại-Học-Đường Chicago. Sở dĩ Ông chấp-nhận nhiệm-vụ nầy vì Ông thấy rằng phạm-vi khoa nầy bao gồm cả sư-phạm, triết-lý và tâm-lý. Lúc bấy giờ Ông đã thấy được những phương-pháp giáo-dục tại các trường tiểu-học không phù-hợp với những ý-niệm tâm-lý của thời-đại. Và do đó Ông chờ đợi cơ-hội thuận-tiện để kiến-tạo một trường học thí-nghiệm để có thể

(1) August Kerber and Wilfred A. Smith, *Educational issues in a changing society*, (Detroit : Wayne State University Press, 1968), tr. 79.

http://tieulun.hopto.org

chứng-nghiệm những lý-thuyết tâm-lý tiến-bộ cùng những nguyên-tắc luân-lý làm nền-tảng cho những hoạt-động cộng-đồng tại nhà trường. Sau đó nhờ sự giúp đỡ của phụ-huynh học-sinh và của trường Đại-Học Ông đang dạy, Ông đã có thể lập nên một trường học thí-nghiệm thường gọi là trường Dewey. Mục-đích của Ông không phải là làm một trường kiểu-mẫu mà là để cho thí-nghiệm những lý-thuyết triết-lý và tâm-lý giống như trong những phòng thí-nghiệm vật-lý và hóa-học. (2)

Trên đây là những nét hết-sức sơ-lược về quan-niệm và hoạt-động về giáo-dục của John Dewey.

Trước khi đi sâu vào triết-thuyết giáo-dục của Dewey trong những khía-cạnh chính của nó, chúng ta hãy lần-lượt khảo-sát những vấn-đề đặc-biệt có liên-quan và ảnh-hưởng đến triết-thuyết giáo-dục của Ông.

2.— JOHN DEWEY VỚI QUAN-NIỆM GIÁO-DỤC XƯA.

Theo Dewey, một nền giáo-dục theo truyền-thống xưa có một số lớn những đặc-tính. Những đặc-tính nầy không phải ở trường học nào cũng có. Mục-đích của nền giáo-dục nầy là sửa soạn cho trẻ em thích-nghi với một đời sống người lớn và đời sống của những người lớn nầy lại sửa soạn cho một đời sống của thế-hệ kế tiếp. Trẻ em ở hiện-tại và người trưởng-thành ở ngày mai đều phải chuẩn-bị cho một giai-đoạn sắp tới của đời sống chứ không phải lo lắng cho cuộc sống phong-phú và đầy đủ ngay bây giờ (3).

Theo lý-thuyết của Aristote, giáo-dục là một sự phát-triển và hơn nữa là một sự thúc đẩy những khả-năng tiềm-tàng của đứa trẻ. Giáo dục còn là một sự tiến về một cùng đích, về một trạng-thái nầy nở hoàn toàn những khả-năng riêng biệt của đứa trẻ. Sự phát-triển trên có thể thực-hiện bằng cách luyện-tập những khả-năng như trí nhớ, lý-trí, ý-chí, tưởng-tượng

(2) Irwin Edman-*John Dewey*, (New York : The Bobbs — Merrill Company, Inc. 1955), tr. 27.

(3) John Dewey, *Experience and Education*. (New York : Collier Books, 1963), tr. 18.

http://tieulun.hopto.org

v.v... Nếu chương-trình học càng khó, càng cao thì sự phát-triển trên càng lớn càng mạnh. Muốn phát-triển những khả-năng trên mà không kể gì đến lợi-thú cùng khuynh-hướng tự-nhiên của trẻ thì phải thực-hiện bằng phương-tiện kỷ-luật. Và do đó phương-pháp giáo-dục mang tính-cách độc-tài và sự giáo-dục phải thực-hiện bằng một sự cưỡng-bách bằng cách này hay cách khác (4). Những nhà giáo-dục theo truyền-thống xưa đều chấp-nhận điều này vì họ đều đồng-ý rằng có làm như thế mới có thể phát-triển trẻ em đến một cùng-đích đã định trước.

Tính-chất độc-tài của nền giáo-dục ấy đã được thể-hiện trong lề lối giáo-dục tại các nhà trường. Giáo-sư là ông vua trong lớp học. Người ta bắt học-trò chỉ cần phải vâng lời và chịu khuất-phục dưới mệnh-lệnh của ông thầy mà không cần đếm xỉa gì đến óc sáng-kiến và cá-tính độc-lập của chúng. Tinh-thần giáo-dục trên được thể-hiện không những ở ngay trong nhà trường mà còn ở trong những tổ-chức giáo-dục. Học-trò tuân theo mệnh-lệnh của thầy, thầy tuân theo mệnh-lệnh ông hiệu-trưởng, ông hiệu-trưởng tuân theo mệnh-lệnh của những vị lãnh-đạo giáo-dục và đến lượt những vị này tuân theo những mệnh-lệnh của nhà cầm-quyền (5).

3.— TRƯỜNG HỌC THÍ-NGHIỆM DEWEY.

Vì thấy rõ những khuyết-điểm của nền giáo-dục theo truyền-thống xưa cũng như thấy được những phương-pháp giáo-dục tại các trường tiểu-học lúc bấy giờ không phù-hợp với những ý-niệm tâm-lý tốt đẹp của thời-đại nên John Dewey đã tìm cách kiến-tạo một loại trường học thí-nghiệm mang tên Trường Dewey để có thể thí-nghiệm những lý-thuyết về tâm-lý và đạo-đức theo quan-niệm riêng của mình.

---

(4) *Ibid*, tr. 19

(5) John Dewey. *Democracy and Education*, (New York : The Mac Millan Company, 1916), tr. 127

http://tieulun.hopto.org

Trường Dewey dựa vào khởi-điểm là trường không phải hướng về những hoạt-động tương-lai của đứa trẻ khi thành người lớn mà lại hướng về những hoạt-động chung của môi-trường mà đứa trẻ đang sống (6). Mục-đích của đường lối giáo-dục nầy không phải là phát-triển đứa trẻ theo một kiểu-mẫu ngày mai mà là giúp đứa trẻ giải-quyết những vấn-đề nó đang gặp phải khi tiếp-xúc với môi-trường ở chung quanh nó. Vì những đứa trẻ phần lớn là từ gia-đình hay từ một cộng-đồng đến. Dewey chủ-trương một cách đặc-biệt là nhà trường phải là một sự nối dài có tổ-chức cuộc sống xã-hội của chúng.

Để thực-hiện điều nầy, Trường Dewey chủ-trương bắt đầu từ những khả-năng và khuynh-hướng hiện-tại của đứa trẻ. Chương-trình học là một khí-cụ giúp đứa trẻ thực-hiện tất cả những dự-án mà đứa trẻ có thể đề ra với mục-đích kiểm-chứng kết-quả của những hoạt-động của nó trong hiện-tại. Đó là một đặc-điểm mới đáng chú-ý.

Để có thể dễ dàng thực-hiện sự chuyển-tiếp từ gia-đình đến nhà trường chương-trình học trong những năm đầu gồm có những nhu-cầu của đứa trẻ như thực-phẩm, nhà trú-ẩn, quần áo. Điều nầy không phải là Dewey có ý muốn tập cho đứa trẻ biết may vá nấu nướng ở trường mà lại chỉ lo học đọc và học viết ở nhà. Tất cả đối với Ông chỉ là để phục-vụ cho những hoạt-động của đời sống cũng như sự tích-trữ thực-phẩm, xây-dựng chỗ trú ẩn, và may cắt quần áo. Vậy chương-trình học của Ông là một phương-tiện để thực-hiện những mục-đích của cuộc sống thường ngày.

Trong khoảng thập-niên của thế-kỷ 19, Dewey cho rằng khuyết-điểm của những phương-pháp giáo-dục bấy giờ là sự xa rời giữa lý-thuyết và thực hành. Theo Ông không có một sự học-tập nào có kết-quả khi có sự xa cách đó. Hơn nữa trung-tâm-điểm của sự học-lập là giữ liên-tục mối quan-hệ giữa phương-tiện và cùng-đích; có quan-niệm như thế người học-sinh mới

(6) Maurice Chavardès, *Les grands maîtres de l'Éducation* (Paris: Education du Sud, 1966), tr. 192

http://tieulun.hopto.org

thấy chương-trình là một phương-tiện cần-thiết để đi tới những cùng-đích đã được chấp-nhận. Những hoạt-động về các môn học cần sự khéo léo chân tay như môn mộc, nấu ăn, thêu dệt, may vá... được học-sinh chăm chú vì nó có liên-hệ với mối lo nghĩ tạo ra đồ ăn, nơi trú ẩn và quần áo trong môi-trường hằng ngày ở chung quanh chúng. Nhưng Dewey chủ-trương rằng sự liên-hệ chặt chẽ trên không phải là cái cớ chính để bắt học-sinh học tập tại trường những công việc trong gia-đình mà là để cho học-sinh quan-niệm được những ích-lợi thực-tiễn của những hoạt-động ở học-đường (7).

Tất cả những đặc-điểm trên đã chứng-tỏ rằng không-khí xã-hội của Trường Dewey khác hẳn với không-khí của những nhà trường theo giáo-dục truyền-thống xưa. Trường thí-nghiệm của Dewey đặt nền móng cho một tinh-thần giáo-dục xã-hội mới. Không những chương-trình học có liên-quan đến cộng-đồng mà học-sinh đang sống mà chính trường cũng là một cộng-đồng. Trong cộng-đồng nầy mỗi đứa trẻ có mỗi một phần việc riêng biệt. Lợi-dụng sự phân chia công việc học-tập, người ta làm phát-triển nơi đứa trẻ tinh-thần tương trợ, và tinh-thần làm việc tích-cực cho cộng-đồng. Do đó trật-tự và kỷ-luật không phát-triển từ mệnh-lệnh của ông thầy mà bắt nguồn từ sự kính-trọng của đứa trẻ đối với công việc nó đang làm và từ sự hiểu biết những quyền-lợi của những người bạn của nó đang làm những phần khác nhau của một công việc chung (8). Và tinh-thần nầy rõ ràng là đối-lập hẳn với tính-chất độc-tài của những trường học theo truyền-thống xưa.

4. TRIẾT-THUYẾT GIÁO-DỤC CỦA JOHN DEWEY

Như trên chúng ta đã thấy những nguyên-tắc và những điều thực-hiện của trường Dewey. Trước khi bàn về triết-thuyết giáo-dục của John Dewey, chúng ta cần phải lưu-ý đến những yếu-tố chính làm nguồn-gốc cho triết-thuyết đó, đó là :

---

(7) *Ibid*, tr. 194

(8) Katherine C. MayHew et Anna C. Edwards, *L'école Dewey*, (New York : D. Appleton-Century Company, 1936), tr. 33

http://tieulun.hopto.org

1. Chế-độ dân-chủ

2. Cuộc cách-mạng kỹ-nghệ ở Hoa-Kỳ

3. Nền khoa-học tân-tiến

Những yếu-tố trên đã ảnh-hưởng mạnh mẽ vào tư-tưởng của John Dewey nhất là những tư-tưởng về giáo-dục.

Ngoài ra chúng ta cũng cần phải chú-ý đến lý-thuyết triết-học của Dewey nói chung mà trong lý-thuyết nầy điểm chính-yếu là vấn-đề thực-nghiệm.

Nếu chúng ta biết chú-ý đến những điểm căn-bản ở trên, thì chúng ta mới có thể dễ dàng chứng-minh triết-thuyết giáo-dục của John Dewey.

Người ta đã gán cho triết-thuyết giáo-dục của John Dewey nhiều danh-từ đặc-biệt như giáo-dục tiệm-tiến, phương-pháp dự-án, giáo-dục đứa trẻ toàn-diện v.v... nhưng tựu-trung trong triết-thuyết về giáo-dục của Ông có 2 tính-chất quan trọng nhất là tính-chất tiệm-tiến và tính chất xã-hội.

A. Tính chất tiệm-tiến

John Dewey chủ-trương giáo-dục phải quan-niệm vừa hướng về quá-khứ vừa hướng về tương-lai (9). Ý-niệm nầy mới nghe ra giống như chủ-trương giáo-dục của Đức Khổng-Tử : « Ôn cố nhi tri tân » (Ôn việc cũ để biết việc mới). Nhưng nó dựa trên căn-bản của triết-lý thực-dụng và lấy kinh-nghiệm thực-tế làm nền tảng.

Theo Jonh Dewey giáo-dục là một quá-trình trong đó dùng kinh-nghiệm của quá-khứ để làm nguồn gốc cho sự phát-triển tương-lai. Ông chủ-trương rằng hiện tại nêu ra những vấn-đề hướng-dẫn chúng ta tìm tòi trong quá-khứ để phát-triển và đem lại ý-nghĩa cho những cái gì mà chúng ta đã tìm kiếm. Phải xử-dụng quá-khứ để hướng-dẫn cho sự hoạt-động của

(9) Dewey. *Democracy and Education*, tr. 92

http://tieulun.hopto.org

hiện-tại. Quá-khứ là một nguồn gốc của tưởng-tượng : nó bổ-túc một kích-thước mới cho cuộc sống với điều-kiện nó phải được xem như là cái quá-khứ của thế-giới hiện-tại chứ không phải là cái quá-khứ liên-hệ đến một thế-giới nào khác.

Dùng kinh-nhiệm của quá-khứ để phát-triển hiện-tại chính là một sự tái-tạo không ngừng. Sự tái-tạo này chính là nguồn gốc của sự tiệm-tiến vậy. Nhưng như thế nào mới là tái-tạo ?

Khác hẳn với những ý-niệm xem giáo-dục như là sự khai phá những tiềm-năng của đứa trẻ hay là sự đào-tạo đứa trẻ từ chỗ số không, thì quan-niệm tái-tạo xem giáo-dục như là một sự tái tổ-chức và tái tạo những kinh-nghiệm.

Những gì mà đứa trẻ thực-sự học được trong mỗi trường-hợp kinh-nghiệm mới có thể xem những kinh-nghiệm đó có giá-trị thực sự.

Quan-niệm nầy dẫn đến một định-nghĩa có tính-cách kỹ-thuật của giáo-dục. Đó là một sự tái-tạo hay tái tổ-chức một kinh-nghiệm làm gia-tăng ý-nghĩa kinh-nghiệm đó và gia-tăng khả-năng hướng-dẫn và điều-khiển quá-trình của một kinh-nghiệm sắp tới (10).

Như vậy giáo-sư trong khi hướng-dẫn đứa trẻ không phải chỉ truyền lại quá-khứ một cách cứng nhắc mà phải tìm cách giúp đứa trẻ sử-dụng quá-khứ đó như là một vốn liếng để khám-phá hiện-tại và xây-dựng tương-lai. Chính giáo-dục theo Dewey là một quá-trình liên-tục của những kinh-nghiệm giúp đứa trẻ phát-triển bằng cách tự nó kiểm-chứng những công việc nó đang làm và hơn nữa chỉ-huy được hướng đi của công việc trong tương-lai theo sự dự-liệu và trí thông-minh của nó.

Có như thế kinh-nghiệm mới mang ý-nghĩa giáo-dục được vì kinh-nghiệm đó phải được tái-tạo để luôn luôn thích-nghi với một cộng-đồng xã-

---

Ibid tr. 89-90

http://tieulun.hopto.org

hội đang phát-triển mà cộng-đồng xã-hội theo quan-niệm của Dewey là một thực-thể động và phát-triển theo lối tiệm-tiến.

Việc giáo-dục đứa trẻ đầu tiên phải mang một ý-nghĩa xã-hội nghĩa là gây cho chúng tinh-thần của đoàn thể xã-hội trong đó nó sống, nói một cách khác là truyền-thụ cho chúng những khả-năng cùng bản-chất của những người đàn anh của chúng. Nhưng vì cộng-đồng xã-hội phải quan-niệm là một thực-thể động, tiệm-tiến nên phải làm cách thế nào để cho những kinh-nghiệm của đứa trẻ, đáng lẽ chỉ tạo ra những thói quen thông thường đã có sẵn lại có thể tạo ra những tập-quán tốt hơn và xã-hội của chúng ngày mai phải là một xã-hội tốt đẹp hơn xã-hội của đàn anh chúng trong hiện tại (11).

Vì vậy kinh-nghiệm phải luôn luôn được tái tổ-chức và tái tạo vì có như thế mới mong giúp đứa trẻ phát-triển không phải theo một con đường đã vạch sẵn một cách cứng nhắc, nhưng phát-triển theo một đường lối uyển chuyển phù-hợp với sự phát-triển của cộng-đồng xã-hội mà chúng đang sống.

Tóm lại giáo-dục là một quá-trình những kinh-nghiệm mà kinh-nghiệm theo quan-niệm thực-dụng của Dewey không phải là thực-thể cố-định, nhưng chính là điều mà con người phải cố-gắng luôn tái-tạo nó dưới ánh-sáng của một kinh-nghiệm tương-lai và chính quan-niệm đặc-biệt về kinh-nghiệm giáo-dục này làm cho giáo-dục mang tính-chất tiệm-tiến vậy.

B. Tính-chất xã-hội

Đối với John Dewey giáo-dục là một nhiệm-vụ xã-hội. Nói như thế nghĩa là giáo-dục phải hướng-dẫn và phát-triển đứa trẻ bằng cách cho chúng chia xẻ đời sống thực-tế của đoàn-thể xã-hội mà nó là một phần-tử và hơn nữa giáo-dục phải thay đổi theo lối sống của đoàn-thể ấy. Xã-hội nào đang vươn lên chỗ tốt đẹp phải có một nền giáo-dục khác hẳn với một xã-hội chỉ cốt lưu lại những tập-tục cổ-truyền (12).

---

(11) *Ibid*, tr. 92
(12) *Ibid*, tr. 94

http://tieulun.hopto.org

Ở đây có một điểm đáng lưu-ý là có rất nhiều loại xã-hội cũng như có rất nhiều đoàn-thể lớn nhỏ. Có những đoàn-thể tốt như gia-đình, học-đường và cũng có loại đoàn-thể xấu như đoàn cướp. Đoàn-thể nào cũng muốn xã-hội-hóa đoàn-viên của mình vậy giá-trị của sự xã-hội-hóa nầy tức là sự giáo-dục tùy thuộc vào tập-tục và mục-đích của đoàn-thể ấy. Ở đoàn-thể của kẻ cướp những mối ràng buộc giữa những đoàn-viên rất ít và có thể coi như chỉ có một quyền-lợi chung trong sự cướp bóc và do đó tính-chất của loại đoàn-thể nầy là tự làm cô-lập đối với những đoàn-thể khác mới có thể duy-trì lối sống của nó được. Và như vậy sự giáo-dục trong xã-hội nầy chỉ có tính-cách riêng rẽ và đồi bại. Những kinh-nghiệm có thể gọi là xấu xa của loại đoàn-thể nầy không thể đem chia xẻ cho đại đa số người được. Trái lại trong một gia-đình, chúng ta thấy có những lợi-ích vật-chất, tinh-thần và thẩm-mỹ mà mọi người trong gia-đình đều có thể chia xẻ với nhau, và một sự tiến-bộ đạt được bởi một cá-nhân trong gia-đình có thể có giá-trị kinh-nghiệm cho những người khác và như vậy là có một sự chia xẻ kinh-nghiệm và do đó gia-đình không phải là một đơn-vị cô-lập mà trái lại có một sự liên mật-thiết với những đoàn-thể tương tự khác. Như thế nó dự phần vào sự tổ-chức một đoàn-thể chính trị mà từ đó nó nhận được sự nâng đỡ. Và như vậy ta có thể nói giáo-dục là một quá-trình xã-hội vậy (13).

Vì giáo-dục là một quá-trình xã-hội mà lại có nhiều xã-hội khác nhau nên tiêu-chuẩn để xây-dựng giáo dục phải dựa trên một ý-niệm đặc biệt về xã-hội.

Theo Dewey một xã-hội tốt là một xã-hội trong đó có một số tối đa kinh-nghiệm được chia xẻ không những thành-phần của xã-hội đó mà còn cho những thành-phần của những xã-hội khác. Hình-thức xã-hội chứa đựng đầy đủ nhất những tính-chất trên là một hình-thức xã hội dân-chủ. Vậy dân-chủ theo quan-niệm của Dewey không phải chỉ giản-dị là một hình-thức chế-độ chính-trị mà phải là một đường lối sống tập-thể. Ý-niệm nầy của

(13) *Ibid*, tr. 96-97

http://tieulun.hopto.org

Ông được áp-dụng cho gia-đình, tôn-giáo, hội-đoàn và cho cả chính-trị lẫn giáo-dục.

Những thành-quả giáo-dục của một xã-hội dân-chủ thật rõ ràng. Lý-do thứ nhất là khi dân-chúng điều-khiển quốc-gia, thì một chính-quyền sáng suốt tùy thuộc vào trình-độ giáo-dục của những cử-tri (14). Lý do thứ hai sâu xa hơn là như trên ta đã nói, dân-chủ không phải chỉ đơn giản là một hình-thức chính-trị mà lại là một lối sống tập-thể trong đó người ta chia xẻ kinh-nghiệm cho nhau. Vậy khi có một số lớn nhất kinh-nghiệm được chia xẻ cho một số người đông nhất thì mới có thể gọi là dân-chủ được. Điều nầy có nghĩa là không phải chỉ cần có tự-do để chia xẻ kinh-nghiệm mà thôi mà còn cần đòi hỏi một sự lật đổ những bức tường ngăn cản về màu da, giai-cấp và đảng phái nó làm bế-tắc sự truyền-bá những kinh-nghiệm giữa những cá nhân.

Thực-hiện giáo-dục theo những nguyên-tắc trên, Ông thấy phải từ bỏ mọi ý-niệm cho mình là một kẻ độc-tài. Vì ý-niệm nầy loại trừ mọi sự tự-do của đứa trẻ và vì đứa trẻ đoạt-động không phải do những giáo-điều mà do những kinh-nghiệm nó đã chia xẻ nghĩa là nó đã dùng trí thông-minh và sáng-kiến riêng để xử-dụng những kinh-nghiệm đó vào những hoạt-động của nó.

Một học-đường dân-chủ tập cho đứa trẻ hoạt-động trong những cộng đồng của nó dưới ánh-sáng của những kinh-nghiệm được chia xẻ trong một phạm-vi rộng lớn có thể làm nhiệm-vụ cải-tạo xã-hội.

Theo quan-niệm của Dewey, giáo-dục và chính-trị có thể xem như là một kỳ-vọng khi mỗi bên đều có ý-muốn quản-lý một cách khéo léo những vấn-đề xã-hội. Nhưng dù cho sự thay đổi xã-hội có cấp bách đến đâu — cho đến cả khi những phong-trào cách-mạng đã đi đến chỗ biến đổi một giai-cấp nầy thành một giai-cấp khác — Dewey cũng không bao giờ sẵn sàng từ bỏ những cố-gắng giáo-dục để làm cách-mạng xã-hội theo đường lối bạo-động.

(14) *Ibid.* tr. 101

http://tieulun.hopto.org

Theo Ông, một cuộc cách-mạng đưa đến kết-quả duy-nhất là sự thay đổi hình-thức quyền-hành bên ngoài, thì cuộc cách-mạng đó chỉ có thể đưa đến một cuộc phản cách-mạng mà thôi. Muốn có kết-quả, cuộc cách-mạng phải thực-hiện được một sự thay đổi bên trong những giá-trị tinh-thần và đạo-đức. Và theo Dewey thì chỉ có giáo-dục là có thể thực-hiện được điều này thôi. Mà muốn thế thì giáo-dục phải đòi hỏi thời-gian. Một ông thầy hướng về những kết-quả nhanh chóng của một cuộc cách-mạng hơn là một sự tuần tự tiến-bộ của giáo-dục, ông thầy đó đã mất tin-tưởng ở nhiệm-vụ cao-quý của giáo-dục mà ông đã tự-nguyện đảm-nhiệm lấy.

Ở đây ta có thể nói ý-nghĩa dân-chủ của giáo-dục là ý-nghĩa đạo-đức và theo Dewey thì xã-hội và đạo-đức cũng chỉ là một mà thôi (15).

5. KẾT LUẬN

Triết-thuyết giáo dục của John Dewey với hai tính-chất đã trình bày ở trên là một triết-thuyết đã gây sôi nổi rất nhiều ở Hoa-Kỳ. Nhưng cái giá-trị của triết-thuyết này đến nay nhiều nhà giáo-dục mới nhận chân được trong số đó ta có thể kể John S. Brubacher, (16) Wilfred Smith (17), John Vaizey (18)...

John Dewey hơn ai hết đã uốn nén những ý-tưởng chính của nền triết-lý giáo-dục Hoa-Kỳ. Sở dĩ trong thời ông người ta chưa nhận chân được giá-trị triết-thuyết giáo-dục của ông vì đã hiểu nó một cách nông cạn và áp-dụng nó không được đúng đắn.

---

(15) John Dewey, *Moral principles in Education*, (New York : [illegible] 1959), tr. 7.

(16) John S. Brubacher, *Modern philosophies of Education*, (New York : McGraw-Hill Book Company, Inc, 1962) tr. 9

(17) Kerber and Smith, *op. cit*, tr. 86

(18) John Vaizey, *L'Education dans le monde moderne*, (Paris : Hachette 1967), tr. 127

http://tieulun.hopto.org

Ngày nay đã có nhiều nhà giáo-dục cho rằng triết-thuyết ấy hợp thời hơn bao giờ hết và những lợi-ích của nó vô cùng to tát khi biết cách áp-dụng.

Trong lúc mà đang có một cuộc tranh-luận lớn lao tại Hoa-Kỳ về mục-đích và phương-pháp của giáo-dục, và sự tranh-luận ấy lại có vẻ cấp-bách và lan rộng, các nhà giáo-dục Hoa-Kỳ đều thấy cần phải quay về triết-thuyết giáo-dục của John Dewey, trong đó có một sự phân-tích hết sức rõ ràng và mạnh dạn về nhiệm-vụ chính của giáo-dục trong một xã-hội dân-chủ.

Đối với chúng ta, thì những ai muốn nghiên-cứu về giáo-dục không thể nào bỏ qua được triết-thuyết hết sức quan-trọng của nhà giáo-dục John Dewey để có thể nhờ đó rút được những kinh-nghiệm quý báu làm kim chỉ nam cho đường lối giáo-dục nước nhà.

*

THƯ-TỊCH

Brauner and Burns. *Problems in Education and philosophy*. London : Prentice-Hall, Inc., 1965

Brubacher, John S. Modern philosophies of Education. New-York : McGraw-Hill Book Company, Inc., 1962

Chavardès, Maurice. *Les grands maitres de l'Education*. Paris : Education du Sud, 1966

Dewey, John. Democracy and Education. New-York : The Mac Millan Company, 1916

— .*Experience and Education*. New-York : Collier-Books. 1963

— .*Moral principles in Education*. New-Yotk : Philosophical library, 1959

Edman, Irwin. *John Dewey*. New-York : The Bobbs-Merrill Company, Inc, 1955

http://tieulun.hopto.org

Henry, Nelson B. *Modern philosophies and Education.* Chicago : National Society for the study of Education, 1955

Kerber, August and Smith, Wilfred R. *Educational issues in a changing society.* Detroit : Wayne State University Press, 1968

Mayhew Katherine C. et Edwards Anna C. *L'Ecole Dewey.* New-York : D-Appleton-Century Company, 1936

Mayer, Frederick. *Introductory readings in Education.* California : Dickenson Publishing Company, Inc., 1966

Vaizey, John. *L'Education dans le monde moderne.* Paris : Hachette 1967

http://tieulun.hopto.org

TIN TỨC
văn hóa, giáo dục và thanh niên

LỄ THÁNH ĐẢN ĐỨC KHỔNG TỬ

Lễ Thánh Đản Đức Khổng Phu Tử năm nay do Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục và Thanh Niên tổ chức tại Đền kỷ niệm (Thảo Cầm Viên Saigon) vào hồi 9 giờ 30 ngày thứ sáu 28-9-73.

Buổi lễ được tổ chức theo nghi thức cổ truyền để tưởng nhớ công ơn của Đức Vạn Thế Sư Biểu. Phần tế lễ do Tổng Hội Khổng Học Việt-Nam phụ trách.

Chiều ngày 27-9-1973 Ông Ngô Khắc Tỉnh, Tổng Trưởng VHGDTN đã đến Trụ Sở Tổng Hội Khổng Học Việt-Nam chủ tọa buổi lễ Tiên thường nhân dịp Thánh Đản Đức Khổng Phu Tử.

Ông Tổng Trưởng đã trao gắn 8 văn hóa bội tinh đệ nhị hạng cho các viên chức hữu công trong việc phát huy và truyền bá giáo lý Khổng Mạnh.

Trong dịp này Ông Nguyễn Thành, Tổng Hội Trưởng Tổng Hội Khổng Học Việt-Nam đã trình bày về mục tiêu, đường hướng và các thành quả của Tổng Hội trong thời gian qua. Ông Thành cũng đã khẳng định vai trò chống cộng của Tổng Hội Khổng Học vì lý thuyết phi nhân của Cộng sản không thể phù hợp với tôn chỉ của nho học.

http://tieulun.hopto.org

GIẢI THƯỞNG DỊCH THUẬT 1972 — 73

Bộ VHGDTN quyết định tổ chức « Giải Thưởng Dịch Thuật 1972 — 1973 » dành cho các dịch phẩm nguyên tác Hán Văn, Pháp Văn và Anh Văn thuộc loại văn chương (tiểu thuyết, truyện ký, kịch, thơ).

Lễ trao tặng giải thưởng sẽ được tổ chức sau Tết Giáp Dần. Thời hạn chót nhận hồ sơ tham dự là 18 giờ ngày 15-11-73 và kết quả giải thưởng sẽ chính thức công bố vào ngày 31-12-1973.

GIẢI « TÁC PHẨM XUẤT SẮC 1972 — 73 »

Trong khuôn khổ giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc do Tổng Thống Việt-Nam Cộng-Hòa sáng lập, Bộ VHGDTN quyết định tổ chức giải « tác phẩm xuất sắc 1972 — 1973 » dành cho tất cả văn nghệ sĩ, học giả, khảo cứu gia toàn quốc.

Giải này sẽ được trao tặng cho các tác phẩm dự giải trúng cách thuộc 25 thể loại, 10 bộ môn Văn nghệ : Biên khảo, Văn, Thơ, Kịch nói, Ca kịch, Hội họa, Điêu khắc, Âm nhạc, Nhiếp ảnh và Điện ảnh.

Kết quả giải thưởng sẽ chính thức công bố ngày 31-12-1973 và lễ trao tặng giải thưởng sẽ tổ chức theo thông lệ trước Tết Giáp Dần dưới sự chủ tọa của Tổng Thống Việt-Nam Cộng-Hòa.

TRIỂN LÃM ẢNH NGHỆ THUẬT TẠI HỘI VIỆT-MỸ

Cuộc triển lãm nhiếp ảnh do Chi Hội Ảnh Nghệ Thuật Bình Thuận tổ chức đã khai mạc tối 20-7 tại Hội Việt-Mỹ Saigon.

Gần 80 tác phẩm đen trắng do 17 nhiếp ảnh gia thực hiện với những đề tài về thiên nhiên và con người đã được trưng bày trong cuộc triển lãm.

http://tieulun.hopto.org

Trong số có nhiều bức gây được sự chú ý của người thưởng ngoạn như « Tình Người ». « Hoa bâng khuâng », « Chiều về », « Bà cháu », « Giọt nước mắt khô »...

Chi Hội Ảnh Nghệ Thuật Bình Thuận từ nhiều năm nay đã tham dự những cuộc thi và triển lãm nhiếp ảnh toàn quốc và đã đoạt bốn giải thưởng, bốn huy chương vàng. ba huy chương bạc, hai huy chương đồng và 20 bằng tưởng lệ qua các cuộc thi và triển lãm trên.

Cuộc triển lãm ảnh nghệ thuật do Chi Hội Ảnh Nghệ-Thuật Bình Thuận tổ chức kéo dài đến hết ngày 26-7, mỗi ngày mở cửa từ 15 đến 21 giờ.

TANG LỄ NGHỆ SĨ BẢY XÊ TẠI ĐỊNH TƯỜNG

Tang lễ nghệ sĩ lão thành Bảy Xê đã cử hành sáng 17-7 tại Định-Tường.

Nghệ sĩ Bảy Xê đã từ trần hồi 13 giờ trưa ngày 16-7 tại nhà riêng thuộc chợ Ông Văn, Định Tường, hưởng thọ 57 tuổi, sau một năm bị bán thân bất toại.

Cố nghệ sĩ Bảy Xê đã góp mặt với các sinh hoạt nghệ thuật từ trên 20 năm qua các bộ môn sân khấu, tân nhạc, và điện ảnh, ông đã được tặng biệt danh là « quái kiệt ».

Sân khấu cuối cùng mà nghệ sĩ Bảy Xê cộng tác là đoàn Hương Mùa Thu nhưng ông đã từ giã đoàn này cách đây một năm để chữa bệnh.

Cuốn phim cuối cùng của nghệ sĩ Bảy Xê là « Hè 72 » do hãng Bốn Phương Phim thực hiện.

http://tieulun.hopto.org

BUỔI NÓI CHUYỆN CỦA HOA SĨ NGUYỄN QUỲNH VỀ PICASSO

Họa Sĩ Nguyễn Quỳnh tối 25-7 đã nói chuyện về đề tài « Picasso và vấn đề phi tưởng » tại thính đường Hội Việt - Mỹ Saigon.

Trong buổi nói chuyện diễn giả đã đề cập đến sự nghiệp hoa sĩ Picasso, khởi đầu từ năm 1895 khi mới 14 tuổi của các khuynh hướng cổ điển, biểu tượng và lập thể.

Theo diễn giả, Picasso chính là một họa sĩ của bản năng. Ông có một bản năng nghệ thuật dồi dào cũng như bản năng sống thật mãnh liệt. Diễn giả đã kể lại vài mối tình của nhà họa sĩ lừng danh này và nhấn mạnh Picasso thường đưa chân dung người tình vào tác phẩm.

Xen lẫn trong phần nói chuyện, diễn giả đã chiếu một số hình màu họa phẩm của họa sĩ Picasso. Ngoài ra, họa sĩ Nguyễn Quỳnh cũng trả lời những thắc mắc do các tham dự viên nêu ra.

Trước khi kết thúc buổi nói chuyện, hoa sĩ Nguyễn-Quỳnh đã chiếu hình màu một số họa phẩm của ông vừa triển lãm nội trung tuần tháng 7 tại Hội Việt-Mỹ.

Họa sĩ Nguyễn Quỳnh sinh năm 1941 tại Hải Dương (Bắc Việt), còn là tác giả và dịch giả của nhiều tác phẩm triết học.

NHẠC VIỆT-NAM TRÊN MÀN ẢNH TRUYỀN HÌNH PHÁP

Tối thứ Năm 16-8-73 kiều bào Việt-Nam tại Pháp được thưởng thức một chương trình hòa tấu nhạc cổ truyền miền Nam và Trung Việt Nam trên màn ảnh truyền hình ORTF Pháp (Office de la Radio et de la Télévision Françaises). Với những lời giới thiệu bằng Pháp ngữ, trong thời gian 55 phút

http://tieulun.hopto.org

chương trình hòa tấu này miêu tả xã hội Việt-Nam thấm nhuần âm nhạc trên mọi địa hạt.

Xen vào chương trình này là một màn hát bội Qui-nhơn một màn múa bông trước chùa Thiên-Mụ (Huế) và vài cảnh thao diễn của các khoa sinh trường bộ binh Thủ Đức.

Toàn bộ chương trình truyền hình màu này do Genevieve Chauvel và Raymond Adam thực hiện tại Việt-Nam vào cuối tháng 4-1973, dưới sự hướng dẫn của Jean François Chauvel.

HUẤN LUYỆN VỀ NGHỆ THUẬT SÁNG TÁC CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH GIÁO DỤC

Trung Tâm Truyền Hình Giáo Dục Đắc Lộ hôm 2-7-1073 đã mở khóa huấn luyện về nghệ-thuật sáng tác chương trình giáo dục quần chúng tại số 175 D Yên Đỗ Saigon.

Đây là một lớp đặc biệt dành cho sinh viên đại học và cao đẳng. Điều kiện nhập học là đã ghi tên học Đại học Văn khoa, Luật khoa hay trường Cao đẳng Nông Lâm Súc, Âm Nhạc và Kịch nghệ.

Các sinh viên phải đi học chuyên cần 60 giờ trong hai tuần lễ, để được hướng dẫn về nội dung các chương trình và cách thức trình bày vấn đề bằng hình ảnh, hầu truyền thông được tư tưởng đến khán giả qua màn ảnh truyền hình.

NGHIỆP ĐOÀN KÝ GIẢ VN TỔ CHỨC LỄ TƯỞNG NIỆM CỐ KÝ GIẢ VĂN HÀO VŨ TRỌNG PHỤNG.

Nghiệp Đoàn Ký Giả VN tổ chức vào sáng Chủ nhật 12-8-1973 lễ Tưởng niệm cố ký giả văn hào Vũ trọng Phụng tại rạp Thống Nhất Saigon.

http://tieulun.hopto.org

Buổi lễ được đặt dưới quyền chủ tọa của Ông Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên.

Nhân dịp này, Ban Kịch thuộc Nghiệp đoàn ra mắt với vở trường kịch « Bão Tố », do Ngọc Ngân kịch hóa danh tác « Giông Tố » của Vũ Trọng Phụng.

NÓI CHUYỆN VỀ « THÓI HƯ TẬT XẤU » CỦA ĐÀN ÔNG TẠI TRUNG TÂM VĂN BÚT.

« Những thói hư tật xấu » từ vật chất đến tinh thần của các ông chồng đã được nhà văn Toan Ánh trình bày trong buổi nói chuyện tổ chức sáng 30/9 tại Trung Tâm Văn Bút Saigon.

Diễn giả đã nhấn mạnh ngay phần đầu buổi nói chuyện rằng những thói hư tật xấu của phái khoẻ được đưa ra không phải nhận xét riêng của người nào mà là những điều đã được văn chương ghi chép, nhất là văn chương bình dân với những câu ca dao tục ngữ. Những câu ca dao tục ngữ kể tội các ông do diễn giả đưa ra đã được các nghệ sĩ Hồ Điệp và Thái Ván diễn ngâm.

KỶ NIỆM THỨ 75 NHÀ BÁC HỌC PÉTRUS TRƯƠNG VĨNH KÝ

Chiều ngày 8-9-1973 lễ kỷ niệm thứ 75 nhà Bác học Pétrus Trương vĩnh Ký do Tinh việt văn Đoàn tổ chức đã cử hành tại thính đường Trường Sư Phạm Saigon dưới quyền chủ tọa của ông Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên.

Trong dịp này, theo ông Tổng Trưởng, Trương tiên sinh đã làm cho thế giới khâm phục và xếp ông vào hàng thứ 17 trong « thế giới thập bát văn hào ». Chủ tâm của tiên sinh là muốn phổ biến chữ quốc ngữ, dùng mẫu tự La-Tinh là một thứ chữ dễ học dễ viết dễ đọc để nhờ đó dân chúng Việt

http://tieulun.hopto.org

Nam sẽ thâu thập mau chóng những kiến thức mới, tư tưởng mới cùng những tiến bộ khoa học và những nền văn hóa khác.

Buổi lễ chấm dứt bằng các bài nói chuyện của các nhà văn, giáo sư về Trương Vĩnh Ký trên bình diện một nhà ái quốc, một nhà giáo dục và một nhà đạo lý Việt-Nam.

LỄ PHÁT BẰNG CHO SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ

Lễ cấp phát văn bằng tốt nghiệp cho 275 sinh viên Viện Đại học Huế được tổ chức tại Tòa Viện Trưởng Viện Đại học này vào ngày 25-7-1973.

Sau khi các Khoa trưởng tuyên đọc danh sách sinh viên tốt nghiệp, các tân khoa Cử nhân gồm 49 Khoa học, 36 Luật khoa, 110 Sư phạm, 63 Văn khoa và 17 Tiến Sĩ Y Khoa hạng tối danh dự và danh dự đã lần lượt lên nhận lãnh văn bằng trước sự hiện diện của 60 sinh viên du học vừa về thăm Việt-Nam nhân dịp nghỉ hè.

Kỹ sư Âu-Ngọc-Hồ, Chủ tịch Ủy-ban Bảo-trợ Viện Đại học Huế, nhân dịp này đã tuyên bố tặng quỹ Đại học Huế năm nay nửa triệu đồng ngoài số tiền 100.000$ ông đã tặng Viện hàng năm. Số trợ cấp này, theo lời Kỹ sư Hồ, là để khuyến khích và duy trì Đại học Huế. Ông kêu gọi mọi giới hỗ trợ cho Đại học Huế đang tiến trên con đường đào tạo những con người có giá trị thực tế và có khả năng phục vụ nền kinh tế địa phương.

Sau khi nhận lãnh văn bằng, một sinh viên đại diện các tân khoa, đã ngỏ lời cảm ơn các ân nhân, các cơ quan trong và ngoài nước đã hỗ trợ để đó có đủ phương tiện học hỏi trong các năm qua. Sinh viên Đại học Huế đã bày tỏ lòng tri ân các chính phủ Hoa Kỳ, Đức, Anh, Pháp, Australia, New Zealand, các cơ quan y tế quốc tế, Usaid, Ama, Asia Foundation, Đại học Reading ở Anh quốc, các cơ quan chính phủ, các xí-nhhiệp trong nước và các nhà mạnh thường quân.

http://tieulun.hopto.org

Trước đó, trong bài diễn văn khai mạc dài 11 trang Giáo sư Lê Thanh Minh Châu, Viện trưởng Đại học Huế, đã nhắc lại 16 năm đầy thử thách của Viện Đại học này và nhấn mạnh đến lòng biết ơn sâu đậm của Viện đối với các vị ân nhân.

Giáo sư Lê thanh Minh Châu, nhân dịp này đã giới thiệu với quan khách năm nay là năm tốt nghiệp đầu tiên của các sinh viên Khoa học ưng dụng và Cao học Thống kê và Nhân khẩu học, hai chương trình đầu tiên của VN lần lượt từ năm 1969 và 1971, được thực hiện tại Viện Đại học Huế.

VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ ĐƯỢC ANH QUỐC TRỢ GIÚP PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC ỨNG DỤNG

Viện Đại Học Huế đã được Bộ văn Hóa Giáo Dục và Thanh niên thỏa thuận cho nhận viện trợ của Viện Đại Học Reading ở Anh quốc để phát triển chương trình khoa học ứng dụng, đặc biệt trong hai ngành tạo tác và thủy lợi.

Công cuộc viện trợ này gồm có việc cử giáo chức và chuyên viên của Viện Đại học Huế sang tu nghiệp tại Anh quốc mặt khác Viện Đại học gởi Giáo sư và chuyên viên Anh quốc sang Việt Nam giảng dạy, yểm trợ sách vở, trang bị v.v...

Cuộc viện trợ trên đạt được do kết quả sau chuyến viếng thăm Viện Đại học Huế của phái đoàn Đại Học Reading hồi tháng Ba vừa qua.

Trong công cuộc viện trợ cho VNCH chính Phủ Anh quốc thỏa thuận để cho trường Đại học Reading làm trung gian viện trợ cho Viện Đại Học Huế.

Chương trình khoa học ứng dụng được Khoa học Đại học Huế cho áp dụng cách đây 4 năm và năm nay sinh viên lớp đầu tiên bắt đầu tốt nghiệp.

http://tieulun.hopto.org

ÔNG TỔNG TRƯỞNG VĂN HÓA GIÁO DỤC VÀ THANH NIÊN TIẾP KIẾN PHÁI ĐOÀN ĐẠI HỌC SOPHIA NHẬT BẢN

Ông Ngô Khắc Tỉnh, Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục Thanh niên, sáng 2-8-73 đã tiếp kiến phái đoàn Đại học Sophia Nhật Bản.

Cuộc tiếp kiến đã diễn ra trong vòng 1 tiếng đồng hồ tại phòng khánh tiết Bộ VHGD-TN đường Lê Thánh Tôn, Saigon.

Phái đoàn Đại học Sophia, do Giáo sư Takanosyke Morimoto và Sư huynh Trần Văn Nghiêm hướng dẫn, gồm 16 người trong đó có 8 giáo sư Nhật, một giáo sư Hoa Kỳ, một giáo sư Bỉ, một giáo sư Tây Ban Nha và 5 sinh viên Nhật vừa tốt nghiệp tại Đại học này.

Dịp này, Ông Tổng Trưởng đã trình bày trước các Giáo sư và sinh viên đại học Sophia về những nét chính yếu thuộc các lãnh vực giáo dục, văn hóa và thanh niên. Ông Tổng Trưởng đã lần lượt phân tích cơ cấu tổ chức và điều hành các cơ sở giáo dục VN, vấn đề đào tạo chuyên viên đặc biệt là các chuyên viên kỹ thuật chuyên nghiệp, vấn đề chương trình học, chế độ thi cử, việc xử dụng nhân sự v.v...

Về phương diện văn hóa, Ông Tổng Trưởng cũng nêu lên sự quan trọng của việc phục hồi và phát huy nền văn hóa cổ truyền đồng thời du nhập các tinh hoa văn-hóa ngoại quốc.

Sau cùng, Ông Tổng Trưởng nhận định về đường hướng và kế hoạch sinh hoạt hướng dẫn thanh niên trong đó có vấn đề du nhập phương thức hướng đạo vào học đường.

Tiếp đó, Ông Tổng Trưởng đã giải đáp những thắc mắc do phái đoàn đại học Sophia [illegible] quan đến các lãnh vực kế hoạch đầu tư nhân sự, cơ sở và phương tiện.

Phái đoàn Đại học Sophia đã tới Saigon hôm 30/7 và sẽ lưu lại 10 ngày để thăm viếng và tìm hiểu VN nhất là về các sinh hoạt giáo dục đại học.

http://tieulun.hopto.org

Đại học Sophia là một đại học tư lập tại Nhật Bản, tiếp nhận 8000 sinh viên trong số này có khoảng 20 sinh viên Việt Nam đang theo học.

TỔNG TRƯỞNG VHGDTN TIẾP KIỀN ĐẠI SỨ PHÁP VÀ HỘI ĐỒNG VIỆN TRƯỞNG CÁC ĐẠI HỌC TƯ

Ông Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên sáng 1-8-1973 đã tiếp kiến ông Jean Marie Merillon, Đại sứ Pháp tại VNCH đến viếng xã giao.

Cuộc tiếp kiến đã diễn ra trong 45 phút tại Văn phòng Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên đường Lê Thánh Tôn Saigon.

Ông Jean Marie Merillon, 47 tuổi, cử nhân văn chương, tốt nghiệp trường chính trị học, cựu học viên trường Quốc gia Hành Chánh Pháp Quốc đã phục vụ trong ngành ngoại giao Pháp từ năm 1952 đến nay. Ông đã chính thức được bổ nhiệm Đại sứ Pháp tại VNCH kể từ 3/7/1973.

Cũng trong ngày này, ông Tổng Trưởng cũng đã tiếp kiến phái đoàn Hội đồng Viện Trưởng Các Viện Đại Học tư lập.

Phái đoàn này gồm Thượng Tọa Thích Minh Châu, Viện Trưởng Đại học Vạn Hạnh, Linh Mục Lê Văn Lý, Viện Trưởng Đại học Đà Lạt, khai đạo Phạm Tấn Đại, Viện Trưởng Đại học Cao Đài, Ông Lê Phước Sang, Viện Trưởng Đại học Hòa Hảo và Linh Mục Bạch Văn Lộc Viện Trưởng Đại học Minh Đức.

Dịp này ông Tổng Trưởng Ngô Khắc Tỉnh cũng ngỏ ý mời Hội Đồng làm cố vấn Bộ VHGDTN về những vấn đề liên quan đến các Đại học tư lập.

Hội Đồng Viện trưởng các Viện Đại học Tư lập vừa được thành lập gồm các Viện Đại học Đà Lạt, Vạn Hạnh, Minh Đức, Hòa Hảo và Cao Đài nhằm phát triển các Đại học Tư lập tại Việt Nam.

http://tieulun.hopto.org

HỘI NGHỊ QUỐC TẾ GIÁO DỤC KỲ 34 TẠI GENÈVE.

Ông Ngô Khắc Tỉnh, Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên đã trở về Saigon chiều ngày 29-9-73 sau khi hướng dẫn phái đoàn V.N.C.H tham dự Hội nghị Quốc Tế giáo dục kỳ thứ 34 tổ chức tại Genève.

Tại diễn đàn hội nghị này, trước 500 dân biểu các quốc gia hội viên UNESCO và hàng trăm quan sát viên của các tổ chức quốc tế, Ông Tổng Trưởng đã trình bày về thành quả và cải tổ quan trọng trong lãnh vực giáo dục tại V.N.C.H. Mặc dầu trong những điều kiện khó khăn, V.N.C.H đã phát động được những cải tổ giáo dục thật căn bản và quan trọng và đã đạt được nhiều thành quả tốt đẹp.

Hội nghị đã đặc biệt chú ý và theo dõi bài thuyết trình của Ông Tổng Trưởng nhất là vấn đề VNCH đã đi tiên phong trong việc cải tổ bậc trung học và cải tiến toàn diện ngành học kỹ thuật và chuyên nghiệp. Cũng trong dịp này, Ông Tổng Trưởng đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng đặc biệt của chương trình hợp tác quốc tế và Ô. Tổng Trưởng cũng đã tiếp xúc với Ông René Maheu, Tổng Giám Đốc UNESCO để thảo luận về việc thực hiện các chương trình văn hóa và giáo dục mà UNESCO đã chấp thuận yểm trợ cho V.N.C.H. Ông Tổng Giám Đốc UNESCO hứa sẽ sang thăm V.N. vào năm 1974.

ÔNG TỔNG TRƯỞNG NGÔ KHẮC TỈNH THAM DỰ HỘI NGHỊ UNESCO MIỀN ĐÔNG NAM Á TẠI SINGAPORE

Ông Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên chiều 17-7-1973 đã hướng dẫn phái đoàn VNCH lên đường tham dự Hội nghị Ủy Hội Quốc Gia Unesco miền Đông Nam Á và khóa họp đặc biệt của Hội Đồng Seamec tổ chức tại Singapore và Bangkok.

Thành phần phái đoàn VN, ngoài Ông Tổng Trưởng, Trưởng Phái đoàn còn có ông Phạm Văn Cung, Chánh văn phòng kiêm Giám Đốc Nha Kế

http://tieulun.hopto.org

Hoạch và Pháp Chế Học Vụ, Bà Bùi Thị Lắm, Giám Đốc Nha Công Tác Quốc Tế kiêm Tổng Thư Ký Ủy Hội Quốc Gia Unesco Việt-Nam.

Hội nghị Ủy Hội Quốc Gia Unesco miền Đông Nam Á khai mạc vào ngày 18-7-1973 tại Singapore và kéo dài sáu ngày. Mục Tiêu của Hội nghị là thẩm định sự tham gia của các Ủy Hội Quốc Gia Unesco miền trong việc thực thi chương trình của Unesco niên khóa 1973-1974 và thảo luận về vai trò chủ động của các Ủy Hội Quốc Gia đối với việc thiết lập và thi hành kế hoạch ngũ niên 1975-1980 của Unesco.

Đây là một trong những khóa họp không định kỳ của Unesco miền Đông Nam Á quy tụ 9 quốc gia tham dự gồm Lào, Thailand, Indonésia, Malaysia, Cộng Hòa Khmer, Philippines, Singapore, Burma và VNCH. Trong năm qua, Ủy Hội Quốc Gia Unesco miền Đông Nam Á đã nhóm họp 4 lần và lần họp mới đây được tổ chức tại Tokyo Nhật Bản.

Sau khi tham dự khóa họp trên, Ông Tổng Trưởng và phái đoàn sẽ lên đường qua Thailand dự khóa họp đặc biệt của Hội đồng Tổng Trưởng Giáo Dục Đông Nam Á (Seamec) tổ chức tại Bangkok từ 25 đến 27-7-73.

Khóa họp này được triệu tập bất thường xen giữa 2 khóa họp thường niên nhằm thảo luận vấn đề phát hành « Trái phiếu phát triển Giáo Dục Seamec » đồng thời tiếp nhận sự gia nhập chính thức của Pháp vào tổ chức với tư cách hội viên liên kết.

Tham dự khóa họp có đại diện 8 Quốc gia hội viên là Lào, Indonésia, Cộng Hòa Khmer, Malaysia, Philippines, Singapore, Thailand và VNCH. Trong năm 1972, Hội đồng đã nhóm họp kỳ thứ 8 tại Phnom Penh và khóa họp chính thức kỳ 9 năm 1973 sẽ được tổ chức tại Bangkok, Thailand.

Trong phái đoàn VNCH tại khóa họp bất thường này còn có sự hiện diện của Giáo sư Tiến sĩ Phạm văn Thuyết thuộc đại học Luật Khoa Saigon với tư cách cố vấn chuyên môn.

http://tieulun.hopto.org

MỘT TRUNG-TÂM Y HỌC NHIỆT ĐỚI ĐANG ĐƯỢC XÂY CẤT TẠI VIỆT NAM VỚI KINH PHÍ 175 TRIỆU ĐỒNG

Trong phiên họp thứ 12 của Hội đồng Quản trị văn phòng trung ương phối hợp điều hành dự án y học nhiệt đới và y tế công cộng thuộc Hội Đồng Tổng Trưởng Giáo Dục Đông Nam Á (CCB/Trop Med Seameo) khai diễn tại đại giảng đường y khoa đại học Sàigòn, ông Ngô Khắc Tỉnh cho biết, một trung tâm y học nhiệt đới đang được xây cất tại Việt-Nam với kinh phí 175 Triệu đồng.

Khóa họp thứ 12 của CCB/Trop Med Seameo diễn ra trang 4 ngày Kể từ 14-8-1973 với sự tham dự của đại biểu 8 quốc gia hội viên Seameo là Cộng hòa Khmer, Laos, ThaiLand, Malaysia, Singapore, Indonesia, Philippines và Việt Nam Cộng hòa.

KHÁNH THÀNH TRUNG TÂM CANH TÂN KỸ THUẬT GIÁO DỤC ĐÔNG Á (INNOTECH). —

Ông Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên sáng ngày 21-8-1973 đã đại diện Thủ Tướng Chánh Phủ khánh thành Trung tâm canh tân Kỹ thuật Giáo dục Đông Nam Á (INNOTECH) đồng thời khai mạc khóa 8 của Hội đồng Quản Trị INNOTECH tại trụ sở mới của Trung tâm số 35 và đường Lê Thánh Tôn, Saigon.

Theo ông Tổng Trưởng, mặc dù chỉ hoạt động trong ba năm ngắn ngủi, Trung tâm INNOTECH đã được nhiều quốc gia trên thế giới biết tới, như là 1 tổ chức mang lại nhiều hứa hẹn thực tế cho nền giáo dục trong tương lai.

Ông Tổng Trưởng nói, INNOTECH không chỉ sửa đổi hệ thống giáo dục lỗi thời hiện nay mà nhằm lập một đường lối giáo dục mới với phương pháp điều hành hữu hiệu và ít tốn kém.

http://tieulun.hopto.org

Ông cho biết, đây là một nỗ lực quan trọng của chính phủ VNCH đang trên đường thực hiện một nền hòa bình thật sự và lâu dài với nhiều chương trình tái thiết sau nhiều năm bị chiến tranh tàn phá.

Hiện diện trong buổi lễ còn có một số đại diện ngoại giao đoàn, các ông Thứ trưởng phụ tá đặc biệt và các viên chức cao cấp bộ cùng một số quan khách Việt Nam và ngoại quốc.

KHÁNH THÀNH TRUNG TÂM GIÁO DỤC MẠC-TIN

Ngày 21-8-1973 Ông Tổng Trưởng Ngô Khắc Tỉnh đã cắt băng khánh thành Trung tâm Giáo dục Mạc-tin. Trung tâm này là cơ sở giáo dục đầu tiên do tư nhân thực hiện với một chương trình giáo dục mới mẻ như thu nhận các trẻ em bụi đời ghiền ma túy để chữa trị và giáo dục dựa trên tình thương chứ không đặt nặng việc trừng trị.

Theo linh mục Đinh xuân Hải, Hiệu Trưởng, đặc điểm của trung tâm là ngoài việc dạy học với chế độ nội và ngoại trú theo chương trình giáo dục phổ thông còn có chế độ nội trú đặc biệt dành cho các học sinh khó dạy chậm hiểu.

Theo Ông Tổng Trưởng, Trung tâm đã đi đúng đường lối của bộ VHGDTN dùng tình thương hướng dẫn các thanh thiếu niên lầm lạc.

Ông Tổng Trưởng cho biết hiện có sự phối hợp của các Bộ VHGDTN, Bộ Y Tế và Bộ Xã Hội nhằm tìm biện pháp hữu hiệu đặt trên căn bản tình thương để giáo dục các thanh niên mắc bịnh ghiền.

Ông Tổng Trưởng khen ngợi Trung tâm đã thực hiện được tinh thần cộng đồng hợp tác giữa chính quyền và tư nhân trong công việc xã hội và hứa giúp đỡ Trung tâm thực hiện mục tiêu đã đề ra.

http://tieulun.hopto.org

VIỆT NAM CỘNG HÒA THAM DỰ HỘI NGHỊ QUỐC TẾ KỲ 6 VỀ GIÁO DỤC TẠI PARIS

Chiều ngày 1-9-1973 Ông Phạm Hữu Hiệp, Phụ Tá Đặc-Biệt Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên đặc trách nghiên cứu và phát triển giáo dục đã lên đường tham dự Hội nghị Quốc Tế kỳ 6 về giáo dục tổ chức tại Paris.

Hội nghị do chính phủ Pháp tổ chức hàng năm sẽ khai diễn từ 3 đến 7-9-73 tại Đại Học Paris IX Dauphine. Chương trình nghị sự nhằm duyệt xét các vấn đề giáo dục trong năm đồng thời nghiên cứu những triết lý giáo dục mới, các phương pháp và kỹ thuật tân tiến để áp dụng vào chương trình giáo dục trong chiều hướng canh tân và phát triển giáo dục thế giới ngày nay.

VNCH THAM DỰ HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ GIÁO DỤC Y TẾ TẠI PHÁP

Phái đoàn VNCH tham dự Hội-nghị quốc tế về giáo-dục y tế tại Pháp đã lên đường chiều 5-7-73.

Phái đoàn gồm ông Nguyễn Xuân Huệ, Đổng Lý Văn Phòng Bộ VHGDTN Trưởng khối Sinh hoạt Thanh niên, Sinh viên Học sinh và Xã-hội Học đường, Trưởng phái đoàn, và Bác sĩ Nguyễn Minh Tân, Giám đốc Nha Y tế và Xã-hội Học đường, đoàn viên.

Đây là hội nghị Quốc tế kỳ thứ 8 về giáo dục y tế do Liên hiệp Quốc tế Giáo dục về Y tế tổ chức tại Paris từ 8 đến 14-7-1973.

HỌP BÀN VỀ VẤN ĐỀ CẢI TỔ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Chiều ngày 30-8-73 một phiên họp nhằm mục đích thảo luận dự án cải tổ toàn diện cơ cấu và chương trình giáo dục y khoa đã được triệu tập dưới sự chủ tọa của ông Ngô Khắc Tỉnh Tổng Trưởng VHGDTN.

http://tieulun.hopto.org

Ngoài ra Hội nghị cũng đã thảo luận về quyết nghị mới đây của Hội đồng xét Giá trị Văn bằng liên quan đến sự tương đương giữa văn bằng Master và Tiến sĩ Đệ III cấp. Dịp này Ông Tổng Trưởng đã trình bày rằng công trình học tập để lấy văn bằng Master tuy rằng theo hệ thống tín chỉ nhưng trung bình cũng phải mất 6 năm như thời gian học để lấy Tiến sĩ Đệ III cấp và ông cũng nhấn mạnh đến việc tuyển dụng và xét định giá trị của mỗi văn bằng hoàn toàn thuộc thẩm quyền Đại học và các cơ quan xử dụng khác.

Sau đó hội nghị đồng ý thiết lập một ủy ban để nghiên cứu sâu rộng hệ thống giáo dục đại học của các quốc gia trên thế giới nhằm xét định giá trị thực sự của các văn bằng, và lưu ý đến việc sắp xếp lại cơ cấu và chương trình giáo dục đại học ở Việt-Nam để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế hiện nay, hầu giúp đỡ sinh viên VN du học về ngành Cao học và giải quyết trong tương lai vấn đề tương đương bằng cấp giữa Việt-Nam và các quốc gia khác.

KHÓA HỘI THẢO VỀ SINH VIÊN VỤ

Sáng 30-8-1973, Ông Ngô Khắc Tỉnh Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên đã khai mạc khóa hội thảo về sinh viên vụ được tổ chức tại tòa Viện Trưởng Viện Đại Học Sàigòn. Thành phần tham dự gồm các vị Viện Trưởng và đại diện các viện đại học công tư trên toàn quốc.

Thể thức của khóa hội thảo là hội nghị bàn tròn, các đại diện sẽ thay phiên nhau chủ tọa. Các vấn đề được các đại diện đề cập là :

- Cách tổ chức sinh viên vụ và hiện trạng về tổ chức sinh viên vụ của các viện đại học công tư V.N.
- Những ý niệm và tổ chức mẫu về sinh viên vụ.
- Giải pháp khả thi trong việc tổ chức sinh viên vụ tại các viện đại học V.N.

http://tieulun.hopto.org

Trong phần huấn thị, ông Tổng Trưởng đã nhấn mạnh đến vai trò của sinh viên trong cộng đồng đại học và yêu cầu các hội thảo viên cố gắng thế nào để nâng cao đời sống sinh viên để khỏi quá sai biệt với các sinh viên ở ngoại quốc.

Cũng trong dịp này, ông Tổng Trưởng nhắc lại là Hội Đồng Liên Bộ quyết định cho bằng Master của hệ thống Anglo-Saxon tương đương với văn bằng Tiến sĩ Đệ III cấp, và việc tuyển dụng giảng sư còn tùy thuộc Hội Đồng Viện và Hội Đồng Khoa của mỗi viện Đại Học.

Khóa hội thảo trên đã kéo dài trong 3 ngày, từ 30/8 đến 1/9/73.

BỘ VĂN HÓA GIÁO DỤC VÀ THANH NIÊN PHỔ BIẾN CẨM NANG TRẮC NGHIỆM TÚ TÀI

Bộ VHGDTN vừa phổ biến một « cẩm nang trắc nghiệm Tú Tài » giải thích lề lối thi cử mới sẽ được áp dụng vào kỳ thi Tú Tài phổ thông vào cuối niên học 73-74 này.

Cẩm nang do Hội đồng Nghiên cứu Cải tổ Thi cử biên soạn đặc biệt dành cho các giáo sư học sinh và phụ huynh, trình bày những nguyên nhân chính đưa đến việc cải tổ thi cử. Việc chấm bài sẽ hoàn toàn bằng máy điện tử, trắc nghiệm gồm 300 câu cho 9 bài học và giáo sư dạy lớp không cần thay đổi phương pháp giảng dạy.

THÀNH LẬP ỦY BAN NÂNG ĐỠ SINH VIÊN HỌC SINH GỐC MIÊN VÀ SẮC TỘC

Bộ VHGDTN vừa quyết định nâng đỡ các thí sinh vốn là quả phụ tử sĩ, quả phụ công chức và cán bộ tử nạn bằng cách cho hưởng điểm đặc biệt trong các kỳ thi lấy văn bằng văn hóa phổ thông cho đến hết bậc trung học.

http://tieulun.hopto.org

Mặt khác Ông Tổng Trưởng VHGDTN vừa ký ban hành hai quyết định quan trọng đặc biệt liên quan đến quyền lợi của sinh viên và học sinh thuộc đồng bào Việt gốc Miên và Sắc tộc.

● Quyết định I : cho thành lập « Ủy Ban gồm Bộ VHGDTN và Tổng Nha Đặc Trách Phát Triển đồng bào Việt gốc Miên.

Chủ tịch Ủy ban là ông Phụ Tá Đặc Biệt Tổng Trưởng Bộ VHGDTN, đặc trách Nghiên cứu và Phát Triển Giáo Dục.

● Quyết định II : thành lập « Ủy ban Liên bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên Phát Triển Sắc Tộc » nhằm nghiên cứu vấn đề giáo dục của học sinh và sinh viên Sắc Tộc.

Ô. Phụ Tá Đặc Biệt Tổng Trưởng VHGDTN giữ chức Chủ-tịch Ủy ban này.

KHAI MẠC KHÓA HỘI THẢO THANH TRA GIÁO DỤC TOÀN QUỐC

Ông Tổng Trưởng Ngô khắc-Tỉnh đã chủ tọa khóa hội thảo Thanh Tra Giáo Dục toàn quốc khai mạc ngày 14-8-1973 tại giảng đường trường Sư-phạm Saigon.

Theo ông Tổng Trưởng, khối nhân sự đông đảo của Bộ VHGDTN từ thôn ấp đến đô thị, luôn luôn cần được kiểm soát hướng dẫn để theo kịp trào lưu giáo dục quốc tế.

Ông nói theo nguyên tắc tản quyền, Bộ VHGDTN sẽ ủy nhiệm cho các Sở Học Chánh và Khu Học Chánh giải quyết một số lớn công vụ mà trước đây do Trung ương giải quyết để đáp ứng nguyên tắc « đem công vụ đến gần dân » mà Tổng Thống đã đề ra.

Hiện diện trong lễ khai mạc còn có các ông Đỗ Bá Khê, Nguyễn Thanh Liêm, Phạm Hữu Hiệp, Đỗ Văn Rỡ và đầy đủ viên chức cao cấp bộ VHGDTN.

http://tieulun.hopto.org

TRIỂN-LÃM SÁCH ĐẠI HỌC VIẾT BẰNG VIỆT NGỮ

Cuộc triển lãm sách đại-học viết bằng Việt-ngữ đã khai mạc sáng ngày 15-9-1973 tại Thư Viện Quốc Gia Sàigòn dưới sự chủ tọa của ông Đỗ Bá Khê, Thứ Trưởng Giáo Dục.

Cuộc triển lãm nói trên do Khối Văn Hóa Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên tổ chức với mục đích kiểm điểm sổ sách đại học viết bằng Việt ngữ hầu tìm phương cách đẩy mạnh thêm sự phát triển công cuộc sáng tác và dịch thuật sách bậc đại học giúp cho sinh viên cũng như học giả các nơi có đầy đủ tài liệu học hỏi và khảo cứu. Cuộc triển lãm mở cửa đến cuối ngày 22-9-1973.

THẦN ĐỒNG TOÁN HỌC VIỆT-NAM

Thần Đồng Toán Học Nguyễn Thanh Hùng 4 tuổi, vừa được phát hiện tại quận Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Em có thể trả lời ngay đáp số của một bài toán đố và phân biệt các loại hình học dù chưa biết đọc và biết viết.

Ô. Tổng Trưởng Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên đã chấp thuận dành cho em Hùng một sự giáo huấn đặc biệt. Ô. Tổng Trưởng đã quyết định cử một giáo viên có khả năng dạy riêng cho em Hùng tại văn phòng Trường Tiểu Học Cộng Đồng Ninh-Hòa. Khả năng của em Hùng đến đâu dạy đến đó, không theo chương trình một niên khóa cho một lớp.

Ô. Tổng Trưởng cũng đã chấp thuận trên nguyên tắc các đề nghị của Ông Chánh Sự-Vụ Sở Học Chánh Khánh Hòa về việc theo dõi và cung cấp một chương trình hướng dẫn đặc biệt để phát biểu khả năng vượt bực của thiên tài toán học này.

http://tieulun.hopto.org

MỘT SINH-VIÊN VIỆT-NAM THI ĐỖ VÀO CHÍN TRƯỜNG LỚN TẠI PHÁP

Một sinh viên VN vừa thi đỗ ba kỳ thi tuyển vào chín trường lớn của Pháp, kể cả những trường nổi tiếng nhứt.

Sinh viên này tên là Lê Văn Khiêm, 20 tuổi, sanh tại Saigon, từ khi niên học 1972-73 chấm dứt đến hôm nay đã lần lượt thi đỗ ba kỳ thi tuyển vào các trường lớn của Pháp.

Kỳ thứ nhứt, Sinh viên Khiêm đã thi đỗ vào Ecole Centrale Des Arts Et Manufactures. Kỳ thứ hai Sinh viên này đã trúng tuyển một kỳ thi chung cho bảy trường : Ecole Nationale des Ponts et Chaussées, Ecoles Nationales Supérieures de l'Aéronautique et de Techniques avancées, des Télécommunications, des Mines de Paris, des Mines de Saint - Etienne, de la Métallurgie et de l'Industrie, và des Mines de Nancy.

Kỳ thứ ba anh lại thi đỗ vào Ecole Polytechnique, trường rất nổi tiếng được thành lập năm 1794 tại Paris.

Sang Pháp hồi 14 tuổi, sinh viên Khiêm đã đỗ Tú Tài toán với hạng ưu hồi 15 tuổi và đã theo hai năm dự bị tối thiểu tại Lycée Louis Le Grand (Paris). Anh đã quyết định theo học Ecole Polytechnique.

TỔNG TRƯỞNG VHGDTN VIẾNG CÁC TRẠI HÈ TẠI VŨNG TÀU

Ông Ngô Khắc Tỉnh, Tổng Trưởng VHGDTN đã đến Vũng Tàu viếng các trại hè dành cho học sinh chiến nạn Bình Long và trại Đoàn kết dành cho sinh viên các đại học công tư toàn quốc cùng các du học sinh hồi hương.

Trại Bình Long qui tụ 218 trại sinh gồm 120 nam, 73 nữ sinh trung học và 26 học sinh tiểu học, kéo dài 5 ngày.

Trại Đoàn kết tổ chức tại trường thiếu sinh quân Vũng Tàu, kéo dài 5 ngày.

http://tieulun.hopto.org

Nhân dịp này Ô. Tổng Trưởng nói rằng mục đích của trại nhằm giúp sinh viên có dịp hiểu biết nhau trong tình đoàn kết qua các công tác xã hội. Cùng đi với ông Tổng Trưởng còn có nghị sĩ Phạm đình Ái, chủ tịch Ủy ban Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên Thượng viện và một số viên chức cao cấp Bộ VHGDTN.

VIỆT NAM CỘNG HÒA SẼ DỰ KHÓA HỘI THẢO VỀ PHÁT TRIỂN THANH NIÊN Á CHÂU TẠI KUALA-LUMPUR

Khoảng 60 đại diện của 18 quốc gia sẽ tới dự một khóa hội thảo 10 ngày về phát triển thanh niên Á Châu khai mạc tại Kuala Lumpur ngày 10-9-1973 Cuộc hội thảo này do Hội đồng Thanh niên Tây Đức bảo trợ với sự hợp tác của Hội đồng Thanh niên Á Châu.

Các quốc gia tham dự khóa hội thảo trên gồm: Nepal, Bangladesh, Pakistan, India, Thailand, Việt Nam Cộng Hòa, Cộng Hòa Khmer, Nhật, Philippines, Australia, Indonesia, Brunei, Đại hàn, Singapore, Srinagar Fifi, Tây Đức và Malaysia.

http://tieulun.hopto.org

phụ trương

http://tieulun.hopto.org

NGUYỄN-TIẾN-HỮU

Le «đình» et le génie tutélaire

I. LE ĐÌNH : POINT NÉVRALGIQUE DE LA VIE VILLAGEOISE ET CENTRE RELIGIEUX DE LA COMMUNAUTÉ

Tous les explorateurs qui ont étudié la culture vietnamienne ont mentionné le Đình et le rôle important qu'il joue dans la vie du village. Ce grand et somptueux édifice est tout à la fois maison communale, local de réunions et temple du génie tutélaire. Il est à la fois « Symbole du village » et « Vie du village ». Bonheur ou malheur, bonne récolte, inondation, sécheresse, peste et autres catastrophes naturelles sont liés au Đình et au culte qu'on y célèbre.

Rien que l'orientation de l'édifice, si elle n'a pas été convenablement choisie, peut porter le malheur à tous les habitants, à titre de châtiment, comme le dit ce chant populaire :

« A cause de la fausse orientation de notre Đình
j'ai maintenant un orgelet.
Et je ne suis pas seul à être touché,
tous dans la commune ont un orgelet.

Le destin du village dépend du Đình où sont débattues toutes les affaires publiques et privées.

Le Đình est en ordre principal, le lieu du culte du génie tutélaire ; il est mairie et lieu où les notables réunis peuvent discuter de toutes les choses d'intérêt public. Mais il exerce en outre les fonctions suivantes :

Salle de banquet : toutes les cérémonies civiles et religieuses ainsi que les réunions de notables s'y déroulent. Les commémorations annuelles du génie tutélaire s'y terminent toujours par un banquet auquel sont admis seulement les habitants mâles.

http://tieulun.hopto.org

Forum culturel : Des manifestations artistiques, des compétitions et des divertissements y ont lieu à l'occasion des festivités. La présence de marchands ambulants fait souvent de ces réunions une sorte de kermesse.

Lieu de marché : Les deux dépendances latérales (hành-lang) deviennent alors un lieu de marché pour les commerçants ambulants.

Lieu de juridiction : Pour des délits graves à l'endroit desquels le tribunal civil est incompétent. De pareils délits sont traités devant l'autel du génie tutélaire qui veille sur les serments des plaideurs en tant qu'arbitre et président du tribunal.

Cette même coutume se retrouve chez les *Thổ* du territoire de Cao-bằng (Nord Việt-Nam). Selon Abadie, ceux-ci prêtent le serment judiciaire devant le « pi-tho-cong », gardien de la terre et protecteur des villages. Les Thổ pratiquent une sorte de serment judiciaire ; ceux qui sont accusés d'un crime ou d'un délit jurent solennellement leur innocence devant le « pi-tho-cong » et appellent la mort sur leur tête au cas où ils feraient un faux serment.

Lieu d'exécution des peines : Il n'est pas rare qu'un malfaiteur ou un paysan incapable de payer ses dettes soit lié et battu dans la cour du Đình.

Lieu de réception des hôtes de marque : Dans le Việt-Nam ancien, le mandarin faisait halte au Đình lors de ses déplacements officiels. Il en allait de même pour l' Empereur durant ses voyages. Souvent, des palais de séjour (hành-cung), construits pour l'Empereur ont été transformés en Đình. Sur la facade de certains Đình du Nord Việt-Nam, on peut voir un panneau de bois laqué rouge et or portant les quatre mots sino-vietnamiens « Vạn tuế Hoàng-đế » (Puisse l'Empereur vivre dix-mille années).

Lieu de mariage : Célébré également au Đình, devant l'autel du génie tutélaire (Lễ cưới xin). A cette occasion, le couple doit verser une certaine

http://tieulun.hopto.org

somme au village (tiền cheo). De cette façon, la famille nouvellement fondée est reconnue par le génie tutélaire comme par le Conseil des Anciens.

Lieu de présentation de l'enfant nouveau-né : Les parents le présentent au génie tutélaire et font de riches offrandes. Par cette cérémonie (lễ trình thành-hoàng), l'enfant est reconnu comme habitant du village par sa plus haute autorité. A l'âge de sept ans, le garçonnet est à nouveau présenté au génie tutélaire et aux Anciens, il est alors inscrit sur la liste des « Fils du village » (Dự ngôi hương-âm). A partir de ce moment, il a tous les droits et tous les devoirs d'un habitant.

Lieu de cérémonie des hommes âgés : Ceux qui atteignent 50, 60, 70, 90 ans... sont tenus de célébrer une fête de reconnaissance en l'honneur du génie tutélaire. Au terme de cette cérémonie appelée « d'un homme devenu vieux » (Lễ lên lão), on accède au rang de notable.

Lieu de consécration des titres académiques : Le mandarin nouvellement désigné et le titre qu'il a reçu doivent aussi faire l'objet d'une cérémonie au Đình. Cette fête (lễ mừng) a pour but de présenter (trình) la nouvelle personnalité au génie tutélaire ainsi qu'aux habitants : son rang n'est socialement reconnu qu'à partir de ce moment. Dans le cas contraire, il ne pourrait exercer ses fonctions ; ainsi l'affirme un proverbe :

« *Vô vọng bất thành quan* »
(Sans cérémonie au village, nul ne sera mandarin)

Le fête en question introduit officiellement la personnalité académique dans la classe des mandarins (hàng ngũ quan viên).

Lieu de déclaration des décès : Le départ définitif du trépassé de son village natal doit être « annoncé » par ses proches au génie tutélaire et aux habitants du village. Cela se passe conformément au rite « lễ chia buồn » (Cérémonie de la communication de l'avis désolant).

http://tieulun.hopto.org

Au Đình, le génie tutélaire joue vis à vis de la communauté le rôle des ancêtres par rapport à la famille. Devant l'autel du génie sont traitées toutes les affaires du village comme celles de la famille le sont devant l'autel des ancêtres. Les multiples fonctions du Đình en font le point névralgique de la vie villageoise. P. Giran dit avec raison : « Le Đình où demeure le génie protecteur de chaque village est le foyer de la vie collective de la communauté ; c'est là que se font les réunions des notables, que se traitent les questions d'administration et de justice intérieure ; c'est là que se font les cérémonies religieuses, que s'accomplissent en un mot tous les actes qui font la vie de la commune ».

A. LE ĐÌNH : CENTRE RELIGIEUX DU VILLAGE

Au Viet-Nam, chaque village a son Đình mais tous les villages n'ont pas un *temple bouddhiste* (Chùa). Il est souvent impossible de distinguer entre Đình et Chùa, tant est grande leur ressemblance.

Comme le Đình est plus étroitement lié à l'histoire et à la vie villageoise, il y en a un dans chaque village. Il n'en va pas de même pour la pagode (Chùa) du fait que, comme le dit Đào-duy-Anh, le Bouddhisme n'est pas propre au village. Les habitants construisent souvent le Chùa dans un endroit éloigné du village, de préférence beau et paisible. Ils le confient à un bonze qui le garde et l'entretient. Le Chùa est fréquemment érigé par un riche dévôt, un mandarin ou un bonze, pour un motif purement privé ; il est alors habité par les bonzes et les bonzesses.

Les Bouddhistes ne vivent ainsi « qu'en marge de la vie religieuse du village ». Le Bouddhisme populaire y joue un rôle secondaire et le Chùa ne représente qu'un lieu de pèlerinage pour le petit nombre des bouddhistes qui visitent le Đình de surcroît. « Les Vietnamiens pratiquent le culte bouddhique d'une manière tout à fait accessoire et presque comme ils feraient

http://tieulun.hopto.org

d'une branche secondaire de leur grand culte principal, le culte des esprits, auquel ils restent toujours fidèles ».

Tous les habitants — bien entendu les Bouddhistes (c'est à dire les non chrétiens) y compris — prennent part au culte dans le Đình, exactement comme chaque Vietnamien s'incline devant l'autel des ancêtres de sa famille. Le culte des ancêtres lie tous les membres apparentés, de la même manière que le culte des génies tutélaires dans le Đình unifie le sentiment religieux communautaire de tous les habitants.

Si l' on veut étudier la vie religieuse du village, il faut considérer le Đình comme étant sa source indispensable, ainsi que l' écrit J.Y Claeys : « C'est certainement par le Đình que l'on peut étudier avec le plus de sûreté les pratiques parfois si diverses, touchantes souvent, toujours curieuses qui caractérisent la vie spirituelle de la commune ».

B. ASPECT HISTORIQUE DU CULTE DES GÉNIES TUTÉLAIRES

Lorsque nous considérons les génies tutélaires et leur culte sur le plan historique, les questions suivantes surgissent : quelles propriétés, quelles missions caractérisent les génies tutélaires par rapport aux autres esprits ? Que savons-nous de leur origine, de la mythologie tissée autour d'eux, d'une éventuelle évolution du culte dans la vie vietnamienne ? Jusqu'à présent, nous ne disposons que de quelques rares enquêtes pour répondre à ces questions, et elles sont très insuffisantes. Une entreprise de ce genre a été réalisée en 1938 au Nord Việt-Nam par l'Ecole Française d'Extrême-Orient. Malgré les nombreuses difficultés rencontrées par les enquêtes, ces premières recherches encore fragmentaires ont rapporté d'importants documents. Les faits observés à propos des génies tutélaires peuvent servir à éclairer l'histoire du culte et à élaborer un calendrier du culte villageois. Les résultats de ces recherches ont permis de situer sur la carte les génies tutélaires des différentes provinces du Nord Việt-Nam.

http://tieulun.hopto.org

Il s'ensuit que :

1) Il y a des villages qui ne possèdent aucun génie tutélaire mais qui sont associés à celui du village voisin... ou bien adorent provisoirement *le génie local du sol*. Dans ce cas, le génie du sol est appelé « thần thổ-địa » (esprit du lieu), alors que le génie du sol dans le culte familial est vénéré en tant que « thổ-công » (le « Duc du sol ») ou « thổ chủ » (le « Maitre du sol »).

Chez les Viêtnamiens comme dans les diverses tribus montagnardes du Việt-Nam, le génie du sol jouit d'un culte d'adoration à la fois dans les familles et dans les communes, comme par exemple au village de Xuân-tảo (district de Hoài-đức, province de Hà-đông, Nord VN).

Parmi les tribus montagnardes, semblables moeurs se retrouvent en maintes régions. Nous n'en citerons que les plus importantes.

Les *Mường* vénèrent le génie du sol comme génie tutélaire dans différentes régions : au village de Dien-lu (Province de Thanh-Hoa, Nord V-N.) et dans le district de Mỹ-đức (Prov. de Hà-đông, Nord V-N.) A Ban-ken, il est désigné comme « sanki » et à Nguon comme « thổ-công ».

Les *Thổ* du territoire de Cao-bằng (Nord V-N). connaissent un nommé « Pi-tho-cong, gardien de la terre et protecteur des villages ». Sa fête a lieu les 1er et 15 de chaque mois. Au demeurant, des offrandes sont également consacrées aux génies tutélaires en dehors des commémorations annuelles, les 1er (ngày sóc) et 15 (ngày vọng) du mois. Le génie du sol jouit lui aussi d'un culte communal en tant que génie tutélaire chez les *Thái Blancs* du territoire de Phong-thổ (région montagneuse du Fleuve Noir au Nord V-N). Il s'appelle « Tou-ti ». Sa fête principale se situe au 1er jour du premier mois du calendrier lunaire.

Les *Lu* (à Binh-lu et le long de la frontière Sino-Vietnamienne tracée par le Fleuve Noir au Nord V-N) adorent eux aussi le génie du sol comme génie tutélaire. On le nomme « Phi-mương ».

http://tieulun.hopto.org

2) Il y a des génies tutélaires qui n'ont été introduits dans le village que bien après la fondation de ce dernier et dont le culte se trouve lié à des évènements historiques. Citons comme exemple le cas d'un soldat ayant fait halte dans un village et nommé génie tutélaire après sa mort.

3) En général pourtant les génies tutélaires sont choisis et vénérés dès le moment de la fondation du village. Il s'agit là d'une coutume très ancienne et profondément ancrée dans les usages. Quant aux éclaircissements historiques concernant le village en question, de précieuses indications pourraient être fournies par des mises en correspondance appropriées.

Cela veut dire que lorsqu'on porterait sur la carte la répartition géographique des différents génies qui furent autrefois des hommes et ce en rapport chronologique avec leur appartenance à la préhistoire ou à des époques historiques, on pourrait déterminer l'ancienneté du culte rendu à ces génies et, par voie de conséquence, l'âge du village correspondant.

Le recensement cartographique des génies tutélaires pourraient aussi représenter dans les différentes provinces une contribution importante à l'histoire des religions en même temps qu'à l'histoire du peuple vietnamien.

Sur ce terrain, nous sommes redevables au Professeur Nguyên-văn-Huyên de quelques recherches couronnées de succès. C'est ainsi qu'en utilisant une carte de l'emplacement des génies tutélaires de la province de Bắc-ninh (Nord V-N), il a pu prouver la très haute ancienneté de sa population eu égard aux populations des autres territoires. Concurremment il a énuméré tous les esprits adorés dans cette province et qui ont apparu à l'époque de la fondation du Việt-Nam, au cours de la période plus ou moins légendaire des Proto-Vietnamiens. Il compara alors le nombre de ces esprits avec celui des esprits qui, dans les provinces voisines, appartiennent aux couches les plus anciennes ; il reconnut ainsi dans la province de Bắc-ninh le berceau du peuple vietnamien.

http://tieulun.hopto.org

La question de savoir si le culte du génie tutélaire et le Đình ont toujours existé de conserve et s'il y a un lien de causalité entre la fondation du Đình et l'adoration du génie, mérite encore une investigation prioritaire et spécifique.

C'est dans ce sens que le même Nguyên-van-Huyên a tracé une carte des temples qui ont été consacrés aux génies de la période des *Lý* antérieurs (543-601) — période peu étudiée de l'histoire du Viêt-Nam — Il a découvert la plus grande quantité de ces génies dans les territoires de Bắc-giang, Bắc-ninh et Phúc-yên (Nord V-N.) et un nombre sensiblement plus modeste dans le territoire de Hưng-yên jusqu'à la côte, de même qu'à Hải-dương, Kiến-an, Quảng-yên et Nam-định (Nord V-N.). C'est ainsi qu'il a avancé l'hypothèse suivante : les territoires où ces génies archaïques ont été vénérés en plus grand nombre furent d'abord habités par des Vietnamiens venus du Nord ou des régions côtières vers le fertile pays d'alluvions. Les nouvelles découvertes archéologiques dans le territoire précité ont confirmé son hypothèse.

II. ORIGINE ET NATURE DU GÉNIE TUTÉLAIRE

Déterminer l'origine et la nature du génie tutélaire vietnamien n'est pas une entreprise aisée, l'ensemble des sources étant encore très incomplet.

La désignation sino-vietnamienne du génie tutélaire est « thần thành-hoàng », qui, traduit mot à mot, signifie : esprit du mur, du fossé ou des forteresses. La domination du génie tutélaire se limite au seul territoire du village et le culte qui lui est rendu est ainsi strictement local.

La désignation sino-vietnamienne « thần thành-hoàng » correspond au chinois « Ts'ing-Huang-Sen » = Dieu des Murs et des tombes, mais il ne s'agit pas ici de la même catégorie d'Esprits. En fait, les Thần thành-hoàng du Vietnam sont exclusivement des génies tutélaires de villages alors que les Ts'ing-Huang-Sen de Chine sont les génies tutélaires des villes (les

http://tieulun.hopto.org

villages n'ayant pas de génies tutélaires particuliers) tout comme Pallas Athenae pour Athènes, Hera pour Carthage, Mars pour Rome, Apollon pour Rhodes ou Aphrodite pour Chypre. De Groot appelle les Ts'ing-Huang-Sen les « Dieux des murs et des tombes de la Capitale de l'Empire » Dans son ouvrage « Les Fêtes annuellement célébrées à Emoui », il dit à propos des Ts'ing-Huang-Sen : « Les dieux urbains... sont des personnages de l'antiquité qui ont rendu des services au peuple et que l'on a divinisés et chaque dieu urbain est généralement l'âme du premier ou du plus célèbre des magistrats qui ont administré la ville. Aussi ne trouve-t-on presque exclusivement les temples de ces dieux que dans les villes administrées par les fonctionnaires impérieux, c'est-à-dire dans les chefs-lieux des provinces, des départements et des districts. Le nom général de ces temples est « Temple des murailles et Fossés » à Emoui Sing-hong-bio. L'explorateur chinois Shan Sien-Shu asssure en outre que le Ts'ing-Huang-Sen est le protecteur des cités et royaumes. Cela correspond à la définition d'Henri Doré selon laquelle le Tch'en-Hoang est le dieu des remparts et des fossés. Toute ville fortifiée en Chine est entourée d'un large fossé (hào) et défendue par un rempart. Le Tch'eng Hoang est le commandant de place céleste ou le mandarin céleste de la ville. Dans les considérations sur l'origine, le titre, les fonctions et le lieu de culte du thần thành-hoàng vietnamien par rapport au Ts'ing Huang-Sen chinois, nous pourrons établir des distinctions essentielles.

Tout être humain peut en principe être promu génie tutélaire du village, en certaines circonstances. C'est ainsi que nous connaissons des personnages légendaires, des héros nationaux, des fondateurs de villages comme aussi des promoteurs d'une nouvelle activité professionnelle, par exemple dans la domaine technique. Mais il y a aussi des hommes appartenant aux classes sociales les plus basses tels des mendiants, des vidangeurs, des marchands de porcs et même des criminels, des pillards, des incestueux, des voleurs suppliciés etc, dont la mort eut lieu à l'heure sacrée (giờ thiêng). Ils furent nommés génies

http://tieulun.hopto.org

sans qu'aucun miracle ne se fût produit ou qu'aucun malheur n'eut frappé le village, ainsi que c'aurait dû être normalement le cas. En fin de compte, des animaux, des plantes, des éléments naturels, des organes génitaux ou des objets symboliques (par exemple un tambour de bronze) pouvaient être choisis comme génies tutélaires. Comme l'écrit Jeanne Cuisinier : « Pour l'Annamite, le génie du village est un personnage légendaire devenu le protecteur du lieu et des habitants, d'abord par le hasard de sa mort, ensuite par l'acquiescement impérial au souhait de la population. Le Génie tutélaire peut avoir été originaire du pays sur lequel il étend sa protection, il peut aussi avoir été un étranger ; il en est qui, de leur vivant, étaient des sages, il en est qui étaient des guerriers, ils peuvent être restés obscurs pendant toute leur existence, ils peuvent ne s'être signalés que par des méfaits. Peu importe : mandarin ou mendiant, saint ou voleur, homme ou femme, si l'heure de sa mort coincide avec une heure propice à la fois pour lui et pour l'endroit où il meurt, et si les devoirs dus au défunt lui sont rendus, fût-ce par des étrangers... Des signes révèlent bientôt son action posthume, attestant la dignité du génie à laquelle l'a promu le hasard de son trépas. Ces signes peuvent apporter la prospérité ou bien, au contraire, provoquer des troubles : dans le premier cas on rend grâce, dans le second on implore ; alors le génie, propitié et satisfait, dirige son pouvoir surnaturel pour le bien de la région. Le culte s'organise...» Tel est aussi l'avis de Bastian dans son « Reise durch Kambodja nach Cochinchina »: Au Tonkin, chaque lieu choisit son génie tutélaire sous la forme d'un chien, d'un tigre, d'un chat ou d'un serpent, etc... Des hommes ayant rendu à l'Etat des services éminents furent élevés à ce rang, comme aussi des malfaiteurs ou de grands criminels dont l'âme défunte pouvait inspirer quelque crainte. Même des vivants peuvent être élus protecteurs de la commune. C'est ainsi qu'un mendiant persuada les habitants d'un bourg de le nommer génie tutélaire et fut en conséquence accablé de marques de respect et traité comme un invité.

http://tieulun.hopto.org

L'origine et la nature des génies tutélaires se classent comme suit :

— ceux qui ont un caractère évhéméríste

— ceux qui ont un caractère animiste

— simples humains morts à l'heure « giờ thiêng ».

A) GÉNIES TUTÉLAIRES À CARACTÈRE ÉVHÉMÉRISTE

Ce groupe comprend des personnalités historiques marquantes aussi bien que d'autres figures qui, par des récits et des légendes se sont fixées dans la mémoire populaire. Souvent une biographie écrite (thần-tích) existe à leur sujet ; un titre impérial (thần-sắc) du Ministère des Rites à la section « Histoire et légende du Génie tutélaire » nous en apprendra plus long à ce propos.

a) L'origine céleste

— Le génie Gióng, souvent appelé « le Saint Gióng » (Thánh Gióng) dans le village de Phù-đổng (Province de Bắc-ninh, Việt-Nam du Nord)

— Le génie Tản-Viên, dans le village de Me (province de Sơn-tây, Việt-Nam du Nord)

— Le génie de Chử-đồng-tử dans le village de Chử-xá (province de Hưng-yên, Việt-Nam du Nord)

— Le génie féminin Liễu-hạnh dans le village de Phố-cát (province de Thanh-hóa, Centre V-N)

b) L'origine humaine

Des héros nationaux célèbres, de bons mandarins, des fondateurs de village, des inventeurs d'une technique nouvelle ou des seigneurs étrangers (chinois, français...) qui ont mérité la gratitude et le respect du peuple pour leur humanité ou pour des services rendus.

http://tieulun.hopto.org

aa. *Les héros nationaux*

— Le génie Phạm-ngũ Lão (Général du XIIIe s.) dans le village de Phù ưng, (Province de Hưng-yên, Việt-Nam du Nord)

— Le génie Trần-hưng-Đạo, appelé encore le « Saint Trần » (Général du XIIIe s.) dans le village de Vạn-kiếp (Province de Nam định, Việt-Nam du Nord).

— Les génies Trưng-Trắc et Trưng-Nhị, deux soeurs qui furent les premières femmes vietnamiennes à vaincre l'armée chinoise et à libérer leur patrie de la domination étrangère. Elles régnèrent de 40 à 43 PC, devinrent des héroïnes nationales et furent honorées dans leur village natal de Mê-linh (District de Phong-châu, dans le V.N. du Nord). Il est intéressant de constater qu'elles sont également vénérées chez les Thái Blancs du territoire de Phong thổ (Province de Lai-châu dans les Hautes Régions du Nord Việt-Nam.

— Le Génie Lý-phủ-Quân (Général sous les Lý antérieurs — 544-602) dans le village de Long-khảm (Province de Bắc-ninh, Việt-Nam du Nord)

bb. *Les héros culturels*

Ce sont des esprits d'hommes qui créèrent de nouvelles professions ou découvrirent des techniques. On les appelle généralement « tổ-sư » (Maîtres-Ancêtres) ils sont vénérés dans leur village natal ou bien dans des villages où se pratiquent les techniques qu'ils ont inventées.

— Le génie Khổng-lồ, lettré du XIIIe, s., inventeur du coulage du bronze, patron de ceux qui travaillent cet alliage et Génie tutélaire du village de Đại-la (aujourd'hui : Hanoi)

— Le Génie Lương-như-Học, lettré de la dynastie de Lê (début du XVe s.), inventeur de l'imprimerie, patron des sculpteurs de planches d'images populaires de Nouvel-An (tranh Tết), dans le village de Duong-hu (Province de Bắc-ninh, Việt-Nam du Nord)

http://tieulun.hopto.org

— Le Génie Triệu Đà, patron des chanteuses professionnelles (ả-đào). L'Empereur Triệu-Đà (207-126 AC) fondateur de la dynastie des Triệu (207-111 AC) avait épousé une fille du village de Đông-lâm (Province de Thái-Bình, V-N Nord). Comme Đông-lâm passait pour la patrie des plus célèbres chanteuses du Vietnam, l'Empereur est honoré comme Génie tutélaire de ce village et comme patron des chanteuses.

cc. *Les fondateurs de villages*

— Le Génie Lê-phụng-Hiểu (début du XIe s.), fondateur du village de Bang-sơn (Province de Thanh-Hóa, Centre Việt-Nam)

— Le Génie Nguyễn-công-Trứ (? — 1854) fondateur du district de Kim-sơn (Province de Ninh-Bình, V-N du Nord) et de Tiên-Hải (Province de Thái-Bình, V-N du Nord)

— Le Génie Hoàng-cao-Khải (1850-1933) fondateur du village de Thái-Hà (Province de Hà-đông, V-N du Nord)

Ces Génies sont d'une part des personnages historiques (comme Hoàng-cao-Khải, Nguyễn-công-Trứ), d'autre part des êtres légendaires mi-historiques (comme Lê-phụng-Hiểu).

Chez les Mu'ò'ng du Nord Việt-Nam et du Centre Việt-Nam, les fondateurs de villages sont également honorés comme génies tutélaires. Ils sont appelés là bas « tho-lang ». Dans la région Mu'ò'ng de Lu'o'ng-so'n (Prov. de Hòa-bình, Việt-Nam du Nord) ils doivent appartenir à la postérité de ces fondateurs Tao-ngan, Tao-xương, Lo-than-truong sont des génies tutélaires renommés (than-muong) des Thái dans la Haute Région de Thanh-Hóa et de Nghệ-An (Centre VN.) Ils furent également des fondateurs de villages.

http://tieulun.hopto.org

dd. *Les maîtres étrangers*

Beaucoup d'étrangers, chinois ou français ont mérité le respect et la gratitude des indigènes pour leur humanité, leur bonté, leur bonne administration ou leur apport culturel.

En voici quelques exemples :

— Le Génie Sĩ-Nhiếp (187-226). Ce gouverneur chinois s'employa beaucoup à la construction et au développement littéraire du pays. Il est honoré avec le titre « Nam bang học tổ » (Pionnier de la littérature au Việt-Nam)

— Lé Génie Guyomard, gouverneur français à Qui-nhơn (Centre V-N) est vénéré au temple de Nam-hải, à quelques kilomètres de Qui-nhơn. Il est intéressant de noter qu'il est désigné comme « bon génie marin » et qu'il est honoré dans le Temple de la Baleine. Dans ce domaine, les baleines servent de génies tutélaires aux marins. Sur l'autel de ce génie on peut voir un constume, un chapeau, une canne et une paire de chaussures européens en papier. A l'inverse, quelques « colonisateurs » vietnamiens sont honorés comme génies tutélaires par d'autres peuples. Ainsi en est-il du gouverneur Bùi tá-Han (XVIIe s.) chez les Moi de sa province de Quảng-Nam (Centre V-N).

B.— GÉNIES TUTÉLAIRES À CARACTÈRE ANIMISTE

Les Génies de cette catégorie ont leur origine non seulement dans l'époque historique, mais aussi dans les temps préhistoriques. Lorsque certains d'entre eux portent un nom nouveau, il s'agit le plus souvent de réminiscences de divinités archaiques ayant joui du plus grand respect dans des cultes fortement marquées par la sexualité, soit agraires, soit totémistes, soit animistes, chez les ancêtres des Vietnamiens. Ils ne possèdent ni biographie écrite ni de reconnaissance du Ministère des Rites. Leur culte n'est donc pas recon-

http://tieulun.hopto.org

ne officiellement et ne subsiste que grâce au fort sentiment religieux du peuple et à une tradition orale toujours vivante qui constitue la partie la plus intéressante de la mythologie vietnamienne.

a. *Les esprits d'animaux*

La crainte des catastrophes naturelles et des animaux prédateurs et aussi l'amour et la gratitude à l'endroit des animaux utiles, suscitèrent de nombreux cultes, corrélativement à un fort courant superstitieux.

aa. *Vestiges d'un culte animique*

Par exemple le Génie-serpent (à côté duquel le culte de l'oiseau Co joue un rôle significatif). Son culte est répandu au Nord et au Centre Việt-Nam. Les serpents sacrés portent différents noms : « Génie-dragon » (Long-thần), « Dragon royal » (Long hải đại vu'o'ng) ou simplement « Dragon » (Giao-long). « Long » est un mot sino-vietnamien correspondant au mot vietnamien courant « Thuồng-luồng ».

Selon des notions populaires, ces génies doivent être une manifestation de quelque légendaire serpent marin ou d'un autre monstre des mers qui causa de grands malheurs aux hommes jusqu'à ce qu'un culte leur fût rendu. D'après de nombreuses légendes populaires, il faut offrir à ces génies serpents des victimes humaines.

Le caractère pseudo-totémique apparaît clairement dans les mythes originels de la race vietnamienne. Une légende veut que le Roi-Dragon Lạc-long-quân ait épousé la fée Âu-Cơ. Celle-ci pondit cent oeufs qui donnèrent naissance à des enfants. Cinquante se fixèrent à la côte (l'actuel Việt-Nam) avec leur père, les cinquante autres se retirèrent avec leur mère dans les montagnes et devinrent les ancêtres de la race montagnarde du Haut-Việt-Nam. Aujourd'hui encore, les Vietnamiens se désignent fièrement comme « les descendants du Dragon et de la Fée » (Con rồng cháu tiên).

http://tieulun.hopto.org

Nous savons en outre que, jusqu'au XVe siècle inclus, les Vietnamiens se sont tatoués avec toutes sortes de figures du monstre marin, tant pour honorer les ancêtres totems que pour se protéger des méfaits du monstre. Cette coutume ne fut pas seulement pratiquée dans le peuple, mais aussi chez les rois. Pour la première fois, en 1300, le Prince Héritier Trần-anh-Tôn refusa de se faire tatouer les dessins traditionnels. C'est à cette occasion que la coutume du tatouage fut abandonnée.

Les serpents sont aussi honorés parmi les Khmers du Sud-Cambodge comme « serviteurs du Génie Tutélaire ». On les appelle « Pos neak ta » (Pos = serpent. Neak ta = Génie Tutélaire). Leur demeure se trouve généralement à proximité ou en dessous de l'autel (ktom) du Neak ta.

bb. *Vénération d'animaux en signe de respect et de reconnaissance*

Le Génie-Baleine jouit d'une grande vénération dans les villages de pêcheurs le long de la côte de la province de Quảng-Bình jusqu'au Cap Vũng tàu (Centre Viet-Nam). Il existe pour la désigner de nombreux titres honorifiques ; pour la baleine masculine : Cá-ông (Bienveillant Seigneur Poisson), Nam-hải tướng quân (Général des Mers du Sud), Nam-hải tướng cự-tộc thủy-tư-tể tôn-thần (Grand Génie humain et bienfaisant de la Grande Famille des Etres marins de la Mer du Sud). Pour la baleine femelle : Bà-nguir (Bienveillante Dame poisson), Bà-thủy (Bienveillante Dame des eaux), Bà dương-va (Déesse des poissons), Bà dương-vaoc (Déesse de la marée basse), etc...

Dans les récits des marins, les baleines transportent souvent sur leur dos des marins naufragés, jusqu'à la côte. C'est pourquoi, de bienfaitrices, elles sont élevées au rang de Génies Tutélaires et d'esprits marins bienfaisants (Hải-thần). A en juger par son extension, le culte de la baleine serait dû à l'influence chame, selon Jean-Yves Claeys.

http://tieulun.hopto.org

cc. *Les animaux prédateurs sont très souvent honorés comme génies tutélaires, en raison de la crainte qu'ils provoquent, de leur puissance, de leur ruse.*

En premier lieu, il y a le tigre, roi des animaux. Il est tellement craint qu'on ne se hasarde même pas à prononcer son nom. Lorsqu'on parle de lui, on l'appelle « Ông » (Bienveillant Seigneur), « Thầy » (Grand Maître), « Me » (Sa Majesté), « Ngài » (Vénérable)

C'est que le nom du tigre est tabou comme celui de l'Empereur régnant. On lui apporte souvent des offrandes avant de le tuer. Selon la croyance populaire, le tigre possède non seulement une puissance surnaturelle, mais il peut aussi, après sa mort, se venger de celui qui l'a abattu et ce, grâce à son « linh » (pouvoir surnaturel, puissance vengeresse). L'âme de celui qui a été dévoré par le tigre (ma ràng) retourne à son village natal, sur le dos de l'animal, lorsque ses proches parents n'ont pas pourvu à l'inhumation de son cadavre et aux offrandes à son âme. C'est la raison de l'irruption du tigre dans le village.

Les nombreux récits et légendes répandus dans le peuple, les tabous et procédés magiques qui sont liés au tigre, élèvent ce dangereux prédateur au rang de puissant génie tutélaire contre les forces maléfiques. Comme Génie tutélaire du village, de la famille et du temple, il jouit chez les personnes qui en font partie d'un grand prestige correspondant à la crainte qu'il inspire.

Dans les races montagnardes et chez les peuples voisins, le tigre est également honoré. Ainsi par exemple chez les Thái Blancs de Phong-thổ (Province de Lai-châu, Haute Région du Nord Việt-Nam), un autel est consacré au « Seigneur Tigre » Les Khmers du Sud-Cambodge vénèrent le tigre comme « serviteur du génie tutélaire », le Néak-ta.

D'autres animaux paraissent posséder des forces surnaturelles « linh » ou « thiêng » à cause de leur ruse ou de leur duplicité. Ainsi le rat est-il vénéré comme « Ông thiêng » (Bienveillant Seigneur aux pouvoirs surnaturels).

http://tieulun.hopto.org

L'éléphant est considéré comme « Ông thính » (Le Bienveillant Seigneur qui entend tout), etc...

b. *Les éléments naturels*

De nombreux éléments naturels sont honorés comme génies tutélaires. Le plus connu est le *Génie du Sol* honoré dans presque tous les villages vietnamiens en tant que génie tutélaire « thổ-địa » (Génie de la région et protecteur de la famille « thổ-chủ » (Maître du sol). J'en ai déjà parlé plus haut.

Beaucoup d'éléments naturels portant un nom divin et font l'objet d'un culte particulier. Ainsi l'eau « Bà Thủy » (Déesse Eau), le feu « Bà Hỏa » (Déesse Feu) le bois « Bà mộc » (Déesse Bois), le métal « Bà Kim » (Déesse Métal), le tonnerre « Ông-ầm » (Seigneur Tonnerre), la pierre « Thạch-thần » (Esprit Pierre), etc...

c *Les organes génitaux*

Les cultes sexuels occupent une place importante dans le désir de développement et de fertilité. Dans beaucoup de villages vietnamiens on retrouve les vestiges d'un culte sexuel primitif. Mais ceux-ci sont peu connus du fait qu'ils ont été tenus secrets.

Dans les provinces de Nghệ-an et de Hà-tĩnh (Centre Việt-Nam), de nombreux temples sont dédiés à Bà-banh. La Bà-banh (littéralement la femme qui montre ses organes sexuels en public) est représentée en femme nue.

Dans les villages de Khúc-lạc (Prov. de Phú-thọ, Việt-Nam du Nord) et de Sơn-dong (Prov. de Hà-đông, Việt-Nam du Nord), un génie des impudiques est honoré comme génie tutélaire ; on y organise des processions et des danses avec des symboles sexuels comme Hèm (Rite de commémoration).

Tandis que chez les Vietnamiens les organes sexuels masculins et féminins sont également honorés, le phallus seul l'est chez les Chàm. Dans presque

http://tieulun.hopto.org

tous les « Tháp Chàm » (Stupa des Chàm) des provinces de Quảng Nam, Quảng Ngãi, Nha-Trang, Bình-Định et Bà-rịa (Centre V.N), il y a un phallus de pierre entouré de fleurs et de batons d'encens.

Des vestiges du culte du phallus se retrouvent aussi chez les Thai Blancs du territoire de Phong-thổ (Province de Lai-châu, V.N du Nord).

d. Objets symboliques

Quelques objets étroitement liés à l'histoire ou à la mythologie populaires sont honorés comme génies tutélaires.

Le tambour de bronze (đồng-cổ) est un objet représentatif de la culture austro-asiatique. Aux temps féodaux de l'histoire du Viet-Nam, il était un signe de puissance à la fois religieux et politique. Plus un chef de tribu possédait de tambours de bronze, plus il jouissait d'autorité. C'est pourquoi le général chinois Ma-yuan, après sa victoire sur les Viêtnamiens en 40 PC, chercha-t-il à s'accaparer du plus grand nombre possible de ces tambours et de ce fait, les chefs de tribus perdirent leur pouvoir religieux et politique.

aa.— Le tambour de bronze est caractéristique de la civilisation de Đông-sơn (600 AC — 100 PC) de la Province de Thanh-Hóa, au Centre Việt-Nam, de nombreux tambours de bronze ont été découverts par les archéologues dans le Delta du Fleuve-Rouge, principalement dans le village de Đông-sơn (d'où la dénomination de civilisation dongsonienne). Ces tambours ont été trouvés parmi d'autres objets de bronze comme des haches et des pointes de lance. Des débris de tambours ainsi que des récits et des légendes historiques font comprendre que les tambours de bronze possèdent une puissance surnaturelle. Ils sont appelés « Đồng-cổ đại-vương » (Grand Roi Tambour de Bronze) et sont honorés dans beaucoup de temples. C'est ainsi qu'aujourd'hui encore un grand tambour de bronze se trouve au village de Dan-ne (Prov. de Thanh-Hoa, Centre V.N.). Dans la vieille ville impériale de Hanoi, l'Empereur Lý-thái-Tôn (1028-1054) avait fait construire un temple en l'honneur du Génie Tambour de Bronze.

http://tieulun.hopto.org

Pierre Huard et Maurice Durand écrivent à propos de la valeur religieuse et politique des tambours de bronze dans l'ancien Việt-Nam : « Les tambours de bronze devraient jouer un rôle religieux et peut-être politique important dans la vie des tribus qui occupaient les deltas du Fleuve Rouge et du Sông-Mã ; leur vénération comme génies tutélaires s'affirme comme un des vestiges de cette civilisation proto-vietnamienne qu'avaient essayé de détruire les troupes chinoises de Ma-yuan après la révolte du peuple Lạc-việt commandée par les Soeurs Trưng ».

La fête commémorative annuelle de l'Esprit-Tambour-de-Bronze a lieu le 4e jour du 4e mois du calendrier lunaire. Dans beaucoup d'endroits on la célèbre le 24e jour du 6e mois, la faisant ainsi coincider avec le culte du génie-tonnerre, parce que le son du tambour de bronze et le fracas du tonnerre ont, selon la croyance populaire, le même pouvoir divin. Cet usage et la représentation se rencontrent également dans les territoires de Xuyên et de Phúc Kiến (Prov. de An-khe V.N. du Nord).

Le tambour de bronze est aussi honoré comme génie tutélaire par les races montagnardes. Il y a un « Tambour de bronze Sacré » dans le temple des Thái Blancs du Territoire de Phong-thổ (Prov. de Lai-châu, V-N du Nord).

Les Mán des Hautes Régions entre le Si-kiang et le Yang-Tse Kiang (frontière sino-vietnamienne du Nord Việt-Nam), de même que ceux des provinces chinoises du Hou-pe, du Hou-nan, du Kouang-si et du Kouei-tcheu (Chine du Sud) le connaissant aussi. Les historiographes vietnamiens et chinois ont tous été d'accord à ce sujet : «....plus le tambour de bronze est gros, plus il est cher et vénérable. Un nouveau tambour est-il construit qu'aussitôt son propriétaire organise des festivités auxquelles il invite les garçons et filles nobles de la région. Ils apportent une grande épingle à cheveux (kim-thoa) en argent ou en or. Une jeune-fille frappe les premiers coups sur le nouveau tambour à l'aide de cette épingle qui est ensuite offerte

http://tieulun.hopto.org

en cadeau au propriétaire du tambour. Ce rite est appelé « lẽ-nạp cồ-thoa » (l'épingle à cheveux offrande-du-tambour). C'est l'inauguration du tambour de bronze. Avant de s'engager au combat, on bat le tambour de bronze ; à partir de ce moment, les hommes courent tous ensemble. Les coûteux tambours des gens influents se nomment « bô-lão-cồ » (Tambours des Anciens) ».

Pour les Mán, le tambour de bronze est un symbole de puissance religieuse et politique. Selon leurs croyances, ils représentent l'orage. Lorsqu'il tonne, c'est signe qu'il pleuvera que la terre sera fertilisée. De là vient la coutume d'enterrer les tambours lorsqu'il pleut. Ainsi, le tambour est signe de fertilité, Si on le perd, la terre perd aussi ses qualités vitales.

Devant la menace chinoise, les chefs de tribus enterraient leurs tambours de bronze : ceux-ci étant symboles de leurs pouvoirs politiques ne pouvaient tomber en des mains étrangères.

Les peuples voisins connaissaient aussi les tambours de bronze. Même s'ils ne les vénéraient pas, ils les considéraient comme des objets très précieux et les utilisaient dans des pratiques culturelles ou d'autres occasions importantes.

D'après V. Villiers, les Lamet du Laos utilisèrent des tambours de bronze jusqu'en des temps récents. « Les Lamet avaient l'habitude de les acheter au Niang et ils avaient tous l'ambition d'en acquérir le plus possible afin de montrer leur opulence et leur position sociale. En fait, tout possesseur de deux tambours et de cinq buffles devenait membre d'une noblesse non-héréditaire qui fut appelée « Lem ».

Les P'iao de Birmanie offrirent un tambour de bronze à l'Empereur de Chine en 800.

Jusqu'en 1905, les Karen de Birmanie et du Siam Occidental fabriquèrent des tambours de bronze.

Les Mường, au Sud du Fleuve Rouge (V-N du Nord) utilisent encore toujours des tambours de bronze pour témoigner l'affliction causée par la

http://tieulun.hopto.org

mort de leur chef de tribu lors de la cérémonie d'inhumation et pour appeler les esprits des morts.

En Indonésie, des tambours de bonze, importations de la civilisation dongsonienne, ont été découverts en plusieurs endroits : à Sangeang (Sumbawas oriental), à Luang, Roti, Leti, Salajar (au Sud des Célèbres) et à Kur (à l'Ouest de l'Ile de Kai). Mais le plus grand et le plus connu est celui de Pedjent, à Bali, où il est encore conservé aujoud'hui dans un temple et où il est connu sous le nom de « Lune de Pedieng ».

bb) « Les Canons de Feu » (súng thần-công) ont été honorés avec beaucoup de respect comme génies tutélaires jusqu'au XXe siècle. Leurs dénominations populaires sont « Súng thần-công » (Canon de puissance surnaturelle) ou simplement « Ông-linh » (Bienveillant Seigneur à la Puissance Surnaturelle). L'Empereur Minh-Mạng leur donna aussi, en 1826 le nom de « Linh-huy viễn-chấn hỏa-bậc chi-thần » (Génie Canon de Feu plein de puissance surnaturelle et de majesté, qui donne protection de loin). Un décret de l'Empereur Thiệu-Trị, de 1844, sur l'organisation du Génie-Canon porte le titre suivant : « Général des troupes », « Continuateur de la machine de guerre », « Génie protecteur d'une efficacité surnaturelle ».

Les canons de feu sont honorés au temple de Phu-quan (village voisin de la ville impériale de Huê. — Centre V-N) et à différents endroits de cette ville. Ce culte semble limité aux deux villes impériales de Hanoi et de Huê. La fête qui lui correspond a lieu le 23e jour du 6e mois lunaire. Il n'est pas rare que le culte du canon de feu soit lié à celui du feu (Bà Hỏa, Dame Feu), comme par exemple au temple Hội-đồng du village de Triệu-sơn (Prov. de Thừa-Thiên, Centre V-N).

Nous trouvons aussi de ces Génies-canons dans la Chine ancienne, où ils s'appellent « P'ao-Sen », Divinités-Canons. De Groot écrit dans « Universismus » : « A environ 13 km. à vol d'oiseau au Sud-Ouest de la ville des Tartares, se trouve, à Hun-ho, le pont de Lu-Kou. Au Nord de ladite ville, le

http://tieulun.hopto.org

premier jour du dernier de l'automne l'artillerie des Huit bannières d'Etat-Major est mise sur pied : devant chacun des huit groupes de canons, un autel est dressé sur lequel on dispose un écriteau de papier avec les noms des P'ao-Sen en question ainsi qu'un plat de fruits ; devant la table, un mouton ou un porc sacrifiés. Au matin, les huit commandants (Tu-t'ung) des Bannières d'Etat-Major, chacun à la tête de ses officiers et d'un préposé au culte, s'avancent devant la table pour procéder à l'offrande de la manière que nous connaissons. Ils se conforment aux ordres d'un seul «Maître de Cérémonie» (Tien-i) qui commande chaque acte rituel par un cri sonore, pour transmettre ensuite à un autre maître de cérémonie le déroulement des autres actes, et ainsi de suite pour chaque autre table. Une seule prière d'offrande est lue en commun pour les huit groupes. Dans chacune des casernes d'artillerie de l'Empire une offrande a lieu le même jour de la même manière.

C. *GÉNIES TUTÉLAIRES QUI, HOMMES, SONT MORTS A « L'HEURE SACRÉE » (GIỜ THIÊNG)*

Les hommes morts de mort violente en des « heures sacrées » sont promus Génies tutélaires par les simples paysans, du fait qu'ils ont acquis une puissance spéciale. Leur nombre est grand et ils forment un monde supra-terrestre qui est le reflet fidèle du monde d'ici bas. Parmi les héros populaires et les bienfaiteurs, la fantaisie et la superstition retiennent encore toute une série de génies tutélaires : natifs ou étrangers, enfants ou vieillards, hommes politiques éminents ou mendiants, gens pieux ou impies, devins ou voleurs exécutés, criminels suppliciés, ivrognes, etc...

Chacun de ces génies fait l'objet d'un rite spécial, soit officiel, soit secret. Il porte le titre de « Hèm ». J'en parlerai encore plus bas. Voici un aperçu des plus importants de ces génies :

aa) L'esprit du Général Ly-phu-Quan au village de Lo Long-kham (Prov. de Bắc-ninh, V-N du Nord). Hèm : Combat pour le « mọc-tat ».

http://tieulun.hopto.org

bb) Génie des mandarins militaires (Thần-võ-quan) au village de Phu-lưu (Prov. de Bắc-ninh, V-N du Nord). Hèm : Projecter un feu d'artifice.

cc) Les génies amis (Thần-ái-hữu) aux villages de Tu-niêm et de Phong-y (Prov. de Thanh-hóa, Centre V-N) Hèm : Balancement de la Fée.

b) *Génies tutélaires ayant appartenu aux classes sociales les plus basses*

aa) Le « Génie-mendiant » (Thần ăn-mày), dans le village de Xuân-ai (Prov de Bắc-ninh, V-N du Nord)

Hèm : Litiges pour le sac et le bâton de ce génie.

bb) Le Génie-vidangeur (Thần dọn cầu-tiêu) dans le village de Cổ-nhuế (Prov. de Hà-đông, V-N du Nord)

Hèm : vidanges rituelles.

cc) Le Génie devin aveugle (Thần thầy-bói) au village de Y-ny (Prov. de Bắc ninh, VN du Nord)

Hèm : Annoncer tout haut l'offrande.

dd) Le Génie marchand de porc (Thần buôn lợn) au village de Ngô-xá (Prov. de Gia-lâm, V-N du Nord)

Hèm : Pousser les porcs.

c) *Génie tutélaire qui ont été des criminels :*

aa) Le Génie-voleur (Thần-ăn-trộm) au village de Long-khê (Prov. de Thái-bình, V-N du Nord)

Hèm : Frapper la silhouette du voleur.

bb) Les Génies-belliqueux (Thần-hiếu-chiến) dans les villages de Thủy-khê (près de Hànọi) et Sài-sơn (Prov. de Sơn-tây, V-N. du Nord).

Hèm : Combats rituels.

http://tieulun.hopto.org

d) *Génies tutélaires ayant eu une existence impudique.*

aa) Le Génie au regard lubrique (Thần mắt dâm) au village de Ngang (Prov. de Hà-nam, V-N du Nord)

Hèm : Danse obscène.

bb) Les Génies incestueux (Thần loạn-luân) au village de Dau an (Prov. de Hưng-yên, V-N du Nord).

Hèm : Des effigies du génie sont déchirées ou décapitées.

cc) Les Génies impudiques (Thần-dâm) dans les villages de Khúc lạc (Prov. de Phú-thọ, V-N du Nord) et Dong-ky (Prov. de Bắc-ninh, V N du Nord).

Hèm : Procession avec des symboles génitaux et, au village de Sơn-đông (Prov. de Hà-đông), V-N. Nord danses avec des symboles génitaux.

dd) Le Génie tutélaire amoureux (Thần-đa-tình) au village de Hoai-bao-thi (Prov. de Bắc-ninh, V-N. du Nord) Hèm : actes érotiques durant la fête du temple.

ee) Le Génie tutélaire qui a enlevé un homme (Thần chen) au village de Nga-hoang (Prov. de Bắc-ninh, V-N du Nord) Hèm : coups réciproques entres garçons et filles.

A propos de l'origine et de la nature du Génie tutélaire, on peut faire le résumé suivant :

1) Par admiration et gratitude à l'égard des « Grand-hommes », héros, fondateurs de villages, bons administrateurs étrangers, les Vietnamiens en ont fait des génies tutélaires. En fait, tous ces bienfais de la nation vivent dans le souvenir des citoyens. Leur culte a un caractère évhéméristе.

2) Il existe une grande quantité de genies tutélares à caractère évhéméristе, institués par crainte ou par reconnaissance : par crainte d'un animal ;

http://tieulun.hopto.org

le tigre : d'un élément naturel : le feu ; par gratitude envers un animal utile : la baleine ; à la mémoire d'un aieul totémique : le serpent ; pour la propitiation de la fertilité : le culte des organes génitaux : en souvenir des symboles d'autorité des ancêtres : le tambour de bronze.

3) Enfin, nous avons les génies tutélaires qui sont morts à des « heures sacrées (giờ thiêng). Leur culte comporte des rites (hèm) publics ou secrets presque exclusivement liés aux festivités saisonnières du printemps et de l'automne qui sont au centre de la vie sociale et religieuse du village. Il s'y déroule des jeux, des compétitions rituelles, des chants alternés entre garçons et filles, des processions et des danses avec symboles sexuels, des comportements sexuels libres aux cérémonies du temple ou au dehors.

C'est avec la constitution des génies tutélaires et de leur culte que l'attitude révérentielle du simple Vietnamien acquiert une forme vivante et pleine de fantaisie.

http://tieulun.hopto.org

VĂN-HÓA TẬP-SAN NĂM THỨ XXII, SỐ 3 (1973). IN 1.500 CUỐN TẠI NHÀ IN TƯƠNG LAI, 133 VÕ-TÁNH, SAIGON, GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN : NGHỊ ĐỊNH SỐ 332 CAB / SG NGÀY 5 - 5 - 1952

http://tieulun.hopto.org

THỂ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN-HÓA TẬP-SAN

Tòa soạn Văn-Hóa Tập-San thành-thực đa tạ cảm-tình nồng-hậu của các bạn xa gần có bài gửi đăng V.H.T.S. Về vấn-đề bản thảo xin trân-trọng lưu ý các bạn về mấy điểm sau đây :

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Tập-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hóa Tập San, 8 Nguyễn-Trung-Trực, Saigon.

2. Bài soạn xin cho đánh máy dòng đôi (có dành lề ở cả hai bên), hoặc viết rõ ràng trên một mặt giấy (để giúp ấn-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm lẫn).

3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soạn liên-lạc hội-ý thêm, mỗi khi cần tới.

4. Nếu trong bài có đoạn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác-giả, tên sách, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản và trích dẫn ở trang nào).

   Thí dụ : Nguyễn-văn X. . . *Văn - Học Việt - Nam* (Saigon xuất bản-cục, 1960), trang . . .

   Trần-văn-X . . . « Điển cố », *Văn - Hóa Tập - San* Tập . . Số . . . (tháng. . . năm. . .), trang. . .

5. Bao nhiêu cước chú đặt ở cuối trang, xin ghi rõ số liên tiếp cho toàn bài.

6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ (Anh, Pháp . . .).

7. Bài nào đã gửi đăng V.H.T.S. mà soạn giả sau muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa soạn V. H. T. S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ hầu tránh sự trùng điệp.

8. Tòa soạn tùy-nghi lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các loại bài đăng V. H. T. S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn v. v . . . mong các bạn thông cảm.

9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được không có lệ trả lại bản thảo.

10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.

http://tieulun.hopto.org

Giá : 100đ

http://tieulun.hopto.org

Librairie KHAI-TRÍ